

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

TU SACH VAN HOA ANH

CON THÌNH NỘ CỦA HUYẾT NHÃN

THE SPOOKY MISTAKE



Phần 5 series
Câu bé học việc
và Thầy Trừ Tà

JOSEPH DELANEY

TIỂU THUYẾT GIÀ VẠN HỌC THIẾU NHẤT AN KHÁCH NHẤT NƯỚC ANH

CHIBOOKS



NXB THỜI ĐẠI

CHƯƠNG 1: ĐỒNG SHI-LING CỦA NHÀ VUA

Tay mang trống, tôi đi vào bếp lấy chiếc túi rỗng. Chưa đầy một giờ nữa thì trời sẽ tối nhưng tôi vẫn có vừa đủ thời gian cuốc bộ xuống làng thu gom nhu yếu phẩm cho một tuần. Chúng tôi chỉ còn lại vài quả trứng và một khoanh phô mai của Hạt bé xíu mà thôi.

Hai ngày trước Thầy Trừ Tà đã đi xuống miền nam để đối phó với một ông kẻ. Bực mình thật đấy, trong một tháng qua, đây là lần thứ hai thầy tôi đi làm việc mà không cho tôi đi theo. Lần nào thầy cũng bảo chỉ là việc thường thôi, chẳng có gì mà trước nay trong kỳ học việc của mình tôi chưa chứng kiến cả; tôi ở nhà ôn luyện tiếng La Tinh và học cho kịp bài vở còn có ích hơn nhiều. Tôi không phản đối gì nhưng cũng không hài lòng lắm. Bạn thấy đấy, tôi nghĩ thầy có lý do khác để bỏ tôi lại nhà – thầy đang cố bảo vệ tôi.

Hồi gần cuối mùa hè, đám phù thủy vùng Pendle đã triệu gọi Quỷ Vương về thế giới của chúng ta. Hẳn là thế lực bóng tối bằng xương bằng thịt, là Ác Quỷ. Hẳn chịu sự điều khiển của đám phù thủy trong hai ngày và được lệnh phải tiêu diệt tôi. Tôi đã trú thân trong căn phòng đặc biệt mà mẹ chuẩn bị sẵn, và điều này cứu tôi thoát chết. Hiện thời Quỷ Vương đang gieo rắc trò hắc ám của riêng hẳn nhưng chẳng có gì chắc chắn rằng hẳn sẽ không quay lại săn đuổi tôi thêm nữa. Đây là chuyện mà tôi cố không nghĩ đến. Có một điều không chối cãi được: khi Quỷ Vương đã quay lại thế gian này, thì Hạt đang ngày càng trở thành một nơi nguy hiểm hơn – nhất là cho những ai chiến đấu chống lại thế giới bóng tối. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa tôi có thể trốn tránh hiểm nguy suốt đời. Lúc này tôi chỉ là một chân học việc, nhưng rồi ngày nào đó tôi sẽ là kẻ trừ tà và phải chấp nhận những rủi ro như thầy mình, John Gregory. Tôi chỉ mong thầy tôi cũng hiểu được như thế.

Tôi đi sang phòng kế bên, nơi Alice đang chăm chỉ chép lại một cuốn sách từ thư viện của Thầy Trừ Tà. Alice xuất thân từ một gia đình ở Pendle và từng trải qua hai năm huấn luyện tà thuật với bà dì, Lizzie Xương Xấu, mụ phù thủy độc hiện nay đang bị nhốt kỹ dưới hố trong vườn nhà Thầy Trừ Tà. Alice từng khiến tôi gặp biết bao nhiêu là rắc rối nhưng dần dà cô trở thành bạn tôi, và giờ đây Alice đang sống cùng tôi với thầy, làm việc chép sách cho thầy để trả công.

Lo ngại Alice có thể đọc những điều không nên đọc, Thầy Trừ Tà không bao giờ cho phép cô đi vào trong thư viện của thầy, chỉ giao cho cô mỗi lần giữ một cuốn sách. Nhưng mà nhé, thầy đánh giá rất cao công việc chép sách của Alice. Những cuốn sách này với thầy rất có giá trị, chúng là một kho thông tin được bao thế hệ trừ tà tích lũy – vậy nên cứ mỗi cuốn được cẩn thận chép lại làm thầy thêm chút yên tâm về sự tồn tại của kho tàng kiến thức ấy.

Alice đang ngồi tại bàn, viết trên tay, hai cuốn sách mở ra trước mặt. Cô đang cẩn thận viết vào một cuốn, sao chép chính xác từng chữ từ cuốn còn lại. Cô ngược nhìn lên tôi và mỉm cười: tôi chưa khi nào thấy cô xinh như thế này, ánh nến soi rọi lên mái tóc đen dày cùng gò má cao của cô. Nhưng khi trông thấy tôi khoác áo choàng lên, nụ cười của Alice ngay lập tức tắt lịm và cô bỏ viết xuống.

“Tớ xuống làng để thu gom nhu yếu phẩm đây,” tôi bảo với Alice.

“Cậu đâu cần phải làm vậy đâu Tom,” cô phản đối, vẻ quan ngại hiển hiện cả trong giọng nói lẫn trên mặt. “Tớ sẽ đi cho, cậu cứ ở nhà học bài tiếp đi.”

Alice quả là có ý tốt đấy nhưng lời cô nói làm tôi tức giận, tôi phải bậm môi để ngăn mình thốt lên những lời không hay ho cho lắm. Alice y chang như Thầy Trừ Tà – bao bọc tôi quá mức.

“Không đâu Alice,” tôi quả quyết bảo với cô bạn. “Tớ đã chôn chân trong ngôi nhà này cả mấy tuần nay rồi, tớ cần đi ra ngoài để đầu óc được thông thoáng. Tớ sẽ quay về trước khi trời tối.”

“Thế thì ít ra phải để tớ đi cùng cậu, Tom nhé. Tớ cũng có thể nghỉ ngơi chốc lát mà, phải không nhỉ? Tớ phát ốm khi cứ nhìn thấy mấy cuốn sách bụi bặm này rồi. Dường như mấy ngày nay tớ chẳng làm gì khác ngoài việc viết với viết.”

Tôi cau mày. Alice không thật lòng và điều này làm tôi khó chịu. “Thực ra cậu đâu có muốn đi xuống làng phải không? Tối nay trời vừa rét, vừa ẩm lại khổ sở. Cậu chỉ giống như Thầy Trừ Tà thôi. Cậu nghĩ rằng nếu tớ đi ra ngoài một mình sẽ không an toàn. Rằng tớ không thể xoay sở...”

“Không phải là cậu không thể tự xoay sở, Tom à. Mà là hiện tại Quý Vương đang hiện diện trên thế gian này, đúng không?”

“Nếu Quý Vương có đến tìm tớ thì tớ cũng đâu thể làm gì. Mà cậu có đi cùng với tớ hay không cũng chẳng khác gì hết. Thậm chí cả Thầy Trừ Tà cũng không thể giúp tớ cơ mà.”

“Nhưng đâu phải vì mỗi Quý Vương thôi, phải không Tom? Hiện tại Hạng là một nơi nguy hiểm hơn nhiều. Không chỉ có thế lực bóng tối là mạnh lên, mà còn có cả bọn cướp giết và đám đào ngũ đang chạy rông khắp chốn. Quá nhiều người bị đói. Vài kẻ trong số đó sẽ cắt cổ cậu ngay để lấy đi nửa số đồ cậu mang trong túi ấy.”

Toàn quốc đang có chiến tranh nhưng tình hình với chúng tôi dưới miền nam này sẽ tồi tệ hơn, với biết bao nhiêu báo cáo về vài trận chiến lần thất bại kinh hoàng. Thế là từ nay, ngoài khoản sưu nông dân phải đóng cho Giáo hội, một nửa thu hoạch mùa màng còn lại của họ bị trưng dụng để nuôi quân. Điều này đã gây ra nạn khan hiếm khiến giá thực phẩm bị đội lên; những người nghèo khổ nhất giờ đang mấp mé ngưỡng chết đói. Nhưng dù trong những lời Alice vừa nói có lắm sự thật đi chăng nữa, tôi vẫn sẽ không để cho cô thay đổi ý mình.

“Không được, Alice à, tớ đi một mình sẽ ổn mà. Đừng lo, tớ sẽ sớm quay về.”

Trước khi Alice kịp nói thêm gì, tôi quay gót bỏ đi thật nhanh. Chẳng mấy chốc tôi đã rời khỏi khu vườn và đang bước dọc con đường mòn nhỏ hẹp

dẫn xuống làng. Đêm đang mỗi lúc một đến sớm hơn và tiết trời mùa thu đã trở nên vừa cóng vừa ấm, nhưng dù sao rời khỏi bốn bức tường của ngôi nhà và khu vườn vẫn tốt. Không lâu sau đó, những mái nhà ngói đá màu xám quen thuộc của làng Chipenden đã hiện ra và tôi đang rảo bước theo sườn dốc đứng của con phố chính lát đá cuội.

Ngôi làng im ắng hơn lúc hè, trước khi mọi chuyện trở nên xấu đi. Khi ấy, cả làng náo nhiệt với những người phụ nữ vất vả chặt vật dưới sức nặng của những gió hàng mua sắm; giờ thì có rất ít người lai vãng quanh làng. Thời điểm đi vào cửa hàng thịt, tôi nhận ra mình là khách hàng duy nhất.

“Đơn đặt hàng của thầy Gregory như thường lệ ạ,” tôi nói với bác hàng thịt. Bác có dáng người to lớn với gương mặt đỏ ửng cùng hàm râu quai nón màu hung hung. Có thời bác từng là linh hồn của cửa hiệu này, luôn kể chuyện khôi hài giải khuây cho khách hàng của mình. Giờ đây, nét mặt bác âm đạm và đa phần sức sống dường như đã bỏ bác mà đi.

“Xin lỗi cậu nhé, nhưng hôm nay tôi không có nhiều hàng đâu. Cố lắm thì tôi chỉ còn hai con gà và vài miếng thịt muối. Mà giấu mấy món này đi để giữ lại cho cậu cũng khó khăn lắm rồi. Cậu thử ghé lại sớm sớm, trước giờ trưa ngày mai xem sao nhé.”

Tôi gật đầu, bỏ mấy món đồ vào túi, bảo bác hàng thịt viết hóa đơn, đoạn cảm ơn bác ấy rồi đi sang hàng tạp hóa. Tại đây tôi cũng chẳng thu hoạch khá khẩm gì hơn. Khoai tây và cà rốt thì có đấy, nhưng không thể nào đủ cho chúng tôi dùng cả tuần. Còn về trái cây, bác bán tạp hóa chỉ để phần được ba trái táo. Lời khuyên của bác cũng tương tự – thử ghé lại vào ngày mai, biết đâu bác may mắn có thêm nhiều hàng mới.

Đến tiệm bánh mì, tôi cố lắm mới mua được vài ổ rồi rời khỏi tiệm với túi hàng vắt qua vai. Đến lúc ấy, tôi trông thấy có kẻ đang quan sát mình từ bên kia đường. Là một bé trai ốm lòi xương chừng không quá bốn tuổi, thân hình gầy nhẳng cùng đôi mắt mở to, háu đói. Thấy tội nghiệp thằng bé quá nên tôi đi sang chỗ nó, thò tay vào túi lấy ra một quả táo. Thằng bé gần như giật phắt quả táo khỏi tay tôi, rồi không nói lấy một lời cảm ơn, nó quay lưng bỏ chạy vào nhà.

Tôi nhún vai, miệng mỉm cười. Thằng bé cần trái táo hơn tôi. Tôi cất bước leo ngược lên đồi, lòng mong ngóng được quay về chốn ấm áp dễ chịu trong nhà Thầy Trừ Tà. Tuy nhiên, khi ra đến ven rìa làng, nơi con đường lát đá nhường chỗ cho bùn đất, tâm trạng tôi bắt đầu u ám. Cảm giác có gì đấy không đúng. Chẳng phải cảm giác lạnh cóng đánh động tôi mỗi khi thứ gì đó từ bóng tối đang tiến đến gần, mà là một sự bồn chồn rõ rệt. Trực giác đang báo động cho tôi về mối nguy hiểm.

Tôi cứ liếc lại phía sau, cảm nhận được có kẻ đang theo đuôi mình. Liệu có thể là Quý Vương không? Phải chăng Alice và Thầy Trừ Tà bấy lâu nay vẫn nói đúng? Tôi nhanh chân bước cho đến khi gần như là bỏ chạy. Trên đầu tôi, những đám mây xám xịt đang vùn vụt trôi, trong khi còn chưa tới nửa giờ nữa thì mặt trời sẽ lặn mất.

“Tinh hồn lại đi!” Tôi tự nhủ. “Mày chỉ đang tưởng tượng ra điều tồi tệ nhất.”

Leo lên đồi thêm một quãng ngắn nữa là tôi đến được mé vườn phía tây, và trong vòng năm phút thôi tôi sẽ về lại chốn an toàn trong ngôi nhà của thầy mình. Đột nhiên tôi đứng lại. Phía cuối con đường mòn, có ai đó đang đứng chờ trong bóng râm dưới mấy rặng cây.

Tôi ngập ngừng bước thêm vài bước rồi nhận ra đối phương không chỉ có một mình – bốn người đàn ông to cao lực lưỡng cùng một anh nhóc trạc tuổi tôi đang nhìn chăm chú về phía này. Bọn họ muốn gì đây? Bất chợt tôi cảm thấy sợ hãi. Tại sao đám người lạ này lại lảng vảng quá gần nhà Thầy Trừ Tà vậy? Chúng là quân ăn cướp à?

Khi tiến đến gần hơn, tôi thấy vững dạ: bọn họ đứng dưới tán che của những cành cây trụi lá chứ không di chuyển ra lối đi để chặn tôi lại. Tôi tự hỏi không biết mình có nên quay sang gật đầu chào họ không, nhưng rồi lại nghĩ tốt hơn là cứ đi tiếp, chẳng cần phải hỏi han gì họ hết. Khi đi qua mặt họ rồi, tôi thở phào nhẹ nhõm, sau đó lại nghe thấy tiếng động trên lối mòn sau lưng mình. Nghe như tiếng đồng xu lạnh canh rơi xuống nền đá.

Tôi thắc mắc liệu có phải túi quần mình thủng lỗ nên đã làm rơi vài đồng xu lẻ. Nhưng vừa khi tôi quay lại nhìn xuống đất, một người đàn ông đã bước ra khỏi mấy rặng cây mà quỳ xuống lồi đi, nhặt thứ gì đấy lên. Anh ta nhìn tôi, nụ cười thân thiện nở ra trên mặt.

“Cái này của cậu phải không cậu em?” Anh ta vừa hỏi vừa chìa đồng xu về phía tôi.

Thật sự tôi không chắc lắm, nhưng đúng là âm thanh hồi nãy *nghe như* tôi vừa đánh rơi thứ gì. Thế là tôi đặt túi đồ lẫn thanh trượng xuống, tay trái cho vào túi quần, định lôi mấy đồng xu lẻ ra đếm. Bất chợt tôi có cảm giác một đồng xu bị ấn mạnh vào tay phải mình. Ngạc nhiên nhìn xuống, tôi thấy một đồng shi-ling bạc nằm gọn trong lòng bàn tay. Tôi biết đồng xu lẻ của mình không có đồng shi-ling nào nên lắc đầu.

“Đồng này không phải của em,” tôi mỉm cười đáp.

“À há, giờ thì nó là của mày rồi đấy, thằng nhóc. Mày vừa mới nhận từ tay tao. Phải không chúng mày?”

Đám người đi cùng gã này bước ra khỏi rặng cây và tìm tôi chùng hấn xuống. Tất cả bọn họ đều đang vận quân phục và mang theo túi trên vai. Bọn họ trang bị cả vũ khí – thậm chí cậu chàng trạc tuổi tôi cũng thế. Ba người trong số đó cầm dùi cui chắc nịch, còn một người khác mang lon hạ sĩ thì đang vung dao.

Lòng mất hết cả can đảm, tôi liếc lại người đàn ông vừa đưa cho mình đồng xu. Giờ gã ta đang đứng dậy nên tôi có thể nhìn kỹ càng hơn. Gương mặt gã dạn dày sương gió, đôi mắt ti hí tàn độc; trên má phải lẫn trán của gã có nhiều vết sẹo – rõ ràng gã này đã kinh qua nhiều gian khổ hơn gã mong muốn. Gã mang lon trung sĩ trên cánh tay trái cùng thanh đoản kiếm giắt ngang thắt lưng. Tôi đang đối mặt với một đám bắt lính. Chiến tranh đang đến hồi tàn khốc và những tên này đi lòng vòng khắp Hạt, cưỡng ép đàn ông lẫn các cậu bé trai nhập ngũ để thay thế cho binh lính tử trận.

“Mày vừa nhận lấy một đồng shi-ling của Nhà vua!” Gã này lên tiếng, đồng thời phá lên cười cợt đến khó chịu.

“Nhưng tôi đâu có nhận,” tôi cãi lại. “Anh bảo đồng xu là của tôi còn tôi thì mới đang kiểm lại đồng tiền lẻ...”

“Giải thích chỉ mất công thôi, chẳng nhóc. Tất cả bọn tao đều nhìn thấy chuyện đã xảy ra, phải không chúng mày?”

“Rõ thế rồi còn gì,” tên hạ sĩ đồng ý khi bọn chúng quây thành vòng tròn quanh tôi, chặn đứng hy vọng chạy thoát.

“Sao nó lại ăn mặc như thầy tu thế kia?” Cậu bạn trạc tuổi hỏi, cậu này lớn hơn tôi chừng một tuổi là cùng.

Tay trung sĩ rống lên cười rồi nhặt thanh trượng của tôi lên. “Nó không phải thầy tu đâu, Toddy à! Trông thấy tay học việc của kẻ trừ tà mà mày lại không nhận ra ư? Bọn chúng lấy hết số tiền mày vất vả kiếm được để giữ cho thứ gọi là phù thủy tránh xa. Đây là việc chúng làm. Thế mà lại có hàng đồng người ngu si đến mức chịu trả tiền cho chúng cơ đấy!”

Gã quảng thanh trượng sang cho Toddy. “Giữ lấy cái này!” Gã ra lệnh. “Thằng kia sẽ không cần đến nó nữa và thứ ấy chỉ có làm củi là tốt chứ chẳng được tích sự gì cả!” Sau đấy gã nhặt túi đồ của tôi lên rồi nhòm vào trong. “Này anh em, trong này có đủ thức ăn nhét bụng chúng ta tối nay rồi!” Gã reo lên, mặt sáng rỡ. “Phải tin tưởng vào vị trung sĩ từng trải của bọn bay chứ. Có đúng không tụi mày? Đón bắt thằng này trên đường *lên* đồi thay vì đường đi xuống! Chờ đợi cũng đáng giá lắm!”

Lúc này, khi xung quanh bị vây kín, tôi hết đường tháo chạy. Tôi biết mình *từng* thoát khỏi những tình huống tồi tệ hơn – thi thoảng còn thoát được nanh vuốt của những kẻ luyện tà thuật cơ mà. Tôi quyết định câu giờ và chờ cho đến khi có cơ hội bỏ chạy. Tôi kiên nhẫn chờ đợi trong khi tay hạ sĩ lôi từ trong túi hăn ra một sợi thừng ngắn để trói chặt tay tôi quặt ra sau lưng. Xong xuôi, gã xoay tôi sang hướng tây, thô bạo thúc vào lưng đẩy tôi đi. Chúng tôi bắt đầu bước đi thật nhanh, Toddy xách theo túi nhu yếu phẩm.

Chúng tôi đi bộ gần một giờ, đầu tiên là sang hướng tây rồi ngược lên hướng bắc. Tôi đoán chừng bọn chúng không biết đường ngắn hơn để vượt qua rặng núi đá, còn tôi thì không gì phải vội mà chỉ đường cho bọn chúng

cả. Chắc chắn chúng tôi đang tiến về mũi Sunderland: tôi sẽ bị đưa lên thuyền mang xuống mũi tận miền nam, nơi quân đội đang chiến đấu. Cuộc hành trình này càng kéo dài, tôi càng có thêm hy vọng trốn thoát.

Và tôi buộc phải đào thoát, bằng không những tháng ngày học việc với Thầy Trừ Tà sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

CHƯƠNG 2: CHÂN TƯỢNG SỰ THẬT

Khi trời tối mịt, không thể nhìn ra đang đi đến đâu, chúng tôi dừng chân tại một bãi đất trống gần chính giữa khu rừng. Tôi đã sẵn sàng co giò chạy ngay khi có cơ hội đầu tiên, tuy nhiên, đám quân lính lại bắt tôi ngồi xuống, một tên trong đám ấy bị cắt cử nhiệm vụ trông chừng tôi trong lúc những kẻ còn lại đi gom củi.

Thông thường thì tôi tràn trề hy vọng rằng Thầy Trừ Tà sẽ đi tìm mình và ra sức giải cứu. Ngay cả trong bóng đêm, thầy tôi vẫn giỏi lần theo dấu vết, còn lần ra được lắm thứ chứ đừng nói là theo chân đám người này. Nhưng đến lúc thầy quay về sau khi chèn được ông kẹ kia, hẳn tôi đã bị tổng lên thuyền và sẽ chẳng còn ai giúp gì được nữa. Hy vọng thật sự của tôi nằm cả trong tay Alice. Nhất định cô ấy đang đợi tôi quay về và sẽ thấy lo lắng một khi trời tối. Alice cũng có thể tìm ra tôi – việc này thì tôi tin chắc. Nhưng cô có thể làm gì để chống lại năm tên lính có vũ trang chứ?

Chẳng mấy chốc, một đám lửa đã bập bùng cháy lên, thanh trượng của tôi bị quăng lẫn trong đám củi đóm. Đây là thanh trượng đầu tiên của tôi, được thầy tôi trao tặng, đánh mất nó khiến tôi đau lòng lắm, như thể kỳ học việc với Thầy Trừ Tà cũng đang bị thiêu hủy theo ngọn lửa vậy.

Tự tiện lục lọi trong túi đồ của tôi, đám lính nhanh chóng quay hai con gà trên chạc ba và đang cắt mấy lát bánh mì để nướng trên lửa. Ngạc nhiên làm sao, khi thức ăn đã tươm tất, bọn này cời trói rồi mang cho tôi thừa mứa thức ăn. Nhưng chẳng phải là vì tử tế gì.

“Ăn hết đi thằng nhãi,” tay trung sĩ ra lệnh. “Bọn tao muốn mày phải thật khỏe mạnh cường tráng khi đem đi giao nộp. Mày là đứa thứ mười chúng tao bắt được trong hai tuần qua và chắc sẽ là đứa sáng giá nhất. Một thằng nhãi trẻ tuổi, khỏe khoắn và mạnh mẽ như mày sẽ đem về cho chúng tao số tiền thưởng kếp xù!”

“Thằng này trông chả vui vẻ gì cả!” Tên hạ sĩ cười nhạt. “Nó không biết đây là điều tốt đẹp nhất từng xảy đến với nó à? Chuyện này rồi sẽ biến mày thành một người đàn ông chân chính đấy, thằng nhóc.”

“Đừng có vẻ ê chề ủ dột thế chứ nhóc,” tay trung sĩ mĩa mai, huênh hoang tỏ vẻ với đám thuộc hạ. “Có lẽ người ta không bắt mày ra trận chiến đấu đâu. Bọn tao thiếu cả thủy thủ nữa đấy! Mày biết bơi không?”

Tôi lắc đầu.

“Chà, thế cũng chẳng ngăn được việc mày làm thủy thủ. Một khi đã lên thuyền ra biển, chẳng ai cầm cự được lâu. Mày sẽ chết cồng, hoặc là cá mập sẽ tấp đứt chân mày!”

Sau khi chúng tôi ăn sạch đĩa, bọn lính trói tay tôi lại. Và trong lúc đám lính trò chuyện với nhau, tôi ngả người nhắm mắt, vờ như đang ngủ trong khi thực ra là lắng tai nghe lấy cuộc nói chuyện. Có vẻ như họ đã chán ngấy việc đi bắt lính cho quân đội rồi. Bọn họ đang nói đến chuyện đào ngũ.

“Thằng này là thằng cuối,” tôi nghe tay trung sĩ lẩm bẩm. “Bọn mình nhận tiền công rồi sẽ biến lên phía bắc Hạt tìm chỗ trả công hậu hĩnh hơn. Trên ấy phải có nhiều công việc tốt hơn thứ việc này!”

Đúng là mạt vận, tôi tự nhủ. Bọn họ chỉ cần tìm thêm một người nữa thôi là xong việc. Tôi chính là kẻ cuối cùng mà họ định bắt quân dịch.

“Chuyện này thì không chắc đâu,” một giọng nói nã nê đáp lại. “Nơi nào cũng không có bao nhiêu việc cả. Đây là lý do vì sao lão bố em đăng ký cho em làm lính đấy ạ.”

Là Toddy, cậu chàng trạc tuổi tôi vừa nói, và trong một hồi sự im lặng ngọt ngào bao trùm lên tất cả. Tôi có thể nhận thấy là tên trung sĩ không muốn bị người khác nói trái ý.

“Thế này nhé Toddy,” gã đáp, giọng đã khá giận dữ, “tùy thuộc vào kẻ đang tìm việc ấy là ai, là một thằng ranh con hay một người đàn ông. Và cũng tùy là chúng ta đang nói đến kiểu việc gì. Nhưng mà này, tao biết có việc cho mày đây. Có một lão trừ tà sẽ phải tìm chân học việc mới. Tao nghĩ đấy chính là loại việc mày cần!”

Toddy lắc đầu. “Em không thích loại việc đấy lắm. Lũ phù thủy làm em sợ...”

“Toàn là chuyện nhảm nhí. Chẳng có phù thủy nào cả. Coi nào Toddy. Nói cho tao biết xem! Mà y đã thấy phù thủy khi nào?”

“Có lần trong làng em có mụ phù thủy già,” Toddy đáp. “Mụ ta nuôi một con mèo đen và thường hay lằm bằm lằm bằm. Còn có mụn cóc nơi cắm nữa kia.”

“Con mèo hay mụ ta?” Tên trung sĩ mĩa mai.

“Mụ phù thủy chứ.”

“Một mụ phù thủy cắm có mụn cóc! Ôi, điều này có làm chúng tao sợ hãi cả đái không chứ, bọn mà y nhỉ,” tên trung sĩ the thé kêu lên chế giễu. “Bọn tao cần phải cho mà y đi học việc với lão trừ tà thôi, rồi sau khi hoàn tất kỳ huấn luyện, mà y có thể quay lại mà đối phó với mụ ấy!”

“Không,” Toddy bảo. “Em không làm được đâu. Mụ ta chết rồi. Người ta trói hai tay hai chân mụ ấy với nhau rồi quăng xuống hồ nước xem mụ có nổi lên không...”

Mấy tên đàn ông rống lên cười nhưng tôi không thấy chuyện này có gì buồn cười cả. Rõ ràng người đàn bà kia là kẻ Thầy Trừ Tà gọi là “bị buộc tội lằm” – một bà lão tội nghiệp và không đáng bị đối xử như thế. Những ai chìm xuống nước được cho là vô tội nhưng lại thường chết vì choáng hay vì sưng phổi nếu trước đó đã không chết đuối.

“Sao hả Toddy? Thế mụ ta có nổi không?” Tên trung sĩ gặng hỏi.

“Có, nhưng sắp mặt xuống nước. Người ta vớt mụ ấy lên để hỏa thiêu nhưng mụ chết mất rồi. Thế là thay vào đó họ thiêu chết con mèo của mụ.”

Lại thêm một tràng cười thô lậu vỡ ra, còn lớn tiếng hơn trận cười lúc nãy, nhưng cuộc nói chuyện chóng trở nên linh ta linh tinh rồi tắt hẳn. Tôi nghĩ chắc mình đã thiệp đi một đổi vì thốt nhiên tôi ý thức được là trời bỗng lạnh căm. Chỉ mới một giờ đồng hồ trước, một cơn gió thu ẩm ướt rét mướt đang thổi tốc qua rừng cây, làm oằn cả những cây non và khiến cho những cành

cây già rên xiết kẻo kẹt; thì bây giờ vạn vật im phăng phắc, còn mặt đất được phủ một lớp sương muối lấp lánh dưới ánh trăng.

Đống lửa đã lụi đi, chỉ sót lại vài đốm than hồng. Bên cạnh vẫn còn nhiều củi chất đống, nhưng mặc cho không khí có rét căm căm, chẳng tên lính nào buồn động đậy đi lấy thêm củi. Cả năm tên ngồi nhìn trừng trừng vào đống than đang tàn dần như thể tất cả đang bị thôi miên.

Thình lình tôi cảm nhận được thứ gì đó tiếp cận bãi đất trống. Đám lính cũng thế. Chúng đồng loạt bật dậy chỗ mắt nhìn vào màn đêm. Một hình thù đen ngòm từ giữa những rặng cây ló ra, di chuyển về phía chúng tôi không một tiếng động, đến nỗi trông như nó đang trôi đi chứ chẳng phải bước. Khi thứ ấy tiến đến gần hơn, tôi cảm thấy nỗi sợ hãi dâng tràn trong họng mình như mật đắng nên bèn chồn đứng dậy.

Thân thể tôi đã lạnh rồi, nhưng không chỉ có một kiểu lạnh thôi đâu. Là con trai thứ bảy của người con thứ bảy nên đôi khi tôi có thể nhìn ra, nghe thấy hay nhận biết những điều mà người phàm không thể. Tôi nhìn thấy hồn ma và văn hồn; nghe được người chết trò chuyện; cảm nhận được kiểu lạnh đặc trưng khi có thứ gì từ thế lực bóng tối đang tiến lại gần. Lúc này cảm giác đó còn mãnh liệt hơn tôi từng biết đến trước đây, thế là tôi sợ. Sợ đến nỗi tôi bắt đầu run lập cập từ đầu đến chân. Liệu đây có phải là Quỷ Vương, cuối cùng cũng đến tìm tôi rồi chẳng?

Điều gì đó về cái đầu của thứ kia làm tôi lo lắng tột độ. Trời tịnh không chút gió, ấy vậy mà mái tóc trên đầu thứ ấy hình như đang xao động; cứ uốn éo mãi, mà tôi lại không xác định được. Liệu có phải Quỷ Vương đang tiến đến?

Hình thù ấy di chuyển đến gần hơn; đột nhiên nó bước ra bãi đất trống để ánh trăng lần đầu tiên soi rõ lên mình...

Nhưng đây không phải là Quỷ Vương. Tôi đang nhìn vào một mụ phù thủy độc vô cùng sung mãn. Hai mắt mụ ta như những hòn than hừng hực, gương mặt méo mó biến dạng vì sự căm ghét và hằn học. Thế nhưng đầu mụ ta mới là thứ làm tôi kinh hãi nhất. Thay vì tóc, mụ ta có một ổ hắc xà đang

cuộn mình vặn vẹo, những đầu lưỡi chẻ đôi thò ra thụt vào, răng nanh nhe ra sẵn sàng phun nọc độc.

Bất thành linh từ bên phải tôi vang lên tiếng rên rỉ kinh hoàng không giống tiếng người. Là tên trung sĩ. Nói năng gan dạ là thế, nhưng giờ đây gương mặt hần méo xệch đi vì sợ, mắt lồi ra, mồm thì há hốc như chuẩn bị gào thét. Dầu vậy hần chỉ có thể rên được thêm một tiếng từ tận sâu trong bụng rồi co giò phóng thẳng vào rừng cây, hộc tốc hướng lên hướng bắc. Đám thuộc hạ của hần bám theo, Toddy chạy sau rốt. Tôi có thể nghe thấy tiếng bọn họ từ xa xa, tiếng bước chân cuống cuồng nhỏ dần cho đến khi tắt hần.

Tôi bị bỏ lại đối diện với mù phù thủy trong im lặng. Tôi chẳng có muối, chẳng bột sắt, không trượng, còn hai tay thì bị trói sau lưng, nhưng tôi vẫn hít vào một hơi sâu và cố gắng khống chế nỗi sợ hãi của mình. Đây là bước đầu tiên khi đối đầu với thế lực bóng tối.

Nhưng tôi không cần phải lo. Tự nhiên mù phù thủy mỉm cười và hai mắt thôi không lóe lên sáng rực nữa. Cơn lạnh run trong tôi lùi dần. Đám rắn rít ngừng uốn éo và trở thành một mái tóc đen. Vẻ méo mó trên gương mặt dịu đi thành những đường nét của một cô gái vô cùng xinh đẹp. Tôi nhìn xuống đôi giày mũi nhọn mình hằng quen thuộc quá đỗi. Alice đang mỉm cười với tôi.

Tôi không cười đáp lại, chỉ có thể nhìn trân trối vào Alice mà kinh hoàng.

“Vui lên đi Tom,” Alice bảo. “Tớ đã dọa họ sợ chết khiếp nên họ sẽ không lần theo chúng ta đâu. Giờ cậu an toàn rồi. Không còn gì phải lo lắng nữa.”

“Cậu vừa làm gì thế, Alice?” Tôi vừa hỏi vừa lắc đầu. “Tớ cảm nhận được sự độc ác. Cậu trông cứ như một mù phù thủy độc. Hần cậu đã dùng đến tà thuật để làm như thế!”

“Tớ chẳng làm gì sai cả Tom à,” Alice đáp, với tay tới để cởi trói cho tôi. “Lũ kia hoảng sợ và nỗi sợ ấy lan truyền đến cậu, có thể thôi. Thật ra chỉ là một trò lừa bịp của ánh sáng...”

Lòng thấy kinh hoàng, tôi né người ra xa Alice. “Ánh trăng cho thấy chân tướng sự thật, cậu biết điều này mà Alice. Đây là một trong những điều cậu bảo cho tớ biết khi bọn mình lần đầu gặp nhau. Thế thì tớ vừa mới trông thấy cái gì vậy? Cậu thật sự là gì? Có phải tớ vừa nhìn thấy chân tướng không?”

“Không đâu Tom. Đừng ngớ ngẩn thế. Chỉ là tớ đây thôi, Alice đây. Bọn mình là bạn, phải không nào? Chẳng phải cậu còn hiểu tớ rõ hơn thế sao? Tớ đã cứu mạng cậu không chỉ một lần. Cứu cậu khỏi thế lực bóng tối. Cậu kết tội tớ như thế thật chẳng công bằng chút nào. Nhất là khi tớ vừa mới cứu cậu thêm một lần nữa. Không có tớ thì giờ đây cậu sẽ ở đâu nào? Để tớ nói cho cậu biết – cậu sẽ đang trên đường đi đánh trận. Biết đâu cậu sẽ không bao giờ trở về được.”

“Nếu Thầy Trừ Tà trông thấy điều vừa rồi...” tôi lắc đầu. Chắc chắn đây sẽ là dấu chấm hết cho Alice. Kết thúc thời gian cô ở cùng chúng tôi. Thậm chí thầy tôi có thể còn bỏ Alice xuống hố cho đến hết kiếp. Ngã nào thì đây cũng là cách thầy làm với những phù thủy sử dụng tà thuật.

“Thôi nào Tom. Ta hãy đi khỏi đây và trở về Chipenden thôi. Cái lạnh đang bắt đầu ngấm vào xương tủy tớ rồi này.”

Nói đoạn, cô cắt dây trói cho tôi và chúng tôi thẳng tiến về hướng nhà Thầy Trừ Tà. Tôi vác cái túi chứa những món nhu yếu phẩm còn sót lại và chúng tôi bước đi trong im lặng. Tôi vẫn không vui vẻ gì với những điều mình vừa trông thấy.

Sáng hôm sau, khi đang nhòm nhào điếm tâm, tôi vẫn thấy lo về những gì Alice vừa thực hiện.

Ông kẹ được Thầy Trừ Tà nuôi đã nấu bữa sáng cho chúng tôi; đa phần nó sẽ tàng hình nhưng thi thoảng cũng khoác vào lốt một con mèo lông hung đỏ. Sáng nay ông kẹ làm món yêu thích của tôi – thịt muối và trứng – nhưng có lẽ đây là một trong những lần tệ nhất ông kẹ từng dọn ra. Thịt muối cháy đến cứng quèo còn trứng lại lầy nhầy những mỡ. Thi thoảng ông kẹ sẽ nấu rất dở khi có điều gì đó làm nó bực bội; dường như nó hiểu hết mọi chuyện

mà không cần phải nói cho nghe. Tôi chắc mắc không biết có phải do nó cũng thấy lo ngại về Alice như tôi.

“Tối hôm qua, khi cậu bước ra khoảng đất trống, cậu làm tớ sợ lắm Alice à. Sự hãi cả ra. Tớ cứ tưởng mình sắp phải đối diện với một mục phù thủy độc – loại trước nay tớ chưa từng chạm trán. Cậu trông giống y như thế đấy. Cậu mang một cái đầu đầy răn chứ không phải tóc, gương mặt thì méo mó vẹo vọ vì cắn hận.”

“Đừng cảm ràm tớ nữa mà Tom. Thật chẳng lịch sự gì cả. Hãy để tớ dùng điểm tâm trong yên bình nào!”

“Cảm ràm ư? Cậu cần được cảm ràm đấy! Cậu đã làm gì? Coi nào, nói cho tớ biết đi.”

“Chẳng có gì. Tớ chẳng làm gì sất! Để cho tớ yên. Tớ xin đấy, Tom. Cậu cứ dồn ép tớ như thế này làm tớ đau lòng lắm.”

“Tớ cũng đau lòng khi bị nói dối đấy, Alice ạ. Cậu đã làm gì đấy và tớ cần phải biết chính xác là gì.” Tôi ngừng lời, mắt lóe lên vì giận dữ, khiến cho câu chữ trôi tuột ra khỏi mồm trước khi tôi có thể ngăn lại. “Này Alice, nếu cậu không nói thật – tớ sẽ không bao giờ tin tưởng cậu nữa đâu!”

“Được rồi, tớ sẽ nói cho cậu nghe,” Alice la lên, nước mắt long lanh. “Tớ có thể làm gì khác hả Tom? Giờ này cậu sẽ đang ở đâu nếu lúc ấy tớ không đến giải cứu cậu? Làm cho cậu sợ chẳng phải lỗi tại tớ. Tớ chỉ nhắm vào bọn chúng chứ không phải cậu.”

“Cậu đã dùng đến gì thế, Alice? Có phải tà thuật không? Thứ gì đấy Lizzie Xương Xấu đã dạy cho cậu ấy?”

“Chẳng có gì đặc biệt đâu. Chỉ tương tự như thuật *Bỏ Bùa* thôi. Đó gọi là thuật *Vãi Hồn*. Thuật này khiến người ta kinh hoảng rồi bỏ chạy để bảo toàn mạng sống. Hầu hết các phù thủy đều biết cách sử dụng. Có tác dụng mà Tom. Làm thế có gì sai nào? Cậu thì được tự do và chẳng ai bị thương tích gì cả, đúng không?”

Thuật *Bỏ Bùa* là thứ phù thủy dùng để khiến mục ta trở nên trẻ trung xinh đẹp hơn thực tế, tạo nên thần thái cho phép mục ta trói buộc một người đàn

ông làm theo mong muốn của mẹ. Đây là tà thuật, từng được mẹ Wurmalde sử dụng khi mẹ ta cố gắng đoàn kết các tộc phù thủy ở Pendle mùa hè vừa rồi. Bây giờ mẹ đã chết, nhưng cả những người đàn ông từng bị lệ thuộc vào thuật *Bỏ Bùa* cũng đã mất mạng khi nhận ra mối đe dọa từ mẹ ta quá muộn. Nếu thuật *Vãi Hồn* là một phiên bản khác của cùng thứ tà thuật ấy, việc Alice đã dùng đến nó khiến tôi lo lắng. Lo vô cùng.

“Nếu Thầy Trừ Tà mà biết, thầy sẽ đuổi cậu đi ngay đây Alice,” tôi cảnh cáo cô bạn. “Thầy sẽ không bao giờ thông cảm đâu. Đối với thầy, chẳng có bất cứ lý do gì bào chữa cho việc sử dụng tà thuật cả.”

“Vậy thì đừng nói cho ông ấy biết nhé Tom. Cậu đâu muốn tớ bị đuổi đi phải không?”

“Dĩ nhiên. Nhưng tớ cũng không thích nói dối.”

“Thế thì cứ bảo là tớ làm bọn họ xao lãng. Rồi cậu trốn đi trong lúc rối ren. Cũng đâu khác sự thật là mấy đâu, đúng không?”

Tôi gật gù nhưng mà còn lâu mới thấy vui được.

Tối hôm ấy Thầy Trừ Tà quay về, và mặc cho cảm giác có lỗi khi phải giấu giếm sự thật, tôi vẫn lặp lại những gì Alice đã nói.

“Cháu chỉ đứng xa xa gây ra lắm tiếng ồn thôi ạ,” Alice nói thêm. “Bọn họ đuổi theo cháu nhưng chẳng mấy chốc cháu đã bỏ xa họ trong đêm tối.”

“Thế họ không cho ai canh chừng anh bạn nhỏ đây à?” Thầy tôi hỏi.

“Họ đã trói tay chân Tom lại để cậu ấy không bỏ chạy. Cháu đi vòng lại rồi cắt dây cởi trói cho cậu ấy.”

“Sau đây họ đi đâu?” Thầy tôi vừa hỏi vừa gãi gãi râu, vẻ lo lắng. “Con có chắc là con không bị theo đuôi?”

“Bọn họ có nói đến chuyện đi lên phương bắc,” tôi thưa với thầy. “Hình như họ quá ngấy việc đi bắt lính nên muốn đào ngũ.”

Thầy Trừ Tà thở dài. “Cũng có thể thế thật, anh bạn à. Nhưng chúng ta không thể tạo cơ hội để mấy tên ấy quay về tìm con lần nữa. Mà sao con lại

một mình đi xuống làng làm gì thế? Không còn chút lý trí nào như lúc con vừa sinh ra à?”

Mặt tôi đỏ ửng vì tức giận. “Con phát ốm vì cứ được nuông chiều mãi rồi ạ. Con có thể tự lo cho mình!”

“Vậy sao? Con đâu có đánh đấm chống trả gì được đám lính kia phải không nào?” Thầy tôi nghiêm khắc đáp lại. “Không đâu, ta nghĩ đã đến lúc ta phải gửi con đi làm việc với Bill Arkwright chừng sáu tháng gì đấy thôi. Với lại, xương cốt già cỗi của ta giờ đây đang đau nhức quá đỗi, không thể huấn luyện cho con những chiêu chiến đấu cần thiết. Mặc dù khắc nghiệt là thế, nhưng Bill đã uốn nắn hơn một chân học việc của ta nên thân. Và đấy chính là thứ con cần! Và lại, phòng khi đám bắt lính quay lại đây tìm con, tốt hơn là con nên tránh đi.”

“Nhưng bọn họ sẽ không vượt qua được ông kẹ phải không ạ?” Tôi phản đối.

Ngoài phận sự bếp núc, ông kẹ còn giữ cho các khu vườn được an toàn khỏi thế lực bóng tối hay bất cứ loại hình đột nhập nào.

“Đúng thế, nhưng không phải lúc nào con cũng được bảo vệ ở đây đâu anh bạn?” Thầy Trừ Tà cương quyết. “Không, tốt nhất là bọn ta nên gửi con đi.”

Tôi thầm than thở trong lòng nhưng chẳng nói ra. Thầy tôi bao tuần nay cứ lăm lăm chuyện mang tôi sang tay cho Arkwright, thầy trừ tà làm việc ở khu vực phía bắc thành phố Caster. Đây là việc thầy tôi thường sắp xếp cho các chân học việc của mình. Thầy tin rằng một kỳ huấn luyện tập trung cùng với thầy trừ tà khác là rất hữu ích – thật tốt khi có được những hiểu biết khác nhau về nghề nghiệp của chúng tôi. Mỗi nguy từ đám bắt lính đơn thuần chỉ làm cho quyết định của thầy chóng vánh hơn thôi.

Trong vòng một giờ đồng hồ, thầy viết xong thư trong khi Alice ngồi hờn dỗi bên lò sưởi. Cô không muốn chúng tôi phải chia lìa nhưng bọn tôi không thể làm gì khác.

Tệ hại hơn, thầy tôi bắt Alice đi gửi thư chứ không phải là tôi. Tôi bắt đầu
thắc mắc, suy cho cùng thì biết đâu việc đi lên phương bắc sẽ tốt hơn chẳng.
Ít ra Bill Arkwright có thể tin tưởng giao cho tôi tự mình làm việc gì đó.

CHƯƠNG 3: BỨC HỒI ÂM ĐẾN MUỘN

Chúng tôi chờ hồi âm từ Arkwright gần hai tuần. Đạo gần đây, thật bực mình làm sao, ngoài việc đi thu gom nhu yếu phẩm, Alice còn được phái xuống làng mỗi tối để xem thư đến chưa, trong khi tôi phải ngồi rịt trong nhà. Nhưng giờ thì rốt cuộc thư hồi âm của Arkwright cũng đến.

Khi Alice bước vào bếp, Thầy Trừ Tà đang sưởi tay bên lò sưởi. Lúc cô đưa phong thư cho thầy, thầy liếc qua dòng chữ nguệch ngoạc trên ấy.

Gửi thầy Gregory ở Chipenden

“Nhìn thấy kiểu chữ viết tay ấy là ta biết ngay. Mà cũng đến lúc rồi đấy!” thầy tôi bình luận, vẻ bực bội hẳn trong giọng nói. “Thôi nhé bé con, cảm ơn. Giờ thì đi chỗ khác đi nào!”

Bĩu môi tỏ ra không vừa ý, nhưng Alice vẫn làm theo lời thầy. Cô biết rồi mình sẽ chóng được rõ Arkwright đã viết những gì.

Thầy Trừ Tà mở thư ra và bắt đầu đọc trong khi tôi sốt ruột chờ.

Đọc xong, thầy đưa thư cho tôi kèm tiếng thở dài mỏi mệt. “Con cũng nên xem qua đi, anh bạn. Có liên quan đến con đấy...”

Tôi bắt đầu đọc, càng đọc tim tôi càng chùng hẳn xuống.

Thưa thầy Gregory,

Đạo này sức khỏe của tôi kém đi nhiều còn nhiệm vụ thì nặng nề. Dù đây không phải lúc để một chân học việc làm tăng thêm gánh nặng, nhưng tôi không thể từ chối yêu cầu của thầy vì thầy luôn là một người thầy tốt và đã truyền đạt cho tôi sự huấn luyện thành thực rất hữu ích.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày mười tám tháng Mười, thầy hãy đưa thẳng bé đến cây cầu đầu tiên bắc qua con kênh phía bắc thành phố Caster. Tôi sẽ đứng chờ ở đấy.

Người học trò tận tâm,

Bill Arkwright

“Thầy không cần đoán ẩn ý trong thư cũng biết ông ta không hào hứng lắm với việc nhận con vào rồi,” tôi bình phẩm.

Thầy Trừ Tà gật gù. “Phải, điều này rành rành ra đấy. Nhưng Arkwright khi nào cũng nói chuyện hơi yếm thế và lo âu quá mức về sức khỏe của mình. Chắc tình hình không tệ bằng một nửa những gì anh ta nói đâu. Mà này, anh ta thuộc dạng cần cù bù thông minh và đã hoàn tất kỳ huấn luyện đấy. Điều này thì đa số mấy tay ta xui xẻo phải huấn luyện cho không hẳn đã làm được đâu!”

Chuyện này quá đúng. Tôi là chân học việc thứ ba mươi của thầy. Rất nhiều người học việc không thể hoàn tất kỳ huấn luyện; một số bỏ đi vì sợ còn một số khác lại mất mạng. Arkwright vẫn sống sót và đã hành nghề thành công hàng bao năm nay. Cho nên, dầu có vẻ trừ trừ đấy, nhưng chắc chắn ông ta có nhiều điều để dạy cho tôi lắm đây.

“Anh bạn này, Arkwright đã tiến bộ rất nhiều kể từ khi ra làm việc một mình. Con có từng nghe đến kẹ xé xác vùng Coniston chưa hử?”

Kẹ xé xác là loại ông kẹ nguy hiểm. Người học việc gần đây nhất của Thầy Trừ Tà, Billy Bradley, đã bị một kẹ xé xác giết chết: nó cắn đứt vài ngón tay của Billy rồi làm cậu ta chết vì sốc và mất máu.

“Có một mục trong cuốn *Ngụ ngôn về thú vật* trong thư viện ạ,” tôi đáp.

“Đúng đấy anh bạn. Thế này nhé, tên kẹ xé xác ấy đã cướp đi sinh mạng hơn ba mươi người. Arkwright là người xử lý hẳn. Khi nào có dịp con hãy hỏi anh ta. Chắc chắn Arkwright tự hào về việc mình làm, mà cũng đáng thế. Đừng để lộ những gì con biết – cứ để cho anh ta tự kể ra chuyện của mình. Làm thế sẽ giúp mối quan hệ công việc của con khởi đầu tốt đẹp! Mà thôi,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa lắc đầu, “lá thư kia đến muộn quá. Tốt hơn hết tối nay ta nên đi ngủ sớm rồi khởi hành ngay sau rạng đông.”

Thầy tôi nói đúng: cuộc gặp mặt với Arkwright được ấn định vào ngày mốt, mà để đi đến Caster, vượt qua rặng đồi đá thì mất độ một ngày. Nhưng

tôi đang cảm thấy không vui về gì khi phải lên đường đột ngột đến vậy. Hẳn thầy tôi đã trông thấy bản mặt bí xị của tôi vì thầy chợt nói, “Vui lên đi anh bạn, Arkwright không đến nỗi tệ lắm đâu...”

Và rồi về mặt thầy thay đổi khi đột nhiên hiểu ra là tôi đang nghĩ gì.

“Giờ thì ta đã hiểu vấn đề rồi đây. Là vì con bé kia phải không nào?”

Tôi gật. Nhà ông Arkwright sẽ chẳng có chỗ cho Alice, thế nên chúng tôi sẽ xa nhau trong chừng sáu tháng. Mặc cho bao nhiêu bảo bọc che chở phải chịu đựng gần đây, tôi vẫn sẽ nhớ Alice lắm. Nhớ thật nhiều.

“Alice không thể đi cùng chúng ta đến cây cầu sao thầy?” Tôi hỏi.

Tôi nghĩ thầy sẽ từ chối. Dẫu sao thì, dù Alice đã từng cứu mạng thầy trò tôi hơn cả một lần, nhưng trong cô vẫn mang một nửa dòng máu là người tộc Deane và nửa còn lại là Malkin, xuất thân từ dòng dõi phù thủy. Thầy tôi không hoàn toàn tin tưởng cô và hiếm khi nào để Alice can dự vào công việc của chúng tôi. Thầy vẫn tin một ngày nào đó Alice có thể sẽ chịu sự ảnh hưởng của thế lực bóng tối. Tôi mừng là thầy mình không biết ngày hôm trước Alice đã hiện thân như một phù thủy độc thuyết phục đến độ nào.

Nhưng rồi, kinh ngạc thay, thầy tôi lại gật đầu chấp thuận. “Sao lại không cơ chứ,” thầy bảo. “Giờ con đi báo cho con bé biết đi.”

Sợ thầy đổi ý, tôi đi ngay ra khỏi bếp để tìm Alice. Tôi tưởng sẽ tìm thấy cô ở phòng bên, đang chép một cuốn sách trong thư viện của Thầy Trừ Tà. Nhưng Alice không có đấy. Thật ngạc nhiên khi thấy Alice đang ở ngoài nhà, ngồi trên mấy bậc cấp phía sau, mắt nhìn chăm chăm ra vườn với vẻ mặt u sầu.

“Ngoài này lạnh lắm Alice à,” tôi mỉm cười ngồi xuống bên cô. “Sao cậu không vào nhà? Tớ có chuyện cần nói với cậu...”

“Chẳng phải chuyện tốt lành gì đâu phải không? Arkwright đã đồng ý nhận cậu chứ gì?” Alice hỏi.

Tôi gật đầu. Cả hai chúng tôi đều đang hy vọng việc Arkwright chậm rãi âm có nghĩa là ông ấy từ chối yêu cầu của Thầy Trừ Tà. “Ngày mai chúng ta

sẽ khởi hành sớm, nhưng tin tốt là cậu sẽ đi cùng thầy trò tớ để tiễn tớ tại Caster...”

“Vớ tớ thì đây là một đồng tin xấu với chút xíu xiu tin tốt thôi. Chẳng biết Lão Gregory đang lo cái gì nữa. Đám bắt lính kia sẽ không quay lại đây đâu nhỉ?”

“Chắc là không,” tôi đồng tình. “Nhưng thầy muốn khi nào đó sẽ gửi tớ đến Caster và hình như lúc này đây là thời điểm thích hợp. Tớ khó mà từ chối...”

Mặc dù không đề cập đến điều này với Alice, tôi cũng nhận ra một lý do Thầy Trừ Tà gửi mình đến chỗ ông Arkwright là để tôi rời khỏi Alice một thời gian. Một hai dạo gần đây tôi có để ý thấy thầy mình quan sát khi hai chúng tôi trò chuyện nói cười, và thầy luôn cảnh cáo tôi không được quá thân mật với Alice.

“Chắc là không rồi,” Alice buồn bã. “Nhưng Tom này, cậu sẽ viết thư cho tớ chứ, né? Viết hàng tuần ấy. Như vậy sẽ khiến thời gian trôi đi nhanh hơn. Tớ ở lại trong nhà này với Lão Gregory cũng đâu vui vẻ gì lắm phải không?”

Tôi gật gù nhưng chẳng biết mình có thể viết thư đều đặn đến mức nào. Giá gửi thư theo xe ngựa thì mắc mà muốn gửi phải có tiền. Thông thường Thầy Trừ Tà không đưa tiền cho tôi, trừ phi có nhu cầu gì đặc biệt, nên tôi phải hỏi xin thầy nhưng lại không biết thầy sẽ phản ứng ra sao. Tôi quyết định chờ xem tâm trạng của thầy vào bữa điểm tâm ngày mai thế nào đã.

“Đây là một trong những bữa điểm tâm ngon nhất tôi từng thưởng thức,” tôi lớn tiếng bảo, dùng một lát tương bánh mì vét sạch miếng lòng đỏ trứng cuối cùng. Thịt muối được rán đến hoàn hảo.

Thầy Trừ Tà mỉm cười và gật đầu tán thành. “Đúng thế đấy,” thầy bảo. “Gửi lời khen ngợi của bọn ta đến đầu bếp!”

Đáp lại lời này, một tiếng gừ nhẹ nhàng vọng ra từ đâu đấy dưới chiếc bàn gỗ lớn, chứng tỏ rằng ông kẹ rất thích lời khen của chúng tôi.

“Con có thể mượn thầy ít tiền khi ở chỗ ông Arkwright không ạ?” Tôi hỏi. “Con sẽ chẳng cần nhiều lắm đâu...”

“Mượn à?” Thầy Trừ Tà nhướn mày. “Mượn nghĩa là con có ý định trả lại. Không phải là từ trước đây con thường dùng khi ta đưa tiền cho con vì con cần gì đấy.”

“Trong mấy chiếc rương của mẹ con có tiền ạ,” tôi bảo với thầy. “Con có thể trả lại cho thầy trong lần tới chúng ta ghé qua Pendle.”

Mẹ tôi đã quay về cố hương Hy Lạp để chiến đấu chống lại thế lực bóng tối đang lớn mạnh tại đây. Nhưng bà đã để lại cho tôi ba chiếc rương. Ngoài các loại thuốc và sách vở ra, một chiếc rương còn chứa ba túi tiền lớn, lúc này đang được cất giữ an toàn trong tháp Malkin, do hai chị của mẹ là nữ yêu hoang dã canh gác. Trong lối thuần hóa, các nữ yêu mang vẻ ngoài là phụ nữ, ngoại trừ một lớp vảy dài màu vàng và xanh lục dọc sống lưng. Tuy nhiên, hai chị của mẹ lại đang trong tình trạng hoang dã, có cánh như côn trùng và vuốt sắc. Họ vừa khỏe, vừa nguy hiểm và có thể buộc đám phù thủy ở Pendle tránh xa. Tôi không rõ khi nào thầy trò mình sẽ quay lại Pendle, nhưng tôi biết rồi ngày đó cũng sẽ đến thôi.

“Đương nhiên con có thể trả,” Thầy Trừ Tà đáp lại lời đề nghị của tôi. “Có việc gì đặc biệt khiến con muốn xài tiền vào đấy thế?”

“Con chỉ muốn viết thư cho Alice mỗi tuần thôi ạ...”

“Thư từ mắc mỏ lắm anh bạn, mà ta tin chắc mẹ con sẽ không muốn con phung phí số tiền bà ấy để lại. Thư viết mỗi tháng một lần là quá đủ rồi. Và nếu con viết thư cho con bé, con cũng có thể gửi cho ta một lá nữa. Báo ta biết mọi chuyện đang diễn ra rồi bỏ hai bức thư vào cùng một phong bì để giảm phí.”

Qua khóe mắt, tôi trông thấy miệng Alice mím lại khi cô nghe những gì thầy tôi nói. Cả hai chúng tôi đều hiểu thật ra không phải thầy quan tâm đến tiền, mà là thầy sẽ đọc được nội dung tôi viết cho Alice và làm việc tương tự với thư cô trả lời cho tôi. Nhưng tôi có thể nói gì đây? Mỗi tháng một lá thư còn đỡ hơn là không có gì, nên tôi đành vui vẻ chấp nhận.

Sau bữa điếm tâm, Thầy Trừ Tà dẫn tôi sang căn phòng nhỏ nơi thầy cất ủng, áo choàng và trượng. “Đã đến lúc thay thế thanh trượng bị đốt của con rồi đấy anh bạn,” thầy nói với tôi. “Đây, thử cái này xem có vừa tay không nào.”

Thầy đưa tôi một thanh trượng làm từ gỗ thanh hương trà, loại gỗ chống lại phù thủy vô cùng hữu hiệu. Tôi nâng thanh trượng lên kiểm tra độ cân đối. Hoàn hảo. Rồi tôi để ý thấy thứ gì đấy khác. Gần chuôi trượng có chỗ lõm – kích cỡ đủ để tôi thọc ngón tay trở vào.

“Ta nghĩ con biết chỗ này để làm gì rồi nhỉ!” Thầy Trừ Tà reo lên. “Tốt nhất con nên thử nó đi. Xem xem nó còn hoạt động tốt không.”

Tôi cho ngón tay vào chỗ lõm mà bấm. Có tiếng cách thật lớn, rồi một lưỡi dao bén ngọt từ đầu kia thanh trượng bật ra. Thanh trượng trước đây của tôi không có lưỡi dao bấm – mặc dù tôi từng có lần mượn trượng của Thầy Trừ Tà. Nhưng giờ đây tôi đã có một thanh cho riêng mình.

“Cảm ơn thầy,” tôi mỉm cười thưa với thầy tôi. “Con sẽ giữ gìn trượng này thật cẩn thận ạ!”

“Phải đấy, chăm chút cho nó hơn thanh trượng trước của con nhé! Ta hãy hy vọng là con không cần phải dùng đến nó, anh bạn, nhưng cẩn tắc vô áy náy thôi.”

Tôi gạt đầu, đoạn chúc đầu dao nhọn xuống nền, ra sức ấn để đẩy lưỡi mũi dao vào lại trong hốc.

Trong vòng một giờ, Thầy Trừ Tà đã khóa hết cửa nẻo và chúng tôi lên đường. Thầy tôi cùng tôi mỗi người mang theo trượng, nhưng như thường lệ, tôi đang vác cả hai túi xách. Tất cả chúng tôi đều ăn mặc ấm áp chống cái lạnh – thầy và tôi khoác áo choàng, Alice mặc áo khoác mùa đông bằng len đen, mũ trùm trên áo giữ cho hai tai cô được ấm. Tôi thậm chí còn mặc thêm áo khoác da cừu – dù quả tình thời tiết buổi sáng hôm ấy không tệ mấy. Không khí có khô lạnh đấy, nhưng mặt trời đang tỏa sáng và rất thích hợp để đi bộ về phía rặng đồi đá lên hướng bắc đến Caster.

Khi chúng tôi bắt đầu leo lên đồi, Alice và tôi tiến hơi xa lên trước để có thể trò chuyện mà không bị nghe thấy. “Tình huống có thể còn xấu hơn ấy chứ,” tôi bảo với Alice. “Nếu thầy Gregory định về ngôi nhà mùa đông, nhất định cậu phải đi theo, thế là chúng ta sẽ ở hai đầu của Hạt.”

Thường thì Thầy Trừ Tà trú qua mùa đông ở Anglezarke, tí mãi phía nam, nhưng thầy đã bảo với tôi năm nay thầy sẽ ở lại căn nhà tiện nghi hơn tại Chipenden này. Tôi nghe xong chỉ gật gù mà không bình luận gì. Tôi nghĩ chắc là vì Meg Skelton, tình yêu của đời thầy, không còn ở Anglezarke nữa và căn nhà cất giữ quá nhiều kỷ niệm đau buồn. Meg và chị bà, Marcia, là những phù thủy nữ yêu và Thầy Trừ Tà đã buộc phải đưa họ về lại Hy Lạp, dù việc này làm tim thầy tan nát.

“Cậu nói toàn chuyện tớ biết rồi,” Alice chua chát bảo. “Bọn mình vẫn ở quá xa nhau và không thể thăm nhau phải không nào, như vậy có gì khác đâu? Anglezarke hay Chipenden – rốt cuộc cũng như nhau cả!”

“Với tớ cũng chả sung sướng gì đâu Alice à. Thế cậu nghĩ *tớ* muốn ở lại nhà ông Arkwright sáu tháng ư? Lẽ ra cậu nên đọc lá thư ông ấy gửi. Ông ta bảo mình ốm và thậm chí còn không muốn *tớ* đến đây. Ông ta miễn cưỡng nhận *tớ* chỉ để giúp Thầy Trừ Tà thôi.”

“Còn cậu thực sự cho là *tớ* muốn bị bỏ lại Chipenden với Lão Gregory lắm à? Ông ấy vẫn chưa tin *tớ* và chắc hẳn sẽ chẳng bao giờ tin. Ông ấy sẽ không để *tớ* quên những gì đã xảy ra phải không?”

“Như thế là không phải đâu Alice – thầy đã cho cậu một mái nhà cơ mà. Và nếu thầy phát hiện ra những gì cậu làm tối hôm nọ, cậu sẽ mất mái nhà ấy vĩnh viễn và chắc là chấm dứt đời dưới hố đấy.”

“*Tớ* phát ngấy vì cứ phải nói cho cậu biết vì *sao* *tớ* làm như thế! Đừng có vô ơn như vậy! *Tớ* đã và sẽ không bao giờ đồng hội đồng thuyền với thế lực bóng tối – việc này cậu yên tâm. Thi thoảng *tớ* sử dụng những gì Lizzie dạy bởi vì *tớ* chẳng còn lựa chọn nào khác. *Tớ* làm thế là vì cậu, Tom, để giúp cậu được an toàn. Nếu cậu biết cảm kích thì thật dễ chịu biết bao,” Alice vặc

lại, đồng thời liếc mắt ra sau để xem thầy tôi có đang ở khoảng cách an toàn hay không.

Sau đấy cả hai chúng tôi cùng im lặng, ngay cả buổi bình minh rạng rỡ cũng không làm tâm trạng hai đứa khá lên được. Ngày trôi đi khi chúng tôi tiến lên hướng bắc. Đã gần một tháng sau ngày thu phân và thời khắc ban ngày mỗi lúc một ngắn hơn, mùa đông lạnh giá đang đang đang kéo đến. Thầy trò tôi vẫn còn đang đi xuống những sườn dốc thấp phía đông Caster thì ánh nắng bắt đầu tắt dần, thế nên chúng tôi tìm lấy một hốc trú thân để nghỉ chân qua đêm. Thầy Trừ Tà cùng tôi thu gom củi nhóm lửa trong khi Alice đi bắt rồi lột da vài con thỏ. Chẳng mấy chốc đám thỏ đã quay mòng mòng và mỡ cháy lèo xèo trên ngọn lửa, còn mồm tôi bắt đầu ứa nước bọt.

“Vùng mạn bắc Caster trông như thế nào vậy thầy?” Tôi hỏi Thầy Trừ Tà.

Chúng tôi đang ngồi xếp bằng trước đống lửa, Alice thì quay xiên thịt. Tôi đề nghị giúp một tay nhưng cô chẳng cho. Alice đang đói và muốn đám thỏ chín thật ngon.

“À,” thầy tôi đáp, “có người bảo đấy là nơi phong cảnh đẹp nhất trong Hạt và ta sẽ không tranh cãi gì về điều này. Nơi ấy có núi có hồ, phía nam là biển. Điểm cực bắc của Hạt là hồ Coniston và phía đông hồ ấy là Hồ Lớn...”

“Ông Arkwright sống tại đấy ạ?” tôi hỏi ngang.

“Không đâu anh bạn, chả xa tí phía bắc như thế. Có một dòng kênh dài chạy dọc theo hướng bắc, từ Priestown qua Caster thẳng đến Kendal. Nhà của Arkwright nằm bên bờ tây. Một cối xay nước hỏng nát nhưng đủ cho Arkwright sử dụng.”

“Thế còn thế lực bóng tối thì sao hả thầy?” Tôi tò mò. “Có thứ gì tại khu vực ấy mà trước nay con chưa từng gặp qua không ạ?”

“Con còn trẻ người non dạ lắm anh bạn!” Thầy Trừ Tà gắt gỏng. “Vẫn còn rất nhiều thứ con phải đối mặt mà không cần đi sang phía bắc Caster mới gặp được đâu! Nhưng với ao hồ và kênh rạch thì nguy hiểm chủ yếu đến từ vùng nước trong các khu vực ấy. Arkwright là chuyên gia đối phó thủy phù thủy cùng những sinh vật lấy bãi sinh và bùn lầy làm nhà. Tuy

nhien, ta sẽ để anh ta tự nói cho con biết. Công việc của anh ta là huấn luyện con trong một thời gian mà.”

Alice tiếp tục quay xiên thịt trong khi chúng tôi ngồi nhìn chăm chăm vào đồng lửa. Cô là người phá tan bầu không khí tĩnh lặng bằng giọng nói chất chứa lo âu.

“Cháu không vui khi Tom lên đây một mình,” Alice bảo. “Hiện giờ Quỷ Vương đang lang thang trên thế gian này. Lỡ hăn đến tìm Tom và chúng ta không có bên cạnh để giúp cậu ấy thì sao đây?”

“Chúng ta phải nhìn theo hướng tích cực chứ, bé con,” Thầy Trừ Tà đáp. “Đừng quên trước đây Quỷ Vương từng nhiều lần hoành hành trên thế gian này rồi. Nào phải lần đầu hăn ta hiện diện tại đây đâu.”

“Đúng là vậy thật,” Alice đồng tình. “Nhưng ngoài lần đầu tiên thì thường những lần còn lại đều ngăn ngui. Một phù thủy hay hiệp hội phù thủy nào đó gọi hăn về. Có nhiều giai thoại về chuyện này lắm, nhưng đại đa số tán thành rằng quỷ Satan nán lại chừng quá vài phút là cao tay. Chỉ vừa đủ thời gian để thỏa thuận hay ban điều ước đổi lấy một linh hồn. Lần này thì khác. Hăn trở về và có ý ở lại đây, với rất nhiều thời gian để thực hiện chính xác những gì hăn muốn.”

“Phải rồi, nhưng chắc chắn Quỷ Vương đang bận đi tìm những trò tai ương của riêng hăn để mà gieo rắc. Bé con nghĩ hăn *muốn* bị trói buộc vào ước nguyện của các hiệp hội phù thủy à? Lúc này đây, khi được tự do rồi, hăn sẽ làm những gì mình thích – chứ không phải những việc đám phù thủy sai bảo. Hăn sẽ đi chia rẽ các gia đình, khiến chồng trở mặt với vợ còn con thì chống đối cha; gieo rắc lòng tham và sự phản bội vào trái tim con người; xua đuổi cộng đoàn đi khỏi nhà thờ; làm lương thực thối rữa trong kho và gia súc gầy mòn chết chóc. Hăn sẽ thổi bùng sự tàn bạo của chiến tranh thành cơn khát máu, khiến binh sĩ quên đi lòng nhân đạo. Nói ngắn gọn, hăn sẽ làm gia tăng gánh nặng thống khổ của nhân loại, đồng thời khiến tình yêu và tình bằng hữu héo mòn như mùa màng gặp thời tai ương. Vâng, đúng là không hay cho mọi người, nhưng giờ đây chắc chắn Tom đang được an toàn

như tất cả những ai đang theo nghiệp bọn ta và chiến đấu chống lại bóng tối.”

“Hắn có những quyền năng gì vậy ạ?” Tôi hỏi, lòng thấy lo lắng khi nghe bao điều về Ác Quỷ như thế này. “Thầy có thể cho con biết thêm chẳng? Con nên lo lắng điều gì nhất nếu quả thực hắn đến tìm con ấy?”

Thầy Trừ Tà nhìn tôi đăm đăm, trong một lúc tôi cứ ngỡ thầy sẽ không trả lời mình. Nhưng rồi thầy thở dài và bắt đầu tóm tắt những quyền năng của Quỷ Vương.

“Như con biết đấy, người ta bảo hắn có thể thay hình đổi dạng tùy ý muốn. Hắn sẽ giở thủ đoạn gian trá để đạt được điều hắn cần, từ đâu từ đâu hiện ra và theo dõi con mà con chẳng hề hay biết. Những lần khác hắn để lại danh tính – dấu hiệu của Ác Quỷ – một loạt dấu chân thuộc bộ móng guốc cháy sém trên mặt đất. Tại sao hắn làm thế thì không ai rõ nhưng chắc chỉ để hù dọa người ta. Có người tin rằng bộ dạng thực của hắn gồm ghiếc đến nỗi liếc nhìn một cái cũng đủ làm con chết đi vì kinh hoàng. Có lẽ đấy chỉ là chuyện để dọa bọn trẻ con phải biết đọc kinh cầu nguyện thôi.”

“Nghĩ đến điều này hoàn toàn làm con sợ khiếp rồi!” Tôi vừa nói vừa liếc qua vai nhìn vào hốc trú ẩn tối.

“Nhưng quyền năng vĩ đại nhất của Quỷ Vương,” thầy tôi nói tiếp, “là khả năng làm xáo trộn thời gian. Hắn có thể khiến thời gian trôi đi thật nhanh, với những ai ở gần hắn, một tuần sẽ trôi qua trong chưa tới một giờ. Hắn cũng có thể làm điều ngược lại – khiến cho một phút dường như kéo dài đến vô tận. Có người còn bảo hắn có thể làm thời gian ngưng đọng hẳn, nhưng có rất ít chuyện kể về điều này...”

Hắn Thầy Trừ Tà đã trông thấy vẻ mặt lo lắng của tôi. Thầy liếc sang Alice, cô ấy đang mở to mắt nhìn thầy.

“Thôi nào, không nên tự làm mình lo lắng một cách vô ích,” thầy bảo. “Tất cả chúng ta lúc này đều đang gánh lấy rủi ro hết. Và Bill Arkwright sẽ có khả năng trông chừng cho Tom cũng tốt như là ta thôi.”

Alice trông chẳng hài lòng chút nào khi nghe những lời của Thầy Trừ Tà, nhưng ngay sau đấy cô xẻ thịt thỏ chia cho mọi người, làm tôi bận chúí mũi vào ăn mà quên cả lo lắng.

“Đêm nay đẹp trời đấy,” Thầy Trừ Tà ngược nhìn lên trời.

Tôi gật gù đồng tình, tay vẫn không ngừng tống từng miếng thịt thỏ béo ngậy vào mồm. Sao đêm tỏa sáng lung linh và dải Ngân Hà là một tấm rèm bạc lóng lánh vắt qua khoảng trời.

Nhưng đến sáng thì thời tiết đã thay đổi và sương mù phủ mờ sườn đồi. Cũng không hẳn là tồi tệ gì lắm vì chúng tôi vẫn phải đi vòng ven Caster. Trong tòa lâu đài xa xưa ở nơi ấy, người ta từng xét xử phù thủy trước khi đem chúng đi treo cổ trên ngọn đồi ngay bên ngoài thành phố. Một số cha xứ xem kẻ trừ tà cùng người học việc là kẻ thù của Giáo hội, nên Caster không phải là nơi cho chúng tôi nấn ná làm gì.

Trước mười giờ, chúng tôi băng qua thị trấn phía đông rồi thẳng bước lên cây cầu dẫn về hướng bắc đầu tiên bắc qua dòng kênh. Sương mù lừng lờ dày đặc trên mặt nước và vạn vật im lặng như tờ. Dòng kênh còn rộng hơn tôi tưởng. Nếu bước được trên mặt nước, thì để băng từ bờ này sang bờ kia hẳn sẽ cần đến hai mươi sải. Nhưng dòng nước âm u tĩnh lặng, cho thấy nước rất sâu. Không có lấy một gợn gió nào và mặt nước phản chiếu cây cầu cong cong tạo thành một hình bầu dục, còn khi nhìn xuống, tôi có thể trông thấy bản mặt buồn rầu của mình đang nhìn ngược lại.

Một lối xe kéo lát đá bọt chạy song song hai bờ kênh, viền ngoài hai bên lối đi là hàng rào cây táo gai lơ thơ. Vài thân cây xác xơ, trụi lá rủ những cành cây khẳng khiu lên lối đi, xa xa bên ngoài dãy rào, mấy cánh đồng nhanh chóng biến mất vào màn sương.

Không thấy bóng dáng Arkwright đâu cả. Chúng tôi kiên nhẫn chờ gần một giờ đồng hồ, cái lạnh bắt đầu ngấm vào xương tủy, nhưng Arkwright thì vẫn chưa thấy xuất hiện.

“Có gì không ổn rồi,” cuối cùng Thầy Trừ Tà lên tiếng. “Arkwright có khuyết điểm đấy nhưng trẻ giờ chưa khi nào cả. Ta không thích chuyện này!

Nếu anh ta không có mặt tại đây nghĩa là có thứ gì đó đã ngăn không cho anh ta đến. Thứ ngoài tầm kiểm soát của anh ta.”

CHƯƠNG 4: CỐI XAY

Thầy Trừ Tà vừa mới quyết định chúng tôi nên tiếp tục đi lên hướng bắc về phía Kendal thì có tiếng động vọng đến. Là tiếng vó ngựa đều đều và tiếng nước rẽ xào xạc. Và rồi, từ trong màn sương mù lù lù hiện ra hai chú ngựa thồ to đùng, con này đóng cương nối đuôi con kia. Hai chú ngựa do một người đàn ông mặc áo tunic bằng da dẫn đi trên lối kéo xe và kéo theo sau một chiếc sà lan dài hẹp.

Khi chiếc sà lan trôi qua dưới cầu, tôi trông thấy người đàn ông liếc nhìn về phía chúng tôi. Đoạn ông ta cho hai con ngựa từ từ dừng lại, buộc chúng vào lối kéo xe rồi thong thả bước lên cây cầu gỗ từng sải một vững chãi, hai vai lắc lư một cách tự tin. Ông này không cao nhưng đậm người, hai bàn tay to lớn, và bất chấp trời lạnh, dưới lớp áo chên bằng da, hai nút áo sơ mi được cởi ra, để lộ mảng lông nâu.

Đa số người ta sẽ băng sang bên kia đường để tránh đi ngang qua một kẻ trừ tà, nhưng người đàn ông này lại tươi cười, và ngạc nhiên làm sao, ông ta đi thẳng đến chỗ thầy tôi mà chìa tay ra. “Tôi đoán chắc đây là thầy Gregory.” Người lạ mặt mỉm cười sáng rỡ. “Tôi là Matthew Gilbert. Bill Arkwright bảo tôi đến đây đón thẳng bé...”

Hai người bắt tay, thầy tôi cũng cười đáp lễ. “Ta cũng rất mừng khi được gặp anh, anh Gilbert ạ,” thầy tôi đáp, “nhưng anh Arkwright không khỏe để tự mình đến hay sao thế?”

“Không, không phải thế đâu ạ, mặc dù ông ấy không được khỏe,” ông Gilbert giải thích. “Chỉ là người ta vừa tìm thấy một thi thể dưới nước – bị hút sạch máu như những thi thể khác. Là thi thể thứ ba trong hai tháng nay rồi nên Bill phải lên phương bắc để điều tra. Đạo gần đây thế lực bóng tối dường như tác oai tác quái thường xuyên hơn nên ông ấy bận rộn dữ lắm.”

Thầy Trừ Tà trầm ngâm gật gù nhưng không bàn luận gì. Thay vào đó thầy đặt tay lên vai tôi. “Thôi, đây là Tom Ward. Ta cứ tưởng anh bạn này

phải cuộc bộ chứ – chắc hẳn cậu ta mừng lắm khi được chở đi...”

Ông Gilbert mỉm cười, đoạn bắt lấy tay tôi. “Rất vui được gặp cậu, cậu Tom. Nhưng giờ thì tôi để cậu thoải mái từ biệt đây. Thế tôi sẽ gặp cậu dưới kia nhé,” ông vừa nói vừa hất đầu về phía sà lan rồi bước xuống.

“À anh bạn, đừng quên viết thư đấy. Con có thể gửi thư cho bọn ta sau tuần đầu tiên để chúng ta biết con hòa nhập thế nào,” Thầy Trừ Tà đưa tôi vài ba đồng tiền bạc. “Còn đây là chút ít cho Bill Arkwright phụ nuôi dưỡng con.” Rồi thầy đặt một đồng tiền vàng vào tay tôi. “Ta không nghĩ con sẽ gặp rắc rối gì đâu. Cứ làm việc hăng hái cho Arkwright như con đã làm việc cho ta thì mọi chuyện sẽ êm xuôi thôi. Con sẽ có một người thầy khác cùng cách làm việc của riêng anh ta trong một thời gian và nhiệm vụ của con là phải thích ứng với người ấy – chứ không phải ngược lại. Hãy cập nhật tập vở và ghi chép mọi điều Arkwright dạy con – cho dù đấy không hẳn giống với những gì ta từng dạy. Có thêm góc nhìn nhận khác bao giờ cũng hay cả, và cho đến lúc này thì Arkwright là chuyên gia về mọi thứ dưới nước đấy. Nên con hãy lắng nghe cẩn thận và luôn cảnh giác đề phòng. Hiện thời toàn Hạm là một nơi nguy khốn. Tất cả chúng ta đều cần tỉnh táo khôn ngoan!”

Dứt lời, Thầy Trừ Tà gạt đầu chào tôi rồi quay bước. Chỉ đến khi thầy rời khỏi cầu thì Alice mới tiến đến. Cô quàng tay ôm tôi thật chặt.

“Ôi Tom! Tom! Tớ sẽ nhớ cậu đấy,” Alice nói.

“Tớ cũng sẽ nhớ cậu,” tôi đáp, một cục nghẹn trào dâng trong họng.

Alice lùi ra và giữ tôi trong khoảng cách một sải tay. “Làm ơn bảo trọng nhé. Nếu có chuyện gì xảy đến cho cậu thì tớ không chịu nổi mất...”

“Sẽ không sao đâu,” tôi cố làm Alice yên lòng. “Với lại tớ biết tự chăm sóc mình mà. Đến bây giờ cậu phải rõ rồi chứ.”

“Nghe này,” cô thoáng nhìn qua vai, “nếu cậu gặp rắc rối hay cần kể gấp cho tớ nghe chuyện gì, hãy dùng đến gương nhé.”

Những lời Alice nói khiến tôi sững sốt đến độ phải lùi lại một bước. Phù thủy sử dụng gương để liên lạc thông tin với nhau và tôi từng trông thấy Alice dùng gương một lần. Thầy Trừ Tà sẽ hoảng kinh lên mất nếu nghe

thấy những gì cô vừa nói. Những cách thức như vậy thuộc về thế lực bóng tối và thầy sẽ không bao giờ cho phép chúng tôi liên lạc với nhau theo cách này.

“Không lý do gì phải nhìn tớ như thế đâu Tom,” Alice nài nỉ. “Cậu chỉ cần đặt cả hai bàn tay lên gương và tập trung hết sức nghĩ về tớ. Nếu lần đầu không được, cứ việc cố gắng thử lại.”

“Không, Alice à, tớ sẽ chẳng làm bất cứ chuyện gì như thế,” tôi tức giận bảo với Alice. “Đây là cách hành xử của thế lực bóng tối và tớ có mặt ở đây để chống lại nó, chứ không phải một phần của nó...”

“Không đơn giản thế đâu Tom. Đôi khi ta cần chống lại thế lực bóng tối bằng bóng tối. Hãy nhớ điều này, dù cho Lão Greogory có nói gì. Và hãy cẩn thận. Đây không phải là nơi an toàn để sống trong Hạt. Tớ từng đến đây cùng Lizzie Xương Xấu và sống bên mép đầm lầy, không xa cối xay của Arkwright cho lắm. Nên làm ơn đi, cẩn thận nhé!”

Tôi gật đầu, và rồi, ngẫu hứng nổi lên, tôi rướn tới hôn lên má trái Alice. Cô thụt lùi và tôi thấy nước mắt ngấn đầy hai mắt cô. Việc chia tay với cả hai chúng tôi thật khó khăn. Đoạn Alice quay đi, bỏ chạy khỏi cầu. Phút chốc sau cô biến mất vào màn sương.

Tôi buồn bã bước xuống lối xe kéo. Matthew Gilbert đang đứng chờ tôi và chỉ vào chiếc ghế gỗ phía trước sà lan. Tôi ngồi xuống, đưa mắt nhìn quanh. Sau lưng tôi là hai cánh cửa sập to tương bằng gỗ, ổ khóa treo hờ trên đấy. Đây là một chiếc sà lan chuyên chở và chắc chắn có loại hàng hóa nào đó đang được chất dưới kia.

Chập sau chúng tôi đã tiến về phía bắc. Tôi cứ liếc nhìn lại cây cầu mãi, hy vọng trong tuyệt vọng rằng Alice sẽ hiện ra để tôi có thể trông thấy cô lần cuối. Alice chẳng xuất hiện, khiến tôi ôm nỗi đau trong lòng khi phải bỏ cô lại như vậy.

Chúng tôi liên tục đi ngang qua sà lan di chuyển theo hướng đối diện. Mỗi lúc như thế, ông Gilbert lại vui vẻ vẫy tay chào người chèo sà lan bên kia. Các loại thuyền mang kích cỡ khác nhau nhưng đều dài, hẹp và có một hay

nhều cánh cửa sập. Nhưng trong khi có nhiều thuyền được chăm sóc cẩn thận, sơn phết sắc sỡ nhiều màu, thì những chiếc khác lại đen thui u ám, vương vãi trên boong mấy mẻ than cho thấy dưới thuyền kia đang chứa thứ gì.

Khoảng một giờ chiều, ông Gilbert cho ngựa dừng lại, dỡ cương ra rồi cột chúng vào ven vạt cỏ xô xảm nào đấy bên cạnh dòng kênh. Trong khi lũ ngựa gặm cỏ, ông Gilbert nhanh nhẹn đốt lửa soạn bữa trưa cho cả hai. Tôi hỏi xem mình có giúp gì được không nhưng ông ấy chỉ lắc đầu.

“Khách thì không phải nhúng tay vào đâu,” ông Gilbert đáp. “Nếu là tôi, tôi sẽ nghỉ ngơi khi có thể. Bill Arkwright bắt thợ học việc làm việc kinh lắm. Nhưng đừng hiểu sai ý tôi nhé, ông ấy là một người tốt – rất thạo việc – ông ấy đã cống hiến rất nhiều cho Hạt này. Và ông ấy cũng rất kiên trì nữa. Một khi đã phát hiện ra con mồi rồi thì ông ấy sẽ không bao giờ buông tha đâu.”

Ông Gilbert gọt khoai tây, cà rốt rồi luộc chúng trong nồi. Chúng tôi ngồi ở cuối sà lan, chân đung đưa trên mặt nước, bốc thức ăn từ hai chiếc đĩa gỗ. Thức ăn không được nấu đủ lâu nên cả cà rốt lẫn khoai tây vẫn còn sượng. Nhưng tôi đói đến nỗi có thể chén luôn cả hai chú ngựa thồ ấy chứ, nên tôi nhai sạch và nuốt tất. Chúng tôi im lặng dùng bữa, nhưng sau một hồi, vì phép lịch sự, tôi thử làm cho người lái thuyền trò chuyện.

“Bác quen ông Arkwright lâu chưa ạ?” Tôi hỏi.

“Khoảng mười năm hoặc hơn,” ông Gilbert đáp. “Bill từng sống tại cối xay cùng bố mẹ nhưng họ đã qua đời nhiều năm trước. Từ khi trở thành thầy trừ tà trong vùng thì ông ấy trở thành khách hàng thân thiết của tôi. Mỗi tháng mua một lượng lớn muối. Tôi có chất đầy năm thùng lớn cho ông ấy đây. Tôi cũng mang nhu yếu phẩm khác đến cho Arkwright nữa: nển này, thức ăn này – đủ thứ. Nhất là rượu vang. Bill thích rượu lắm. Không phải rượu cây cơm cháy hay bồ công anh thông thường đâu. Ông ấy thích vang đỏ hơn. Rượu này thường được tàu chở đến mũi Sunderland rồi chuyển vào đất liền đến Kendal, tôi chất hàng lên sà lan mỗi tháng một lần. Bill trả tôi hậu hĩ lắm.”

Tôi thấy ấn tượng với lượng muối. Thầy trừ tà dùng muối kết hợp với bột sắt phủ bên trong các hố khi chèn ông kẹ. Muối cũng có thể được dùng như vũ khí chống lại các sinh vật từ bóng tối. Nhưng chúng tôi sử dụng một lượng muối tương đối nhỏ và chỉ mua những bịch be bé từ cửa hàng tạp hóa trong làng. Tại sao Arkwright lại cần đến những năm thùng muối mỗi tháng nhỉ?

“VẬY ĐÂY LÀ HÀNG BÁC CHỜ BÂY GIỜ SAO – MUỐI VÀ RƯỢU VANG À?” Tôi hỏi.

“Lúc này dưới khoang còn rỗng,” ông vừa đáp vừa lắc đầu. “Tôi vừa mới giao một mẻ mái ngói đá cho tay thợ xây ở Caster và sẽ quay lại mỏ đá lấy thêm ít nữa. Làm nghề này bọn tôi chuyên chở đủ loại hết. Tôi sẽ vận chuyển bất cứ thứ gì ngoài than ra – than choáng quá nhiều chỗ, lại rẻ mạt đến nỗi chẳng đáng khóa cửa sập ngăn ngừa trộm cắp. Với lại thứ muội than đen đen ấy bám khắp nơi, nên tôi chở ra cho mấy tay chuyên tải than vậy.”

“Thế cối xay của ông Arkwright – ở ngay trên dòng kênh ạ?”

“Cũng gần như thế,” ông Gilbert đáp. “Từ trên sà lan cậu sẽ không nhìn ra đâu – nơi ấy bị cây cối bụi rậm che phủ – nhưng đứng trên bờ kênh cậu có thể ném hòn đá nhỏ đến tận mép vườn mà không cần phải vận lắm sức. Một nơi lẻ loi cô độc, nhưng chắc chắn cậu sẽ quen ngay thôi mà.”

Chúng tôi lại chìm vào im lặng, nhưng rồi tôi nghĩ đến điều từng làm mình chú ý trong chuyến hành trình.

“CÓ RẤT NHIỀU CẦU BẮC QUA DÒNG KÊNH NÀY. SAO PHẢI CẦN NHIỀU ĐẾN THẾ Ạ?”

“Tôi sẽ không phản đối nhận xét này đâu,” ông Gilbert gật gù. “Khi người ta đào con kênh này, dòng kênh đã chia rất nhiều nông trang thành hai nửa. Người ta không chỉ bồi thường cho nông dân vì đã chiếm đất mà còn phải cung cấp cho họ lối đi vào đồng ruộng nằm hai bên con kênh nữa. Thêm một lý do khác. Ngựa thồ và sà lan di chuyển theo bên trái. Vậy nên khi cần đổi hướng, ngựa của cậu phải đổi qua bờ bên kia. Mà thôi, tốt nhất chúng ta nên lên đường tiếp nào. Đến được cối xay trước lúc trời tối thì hay hơn.”

Ông Gilbert móc ngựa vào sà lan, và chẳng bao lâu sau chúng tôi lại từ từ tiến lên phía bắc. Lúc bình minh trời mù sương, nhưng thay vì bị sức nóng

từ mặt trời làm tan đi, chúng lại kết dày hơn, khiến tầm nhìn chỉ còn giới hạn trong mấy bước chân. Tôi có thể trông thấy phần đuôi của con ngựa gần nhất, nhưng con đồng hành với nó lẫn ông Gilbert đều bị khuất mắt. Ngay cả tiếng vó ngựa lộc cộc nhịp nhàng cũng biến thành nghèn nghệt. Chúng tôi thường xuyên băng qua bên dưới một cây cầu, nhưng ngoài việc đó thì chẳng còn gì để xem, tôi thấy chán vì chỉ ngồi ì ra đấy.

Chừng một giờ đồng hồ trước khi trời tối, ông Gilbert cho ngựa dừng lại và đi đến nơi tôi đang ngồi. “Ta đến rồi!” ông vui vẻ reo lên, chỉ tay vào màn sương. “Nhà của Bill Arkwright ở ngay đằng trước kia...”

Thu dọn túi đồ cùng thanh trượng, tôi lồm cồm leo lên đường kéo xe. Trên bờ kênh là một cây cột lớn, ông Gilbert cột chú ngựa dẫn đường vào đấy. Phần trên cây cột trông giống như dàn giáo treo cổ và có treo một cái chuông to tướng.

“Tôi rung chuông khi mang hàng đến,” ông Gilbert hất đầu về phía cây cột. “Năm tiếng chuông đồng đạc để báo cho Bill biết là tôi cùng các món hàng chứ không phải ai đấy đang cần đến thầy trừ tà – trong trường hợp này, theo thông lệ là rung ba tiếng. Bill sẽ ra tận đây để nhận lấy những gì tôi mang đến. Nếu nhiều quá thì thỉnh thoảng tôi phụ giúp ông ấy mang đến ven vườn. Bill không thích bất cứ ai vào gần hơn thế đâu!”

Tôi hiểu chứ. Việc này thì ông ta giống như thầy tôi thôi. Người cần đến sự giúp đỡ rung chuông ngoài ngã tư đường và thường là tôi được sai ra tìm hiểu họ muốn gì.

Tất cả những gì tôi trông thấy từ cây cột trở đi là một màn sương xám xịt, nhưng tôi có thể nghe ra tiếng suối chảy òng ọc đâu đó bên dưới. Đến khu vực này thì con kênh được nâng cao lên so với những cánh đồng bao quanh. Từ lối kéo xe, một bờ cỏ dốc đứng xuôi xuống rồi chìm khuất trong màn sương.

“Từ đây đến mép vườn nhà ông ấy chỉ chừng chín mươi bước chân,” ông Gilbert bảo. “Ngay dưới chân bờ kênh là một con suối. Cứ men theo đấy mà đi. Con suối đổ thẳng xuống bên dưới nhà và từng dùng để quay những bánh

xe nước khi nơi này còn là cối xay nước. Dù sao cũng chúc cậu may mắn nhé. Chắc chắn tôi sẽ gặp lại cậu vào lần tới khi tôi ghé qua đèm muối đến – hay là mấy thùng rượu,” ông nói thêm, nháy mắt với tôi.

Nói đoạn, ông Gilbert tháo ngựa ra, bước đi vào màn sương. Một lần nữa tiếng vó ngựa nghèn nghẹt vang lên và chiếc sà lan trôi lên phía bắc. Tôi vẫn đứng đấy cho đến khi không nghe thấy tiếng vó ngựa nữa. Thế rồi, ngoài tiếng nước róc rách dưới chân mình, bốn bề xung quanh tôi lặng ngắt. Tôi rùng mình. Chưa khi nào tôi cảm thấy cô đơn đến thế.

Tôi dò dẫm đi xuống bờ kênh dốc rồi thấy mình đứng trên mép dòng suối chảy xiết. Dòng nước đổ về phía tôi trước khi rần rật chảy vào đường hầm tối đen dưới dòng kênh, chắc chắn sẽ lộ ra ở bên phía bên kia. Tâm nhìn đã được cải thiện chút ít nhưng vẫn không nhiều hơn mười hai bước chân ra mọi hướng. Tôi bắt đầu lội ngược dòng suối, lần theo lối đi sinh lầy hướng về ngôi nhà, lòng mong ngóng ngôi nhà sẽ từ trong màn sương hiện ra bất cứ lúc nào.

Nhưng tôi chỉ nhìn thấy toàn cây là cây – những hàng liễu rủ – ở hai bên bờ kênh, cành cây phết xuống mặt nước. Ngay lập tức mấy cành cây ấy cản trở đường đi của tôi, làm tôi phải liên tục cúi mình né tránh. Cuối cùng, tôi đến được ven ngoài khu vườn nhà Arkwright, một hàng dày thực vật chùng như không xuyên qua nổi gồm những thân cây trụ lá, bụi rậm và cây non. Tuy nhiên, trước hết còn có một rào cản khác phải vượt qua.

Khu vườn được bao bọc bằng hàng rào sắt hoen gỉ: những cọc rào cao ba mét, đầu nhọn hoắc, nối với nhau bằng ba hàng thanh sắt ngang. Làm sao tôi có thể vào trong vườn đây? Leo qua hàng rào sẽ khó khăn lắm, tôi lại không muốn liều lĩnh để rồi bị cọc xiên qua người khi trèo lên đến đỉnh. Thế là tôi men theo bờ rào cong cong về bên trái, hy vọng tìm ra một lối vào khác. Đến lúc này tôi bắt đầu thấy bức ông Matthew Gilbert. Ông ấy bảo tôi men theo dòng suối nhưng lại chẳng buồn giải thích tôi sẽ tìm thấy gì hay là có cách nào vào được đến trong nhà.

Tôi men theo hàng rào chừng vài phút thì dưới chân bắt đầu trở nên vô cùng lầy lội. Có bao nhiêu là bụi cỏ mọc trong đầm lầy cùng các vũng nước,

và để tìm thấy nền đất tương đối cứng chắc hơn, tôi buộc phải bước đi khi vai phải gần như cạ vào hàng rào. Rốt cuộc tôi cũng đến được một khoảng hở hẹp.

Tôi len người chui vào trong vườn, gặp ngay một mương đầy nước. Dòng nước âm u tối tăm, không thể đoán biết là mương này sâu bao nhiêu. Mà để băng qua bên kia cũng mất ít nhất chín bước – dù có chạy lấy đà cũng không thể nhảy qua. Tôi nhìn trái nhìn phải nhưng chẳng còn cách nào khác. Thế là tôi dùng trượng dò thử, và thật ngạc nhiên làm sao, mực nước không cao quá đầu gối tôi. Con mương trông như một đường hào phòng vệ nhưng rõ ràng là quá cạn. Vậy thì mương này dùng để làm gì?

Thắc mắc vô cùng, tôi lội qua mương, ngay lập tức đá quần tôi ướt sũng. Đám cây bụi đang chờ tôi bên kia bờ nhưng lại có một lối mòn hẹp dẫn xuyên qua chúng, và sau một đôi lối mòn hướng ra một quãng đất rộng mọc toàn cỏ thô, ở đây có vài cây liễu gai to lớn nhất tôi từng thấy. Những cây liễu trôi lên khỏi đám sương mù như những tên khổng lồ, với những ngón tay ốm nhách, dài xọc, ướt át quét vào quần áo của tôi và vướng vào tóc tôi.

Cuối cùng, tôi nghe có tiếng suối chảy róc rách trước khi lần đầu tiên nhắc thấy ngôi nhà cối xay nước của ông Arkwright. Nơi này rộng hơn nhà Thầy Trừ Tà tại Chipenden nhưng chỉ có kích cỡ ngôi nhà là ấn tượng. Nhà được xây bằng gỗ, đã hư nát cả và tọa lạc xiên xẹo trên nền đất, mái và tường nhà giao nhau ở một góc kỳ quặc; mái nhà xanh lè những nhớt, trong khi cỏ dại và mầm cây con đâm ra lún phún trên máng xối. Nhiều nơi của ngôi nhà trông rệu rã và đổ nát, như thể toàn bộ khối kiến trúc đang kéo dài thời gian, chờ đến cái chết không tránh khỏi của mình trong cơn giông đầu tiên của mùa đông.

Trước nhà, dòng suối ào ào đổ vào bánh xe nước bằng gỗ to dùng cứ mãi im lìm bất động, bất chấp lực chảy cuộn cuộn; dòng nước này lại ồ ạt chảy vào đường hầm tối om bên dưới tòa nhà. Quan sát bánh xe nước kỹ hơn, tôi trông thấy bánh xe đã mục ruỗng và gãy đổ, chắc hẳn không xoay vần được gì cả năm trời rồi.

Cánh cửa đầu tiên tôi đi đến bị đóng ván chắn lại, cả những cửa sổ cạnh đây cũng thế. Do đó tôi bước về phía dòng suối cho đến khi đến được hàng hiên hẹp bao lấy một cánh cửa to lớn, vững chãi. Trông như là cửa chính nên tôi gõ lên đây ba lần. Có lẽ lúc này ông Arkwright đã về nhà rồi chẳng? Khi không ai ra mở cửa, tôi lại gõ lần nữa, lần này mạnh tay hơn. Sau cùng, tôi thử vặn nắm cửa. Cửa bị khóa.

Tôi nên làm gì bây giờ? Ngồi trên bậc tam cấp trong tiết trời lạnh lẽo ẩm ướt này chẳng? Thời tiết ban ngày đã đủ tệ rồi, trong khi chẳng bao lâu nữa trời sẽ tối. Chẳng có gì bảo đảm ông Arkwright sẽ quay về trước đây. Việc điều tra vụ xác chết trong nước có thể mất đến vài ngày.

Có một cách giải quyết vấn đề rắc rối của tôi. Tôi có chiếc chìa khoá đặc biệt do ông Andrew, người anh hành nghề thợ khóa của Thầy Trừ Tà, làm cho. Mặc dù chìa này có thể mở đa số các cửa, và tôi nghĩ cánh cửa trước mặt mình đây cũng không khó khăn gì mấy, nhưng tôi lại do dự không muốn dùng đến nó. Chỉ là có vẻ không phải lần khi đi vào nhà ai đó mà không có sự cho phép của họ, thế là tôi quyết định chờ thêm chập nữa, xem ông Arkwright cuối cùng có xuất hiện không. Chẳng bao lâu sau, cái lạnh và hơi ẩm bắt đầu ngấm vào xương tủy, và tôi đổi ý. Ngã nào thì tôi cũng sẽ sống sáu tháng tại đây và ông Arkwright đang chờ tôi đến cơ mà.

Chiếc chìa khóa xoay chuyển nhẹ nhàng trong ổ nhưng cánh cửa kéo kẹt rên rỉ trên bản lề khi nó từ từ mở ra. Bên trong cối xay tối mù mù, không khí ẩm ướt, mốc meo, nồng nặc mùi rượu cũ. Tôi chỉ bước một bước vào trong, đợi cho hai mắt mình làm quen, rồi nhìn quanh. Đầu kia căn phòng có chiếc bàn lớn, chính giữa bàn là một cây nến đặt trên chân nến nhỏ bằng đồng. Tôi đặt trượng xuống rồi dùng túi đồ chặn cửa, để cho chút ánh sáng lọt vào trong phòng. Lấy từ trong túi ra hộp đánh lửa, tôi nhanh chóng thắp nến lên. Xong xuôi, tôi trông thấy một mảnh giấy đặt trên bàn, dùng chân nến đè lên. Liếc qua một loáng, tôi biết đây là tin nhắn cho mình nên cầm lên rồi bắt đầu đọc.

Cậu Ward thân mến,

Có vẻ như cậu đã sử dụng đến sáng kiến của mình, bằng không thì cậu sẽ phải qua đêm ngoài kia trong bóng tối, một trải nghiệm không được vui sướng gì. Tại đây, cậu sẽ thấy mọi chuyện rất khác với khi còn ở Chipenden.

Mặc dù tôi theo cùng một nghiệp như thầy Gregory, song chúng tôi lại làm việc theo cách khác nhau. Nhà của thầy cậu là một nơi trú náu, được thanh sạch ngay từ bên trong, nhưng ở đây, những kẻ đã chết không thanh thản lại đi lại khắp nơi và mong ước của tôi là họ phải làm như vậy. Họ sẽ không làm hại cậu đâu, nên hãy để họ yên. Đừng ra tay gì cả.

Trong chạn có thức ăn và có cả củi đốt lò cạnh cửa chính, nên cậu cứ ăn cho no rồi ngủ ngon nhé. Tốt nhất là ngủ trong bếp và chờ tôi trở về. Đừng lang thang xuống nơi thấp nhất trong nhà và cũng đừng thử đi vào căn phòng được khóa trên tầng cao nhất.

Vui lòng tôn trọng những gì tôi muốn, vì lợi ích của cả tôi lẫn cậu.

Bill Arkwright

CHƯƠNG 5: TIẾNG THÉT CHÓI TAI

Tôi thấy lời bàn của ông Arkwright về những kẻ đã chết thật lạ. Tại sao ông ấy lại để họ quấy nhiễu sự tĩnh lặng trong ngôi nhà của mình cơ chứ? Chẳng phải nhiệm vụ của ông ấy là ban cho họ sự thanh thản bằng cách đưa họ về miền ánh sáng hay sao? Đây hẳn nhiên là việc mà Thầy Trừ Tà sẽ làm. Nhưng thầy tôi đã giải thích rằng ông Arkwright có thể xử lý nhiều chuyện theo cách khác và nghĩa vụ của tôi là phải thích nghi với cách làm của ông ta.

Tôi nhìn quanh, mãi đến giờ tôi mới có thể quan sát căn phòng cận kề. Căn phòng không được thú vị cho lắm – không phải một phòng khách đúng nghĩa. Các cửa sổ đều bị đóng ván kín mít, chả trách sao trong này lại âm u u. Chắc chắn nơi đây từng được dùng làm nhà kho khi khu nhà còn là một cối xay nước. Bên trong không có lò sưởi, ngoài chiếc bàn ra thì những đồ đạc duy nhất là hai chiếc ghế có lưng tựa, đặt ở hai góc phòng đối diện nhau. Tuy nhiên, lại có nhiều sọt chứa rượu xếp chồng lên nhau dựng sát tường cùng một dãy dài những chai rượu rỗng. Bụi bặm lẫn mạng nhện giăng đầy vách lẫn trần nhà, và mặc dù cửa chính mở thẳng vào phòng, nhưng rõ ràng là ông Arkwright chỉ dùng phòng này làm lối đi sang những nơi khác trong nhà mà thôi.

Tôi dịch túi đồ xa khỏi cửa trước khi khóa cửa lại. Tiếp đến, tôi cầm ngọn nến trên bàn lên đi sang phòng bếp. Cửa sổ bên trên chậu rửa chén không bị đóng ván nhưng ngoài trời vẫn còn mù sương và ánh nắng đang bắt đầu lịm tắt. Đặt trên mép cửa sổ là một trong những con dao to nhất mà tôi từng thấy. Rõ ràng dao này không dùng vào việc chuẩn bị thức ăn rồi! Tuy vậy, căn bếp trông ngăn nắp hơn là tôi tưởng, không một chút bụi, đĩa, tách và nồi niêu xếp ngay ngắn trong tủ chén sát tường cùng một bàn ăn nhỏ cùng ba chiếc ghế gỗ. Tôi tìm thấy trong chạn chén đầy nhóc những phô mai, thịt nguội, thịt muối và nửa ổ bánh mì.

Thay vì lò sưởi thì trong này có một bếp lò to tướng, rộng nhiều hơn là cao, với hai cửa và ống khói bằng sắt uốn éo phía trên lò để dẫn lên trần nhà. Cánh cửa bên trái để mở, làm lộ ra một chảo rán bên trong; cửa bên phải chất đầy củi và rơm, đã sẵn sàng được đun lên. Rõ ràng đây là cách duy nhất để sưởi ấm và nấu nướng trong một tòa nhà bằng gỗ như thế này.

Không chần chừ gì nữa, tôi dùng hộp đánh lửa nhóm lò. Căn bếp nhanh chóng tràn ngập hơi ấm rồi sau đấy tôi bắt đầu rán ba lát thịt muối thật dày. Bánh mì đã khô queo, ăn hết ngon nhưng đem nướng lại thì còn tốt chán. Dù không có chút bơ nào, thức ăn vẫn được đánh chén ngon lành và chẳng mấy chốc tôi cảm thấy khá hơn nhiều.

Tôi bắt đầu buồn ngủ nên quyết định đi lên lầu tìm phòng, hy vọng xác định được phòng nào dành cho mình. Tôi mang nệm theo và hóa ra đây là một quyết định sáng suốt. Cầu thang chẳng thể nào tối tăm hơn. Trên tầng một có bốn cánh cửa. Cánh cửa đầu tiên dẫn vào một căn phòng ngổn ngang những thùng rỗng, tấm trải nệm bẩn và đủ thứ rác rưởi linh tinh bốc mùi mốc meo thối rữa gây khó chịu. Các bức vách có những mảng ố vì bị ẩm, còn mấy đồng khăn trải nệm lại mốc xanh mốc đỏ cả lên. Hai cánh cửa tiếp theo dẫn vào hai phòng ngủ đơn. Trong phòng đầu tiên, mấy tấm trải nệm nhàu nát cho thấy đã từng có người ngủ trên giường; phòng thứ hai đặt một chiếc giường trơ tấm nệm. Căn phòng này dành cho tôi chăng? Nếu là thế, tôi muốn quay về Chipenden lắm lắm. Trong căn phòng trống trải tẻ nhạt này, chẳng còn thứ đồ đạc nào khác và không gian xung quanh tôi thì vừa lạnh vừa ẩm.

Căn phòng thứ tư có một chiếc giường đôi rộng rãi. Ngay chân giường là một đồng chăn chất bừa bộn, và lại tấm trải nệm cũng nhàu nhĩ. Phòng này mang đến cảm giác có gì đấy không ổn khiến tóc gáy tôi bắt đầu dựng lên. Tôi rùng mình, giơ ngón nện lên cao hơn và tiến lại gần. Chiếc giường trông ẩm ướt, rồi khi tôi chạm nhẹ mấy ngón tay vào đấy, tôi thấy giường ướt sũng. Ướt đến mức như có ai đổ chùng nửa tá thùng nước đầy lên trên ấy. Tôi ngược nhìn trần nhà nhưng chẳng thấy có lỗ hổng nào lẫn dấu vết của

những vết bẩn do bị rò rỉ. Vậy làm sao chiếc giường lại ướt đến thế? Tôi nhanh chóng lùi ra ngoài, đóng cửa lại thật chặt sau lưng mình.

Càng nghĩ tôi càng không thích tầng nhà này. Bên trên còn có một tầng nữa nhưng ông Arkwright đã dặn tôi phải tránh xa, nên tôi quyết định nghe theo lời khuyên của ông mà ngủ trên sàn bếp vậy. Ít ra nơi ấy khô ráo và sức nóng từ bếp lò sẽ giúp tôi được ấm cho đến sáng.

Ngay sau lúc nửa đêm, có thứ gì đó đánh thức tôi dậy. Căn bếp hầu như tối thui, chỉ có chút ánh sáng yếu ớt phát ra từ bếp lò.

Điều gì đã phá rối tôi thế? Có phải ông Arkwright quay về rồi chẳng? Nhưng tóc tai sau gáy tôi lại dựng lên và tôi rùng mình. Là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, tôi nhìn ra và nghe thấy những thứ mà người khác không thể. Arkwright đã bảo những người chết không thanh thản đang hiện diện trong ngôi nhà này. Nếu là thế, chắc hẳn tôi sẽ sớm biết ngay thôi.

Tức thì từ đâu đó bên dưới vang lên tiếng rì rầm trầm đục rung rung truyền thẳng qua những bức tường của cối xay. Gì thế nhỉ? Âm thanh này dường như mỗi lúc một lớn dần.

Tôi tò mò lắm nhưng quyết định không đứng lên. Ông Arkwright đã bảo tôi không được làm gì. Chẳng phải chuyện của tôi. Nhưng dù thế, tiếng động này nghe thật đáng sợ và làm người ta bất an. Tôi không thể ngủ lại, mặc cho có cố đến mức nào. Dần dà tôi nhận ra âm thanh này là gì. Là tiếng bánh xe nước. Bánh xe nước đang quay! Hay ít ra nghe có vẻ như thế.

Thế rồi một tiếng thét chói tai vang lên và âm thanh rì rầm ngừng phắt, nhanh như khi nó bắt đầu. Một tiếng thét khủng khiếp và chất chứa nỗi đau đớn cùng cực đến mức tôi phải bịt hai tai lại. Tất nhiên làm thế cũng đâu giúp ích gì. Âm thanh ấy ở trong đầu tôi – là dấu vết còn lưu lại của chuyện gì đấy đã xảy ra trong cối xay này từ bao nhiêu năm trước. Tôi đang nghe thấy ai đó trong cơn đau kinh khiếp.

Cuối cùng tiếng thét cũng lịm dần và vạn vật thanh bình yên tĩnh trở lại. Những gì tôi vừa mới nghe thấy cũng đủ để đuổi hết mọi người ra khỏi nhà. Tôi là cậu bé học việc của thầy trừ tà nên những chuyện như thế là một phần

trong công việc, nhưng tôi vẫn thấy sợ – toàn thân tôi đang run lấy bầy. Ông Arkwright từng bảo trong nhà chẳng có thứ gì làm hại được tôi, tuy nhiên, có chuyện kỳ lạ đang diễn ra tại đây. Chuyện gì đấy khủng khiếp hơn chỉ là trò ma ám thông thường.

Dù thế, từ từ rồi tôi cũng bình tâm hơn, và chẳng bao lâu sau tôi lại ngủ thiếp đi.

Tôi ngủ say, rất say. Mặt trời mọc lâu lắc rồi tôi mới thức dậy và thấy có ai đó khác đang ở trong bếp với mình.

“À há cậu bé!” Một giọng nói trầm trầm vang lên. “Cậu sẽ dễ dàng bị tấn công bất ngờ đấy. Ở khu vực này không nên ngủ quá say như vậy. Chẳng có nơi nào là an toàn cả!”

Tôi nhanh nhẹn ngồi dậy, rồi loạng choạng luống cuống đứng lên. Đối diện tôi là một thầy trừ tà, tay trái cầm trượng, tay phải xách túi. Mà chiếc túi mới thật là to! Túi này có thể dễ dàng chứa cả thầy tôi lẫn tôi trong ấy. Rồi tôi để ý đến đầu trượng. Trượng của thầy tôi và tôi đều có lưỡi dao bắm, còn thanh trượng này thì lưỡi dao ló hẳn ra ngoài, một lưỡi dao nguy hiểm dài ít nhất ba tấc, với sáu nhánh móc ngược chia làm đôi, mỗi bên lưỡi dao có ba nhánh.

“Ông Arkwright ạ?” Tôi hỏi. “Cháu là Tom Ward...”

“Phải, tôi là Bill Arkwright, và tôi cũng đoán được cậu là ai rồi. Rất mừng được gặp cậu, cậu Ward. Thầy cậu khen cậu nhiều lắm đấy.”

Tôi chăm chú nhìn ông, cố gắng xua đi cơn ngái ngủ. Ông không cao bằng thầy tôi nhưng lại trông sung sức hơn theo kiểu dẻo dai, ẩn chứa bao sức lực. Gương mặt ông hốc hác, cặp mắt to có màu xanh lục và đầu tóc thì hói, chẳng có lấy một cọng tóc – đầu ông cạo nhẵn thín như đầu thầy tu. Trên má trái của ông là một vết sẹo sồng động, trông như từ một vết thương mới dính phải gần đây.

Tôi cũng thấy môi ông tím tím. Thầy Trừ Tà không uống rượu, nhưng có một lần, khi bệnh nặng, sốt đến mê sảng, thầy tôi đã uống sạch một chai vang đỏ. Sau đấy môi thầy có màu tím tím y như thế.

Ông Arkwright tựa lưng vào bức tường gần cánh cửa bên trong rồi đặt túi xuống. Có tiếng thủy tinh va loảng xoảng khi chiếc túi chạm phải sàn bếp. Ông chìa tay cho tôi. Tôi bắt lấy. “Thầy Gregory cũng đề cao ông lắm đấy ạ,” tôi bảo, rồi cho tay vào túi lấy ra đồng tiền vàng. “Thầy gửi cái này để phụ ông lo cho cháu...”

Arkwright nhận đồng tiền từ tay tôi, đưa lên miệng cắn thật mạnh. Ông ngắm soi đồng tiền khá kỹ, đoạn mỉm cười và gật đầu cảm ơn. Ông vừa kiểm tra xem đây là đồng tiền thật được đúc từ vàng ròng chứ không phải là thứ giả mạo. Việc này làm tôi khó chịu. Ông nghĩ là thầy tôi lại đi lừa ông chăng? Hay là ông nghi ngờ chính tôi vậy?

“Cậu Ward này, chúng ta hãy tin tưởng nhau trong một thời gian nhé,” Arkwright bảo, “và hãy xem chúng ta sẽ hòa thuận với nhau ra sao. Hãy để chúng ta có đủ thời gian mà đánh giá lẫn nhau.”

“Thầy cháu bảo ông có rất nhiều điều để dạy bảo cháu về khu vực phía bắc Caster,” tôi nói tiếp, cố gắng không thể hiện ra sự khó chịu với chuyện đồng tiền vàng vừa rồi. “Về những thứ từ dưới nước chui lên ấy...”

“Ừ, tôi sẽ dạy cậu những thứ ấy, nhưng chủ yếu tôi sẽ giúp cậu cứng cáp hơn. Cậu có khỏe không, cậu Ward?”

“Khá khỏe so với tuổi của cháu ạ,” tôi ngập ngừng.

“Cậu chắc mẫm lắm nhỉ?” Ông Arkwright đưa mắt nhìn lên nhìn xuống tôi. “Tôi thì cho là cậu cần thêm chút cơ bắp để có thể tồn tại trong nghề này! Có giỏi môn vật tay không?”

“Trước nay chưa bao giờ thử ạ...”

“Chà, thế thì giờ cậu thử được rồi đấy. Kết quả sẽ cho tôi biết mình cần làm gì. Lại ngồi xuống đây nào!” Ông ta vừa ra lệnh vừa dẫn đường đi đến chỗ cái bàn.

Tôi là con út trong gia đình, kém anh kế ba tuổi, và tôi đã không có cơ hội chơi những trò chơi gia đình ấy, nhưng tôi nhớ anh Jack và anh James từng vật tay trên bàn bếp khi còn ở trong nông trại. Hồi ấy anh Jack luôn thắng vì

anh lớn tuổi nhất, cao hơn và khỏe hơn. Hẳn tôi sẽ chịu bất lợi tương tự khi đấu với ông Arkwright thôi.

Tôi yên vị đối diện ông và cả hai cùng đặt tay trái quặt vào nhau. Khi tựa cùi chỏ lên mặt bàn thì cánh tay tôi ngắn hơn cánh tay ông ấy. Tôi cố gắng hết sức nhưng Arkwright đã dùng một lực thật mạnh, tăng tiến từ từ, và mặc cho tôi đã cố hết mình để cưỡng lại, ông ấy vẫn bẻ tay tôi ngược ra sau cho đến khi tay nằm sát xuống mặt bàn.

“Cậu làm hết sức rồi à?” Ông Arkwright hỏi. “Nếu chúng ta trợ giúp cậu chút đỉnh thì sao nhỉ?”

Nói đoạn, ông đi đến bên cái túi của mình rồi quay lại, tay mang theo cuốn sổ ghi chép. “Này, kê thứ này dưới cùi chỏ cậu đi...”

Nhờ cuốn sổ nâng cùi chỏ khỏi mặt bàn, cánh tay tôi giờ cao gần bằng cánh tay ông Arkwright. Thế là khi vừa cảm nhận được lực ép từ tay ông tăng dần, tôi vận hết sức bình sinh để trụ lại theo cách bất ngờ nhất có thể. Thật hài lòng làm sao là tôi có thể ép cánh tay ông Arkwright hơi bật lại một chút, và tôi nhìn thấy sự ngạc nhiên trong mắt ông. Nhưng sau đó ông Arkwright mạnh mẽ phản đòn khiến cho tay tôi áp xuống mặt bàn chỉ trong vài giây. Cẩu nhàu càu nhàu, ông Arkwright buông tay tôi ra rồi đứng lên trong khi tôi xoa xoa mấy bắp thịt đau nhức.

“Thế này khá hơn rồi,” ông bảo, “nhưng cậu phải luyện cho những bắp thịt ấy cứng cáp hơn nếu muốn sống sót. Đói chưa cậu Ward?”

Tôi gật đầu.

“Được rồi, tôi sẽ làm bữa sáng và sau khi ăn xong chúng ta nên bắt đầu tìm hiểu nhau thì hơn.”

Ông Arkwright mở túi, để lộ hai vỏ chai rượu rỗng – cùng với các nhu yếu phẩm khác: phô mai, trứng, thịt nguội, thịt heo và hai con cá lớn. “Hai con này mới bắt sáng nay đấy!” Ông reo lên. “Không gì tươi bằng đâu. Bây giờ chúng ta sẽ chia nhau một con, còn con kia dành cho bữa điểm tâm ngày mai. Cậu có khi nào nấu món cá chưa?”

Tôi lắc đầu.

“Chắc là đâu cần nỉ, có thứ xa xỉ là ông kẹ kia làm mọi việc nhà cho cậu mà,” ông Arkwright lắc lắc đầu tỏ vẻ không hài lòng. “Chà, ở đây chúng ta phải tự làm lấy mọi chuyện. Tốt hơn là cậu nên quan sát trong khi tôi nấu con cá này, vì sẽ đến lượt cậu nấu con cá kia vào ngày mai đấy. Cậu không nề hà nếu phải chia sẻ việc nấu nướng phải không nào?”

“Dĩ nhiên là không ạ,” tôi đáp. Tôi chỉ hy vọng mình có khả năng xoay sở được thôi. Thầy Trừ Tà không ưa thích mấy tài nấu nướng của tôi.

“Thế thì ổn rồi. Dùng xong bữa điểm tâm, tôi sẽ dẫn cậu đi nhìn quanh cối xay. Để xem cậu có gan dạ như thầy cậu khen không nhé.”

CHƯƠNG 6: CHUYỆN VỀ VÙNG NƯỚC

Món cá khá ngon lành và ông Arkwright dường như rất thích nói chuyện trong khi ăn.

“Điều trước tiên cần ghi nhớ về khu vực mà tôi đang bảo vệ đây,” ông bảo, “là nơi này trùng trùng sông nước. Nước thì ẩm ướt và có thể mang đến rắc rối...”

Tôi tưởng ông đang cố pha trò nên mỉm cười, nhưng ông Arkwright trừng mắt nhìn tôi nghiêm khắc. “Chuyện này không có gì buồn cười đâu cậu Ward. Thực chất là chẳng buồn cười chút nào. Dùng từ ‘ẩm ướt’ theo ý tôi nghĩa là nước làm mọi vật ướt sũng, ngấm xuống lòng đất, vào cơ thể và cả tận trong tâm hồn. Nước ngấm vào rồi lan tỏa ra toàn bộ khu vực này, và đây là chìa khóa dẫn đến mọi khó khăn mà chúng ta phải đối mặt. Nước chính là môi trường cho đám cư dân của thế lực bóng tối lớn mạnh. Chúng ta sống trên đất liền chứ không phải trong nước. Vậy nên rất khó đối phó với những sinh vật như thế.”

Tôi gật đầu. “Vậy ‘ngấm vào và lan tỏa’ có cùng nghĩa với ‘ướt sũng’ không ạ?”

“Có đấy cậu Ward. Nước tràn đi khắp nơi và ngấm vào mọi thứ. Quanh vùng này có rất nhiều sông ngòi. Trước hết phải kể đến vịnh Morecambe, trông như một khoảng đất lớn của Hạng bị biển ngoạm mất. Những con kênh nguy hiểm như những dòng sông sâu thăm thẳm cắt ngang qua vùng cát lún trong vịnh. Người ta băng qua vịnh khi thủy triều cho phép, nhưng nước triều dâng rất nhanh và đôi khi có cả sương mù dày đặc tràn xuống. Hàng năm, nước từ biển đổ vào đã cướp đi nhiều cỗ xe, ngựa kéo lẫn hành khách nơi ấy. Họ biến mất mà không để lại chút dấu vết nào.

Rồi còn những ao hồ trên phương bắc. Có những ngày trông tĩnh lặng khiến ta bị đánh lừa, nhưng thực ra chúng rất sâu. Và có những thứ nguy

hiểm từ dưới hồ trời lên.”

“Thầy Gregory bảo với cháu ông đã chèn kẹt xé xác Coniston. Rằng ông kẹt ấy đã giết hại hơn ba mươi người trước khi ông ra tay, khiến cho hai bên bờ hồ được an toàn.”

Ông Arkwright phấn khởi hẳn lên khi tôi nói thế. “Đúng thế, cậu Ward ạ. Thoạt tiên, tên kẹt ấy là một điều bí ẩn làm cư dân trong vùng hoang mang,” ông giảng giải. “Nó tóm lấy những ngư dân hoạt động một mình rồi lôi họ xuống nước. Người ta cứ nghĩ người mất tích chết đuối, nhưng nếu là thế, tại sao xác họ lại không dạt vào bờ? Rốt cuộc, khi có quá nhiều nạn nhân thì tôi được mời đến. Không phải một việc dễ dàng gì. Tôi nghi ngờ đây là do kẹt xé xác, nhưng hang ổ của nó ở đâu mới được? Với lại, một khi đã bị hút sạch máu, thì chuyện gì đã xảy ra cho những xác chết? Cậu Ward này, cậu cần phải có lòng kiên nhẫn lẫn tính kiên trì trong công việc này, và cuối cùng tôi cũng lần ra được kẹt xé xác ấy.

Hang ổ của nó là một cái động ngay dưới bờ hồ. Nó lôi nạn nhân lên bãi đá cạn mà đánh chén cho thỏa thuê. Thế là tôi từ trên bờ đào thẳng vào trong động. Thật là một cảnh tượng ác mộng kinh hoàng. Ổ của nó đầy những xương và xác người – da thịt thối rữa lúc nhúc giòi bọ, cùng với những xác chết mới hơn cạn sạch máu. Tôi sẽ không bao giờ quên được mùi hôi thối ấy. Tôi đã chờ tên kẹt xé xác ba ngày ba đêm cho đến khi nó quay về cùng một nạn nhân mới. Không kịp cứu mạng người ngư dân nữa nhưng tôi đã kết liễu kẹt xé xác ấy bằng muối và bột sắt.”

“Khi ông Gilbert đến gặp thầy trò cháu trên dòng kênh, ông ấy có bảo ông đã đi lên phía bắc để xử lý một tử thi được tìm thấy dưới nước và đã bị cạn sạch máu như hai tử thi trước đây. Đây có phải nạn nhân của kẹt xé xác không ạ? Còn có tên kẹt khác đang tự do hoành hành ngoài kia chẳng?”

Ông Arkwright nhìn chăm chăm qua cửa sổ như thể đang chìm sâu trong suy nghĩ và phải một hồi lâu sau ông mới trả lời. “Không, là một thủy phù thủy. Đạo gần đây số lượng bọn chúng đang gia tăng. Nhưng khi ta đến nơi thì mục ấy đã đi xa lắm rồi. Chắc chắn mục ta sẽ ra tay trở lại, mà chúng ta chỉ có thể hy vọng mục ta bắt lấy nạn nhân tiếp theo ở gần nhà chúng ta hơn một

chút để tôi có thời gian truy diệt mục. Tuy nhiên, chúng ta nào chỉ cần đề phòng kẻ xé xác và thủy phù thủy không đâu. Còn phải chú ý đến cả tôm ác quỷ nữa... Có từng nghe đến *tôm ác quỷ* bao giờ chưa?” Ông hỏi tôi.

Tôi lắc đầu.

“Đây là loại sinh vật hiếm gặp, thường sống trong những khe đá chìm hẳn hoặc gần với vùng nước. Thay vì một cái lưỡi linh hoạt, loài này có một ống xương rỗng thè ra khỏi miệng. Ống xương đó sắc lẹm, đầu ống nhọn hoắt, nên sinh vật này có thể hút máu nạn nhân của nó.”

“Nghe kinh quá,” tôi nói.

“Ồ, kinh lắm chứ,” Arkwright đáp. “Nhưng cái thứ sinh vật tởm lợm ấy đôi khi cũng là nạn nhân. thỉnh thoảng nó được sử dụng trong những nghi lễ của đám thủy phù thủy. Sau khi tôm ác quỷ hút máu một nạn nhân do đám phù thủy chọn lấy, nó chậm rãi hút cạn máu nạn nhân trong vài ngày cho đến khi anh ta trút hơi thở cuối cùng, thì bọn phù thủy sẽ chẻ xác tôm ác quỷ ra và ăn sống nó. Huyết thuật luyện thành mạnh gấp ba lần loại huyết thuật mà một phù thủy có được khi trực tiếp hút máu nạn nhân.”

Đột nhiên ông Arkwright đứng lên, đi đến bên bồn rửa chén rồi cầm lấy con dao to tướng trên bậu cửa sổ. Ông mang dao lại bàn.

“Tôi từng giết chết một con tôm ác quỷ bằng thứ này đây!” Ông đặt con dao trước mặt tôi. “Hợp kim chế ra lưỡi dao chứa rất nhiều bạc, giống như lưỡi dao trên thanh trượng của tôi vậy. Tôi bất ngờ tấn công con tôm ác quỷ rồi chặt đứt hết tứ chi của nó! Một vũ khí rất lợi hại. Gần năm năm trước tôi cũng bắt được một con tôm ác quỷ non gần dòng kênh. Năm năm mà có hai con nghĩa là bọn chúng đang gia tăng số lượng đấy.”

Lúc này chúng tôi đã dùng xong điểm tâm nên ông Arkwright đẩy ghế ra rồi xoa xoa bụng. “Món cá có ngon không cậu Ward?”

Tôi gật đầu. “Có ạ, cảm ơn ông, món cá rất ngon.”

“Cẳng chân của một mục thủy phù thủy còn ngon hơn nhiều lắm,” ông bảo. “Có lẽ cậu nên ăn thử trước khi chấm dứt sáu tháng ở đây.”

Hàm tôi há hốc và tôi trân trối nhìn ông Arkwright. Ông ấy ăn thịt phù thủy à?

Nhưng Arkwright đã phá lên cười. “Chỉ là tính khôi hài của tôi thôi mà cậu Ward. Kể cả được nướng đến ngon lành thì tôi cũng sẽ không động vào cẳng chân phù thủy đâu, dù là bằng cái cột neo thuyền ấy chứ. Nhưng mà này, mấy con chó nhà tôi sẽ không kén cá chọn canh – rồi ngày nào đấy cậu sẽ chứng kiến cho xem!”

Tôi thắc mắc ông Arkwright nuôi chó ở đâu. Tôi chẳng nhìn hay nghe thấy dấu hiệu của chúng.

“Quanh mấy khu vực này thì phù thủy là rắc rối lớn nhất,” Arkwright nói tiếp. “Không giống như những phù thủy khác, bọn này *có thể* lội qua nước – nhất là vùng nước tù. Bọn chúng có khả năng núp dưới mặt nước hàng giờ liền mà không cần thở; chúng vùi mình dưới bùn dưới sình, chờ cho một nạn nhân ngờ nghệch đi ngang qua. Cậu có muốn trông thấy một mục không, cậu Ward?”

Mùa hè rồi, Thầy Trừ Tà và tôi đã đi đến Pendle và chiến đấu chống lại ba tộc phù thủy chính ở đấy. Trận chiến vô cùng khó khăn và chúng tôi may mắn mới sống sót nên tôi ngấy đám phù thủy lắm rồi. Hẳn điều này lộ rõ trên mặt tôi, vì khi tôi gật đầu, ông Arkwright cười nhạt.

“Cậu trông không hăng hái lắm, cậu Ward. Nhưng đừng lo. Mục ta không cần đâu. Tôi đã giam mục ta chặt lắm, cậu sẽ sớm thấy thôi! Tôi sẽ đưa cậu đi xem một vòng quanh cối xay và chỉ cho cậu thấy mục phù thủy, nhưng trước hết ta phải giải quyết nơi ngủ cho cậu đã. Đi theo tôi!”

Arkwright rời khỏi phòng bếp, tôi đi theo ông lên lầu, vào căn phòng ngủ đơn chỉ trơ một tấm nệm. Tôi tưởng ông sẽ bảo đây là phòng ngủ cho tôi, nhưng thay vào đấy ông lại lôi tấm nệm ra khỏi giường.

“Ta mang cái này xuống lầu nào!” Ông liền giải thích, và chúng tôi cùng nhau mang tấm nệm xuống bếp. Làm xong, ông lại đi lên lầu, ngay sau đấy quay xuống cùng một mớ chăn màn và tấm trải.

“Hơi ẩm một chút,” ông bảo, “nhưng chúng sẽ chóng khô trong bếp, rồi chúng ta sẽ mang trở lên phòng cậu. Rồi nhé, tôi có chút việc phải làm trên lầu, nhưng tôi sẽ quay xuống trong vòng một giờ. Trong khi đấy, sao cậu không chép lại bài học đầu tiên về thủy phù thủy và tôm ác quỷ đi nhỉ? Cậu có đem theo sổ ghi chép chứ?”

Tôi gật đầu.

“Thế thì đi lấy sổ ra đi!” Ông ra lệnh.

Cảm nhận được sự sốt ruột của ông, tôi lục lọi trong túi đồ rồi mang sổ ghi chép cùng cây viết và lọ mực be bé lại bên bàn, trong khi ông Arkwright quay trở lên lầu.

Tôi viết lại mọi thứ mình có thể nhớ về bài học đầu tiên, đồng thời thắc mắc ông Arkwright làm cái gì trên lầu mà lâu thế. Có lúc tôi nghĩ mình nghe thấy ông ấy đang nói chuyện với ai đó. Nhưng sau chừng chưa đến một giờ đồng hồ thì ông Arkwright đi xuống, và khi ông đi ngang tôi, tôi ngửi thấy mùi rượu vang từ hơi thở của ông. Đoạn, tay phải giơ cao ngọn đèn và tay trái chộp lấy trượng, ông dẫn đường đến căn phòng mà tôi đã bước vào đầu tiên.

Ngoài việc không có cây nến, do tôi đã mang vào bếp, thì căn phòng vẫn giống hệt như trước: mỗi ghế một góc phòng, mấy cái sọt chứa vài chai rượu rỗng, chiếc bàn lẻ loi cùng ba cửa sổ đóng ván bịt kín. Nhưng ánh sáng rõ ràng từ chiếc đèn lồng tỏa ra đã cho tôi thấy một thứ mà lúc trước tôi không chú ý đến.

Bên phải cửa ngoài là một cửa sập. Ông Arkwright đưa trượng cho tôi, cúi xuống, dùng tay còn lại nắm lấy chiếc vòng sắt mà kéo. Những bậc thang bằng gỗ dẫn xuống một nơi tối đen và có tiếng suối róc rách chảy qua lòng suối đầy sỏi.

“À, cậu Ward này,” ông Arkwright nói, “thường thì chỗ này cũng an toàn lắm, nhưng do tôi đã vắng nhà sáu ngày nên trong quãng thời gian ấy bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Đi sát tôi nhé – phòng hờ thôi.”

Nói đoạn, ông bắt đầu bước xuống và tôi đi theo ông vào vùng tối mờ mờ sâu hơn, tay mang theo trượng của ông, thanh trượng nặng hơn nhiều những loại trượng tôi từng biết. Mùi gỗ ẩm mục hăng hắc xộc vào mũi tôi, và tôi thấy mình đang không đứng dưới một căn hầm nền lát đá, mà là đứng trên bờ suối ngập bùn. Bên phía tay trái tôi là hình cung to đùng của bánh xe nước bất động.

“Tôi qua cháu nghĩ là mình nghe thấy tiếng bánh xe này quay,” tôi làu bàu. Tôi biết rõ bánh xe không thật sự quay mà tất cả là một phần của trò ma ám kỳ quặc; chuyện gì đó đã xảy ra trong quá khứ. Nhưng tôi đang tò mò và gần như hy vọng là ông Arkwright sẽ kể cho mình nghe chuyện gì đang diễn ra.

Thay vào đấy, ông trừng mắt nhìn tôi và tôi có thể thấy sự giận dữ dâng lên làm mặt ông đỏ rực. “Trông thứ này có giống như nó quay được không hử?” Ông quát.

Tôi lắc đầu, bước thụt lùi một bước. Ông Arkwright lăm bằm chửi rủa, quay lưng về phía tôi rồi dẫn đường xuống dưới cối xay, vừa đi vừa cúi đầu.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đi đến chỗ một hố hình vuông và ông Arkwright dừng lại khi mũi đôi ủng của ông chìa ra trên mép hố. Ông vẫy tay ra hiệu cho tôi tiến tới, tôi đứng bên cạnh ông nhưng giữ cho mấy đầu ngón chân cách rõ xa. Đây là hố chôn phù thủy có chèn mười ba thanh sắt nên không có rủi ro là ta bị rơi xuống đấy. Nhưng thế không có nghĩa là bạn tuyệt đối an toàn. Mụ phù thủy có thể thò tay qua mấy thanh sắt mà tóm lấy mắt cá bạn. Một số rất nhanh, khỏe và tốc độ di chuyển có thể còn hơn cả một cái chớp mắt. Tôi không muốn liều lĩnh.

“Thủy phù thủy có thể đào hang đấy cậu Ward, nên chúng ta phải ngăn chặn trò này. Mặc dù cậu chỉ nhìn thấy những thanh sắt trên cùng, nhưng đây là một cái chuồng chắc chắn có dạng khối vuông, năm mặt còn lại được chôn dưới đất.”

Đây là điều tôi đã quá quen thuộc. Thầy Trừ Tà dùng loại chuồng này để nhốt phù thủy nữ yêu, loài này cũng thông thạo việc đào hang.

Arkwright giơ đèn lồng lên trên hố. “Nhìn xuống và nói cho tôi biết cậu trông thấy gì nào...”

Tôi trông thấy mặt nước phản chiếu ánh sáng, ở một bên hố là một vách bùn hẹp chìa ra. Có thứ gì đấy ở trên ấy nhưng tôi chịu, không nhìn rõ được. Đường như thứ ấy đang vùi nửa mình xuống bùn.

“Cháu không thấy rõ ạ,” tôi thú nhận.

Arkwright sốt ruột thở hắt ra và chìa tay lấy lại thanh trượng. “Được rồi, để nhìn ra ta cần phải có cặp mắt được huấn luyện thành thục. Gặp lúc ánh sáng yếu ớt, cậu có thể giảm lên thứ sinh vật như thế này mà không hề biết. Rồi nó sẽ bập rảng vào cậu và lôi cậu xuống năm mờ dưới nước chỉ trong vài giây. Có thể thứ này sẽ giúp được đây...”

Ông đón lấy trượng từ tay tôi và chậm chậm hạ trượng, mũi dao chĩa vào giữa hai song sắt ngay trên vách bùn trước khi đột ngột thọc mạnh xuống. Một tiếng thét đau đớn vang lên, và tôi thoáng thấy một mái tóc dài rối bù cùng cặp mắt tràn đầy căm hận khi có thứ gì đấy phóng mình khỏi gờ vách lặn xuống nước, làm nước bắn tung tóe.

“Giờ thì mục ta sẽ nằm im dưới đáy chừng hơn một tiếng nữa cho mà xem. Nhưng chắc hẳn cú vừa rồi đã đánh thức mục ta dậy nhỉ?” Ông Arkwright nhoèn nụ cười tàn độc.

Tôi không thích cách ông làm đau mục phù thủy chỉ để tôi trông thấy mục ta rõ hơn. Có vẻ như việc này không cần thiết – không phải là điều mà thầy tôi sẽ làm.

“Mà này, không phải khi nào mục ta cũng lơ dờ thế. Vì biết sắp đi vắng dài ngày nên ta đã dặm cho mục ta thêm nhiều muối hơn. Nếu bỏ quá nhiều muối vào nước thì sẽ kết liễu mục ta ngay, cậu phải tính toán cho chính xác. Đây là cách chúng ta giữ cho mục ấy dễ bảo. Cách thức tiến hành tương tự với tôm ác quỷ – hay bất cứ thứ gì từ dưới nước chui lên. Đây là lý do vì sao tôi lại cho đào mương xung quanh vườn. Mương có thể cạn nhưng lại có nồng độ muối rất cao, ngăn bất cứ thứ gì chui ra hay chui vào. Mục phù thủy này sẽ chết ngay trong vài giây nếu mục ta thoát ra được khỏi hố và cố vượt qua con

mương ấy. Mà mương cũng chặn không cho những thứ từ đầm lầy chui vào trong vườn.

Nhưng thôi, cậu Ward ạ, tôi không yếu lòng như thầy Gregory đâu. Thầy ấy nhất phù thủy xuống hố vì thầy ấy không mấy dễ chịu khi kết liễu bọn chúng, trong khi tôi làm vậy chỉ để trừng phạt chúng thôi. Chúng sẽ bị nhốt một năm dưới hố cho mỗi một sinh mạng chúng cướp đi – mạng trẻ con thì là hai năm. Rồi sau đấy tôi vớt chúng lên mà giết chết. Nào, xem xem ta có thể quan sát tôm ác quỷ mà tôi kể cho cậu nghe là tôi bắt được gần con kênh không nhé...”

Ông Arkwright dẫn đường đến một hố khác lớn gấp đôi hố đầu tiên. Hố này cũng được bao bọc bởi những song sắt tương tự nhưng có nhiều song hơn và chúng xếp khít vào nhau. Trong hố không có vách bùn nào, chỉ là một khoảng rộng nước bẩn. Tôi có cảm giác nơi đây phải rất sâu. Arkwright nhìn chăm chú xuống nước rồi lắc đầu.

“Có vẻ con này đang lẩn trốn dưới đáy. Vẫn còn vật vờ sau một lượng muối lớn tôi thả vào nước. Tốt nhất cứ để mấy con tôm ác quỷ ngái ngủ được yên. Vẫn còn lắm dịp cho cậu nhìn thấy trước khi sáu tháng chấm dứt. Thôi, chúng ta đi vòng quanh khu vườn nào...”

“Mụ ta có tên không ạ?” Tôi vừa hỏi vừa hất đầu xuống cái hố phù thủy khi chúng tôi đi ngang qua.

Arkwright dừng sững lại, nhìn tôi mà lắc đầu. Có rất nhiều biểu hiện loáng qua mặt ông, chẳng có vẻ nào là hay ho cả. Rõ ràng ông nghĩ tôi vừa nói ra điều gì đó vô cùng ngu ngốc.

“Chỉ là một mụ phù thủy thông thường thôi,” ông nói giọng khinh miệt. “Mụ ta tự gọi mình là gì thì tôi không biết, mà cũng cóc thèm biết! Đừng hỏi mấy câu vớ vẩn!”

Tôi thốt nhiên nổi giận và thấy mặt mình đỏ lên. “Biết tên phù thủy nhiều khi cũng có lợi lắm đấy ạ!” Tôi gắt. “Thầy Gregory ghi chép tên của tất cả phù thủy thầy từng nghe qua hay đích thân chạm trán.”

Arkwright dí mắt sát mặt tôi đến nỗi tôi nghĩ thấy hơi thở chua loét của ông. “Lúc này không phải ta đang ở Chipdenden đâu, cậu nhóc. Hiện tại tôi là thầy của cậu và cậu phải làm mọi chuyện theo cách của tôi. Còn nếu mà cậu nói năng với tôi bằng cái giọng ấy nữa, thì tôi sẽ tấn cho cậu thừa sống thiếu chết! Tôi nói rõ chưa hả?”

Tôi bặm môi để ngăn mình đáp lời, đoạn gật đầu, mắt nhìn xuống ửng. Tại sao tôi lại nói năng ngu xuẩn thế chứ? À, vì một lẽ là tôi nghĩ ông Arkwright đã sai. Một lẽ khác là vì tôi không thích cái giọng *ông* dùng để nói chuyện với *tôi*. Nhưng đáng ra tôi không nên để lộ cơn giận của mình như thế. Dẫu sao thì thầy tôi đã bảo ông Arkwright làm mọi chuyện theo cách khác và tôi phải thích nghi với phương pháp của ông ta mà.

“Đi theo tôi nào, cậu Ward,” Arkwright bảo, giọng đã dịu đi, “và tôi sẽ chỉ cho cậu xem khu vườn...”

Thay vì dẫn đường quay ngược lại những bậc cấp dẫn lên phòng khách, Arkwright đi ra sau bánh xe nước. Thoạt đầu, tôi tưởng ông sẽ nép người lèn qua bánh xe, nhưng rồi tôi để ý thấy một cánh cửa hẹp bên tay trái được ông mở khóa. Chúng tôi sải bước vào trong vườn, tôi thấy sương mù đã tản đi nhưng vẫn còn vương vấn phía xa xa, sau những rặng cây. Chúng tôi đi trọn một vòng phía trong con mương; thi thoảng Arkwright dừng lại để giảng giải.

“Kia là đầm Tu Viện,” ông xĩa ngón tay về hướng tây nam. “Sau đấy là đồi Tu Sĩ. Đừng bao giờ cố băng qua đầm lầy một mình nhé – hay ít ra là cho đến khi cậu chưa biết đường quanh đây hay chưa nghiên cứu bản đồ. Bên ngoài đầm lầy ấy, gần như trực chỉ về hướng tây, là bờ đất cao ngăn thủy triều từ ngoài vịnh tràn vào.” Tôi nhìn quanh, ghi nhớ hết mọi điều ông nói. “Còn bây giờ,” ông giảng tiếp, “tôi muốn cậu gặp một kẻ khác...”

Dứt lời, Arkwright cho hai ngón tay vào miệng và huýt lên tiếng sáo dài đình tai. Ông lặp lại, và gần như ngay lập tức, từ phía đầm lầy, tôi nghe thấy có thứ gì đấy chạy đến chỗ chúng tôi. Hai con chó săn sói to lớn hiện ra, cả hai đều thoải mái phóng thẳng qua mương. Tôi không lạ gì các loại chó trong nông trại, nhưng hai con này toát ra vẻ hung dữ và dường như đang

nhắm thẳng vào tôi. Chúng giống với sói nhiều hơn là chó, và nếu tôi đang đứng một mình, tôi chắc chắn chúng sẽ ghì tôi xuống đất trong nháy mắt. Một con lông màu xám cùng những sọc đen trông bần bần; bạn đồng hành của nó đen óng như than, trừ một mảng lông xám ngay chóp đuôi. Hai hàm chúng há rộng, răng nhe ra sẵn sàng tấp.

Tuy nhiên, vừa nghe thấy lệnh từ Arkwright bảo, “Ngồi xuống!”, bọn chúng dừng phắt lại, ngồi bệt xuống ngược mắt nhìn lên chủ, lưỡi thè ra khỏi hai cái mõm mở ngoác.

“Con đen là con cái,” Arkwright bảo. “Tên nó là *Vuốt*. Đừng xoay lưng lại với con này – nó nguy hiểm lắm. Còn đây là *Răng*,” ông nói thêm, chỉ vào con màu xám. “Tính khí có đỡ hơn, nhưng cả hai con này đều là chó săn, không phải thú nuôi trong nhà. Chúng nghe lời tôi vì tôi cho chúng ăn uống đầy đủ, do đó chúng biết không được chọc giận tôi. Chúng chỉ mùi lòng nhau mà thôi. Là một cặp đũa. Không thể tách rời.”

“Cháu từng sống trong nông trại. Bọn cháu cũng có chó săn đấy ạ,” tôi bảo.

“Thật sao? Vậy thì cậu sẽ có chút khái niệm về những gì tôi muốn nói. Với chó săn, không có chỗ cho tình cảm yêu thương. Cứ đối xử tốt với chúng, cho ăn no đủ, nhưng chúng phải làm việc để trả công. Tôi e là giữa loài chó trong nông trại với hai con này ít có điểm chung lắm. Vào ban đêm, chúng thường được xích lại gần nhà và được huấn luyện để sủa lên khi có thứ gì tiến đến. Ban ngày chúng săn thỏ hay thỏ rừng ngoài ven đầm lầy và canh chừng xem có gì có thể đe dọa đến ngôi nhà hay không.

Nhưng khi tôi đi làm việc, bọn này đi cùng tôi. Một khi đã đánh hơi ra thì chúng sẽ không bao giờ nhả ra cả. Chúng sẽ săn đến cùng bất cứ thứ gì mà ta ra lệnh. Nếu cần thiết, chúng cũng sẽ giết con mồi theo lệnh tôi nữa. Như tôi đã nói, chúng làm việc siêng năng và ăn uống thịnh soạn. Khi tôi giết một phù thủy, chúng sẽ được thêm món trong khẩu phần. Tôi cắt tim mục phù thủy quăng cho chúng. Việc đấy hẳn thầy cậu đã nói với cậu rồi, sẽ ngăn không cho mục phù thủy quay lại thế gian dưới hình hài khác và cũng ngăn cản mục sử dụng cái xác của mình rồi bám trèo lên mặt đất. Đây là lý do vì

sao tôi không giữ những phù thủy đã chết. Làm thế tiết kiệm thời gian lẫn không gian.”

Trong con người ông Arkwright có một khía cạnh tàn bạo – chắc chắn đây không phải người để ta chọc giận rồi. Khi chúng tôi trở vào nhà, hai con chó theo sát, tôi tình cờ liếc lên và trông thấy một điều làm mình kinh ngạc. Hai cột khói riêng rẽ đang cuồn cuộn bốc lên khỏi mái nhà cối xay. Một cột hẳn là từ bếp lò trong bếp. Nhưng lò lửa thứ hai là ở đâu mới được? Tôi thắc mắc không biết có phải là từ căn phòng bị khóa mà tôi được cảnh báo trước chẳng. Trên đây có điều gì hoặc ai đó ông Arkwright không muốn tôi nhìn thấy chẳng? Rồi tôi nhớ đến những người chết không thanh toán ông Arkwright cho phép đi lại trong nhà. Tôi biết ông rất mau nổi nóng và tôi cũng chắc chắn là ông sẽ không muốn tôi soi mói tọc mạch, nhưng tôi đang vô cùng tò mò.

“Ông Arkwright,” tôi lễ phép mở lời, “cháu hỏi ông một câu được không ạ?”

“Đấy là lý do cậu ở đây mà, cậu Ward...”

“Là về điều ông viết trong mẫu tin nhắn để lại cho cháu ấy. Tại sao ông cho phép những người chết bước vào nhà ông vậy ạ?”

Một lần nữa vẻ tức giận thoáng qua gương mặt ông. “Những người chết ở đây là người nhà tôi. Là gia đình tôi đấy, cậu Ward à. Và đấy không phải chuyện tôi muốn trao đổi với cậu hay bất cứ ai khác, nên cậu sẽ phải ngăn cái trí tò mò của mình lại. Khi quay về với thầy Gregory, cậu đi mà hỏi thầy ấy. Thầy ấy có biết đôi chút, chắc chắn sẽ kể cho cậu nghe thôi. Nhưng tôi thì tôi không muốn nghe thêm bất cứ lời nào về chuyện này nữa. Cậu hiểu chưa? Đấy là chuyện tôi không muốn nói đến.”

Tôi gật đầu và đi theo ông vào nhà. Có thể tôi ở đây là để đặt câu hỏi đấy, nhưng có nhận được câu trả lời hay không lại là chuyện khác!

CHƯƠNG 7: ĐẠP CHÂN ẾCH

Ngay khi trời tối, chúng tôi dùng bữa nhẹ rồi ông Arkwright giúp mang nệm cùng chăn màn trở lên phòng tôi. Mấy tấm trải thì không sao nhưng nệm hãy còn ẩm, mặc dù tôi biết là mình không nên ca cẩm làm gì.

Mệt mỏi quá nên tôi an phận trong căn phòng nhỏ bé trống trải, hy vọng được ngủ một đêm ngon giấc, nhưng trong vòng một giờ tôi lại bị những âm thanh khó chịu mà mình nghe thấy đêm hôm trước đánh thức – tiếng rầm rầm rì rì trầm trầm của bánh xe nước và tiếng thét kinh hoàng khiến tóc gáy tôi dựng đứng cả lên. Nhưng lần này, khi tiếng động cuối cùng cũng lịm đi, tôi nghe thấy hai loạt tiếng bước chân từ dưới bếp leo lên cầu thang.

Dám chắc là Arkwright vẫn còn nằm trên giường, nên tôi biết đấy ắt là tiếng bước chân của những hồn ma ám nơi cối xay này. Tiếng động di chuyển đến đầu cầu thang rồi đi qua cửa phòng ngủ của tôi. Cánh cửa phòng bên cạnh mở ra rồi đóng lại, có thứ gì đó ngồi xuống chiếc giường đôi rộng rãi đặt mấy tấm trải ướt sũng những nước. Lò xo đệm kêu kễ kệt như thể thứ kia trở mình, cố tìm tư thế thoải mái, sau đấy là sự im lặng như tờ.

Khoảnh khắc bình yên kéo dài một hồi lâu và tôi chỉ chớm có cảm giác thư giãn để chìm vào giấc ngủ thì một giọng nói vang lên từ bên kia vách phòng ngủ.

“Tôi chẳng tài nào thấy thoải mái nổi,” giọng đàn ông phàn nàn. *“Ôi, tôi ước giá mà mình có thể được ngủ trên chiếc giường khô ráo, dù chỉ một lần thôi!”*

“Ôi, tôi xin lỗi, Abe ạ. Vô cùng xin lỗi. Tôi không cố ý khiến mình khổ sở thế đâu. Là nước từ dòng suối có cái cối xay đấy. Là nơi tôi đã chết chìm ấy. Tôi không sao tìm được cách thoát ra, dù có cố đến mức nào. Dúm xương gãy của tôi đau đớn lắm nhưng việc bị ẩm mới là điều làm tôi khó chịu hơn cả. Sao mình không đi đi và bỏ tôi lại đây cho rồi? Sẽ chẳng có chuyện gì tốt lành xảy đến nếu chúng ta cứ bên nhau như thế này.”

“Bỏ mình mà đi ư? Làm sao tôi có thể bỏ mặc mình chứ, vợ yêu? Khó chịu một chút thì sợ gì khi chúng ta có nhau cơ chứ?”

Nghe thấy thế, người phụ nữ bắt đầu khóc lóc, nhấn chìm cả ngôi nhà trong nỗi đau đớn thống khổ. Một chập sau, có tiếng ủng nặng nề từ cầu thang phòng trên lầu bước xuống. Tiếng ủng này không có vẻ ma quái gì. Tôi tưởng ông Arkwright đã đi nằm, nhưng hẳn là ông đang ở trong căn phòng trên tầng cao nhất.

Ông Arkwright đi xuống đầu cầu thang, tôi nghe thấy ông dừng lại trước cửa phòng bên cạnh rồi mở cửa ra trước khi gọi lớn: “Mời đi lên lầu nào. Sao hai người không đến phòng con, nơi cả hai được ấm áp dễ chịu? Chúng ta trò chuyện nhé. Hãy kể cho con nghe vài câu chuyện vào cái thời chúng ta còn sống hạnh phúc bên nhau ấy.”

Một quãng lặng kéo dài, sau đó ông Arkwright lại trở lên lầu. Tôi không nghe thấy các hồn ma đi theo ông, nhưng chập sau có tiếng ông rì rầm từ trên vọng xuống, như thể ông Arkwright đang cố khuyến khích ai đó trò chuyện vậy.

Tôi không nghe rõ cuộc nói chuyện nhưng có lúc ông Arkwright phá ra cười kiểu vui vẻ miễn cưỡng. Một hồi sau tôi lại chìm vào giấc ngủ, và khi tôi thức dậy, ánh sáng lờ mờ đang tràn ngập trong phòng.

Tôi thức giấc trước người thầy mới của mình và cố gắng làm món cá ngon như ông muốn. Chúng tôi dùng bữa trong im lặng. Chỉ là tôi không thấy thoải mái khi ở bên ông Arkwright và vô cùng nhớ quãng thời gian được sống với Thầy Trừ Tà cùng Alice. John Gregory đôi khi hơi nghiêm khắc đấy nhưng tôi thích thầy. Khi tôi thi thoảng có nói gì không phải, thầy sẽ nghiêm khắc dạy bảo, tuy nhiên, chắc chắn là thầy không đe dọa sẽ đánh đập tôi.

Tôi chẳng trông chờ lắm đến giờ học, nhưng hẳn tôi sẽ cảm thấy tồi tệ hơn nhiều nếu tôi biết chuyện gì sắp sửa xảy đến.

“Cậu biết bơi không, cậu Ward?” Ông Arkwright hỏi khi đứng dậy rời bàn.

Tôi lắc đầu. Trước đây không có nhu cầu cần kíp phải học. Vùng nước duy nhất gần nông trại chúng tôi là vài con suối và hồ nước cạn, trong khi con sông gần nhất lại có một cây cầu vững chãi bắc ngang qua. Còn với thầy John Gregory của tôi, thầy chưa bao giờ nhắc đến chuyện bơi lội. Theo như tôi biết thì chính thầy cũng không biết bơi.

“Chà, chúng ta cần giải quyết việc này càng nhanh càng tốt. Đi theo tôi! Mà đừng bận tâm đến chuyện mang theo trượng. Trượng của tôi là cái duy nhất chúng ta sẽ cần đến. Cậu cũng sẽ không cần đến áo choàng áo khoác đâu!”

Tôi theo ông Arkwright băng qua khu vườn và di dọc dòng suối về phía con kênh. Khi lên tới bờ kênh, ông dừng lại, tay chỉ xuống nước.

“Trông lạnh nhỉ?”

Tôi gật đầu. Chỉ nhìn xuống nước không thôi đã làm tôi rùng mình.

“À, giờ mới là tháng Mười thôi, nước sẽ còn lạnh hơn rất nhiều trước khi mùa đông kết thúc, nhưng đôi khi ta chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc nhảy vào. Ở khu vực này của Hạt, việc biết bơi có thể cứu mạng cậu. Hơn nữa, cậu làm gì có cơ may chống lại thủy phù thủy khi cậu không thể bơi? Cho nên nhảy xuống đi, cậu Ward, ta bắt đầu thôi. Phần đầu tiên là phần khó khăn nhất, cậu qua được sớm chừng nào sẽ tốt chừng ấy!”

Tôi cứ nhìn mãi vào dòng nước mờ đục. Thật không thể tin là tôi phải nhảy xuống đấy. Khi tôi do dự rồi quay lại đối mặt với ông Arkwright, chuẩn bị phản đối, ông thở dài và quay ngược đầu trượng, sau đó tóm lấy phần đầu có lưỡi giáo cùng những ngạnh nguy hiểm chết người. Tiếp đến, thật kinh ngạc ngỡ ngàng, ông chồm tới đẩy mạnh vào ngực tôi. Tôi chao đảo, ngã ngửa rồi rơi tòm xuống kênh, làm bắn nước tung tóe. Nước lạnh đến choáng váng khiến tôi há hốc, nhưng khi đẩy đầu tôi đã chìm xuống nước. Tôi bắt đầu sặc khi nước xộc vào mũi, vào mồm.

Trong một đổi, tôi chẳng biết mình nổi theo hướng nào. Chỉ biết thừa là mình đã ra đến chỗ hụt chân, thế là tôi đập tay đập chân loạn xạ. May thay, đầu tôi nhanh chóng nổi lên trên mặt nước và tôi nhìn thấy bầu trời. Tôi nghe tiếng ông Arkwright quát tháo, nhưng lúc này, trước khi kịp hít vào một hơi, tôi đã lại chìm xuống. Tôi đang lúng ta lúng túng, đang hoảng loạn, đang chìm dần, quơ quào tay chân khắp mọi hướng, cố chộp cho được thứ gì đấy – bất cứ thứ gì kéo tôi vào nơi an toàn.

Tại sao ông Arkwright không giúp nhỉ? Ông không thấy tôi đang chết đuối hay sao? Nhưng rồi có một vật chọc vào ngực tôi và tôi vớ đến nắm thật chặt. Bấu víu vào đấy dứt khoát không buông, tôi thấy mình được kéo ra khỏi nước. Thoắt sau có ai đó giữ lấy tóc tôi mà lôi tôi trôi lên mặt.

Tôi đang tựa lưng vào bờ kênh, nhìn thẳng lên khuôn mặt cười toe toét của ông Arkwright. Tôi cố mở miệng; cố buông lời xỉ vả. Trò vừa rồi có ngu xuẩn không chứ? Ông ấy vừa mới thử chìm chết tôi! Nhưng tôi vẫn còn đang ho sặc sụa và há mồm để thở, thế nên chỉ có nước phun ra khỏi miệng tôi.

“Nghe này cậu Ward, khi một anh thợ lặn muốn lặn xuống sâu, cách dễ nhất là ôm một tảng đá lớn để sức nặng lôi anh ta xuống nhanh hơn. Cậu sẽ không chìm tận đáy đâu vì nổi dễ hơn chìm đấy. Cơ thể cậu theo lẽ tự nhiên là sẽ nổi mà. Những gì cậu cần làm là giữ cho đầu mình ngóc lên để thở rồi học lấy vài cách khua tay khua chân. Cậu có từng thấy con ếch đập chân nó chưa?” Ông hỏi tôi.

Tôi hoang mang nhìn ông Arkwright. Đến lúc ấy tôi mới có thể hít vào một phổi đầy không khí. Chỉ là hít hít thở thở như bình thường thôi, nhưng sao cảm giác lại tuyệt thế này.

“Tôi sẽ kéo cậu bằng thanh trượng của tôi, cậu Ward nhé. Hãy tập đập chân ếch nào. Ngày mai chúng ta sẽ tập đến phần tay cho cậu vậy...”

Tôi những muốn thả trượng ra mà đứng dậy rời khỏi bờ kênh, nhưng trước khi tôi kịp nhúc nhích hay phản kháng, ông Arkwright đã bắt đầu bước đi dọc bờ kênh, tay trái kéo thanh trượng nên tôi phải di chuyển theo.

“Đập đi!” Ông ra lệnh.

Tôi làm theo. Cái lạnh bắt đầu ngấm vào xương nên tôi cần cử động để giữ ấm. Sau chừng vài trăm mét thì ông đổi hướng.

“Đạp! Đạp! Đạp! Coi nào cậu Ward, cậu có thể làm tốt hơn thế. Đạp mạnh hơn nữa! Hãy tưởng tượng một thủy phù thủy đang đuổi theo cậu!”

Sau chừng mười lăm phút, ông lôi tôi ra khỏi nước. Tôi lạnh cóng, ướt sũng, ngay cả hai ủng cũng ngập đầy nước bẩn. Arkwright nhìn ủng tôi và lắc đầu.

“Tất nhiên là nếu không có đôi ủng nặng trĩu của cậu thì khi bơi sẽ dễ dàng hơn nhiều, nhưng đôi lúc cậu không có dịp để cởi ủng ra đâu. Mà thôi, ta hãy quay về cối xay để cậu lau khô người nào.”

Hết buổi sáng còn lại tôi cuộn mình trong chăn ngồi trước bếp lò, cố làm cơ thể ấm lên. Arkwright bỏ mặc tôi đấy mà ở trên lầu thật lâu. Tôi chẳng vui vẻ gì với phương pháp ông dùng để cố dạy tôi bơi, và chắc chắn là tôi chẳng trông mong gì đến bài học kế tiếp.

Chiều muộn hôm ấy ông dẫn tôi ra vườn, lần này thì bảo tôi mang theo trượng. Ông dừng bước tại một bãi đất quang rồi quay lại đối diện với tôi.

Tôi kinh ngạc nhìn ông. Ông đang giương trượng lên một góc bốn mươi lăm độ, như thể đang định tấn công tôi bằng trượng hay tự vệ gì đấy. Nhưng ông cũng đã quay ngược đầu trượng cho lưỡi dao nằm về phần đuôi, phần chuôi dày hơn thành phần đầu.

“Trở chiều trượng của cậu như tôi vừa làm đi!” Ông ra lệnh. “Chắc chắn là lưỡi dao của cậu cũng thụt vào rồi, nhưng chúng ta đâu muốn có tai nạn phải không? Giờ thì thử tấn công tôi nhé! Hãy xem cậu làm được gì nào!”

Tôi thờ ơ vung trượng vào ông vài lần và ông gạt đi từng cú đánh một cách dễ dàng.

“Cậu làm được có từng ấy sao?” Ông Arkwright hỏi. “Tôi đang cố xem thử cậu có khả năng gì để tôi biết cách giúp cậu tiến bộ. Cố mạnh hơn nữa đi. Đừng lo, cậu sẽ không đả thương nổi tôi đâu. Thầy Gregory bảo cậu đam giỏi lắm. Ta hãy xem cậu làm được gì nhé...”

Thế là tôi thử. Cố hết sức. Tôi tung trọng thật nhanh cho đến khi thở hồng hộc, sau rồi tôi thử đâm tới – một chiêu đặc biệt mà thầy tôi đã dạy. Bạn làm động tác giả bằng một tay nhé, rồi thả trọng sang tay kia. Đây là chiêu thức đã cứu mạng tôi khi tôi đối mặt với Grimalkin, mụ phù thủy sát thủ. Tôi tin chắc là mình sẽ chọc thủng hàng phòng ngự của ông Arkwright, nhưng khi tôi tung chiêu này, ông lại dễ dàng quật trọng tôi sang một bên.

Tuy vậy, dường như ông lại thấy hài lòng khi cuối cùng tôi cũng đã cố gắng hết sức, ông bắt đầu chỉ cho tôi cách đặt chân hiệu quả hơn mỗi lần tôi lao đến. Chúng tôi tiếp tục như thế cho đến khi trời gần sụp tối, bấy giờ ông Arkwright mới cho dừng lại.

“Thôi, cậu Ward này, đây chỉ mới là bắt đầu. Ngủ một đêm thật ngon vào, vì ngày mai sẽ còn vất vả hơn. Tôi sẽ mở đầu bằng cách cho cậu làm việc với hai con chó. Xong thì quay lại kênh cho bài học bơi thứ hai, theo sau là bài huấn luyện tác chiến. Lần tới tôi sẽ thử tấn công *cậu*! Ta hãy hy vọng là cậu có thể tự vệ, bằng không cậu sẽ mang lấy những vết bầm bộp lộ từng kỹ năng phòng vệ mà cậu còn thiếu đấy.”

Chúng tôi vào nhà dùng một bữa tối xứng đáng. Hôm ấy là một ngày khó nhọc, ít ra là vậy, nhưng có một điều tôi buộc phải thừa nhận. Các phương thức của ông Arkwright có thể khắc nghiệt đấy, nhưng ông là một người thầy giỏi. Tôi cảm thấy mình đã học được rất nhiều.

CHƯƠNG 8: VỢ NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Hóa ra ngày hôm sau tôi không trải qua huấn luyện gì cả. Chúng tôi vừa dùng xong điểm tâm thì có tiếng chuông từ xa vang lên. Chuông vang ba lần.

“Nghe như có rắc rối,” ông Arkwright nhận xét. “Mang theo trượng nhé, cậu Ward. Ta hãy đi xem vấn đề là gì nào...”

Nói đoạn, ông dẫn đường đi ra vườn, băng qua con mương đầy muối hướng về phía con kênh. Một ông lão cao kều đã đứng chờ dưới cột chuông. Ông ấy đang nắm chặt một mảnh giấy trước ngực.

“Vậy là bác quyết định rồi...” Arkwright nói khi chúng tôi tiến đến gần.

Ông lão gật đầu. Ông vừa cao vừa ốm, mái tóc hoa râm lơ thơ quanh thái dương. Trông như thể một cơn gió giật có thể thổi bay ông đi mất. Ông chìa mảnh giấy ra cho Arkwright nhìn thấy. Một mặt là mười chín tên người; mặt kia có ba tên. “Hôm qua chúng tôi đã biểu quyết,” ông bảo, giọng rên rĩ ai oán. “Được số đông quyết định. Chúng tôi không muốn bà ta sống gần bên. Thế là không ổn. Không ổn chút nào...”

“Tôi bảo ông lần chót nhé,” ông Arkwright nghe ra chiều bực bội. “Chúng ta thậm chí còn không chắc bà ấy có phải là thứ đấy không. Họ có con cái chứ?”

Ông lão ồm o lắc đầu. “Chả con cái gì, nhưng nếu bà ta là thứ đấy, thì mấy con chó của ông sẽ biết phải không? Chúng sẽ phân biệt được chứ?”

“Có lẽ, tuy không phải khi nào cũng đơn giản như thế. Nhưng thôi, tôi sẽ đến giải quyết cho – bằng cách này hay cách khác.”

Ông lão gật đầu rồi vội vã đi lên hướng bắc, dọc theo con kênh.

Khi ông ấy mất dạng, Arkwright thở dài. “Đây là một trong những việc ta ghét đấy. Một đám mây tay *lượng thiện* trên mạn bắc cho rằng vợ một ngư dân trong vùng là hải cẩu nhân,” Arkwright đáp, hai tiếng “*lượng thiện*”

nghe đầy mai mĩa. “Bọn họ đã xào xáo gần cả năm nay, cố đưa ra quyết định. Giờ thì họ muốn ta xử lý việc này.”

“Hải cầu nhân ư? Là gì thế ạ?”

“Hải cầu nhân là một loại biến hình, thứ thường được biết đến như là ‘nửa đàn bà-nửa hải cầu’ đấy cậu Ward ạ. Thông thường chúng sống cả đời ngoài biển nhưng thỉnh thoảng lại đem lòng thích một người đàn ông – có thể là để ý đến anh ta khi anh ta dong thuyền ra biển hoặc khi đang ngồi vá lưới. Càng quẩn quít với anh ta bao nhiêu, chúng càng trở nên giống con người bấy nhiêu. Sự thay đổi ấy mất chừng một ngày là tối đa – chúng biến thành một người phụ nữ hoàn thiện – một phụ nữ cực kỳ quyến rũ. Anh ngư dân thường sẽ chết mê chết mệ vì tình ngay lần gặp đầu tiên rồi kết hôn với hải cầu nhân ấy.

Họ không thể có con, nhưng ngoài điều đó ra thì đấy là một cuộc hôn nhân vô cùng hạnh phúc. Tôi không thấy chuyện này có gì hại cả, nhưng nếu có lời kêu ca thì chúng ta phải ra tay thôi. Đấy là một phần trong công việc. Chúng ta giúp mọi người thấy an toàn. Thế có nghĩa là phải dùng đến mấy con chó. Hải cầu nhân đôi khi sống lẫn với con người hàng bao nhiêu năm trời trước khi xuất hiện một thoáng nghi ngờ nho nhỏ. Chủ yếu là do đám phụ nữ kích động mấy ông chồng họ đi kêu ca. Họ ghen ấy mà. Cậu biết đấy, ngoài việc được ưu ái hơn về sắc đẹp, một hải cầu nhân còn chẳng già đi chút nào.”

“Người đánh cá kia – nếu vợ ông ta là hải cầu nhân,” tôi hỏi, “liệu ông ta có biết không?”

“Sau một thời gian có vài người sẽ hiểu ra. Nhưng họ không phàn nàn...”

Nói đoạn, ông Arkwright nhún vai và huýt lên một tràng dài điếc tai. Gần như ngay lập tức, tiếng huýt sáo được đáp lại bằng tiếng hai con chó sủa từ xa rồi chúng phóng đến, hàm há to, răng nhe ra đe dọa. Chập sau ông Arkwright đã dẫn chúng tôi đi lên hướng bắc, chân sỏi từng bước dài dọc bờ kênh, hai con Răng và Vuốt hỗn hà hỗn hển theo sát gót, còn tôi đi cách sau

vài bước. Chẳng mấy chốc chúng tôi qua mặt ông lão trong làng; Arkwright thậm chí còn không gật đầu về hướng ông ta.

Tôi nghe qua là không thích công việc này chút nào, và dù có vẻ cứng rắn là thế, Arkwright rõ ràng cũng không vui vẻ gì. Xét về một mặt, hải câu nhân gợi cho tôi nhớ đến phù thủy nữ yêu – chúng có thể từ từ biến thành hình dạng con người. Tôi nghĩ đến Meg, phù thủy nữ yêu mà thầy tôi từng yêu mến. Thầy sẽ thấy thế nào nếu có ai đó truy đuổi bà ấy với chó chó? Sẽ chẳng khá khẩm hơn những gì người đánh cá kia cảm thấy khi chúng tôi truy đuổi vợ anh ta. Mẹ tôi chắc hẳn cũng là một nữ yêu, giống như hai người chị của bà, và tôi biết bố mình sẽ phản ứng ra sao nếu mẹ bị săn đuổi như thế. Toàn bộ tình huống này làm tôi thấy tồi tệ quá. Nếu vợ người đánh cá không làm gì có hại, tại sao bà ấy phải bị săn lùng?

Chúng tôi rời khỏi con kênh, rẽ sang hướng tây về phía bờ biển, và không bao lâu sau, một bờ cát màu nâu nhạt, bằng phẳng trải rộng hiện ra trước mắt. Ngày hôm ấy trời se lạnh – mặt trời không tỏa được chút hơi ấm nào, dù là nó đang rực sáng ngoài vùng biển xa xa. Tránh xa hai con chó săn sói, tôi tiến lên để bước cạnh ông Arkwright. Tôi đang tò mò và có nhiều câu để hỏi.

“Hải câu nhân có quyền năng gì không ạ?” Tôi hỏi. “Chúng có dùng tà thuật không?”

Arkwright lắc đầu mà không nhìn sang tôi. “Quyền năng duy nhất mà chúng có là biến hình,” ông ủ rũ đáp. “Một khi đã khoác vào hình dáng con người, chúng có thể biến ngược lại trong vài phút nếu bị đe dọa.”

“Vậy hải câu nhân có thuộc về thế lực bóng tối không?”

“Không hẳn. Xét về mặt này thì chúng giống như con người – chúng thuộc về giới nào cũng được.”

Chập sau, chúng tôi đi qua một ngôi làng nhỏ chừng khoảng bảy ngôi nhà, mùi cá ươn tanh tanh thoang thoang trong không khí. Còn có vài tấm lưới đánh cá và hai con thuyền nhỏ nhưng không thấy bóng dáng người nào.

Thậm chí không cả một màn cửa động đậy. Hẳn họ đã trông thấy ông Arkwright đi đến và biết là nên ở yên trong nhà.

Qua khỏi ngôi làng, xa xa, tôi trông thấy một căn chòi đơn độc, và trên cồn cát nhỏ sau căn chòi là một người đàn ông đang ngồi vá lưới. Phía trước mặt, trên mép bờ cát, một dây phơi quần áo kéo dài từ một móc kim loại gắn trên tường cạnh cửa trước đến cây cột gỗ. Quần áo mới vắt qua phân nửa dây phơi. Người phụ nữ từ căn chòi đi ra trên tay mang theo đầy quần áo ướt và một vốc kẹp mặc áo rồi bắt đầu phơi phóng đồ mới giặt.

“Thôi, để xem đây là gì nào,” ông Arkwright càu nhàu rồi huýt sáo nhẹ. Ngay lập tức cả hai con chó phóng tới trước. “Đừng lo, cậu Ward à,” ông nói tiếp. “Chúng được huấn luyện kỹ lắm. Nếu bà ta là con người, chúng sẽ chỉ liếm bà ta là cùng!”

Ông Arkwright bất ngờ chạy bổ đến chỗ ngôi nhà, vào lúc ấy, người đánh cá ngược mắt lên và đứng dậy. Tóc ông bạc trắng và ông trông đã khá già rồi. Khi đấy tôi mới thấy thầy tôi không phải đang chạy về phía người phụ nữ; đích đến của ông là người đánh cá. Nhưng hai con chó thì đang nhắm vào người phụ nữ thật. Bà nhìn lên, đánh rơi giỏ đồ mới giặt, kéo váy cao quá gối và bắt đầu chạy về hướng biển xa xa.

Không nghĩ ngợi gì, tôi cũng nối gót hai chú chó bám theo con mồi. Bà ấy có phải là hải cẩu nhân không? Nếu không, tại sao bà ấy lại bỏ chạy? Có lẽ hàng xóm láng giềng của bà hay hăn học lắm, còn bấy lâu nay bà luôn biết là rắc rối sẽ đến. Hay đơn giản là người này sợ chó – có những người như thế đấy. Mà hai con Răng với Vuốt thì có thể dọa cho bất cứ ai sợ. Nhưng có điều gì đấy trong cái cách bà ấy chạy thẳng ra biển làm tôi không an tâm.

Người phụ nữ này trông còn trẻ – trẻ hơn người đánh cá nhiều; trẻ đến mức làm con gái ông vẫn được. Lúc này chúng tôi đang rút ngắn khoảng cách với bà ấy, mặc dù là bà ấy chạy nhanh, mái tóc dài phấp phới sau lưng, hai chân cuống quýt. Có vẻ như bà ấy không có khả năng chạy nhanh hơn Vuốt và Răng đâu. Biển thì vẫn còn cách một quãng khá xa. Nhưng rồi tôi để ý thấy con kênh ngay trước mặt. Trông như một dòng sông chảy qua bờ cát và thủy triều từ phía tây đang rần rật đổ vào. Dòng nước cuộn cuộn trông

khá sâu. Hiện Vuốt đã bén gót người phụ nữ, hàm há to, bỗng thành linh người phụ nữ phóng vọt lên trước, gần như bỏ con chó đứng sững lại.

Thế rồi bà ấy bắt đầu vừa chạy vừa vớt bỏ quần áo rồi lao thẳng xuống nước. Tôi chạy đến mép con kênh, nhìn xuống lòng kênh. Không thấy dấu hiệu gì cả. Bà ấy chết chìm rồi ư? Chọn phải chết bằng cách này thay vì bị mấy con chó xé xác sao?

Hai con chó tru lên, chạy dọc hai bờ kênh nhưng không đuổi theo. Rồi một gương mặt cùng bờ vai thoáng nhô lên khỏi mặt nước. Người phụ nữ liếc ra sau nhìn tôi và tôi chợt hiểu...

Đó không còn là gương mặt của con người nữa. Hai mắt lồi to, da bóng nhẫy. Bà ấy đúng là hải cẩu nhân. Và giờ bà ấy được an toàn trong ngôi nhà dưới nước của mình. Nhưng tôi ngạc nhiên về mấy con chó. Tại sao chúng không đuổi theo bà ấy ra tận biển?

Người phụ nữ bơi thật lực ngược dòng kênh và dòng nước triều, thẳng tiến ra biển rộng. Tôi nhìn đầu bà ấy nhấp nhô một lúc cho đến khi khuất hẳn, rồi chậm chậm quay bước về phía căn chòi, hai con chó khổ sở theo sát gót tôi. Từ đằng xa, tôi trông thấy ông Arkwright đang giữ chặt người đánh cá. Arkwright đã ngăn không cho người đánh cá đến giúp vợ mình.

Khi tôi đến gần hơn, ông Arkwright thả người đánh cá ra, người đàn ông ấy bắt đầu điên cuồng vung vẩy hai tay. Nhìn gần, người này trông già vô cùng.

“Chúng tôi có làm hại gì chứ? Hại gì?” Người đánh cá rên khóc, nước mắt ròn ròn xuống mặt. “Cuộc đời tôi giờ hết cả rồi. Bà ấy là lý do để tôi sống. Chúng tôi đã ở bên nhau gần hai mươi năm, vậy mà ông lại chấm dứt nó như thế này. Và vì cái gì cơ chứ? Vì lời nói của vài kẻ ganh tị được gọi là láng giềng. Ông là loại người gì vậy? Bà ấy hiền hậu, dịu dàng và không làm hại đến bất cứ người nào!”

Ông Arkwright lắc đầu nhưng không đáp gì. Ông quay lưng lại với người đánh cá rồi chúng tôi sai bước về hướng ngôi làng. Xa xa, sau ngôi làng, những đám mây kéo mưa nặng nề xám xịt đang tụ lại. Khi chúng tôi tiến

đến, mấy cánh cửa lần lượt mở ra và màn cửa lay động. Tuy nhiên, chỉ một người bước ra đường – là ông lão ốm o đã rung chuông kêu chúng tôi nhận nhiệm vụ chẳng vui vẻ gì này. Ông ta bước đến, chìa ra một nắm tay đầy tiền xu. Có vẻ như bọn họ đã góp tiền với nhau để trả cho thầy tôi. Thật là một sự thanh toán đúng hạn. Thầy John Gregory hiếm khi được trả công ngay sau khi hoàn thành công việc. Thường thầy phải đợi đến vài tháng – có khi là đến mùa vụ năm sau.

Trong một đổi, tôi tưởng ông Arkwright sẽ không nhận tiền ấy chứ. Ngay cả khi cầm tiền trong tay, ông cũng trông như thể sắp sửa quẳng lại vào mặt ông lão thay vì bỏ tiền vào túi. Nhưng ông bỏ vào túi thật, và chẳng nói lấy lời nào, ông lẳng lặng đi ngược lên phố.

“Chúng ta đi rồi thì bà ấy cũng sẽ không quay lại ạ?” Khi chúng tôi bước về phía con kênh, tôi hỏi.

“Chúng không bao giờ quay lại đâu, cậu Ward à,” Arkwright trả lời, mặt âm ỉm. “Không ai biết vì sao nhưng giờ đây bà ta sẽ ở ngoài biển hàng năm trời. Biết đâu là đến tận cuối cuộc đời dài dặc của bà ta ấy chứ. Trừ khi bà ta tìm được một người đàn ông khác mà mình say mê. Có lẽ ngoài đây bà ta thấy cô độc...”

“Tại sao hai con chó không rượt theo bà ấy xuống nước ạ?” Tôi hỏi.

Ông Arkwright nhún vai. “Nếu hai con đấy mà bắt kịp trước thì giờ bà ta đã chết rồi – không làm được đâu. Nhưng trong lối thật của mình thì bà ta mạnh mẽ, thừa khả năng tự vệ. Nếu được để yên, bà ta vô hại, nên tôi không muốn hai con chó gặp nguy hiểm không cần thiết. Với thủy phù thủy thì khác và tôi muốn mấy con chó liều mạng. Nhưng còn với hải cẩu nhân ư, sao phải bận tâm làm gì? Bà ta không hẳn là mối đe dọa cho bất cứ ai. Hiện tại bà ta đã đi xa và tối nay dân làng sẽ thấy an toàn hơn. Nghĩa là công việc của chúng ta đã hoàn tất.”

Với tôi, thế nghe có vẻ tàn nhẫn và tôi không vui chút nào khi phải dưng phần vào việc làm dường như không cần thiết này. Họ đã ở bên nhau gần hai mươi năm, và giờ đây người đánh cá sẽ phải đối mặt với tuổi già cay đắng

lần cô đọc. Tôi thề với lòng mình, tại ngay lúc ấy, rằng khi trở thành thầy trò
tà, sẽ có những công việc mà tôi không nhúng tay vào.

CHƯƠNG 9: LẮN VÀ U!

Chúng tôi quay trở về cối xay đầu buổi chiều, ngay khi trời đổ mưa. Tôi những tưởng chúng tôi sẽ dùng bữa, nhưng ông Arkwright lại bảo tôi lấy sổ ghi chép ra ngồi bên bàn bếp. Dường như ông sắp giảng bài.

Tôi ngồi đấy chờ một hồi khá lâu, đến cuối cùng, ông Arkwright cũng từ phòng khách bước ra, tay cầm theo ngọn đèn lồng và một chai vang đỏ đã vơi một nửa. Ông ấy đã uống hết từng ấy kia à? Sắc mặt ông cau có sa sầm còn hơn đám mây đông và ông trông chẳng có tâm trạng gì là muốn dạy dỗ cả.

“Hãy viết lại những gì tôi dạy cậu sáng nay đi,” ông Arkwright đặt đèn lồng xuống giữa bàn. Tôi ngạc nhiên quan sát ngọn đèn: trong bếp hơi tù mù một tí nhưng vẫn còn đủ ánh sáng để nhìn rõ. Rồi ông Arkwright tu một ngụm lớn rượu vang và hướng tầm mắt ra ngoài cửa sổ bếp u ám, nhìn chăm chăm vào cơn mưa xối xả từ mái nhà đổ xuống.

Trong khi tôi ghi chép, làm việc trong vòng ánh sáng vàng vọt thật lớn nọ, ông Arkwright chỉ tiếp tục nhìn đăm đăm như thế, thỉnh thoảng tu một ngụm rượu. Đến khi tôi viết xong tất cả những gì mình đã học về hải cầu nhân, chai rượu gần như cạn sạch.

“Xong chưa hử cậu Ward?” Ông Arkwright hỏi khi tôi đặt bút xuống.

Tôi gật đầu và mỉm cười nhìn ông, ông chẳng cười lại. Thay vì thế ông uống cạn giọt rượu cuối cùng rồi nhanh nhẹn đứng lên.

“Tôi nghĩ đến lúc làm chút lẩn và u rồi đấy! Cầm lấy trượng đi theo tôi nào!”

Miệng tôi há ra khi tôi kinh ngạc nhìn ông. Tôi cũng lo lắng nữa. Tôi không thích ánh nhìn khắc nghiệt, tàn nhẫn trong mắt ông ấy. Ông Arkwright giật phắt lấy thanh trượng của ông cùng ngọn đèn lồng rồi quày quả bước đi, hai vai đung đưa xông xáo. Thế là tôi cầm trượng của mình vội vã đi theo.

Ông dẫn tôi băng qua bếp, xuôi dọc theo hành lang đến một cánh cửa ở cuối dãy. Cánh cửa có hai thanh chèn nặng trĩch nhưng đều đã được rút ra.

“Đã từng vào trong này chưa cậu Ward?”

Tôi lắc đầu. Ông Arkwright mở cửa ra rồi bước xuống vài bậc thang trong bóng tối lờ mờ, tôi theo sau. Kế đó, ông treo đèn lồng lên cái móc ngay giữa trần nhà. Điều đầu tiên tôi chú ý đến là căn phòng không có cửa sổ. Ước chừng căn phòng mỗi chiều dài ba mét và được xây thấp hơn phần còn lại của ngôi nhà, với sàn nhà lát đá tảng thay vì sàn gỗ.

“Lần và u là gì vậy ạ?” Tôi bồn chồn hỏi.

“Đây là cụm từ đôi khi tôi dùng để nói về việc thực hành. Chắc cậu đã tập vung xích trong vườn nhà thầy Gregory cũng như dùng trượng đánh vào gốc cây khô. Ngày hôm qua chúng ta đã tiến xa hơn khi cậu cố tấn công tôi mà thất bại ấy. Còn bây giờ là lúc phải tiếp tục luyện hơi đầu hơn một chút. Tôi sẽ gắng hết sức dùng trượng quất vào cậu. Chắc chắn cậu sẽ chịu vài cục u với vết bầm, nhưng đồng thời cậu cũng sẽ tích lũy được những kỹ năng tác chiến hữu ích. Nào, cậu Ward. Hãy xem khả năng cậu đến đâu nào!”

Dứt lời, ông Arkwright quất trượng vào tôi, nhắm thẳng vào đầu. Tôi thối lui kịp lúc, đầu trượng bằng gỗ nặng trĩch chỉ hệt mũi tôi vài phân. Ông Arkwright lại tiếp tục xông tới, buộc tôi phải thụt lùi.

Thầy Trừ Tà thường bắt tôi tập kỹ năng cơ bản cần dùng khi chiến đấu chống lại thế lực bóng tối. Có thầy tôi huấn luyện và quan sát, tôi tập những kỹ năng ấy cho đến khi mệt nhoài. Cuối cùng, việc tập luyện cũng mang lại kết quả thích đáng. Trong các tình huống nguy hiểm thì chính các kỹ năng học được đã cứu mạng tôi. Nhưng tôi chưa khi nào phải đấu với *thầy cả*, dùng trượng đối trượng ấy. Đã thế, ông Arkwright lại còn vừa uống rượu xong nữa chứ, dường như men rượu khiến ông thêm nóng tính.

Lần ra đòn thứ hai ông Arkwright xông đến rất nhanh, vung trượng thật mạnh. Tôi dùng trượng đỡ vừa kịp, sự va chạm gây chấn động lên hai cánh tay rồi truyền đến hai vai tôi. Tôi đang di chuyển ngược chiều kim đồng hồ,

dè dặt thối lui, bụng thắt mắc không rõ ông ấy muốn làm mình bị thương thật hay đơn giản chỉ là đang ép tôi tập phòng vệ.

Lời đáp đến ngay sau đấy. Arkwright vờ nhá người sang phải, rồi quất thanh trượng theo hình vòng cung sắc nét để vòng đến đánh mạnh vào vai trái tôi. Cơn choáng váng từ cú va chạm này thật kinh khủng, khiến tôi ngay lập tức đánh rơi trượng.

“Nhặt trượng lên, cậu Ward. Mà chúng ta chưa bắt đầu đâu đấy...”

Bàn tay trái của tôi run lẩy bẩy khi tôi tóm lấy trượng. Vai tôi nhức nhối, cả cánh tay tê rần.

“À, cậu đã gặp rắc rối phải không cậu Ward. Nếu như trước đây cậu từng tập luyện và sẵn sàng cho tình huống này, hẳn cậu đã có thể giao chiến bằng tay phải rồi đấy!”

Giờ thì tôi nâng trượng lên phòng vệ, dùng cả hai tay để giữ chặt lấy trượng. Ba đòn tấn công giáng xuống mạnh mẽ, ba tiếng bộp vang dội do va vào thanh gỗ. Mỗi đòn tôi đều đỡ được trong gang tấc; nếu đỡ không xong, những cú đánh ấy đã giáng trúng đầu hay mình tôi. Lúc này ông Arkwright đang thở gấp, khuôn mặt đỏ rần lên vì giận dữ, hai mắt như lồi hẳn ra khỏi hốc, các mạch máu nổi cộm lên hai bên thái dương. Trông ông như thể muốn lấy mạng tôi: hết lần này sang lần khác ông hung tợn quất trượng vào tôi cho đến khi tôi không còn đếm nổi mình đã gạt đi bao nhiêu cú rồi. Ấy vậy mà tôi chưa tấn công được một lần nên cơn tức tối đang tích tụ dần trong tôi. Người đàn ông này thuộc loại người nào thế? Đây có phải cách một kẻ trừ tà huấn luyện người học việc của mình không vậy?

Arkwright có sức mạnh phi thường. Ông là người đàn ông trưởng thành trong khi tôi vẫn còn là một cậu bé. Nhưng có lẽ tôi sở hữu một lợi thế: tốc độ...

Tôi chỉ phải nắm bắt cơ hội thôi. Ý nghĩ ấy vừa nảy đến trong đầu tôi thì cơ hội đã đến. Arkwright tung đòn. Tôi thụp xuống né. Ông thoáng mất thăng bằng – chắc là do lượng rượu vừa mới nốc – nên hờ hững, thế là tôi

tấn công thật mạnh vào vai trái ông, một cú phản đòn chính xác đáp trả lại cơn đau ông gây ra cho tôi.

Arkwright không đánh rơi trượng. Ông chỉ tấn công trở lại, nhưng lực ra đòn còn dữ dội hơn bao giờ hết. Một cú quất vào vai phải tôi, sau đó là tay phải, thế là chính thanh trượng của tôi lại rơi xuống nền đá. Tiếp theo, tôi chỉ kịp biết là ông vung trượng xuống đầu mình mà thôi. Tôi đã cố thụt lùi nhưng trán vẫn bị khê sướt qua, khiến tôi khuyu gối.

“Đứng dậy,” ông Arkwright nhìn tôi. “Tôi đâu có đánh cậu mạnh đến thế. Chỉ là một cú gõ nhẹ để cậu thấy chuyện gì có khả năng xảy ra trong một trận chiến thực sự. Cú đánh cuối cùng kia *có thể* mang nghĩa là cậu sẽ không bao giờ nhìn thấy ánh dương nữa. Cuộc đời khắc nghiệt lắm, cậu Ward à, và ngoài kia đang có lắm kẻ thù chỉ muốn chứng kiến cậu bị chôn vùi xuống đất. Công việc của tôi là huấn luyện cậu cho kỹ càng. Để bảo đảm cậu có các kỹ năng để ngăn chặn bọn chúng! Và nếu như thế khiến cậu chịu vài cục u thì cũng phải thôi. Đây sẽ là cái giá rất đáng trả!”

Cuối cùng, tôi cũng nhẹ cả người khi ông Arkwright tuyên bố bài học kết thúc. Cơn mưa đã dứt và ông sẽ đi kiểm tra con kênh phía nam, mang cả hai con chó theo. Ông dặn tôi ôn lại những danh từ và động từ tiếng La Tinh trong khi ông đi khỏi. Có vẻ ông Arkwright không muốn tôi đi cùng và hẳn là sẽ hạnh phúc hơn nhiều nếu tôi trở lại với Thầy Trừ Tà.

Tôi ngoan ngoãn ngồi học các động từ được một lúc, nhưng rồi thấy sao khó tập trung quá. Ngay khi ấy, tôi nghe thấy một tiếng động ở đâu đấy bên trên. Là từ tầng một hay tầng trên nữa nhỉ...?

Tôi đứng dưới chân cầu thang dỏng tai chú ý nghe ngóng. Một chập sau, âm thanh kia lại vang lên. Không phải là tiếng bước chân hay tiếng va chạm lộp bộp gì đâu – tôi không thể xác định tiếng động ấy là gì. Nghe cứ lạo xạo. Trên kia đang có ai à? Hay đấy là một trong những hồn ma mà đêm trước tôi từng nghe tiếng? Một trong những hồn ma trong gia đình ông Arkwright ấy?

Tôi biết việc đi lên lầu là không nên – người thầy mới của tôi chắc chắn sẽ không thích đâu. Nhưng tôi đang chán chường, tò mò lẫn tức giận ông ấy

vì đã đánh vào đầu tôi. Ông ấy gọi đấy là một cú “gõ nhẹ” nhưng thực tế là mạnh tay hơn thế. Tôi cũng chán ngấy ông cùng những bí mật của ông lắm rồi.

Ông Arkwright đang đi vắng và những gì ông không biết sẽ chẳng làm hại gì đến ông. Thế là tôi dậm bước lên lầu, từng bước một, cố gắng gây ra càng ít tiếng động càng tốt. Tại đầu cầu thang tầng một, ngay bên ngoài căn phòng đôi, tôi dừng lại lắng nghe chăm chú. Tôi nghĩ mình đã nghe thấy tiếng sột soạt khe khê bên trong. Tôi đẩy nhẹ cửa rồi bước vào phòng, nhưng hóa ra là chẳng có gì. Trên chiếc giường đôi, các tấm trải vẫn còn xộc xệch. Một lần nữa tôi khê chạm vào tấm trải. Nệm vẫn như thế. Ướt sũng nước. Nhưng có thứ gì đó khang khác. Mấy tấm trải ngày hôm nay dường như bị kéo xuống thấp hơn.

Tôi rùng mình, nhanh chóng rời khỏi phòng rồi kiểm tra ba phòng còn lại. Trong mấy phòng này có vẻ như không có gì thay đổi. Tôi đang đứng trong phòng mình thì lại nghe thấy tiếng động nọ. Âm thanh từ tầng trên vọng xuống.

Thế là, vì lúc này đã tò mò quá đỗi, tôi tiếp tục bước lên lầu. Nơi đầu cầu thang tiếp theo chỉ có một cánh cửa. Tôi thử xoay nắm cửa và thấy nó bị khóa. Lẽ ra tôi nên quay bước đi xuống lầu ngay lúc ấy. Dẫu sao thì ông Arkwright đã đặc biệt dặn dò tôi phải tránh xa phòng ông. Nhưng tôi không ưa cái lối ông đối xử với tôi – cả việc lẫn việc ông thường từ chối trả lời những câu hỏi của tôi nữa. Vậy nên, bất chợt nổi hứng, cộng thêm chút bực bội, tôi lấy chiếc chìa khóa đặc biệt từ trong túi ra để mở cửa.

Khi vào được bên trong, tôi bất ngờ với kích thước căn phòng. Nhờ ánh sáng từ hai ngọn nến lớn, tôi nhận thấy căn phòng thật rộng. Rất rộng. Diện tích nền là toàn bộ diện tích ngôi nhà. Điều thứ hai tôi chú ý đến là nhiệt độ trong phòng này. Ấm áp và khô ráo. Có một bếp lò khác, lớn gấp đôi bếp lò dưới bếp, và lò đang tỏa nhiệt. Cạnh bên bếp lò là một giỏ đựng than to tướng, cây kẹp than lẫn cây cời lò thò ra khỏi giỏ.

Những kệ sách che kín hết hai bức tường – vậy ra ông Arkwright cũng có thư viện cho riêng mình. Sàn nhà gỗ được đánh bóng đen óng và có một tấm

thảm lông cừu trải ra trước ba chiếc ghế đối diện với bếp lò. Đến khi ấy tôi mới để ý thấy thứ nằm ở góc phòng phía sau, đằng xa kia...

Thoạt nhìn tôi tưởng mấy ngọn nến được đặt trên hai chiếc bàn hình chữ nhật. Nhưng tôi đã lầm. Đấy thật ra là hai cỗ quan tài xếp cạnh nhau, mỗi quan tài có một giá đỡ. Tôi bước lại chỗ chúng, cảm nhận được tóc gáy mình dựng lên. Căn phòng dần dần trở lạnh. Hay có vẻ như vậy. Là điều cảnh báo cho thấy những kẻ đã chết không thanh thản đang tiến đến gần.

Tôi nhìn hai cỗ quan tài và đọc chữ trên mấy tấm bảng đồng. Tấm đầu tiên sáng bóng có đề:

Abraham Arkwright

Nhưng không giống cỗ đầu tiên, vừa sạch vừa bóng loáng và trông gần như mới, phần gỗ của cỗ thứ hai trông mục ruỗng, phủ đầy những rêu; kinh ngạc một nỗi, tôi thật sự trông thấy hơi nước từ cỗ quan tài này bốc lên, tỏa vào bầu không khí ẩm áp xung quanh. Tấm bảng đồng mờ xỉn và khó khăn lắm tôi mới có thể đọc những gì khắc trên ấy...

Amelia Arkwright

Rồi tôi nhìn thấy, ngay dưới tấm bảng, một chiếc nhẫn vàng thanh mảnh đặt trên lớp gỗ. Trông như là nhẫn cưới. Ất hẳn là nhẫn của bà Amelia.

Tôi nghe thấy hai âm thanh sau lưng mình: tiếng kim loại va nhau lanh canh; rồi cánh cửa bếp lò mở ra. Tôi xoay ngoắt lại thì thấy cửa bếp mở rộng và cây cời lò được nhét vào đống than đang cháy đỏ. Trong khi tôi quan sát, que cời bắt đầu dịch chuyển. Đấy là âm thanh tôi đã nghe thấy lúc ở dưới lầu. Tiếng ào ào, lạo xạo khi đống lửa được cời đỏ!

Hoảng sợ, tôi quay lưng rời khỏi phòng ngay lập tức và chạy xuống lầu. Kiểu hồn ma ấy là gì nhỉ? Mấy ông kẹ có thể nhiều sự, ném đá nhỏ lẫn đá tảng, đập vỡ bát đĩa hoặc quăng nôi niêu khắp bếp. Nhưng hồn ma thì không. Chắc chắn không. Quyền năng của hồn ma thường chỉ gói gọn trong việc dọa người ta sợ, hiem hoi lắm mới khiến những ai thần kinh yếu phát điên. Hồn ma thường không có đủ sức mạnh để làm hại đến thân xác bạn. Đôi khi chúng kéo tóc bạn; hồn ma của kẻ bóp cổ thì đặt tay quanh cổ bạn

mà siết. Nhưng đây là một linh hồn khác hẳn với những gì tôi từng được dạy hay chạm trán. Hồn ma này nâng được cây còi than nặng nề bằng kim loại khỏi giỏ đựng than, biết mở cửa bếp lò và bắt đầu còi lửa.

Chuyện như thế đã là ghê gớm lắm rồi, vậy mà chuyện tồi tệ hơn lại sắp xảy đến. Đang đứng ngay dưới chân cầu thang và chờ tôi trong sảnh là ông Arkwright, tay cầm chặt một chai rượu khác đã vỡ phân nửa, khuôn mặt bừng bừng thịnh nộ.

“Tôi đã đứng đây một chập mà không thể tin là mình đang nghe đúng. Cậu đâu chỉ mới ở trong phòng mình thôi, phải không cậu Ward? Cậu vừa lục lọi loanh quanh. Vừa chõ mũi vào nơi không phải của mình!”

“Cháu nghe thấy tiếng ồn trên lầu ạ,” tôi dừng lại trên bậc thang cuối. Ông Arkwright đang chặn lối tôi.

“Trên lầu có lắm tiếng ồn, mà như cậu thừa biết, là do những người chết không thanh thản gây ra. Do gia đình tôi. Và đây là chuyện của tôi,” giọng ông lúc này đều đều đến nguy hiểm, “và nó chẳng liên quan chút gì đến cậu. Đợi đấy!”

Tay vẫn mang theo chai rượu, ông Arkwright thô bạo lách người khỏi tôi rồi chạy lên lầu hai bậc thang một. Tôi nghe thấy ông ấy bước dọc theo đầu cầu thang tầng một rồi đi vào ba căn phòng ngủ. Rồi ông đi lên dãy cầu thang tiếp theo và một tiếng rống phẫn nộ cất lên. Tôi đã quên khóa cửa lại. Tôi biết ông Arkwright sẽ rất tức giận vì mình đã đi vào phòng riêng của ông. Chắc chắn ông không muốn tôi trông thấy mấy cỗ quan tài...

Arkwright lao bổ xuống cầu thang và chạy xộc đến chỗ tôi. Trong thoáng chốc, tôi cứ tưởng ông sẽ phang chai rượu vào mình, nhưng ông chỉ dùng tay phải bợp vào tai trái tôi. Cố né người tránh đòn, tôi mất thăng bằng, hụt chân, té âm xuống sàn bếp. Tôi nhìn lên, đầu ong ong, ngoác mồm ra thở dốc. Tôi cảm thấy choáng váng và buồn nôn: cú ngã đã làm tôi hụt cả hơi. Arkwright nhấc ủng lên, tôi ngỡ ông sắp đá mình, nhưng thay vào đó ông chỉ ngồi xổm xuống gần đầu tôi, đôi mắt phẫn nộ đến tóa lửa nhìn trừng trừng vào mắt tôi.

“À,” hơi thở chua loét của ông phả thẳng vào mặt tôi, “hãy xem như đây là bài học dành cho cậu. Tôi sẽ lại ra ngoài cùng mấy con chó để kiểm tra đêm lẫn. Trong lúc ấy cậu hãy tiếp tục học bài đi. Nếu chuyện này tái diễn, cậu không biết chuyện gì sẽ xảy đến với mình đâu đấy!”

Sau khi ông Arkwright đi khỏi, tôi bước tới bước lui quanh phòng bếp, lòng ngùn ngụt những tức tối và tổn thương. Chẳng có cậu bé học việc nào đáng phải chịu đựng những gì tôi vừa trải qua cả.

Tôi không mất bao lâu để đưa ra quyết định. Việc tôi ở cùng với Arkwright đã chấm dứt. Tôi sẽ quay về Chipenden. Chắc hẳn Thầy Trừ Tà sẽ không hài lòng khi thấy tôi quay về sớm thế. Tôi chỉ hy vọng thầy sẽ tin vào những gì đã xảy ra với tôi mà đứng về phía tôi thôi.

Chẳng nghĩ ngợi gì thêm nữa, tôi nhặt túi đồ cùng thanh trượng của mình lên, băng qua phòng và đến chỗ cánh cửa ngoài hàng hiên, sau đó cất bước ra vườn. Tôi do dự. Lỡ hai con chó đang ở gần đây và đánh hơi thấy mùi của tôi thì phải làm sao?

Tôi đóng tai lên nhưng chỉ nghe thấy tiếng gió rền rĩ kéo qua đêm lẫn. Chập sau, tôi đã lội qua con mương đầy muối, lòng khắp khởi vui mừng vì mình không còn dính dáng đến ông Arkwright cùng cái cối xay cũ kỹ ẩm ướt kia nữa. Rồi sớm thôi, tôi sẽ được quay về bên Alice và Thầy Trừ Tà.

CHƯƠNG 10: THƯ CỦA THẦY TRỪ TÀ

Ra đến đường xe kéo, tôi đi dọc theo con kênh về phía nam. Thoạt đầu tôi bước rất nhanh, lo rằng biết đâu Arkwright sẽ đuổi theo mình; cố mà lôi tôi quay lại cối xay. Nhưng sau một đổi, sự cảnh giác của tôi lắng xuống. Hẳn ông ấy sẽ mừng lắm khi tổng khứ được tôi. Chắc chắn đây là điều bấy lâu nay ông Arkwright đang cố làm – đuổi tôi đi cho khuất mắt.

Tôi cuốc bộ chừng một giờ đồng hồ, lòng vẫn tức tối, nhưng dần dà cả việc giận dữ lẫn cơn nhức đầu đều tan biến. Mặt trời đang lặn nơi cuối chân trời nhưng không khí vẫn khô hanh trong lành, bầu trời trong veo, chẳng có lấy một dấu hiệu nhỏ bé nhất của sương muối. Lòng tôi bắt đầu lâng lâng. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ được gặp Alice; tôi sẽ quay lại khóa huấn luyện với Thầy Trừ Tà. Tất cả những chuyện vừa rồi dường như chỉ là một giấc mơ xấu.

Tôi cần chỗ nào đó ngủ qua đêm – trông có vẻ trước khi trời sáng sẽ có sương giá. Khi du hành trên đường, tôi và Thầy Trừ Tà thường qua đêm trong kho chứa cỏ hay chuồng bò, nhưng từ đây đến Caster có rất nhiều cây cầu nên tôi quyết định sẽ cuộn mình trong áo choàng và nghỉ tạm dưới cây cầu tiếp theo mà mình đi đến.

Khi cây cầu ấy hiện ra trước mặt, ánh sáng ban ngày đang nhanh chóng lụi tắt. Rồi một tiếng gầm gừ phía bên phải làm tôi dừng phắt lại. Dưới dãy hàng rào cây táo gai viền ngoài lối xe kéo, một con chó đen to tướng đang ngồi xồm đấy. Liếc qua một cái, tôi biết ngay nó là một trong hai con chó của ông Arkwright – con chó cái hung tợn mà ông gọi là con Vuốt. Phải chăng Arkwright đã phái nó đuổi theo tôi? Tôi phải làm sao đây? Lùi bước ư? Hay cố vượt qua con Vuốt để đi tiếp?

Tôi thận trọng di chuyển lên trước một bước. Vuốt vẫn ngồi im, chăm chú quan sát tôi. Thêm một bước nữa, tôi đứng ngang hàng nó và kết quả là một

tiếng gầm gừ cảnh cáo khác vang lên. Cẩn thận quan sát con chó qua vai phải, tôi bước một bước, rồi bước nữa. Chập sau thì tôi đã sai chân bỏ đi, nhưng tôi lại nghe thấy tiếng con Vuốt chạy lon ton trên lối xe kéo và bắt đầu lững thững đi theo tôi. Tôi nhớ ông Arkwright từng bảo...

Đừng quay lưng lại với con này – nó nguy hiểm lắm.

Vậy mà giờ con Vuốt đang đi phía sau tôi! Tôi liếc ra sau, thấy nó đang giữ khoảng cách. Tại sao nó đi theo tôi vậy? Tôi quyết định sẽ không ngủ lại dưới chân cầu này. Tôi sẽ đi tiếp đến cây cầu tiếp theo. Tới lúc ấy, biết đâu con chó đã phát chán mà quay về nhà rồi. Khi tôi đến được chỗ vòm cầu, buồn thay, lại có thêm một con chó săn sói hiện ra và di chuyển về hướng tôi với một tiếng gầm gừ trầm trầm đầy đe dọa. Là con Răng.

Giờ thì tôi sợ rồi đây. Một con chó to tướng đang ở trước mặt tôi, một con khác sau lưng. Thật khoan thai, chậm rãi, tôi đặt túi đồ xuống và lăm lăm trượng trong tay. Bất cứ cử động bất chợt nào cũng có thể khiến bọn chúng xông vào ngay. Tôi không nghĩ là mình đối phó được cả hai con. Nhưng còn lựa chọn nào khác cơ chứ? Tôi nhấn vào hốc lõm trên trượng, một tiếng cách vang lên khi lưỡi dao bung ra.

Đến lúc ấy, từ bóng tối dưới vòm cầu, có ai đó lên tiếng.

“Nếu là tôi thì tôi sẽ không thử làm thế đâu, cậu Ward à! Chúng sẽ xé toạc cổ cậu trước khi cậu kịp nhúc nhích!”

Arkwright bước ra đối mặt với tôi. Ngay cả trong ánh sáng tù mù như thế, tôi vẫn nhìn ra vẻ khinh bỉ trên mặt ông.

“Đang bỏ về Chipenden sao, cậu nhóc? Cậu chẳng ở lại nổi ba ngày! Nhanh hơn bất cứ anh chàng học việc nào từng trốn đi đấy. Tôi cứ tưởng cậu gan dạ hơn thế kia. Chắc chắn cậu không phải là chân học việc thầy Gregory thuê dệt nên rồi...”

Tôi im im, vì bất kỳ điều gì tôi nói đều có khả năng làm ông ấy điên tiết. Chắc tôi sẽ có thêm một trận tơ bời; biết đâu ông ấy còn sai hai con chó tấn công tôi nữa ấy chứ. Thế cho nên tôi chỉ nhấn nút thụt dao về rồi chờ xem ông ấy làm gì. Ông ấy có định lôi tôi quay lại cối xay không nhỉ?

Arkwright huýt sáo, hai con chó quay lại vị trí sát bên ông. Lắc lắc đầu, ông bước về phía tôi, tay thọc vào bên trong áo choàng lôi ra một phong bì.

“Đây là thư thầy cậu gửi cho tôi. Đọc đi rồi hãy quyết định. Cậu có thể quay về Chipdenden hoặc tiếp tục khóa huấn luyện của mình tại đây!”

Nói đoạn, ông Arkwright đưa tôi lá thư rồi bỏ đi về hướng bắc, dọc theo lối xe kéo. Tôi nhìn theo cho đến khi cả ông lẫn hai con chó khuất hẳn tầm nhìn. Sau đó tôi lấy thư ra khỏi phong bì. Đúng là nét chữ viết tay của Thầy Trừ Tà. Đọc được thư cũng khó khăn lắm vì hiện giờ ánh sáng chỉ còn lờ mờ. Dù vậy, tôi vẫn đọc đến hai lần.

Gửi Bill Arkwright

Ta nhờ anh bắt đầu huấn luyện cho cậu bé học việc của ta, Tom Ward, sớm hết mức anh có thể. Cần kíp lắm đấy. Như anh đã biết từ lá thư trước, Quý Vương đã được phóng thích vào thế gian này và mối nguy từ thế lực bóng tối đang gia tăng cho tất cả chúng ta. Mặc dù ta đã giữ kín hầu hết chuyện với thằng bé, nhưng mối lo sợ của ta sẽ chóng thành sự thật, khi một lần nữa, Quý Vương sẽ cố gắng tiêu diệt thằng bé.

Ta phải nói thẳng ra đây. Sau cái cách đối xử tàn nhẫn của anh với cậu học việc trước của ta, ta từng nghĩ sẽ không bao giờ giao cho anh chăm sóc thêm một cậu nào khác. Nhưng việc này phải được tiến hành thôi. Mối đe dọa đối với Tom Ward lớn lên từng ngày một. Dù Quý Vương không thân chinh đến xử lý thằng bé, ta e rằng hẳn vẫn sẽ phái một thần dân khác của thế giới bóng tối. Ngã nào đi nữa, thằng bé cũng phải được tôi luyện cho cứng cáp, được dạy dỗ những kỹ năng truy tìm lẫn tác chiến cần thiết. Nếu thằng bé qua ải, ta tin nó sẽ chứng tỏ mình là một vũ khí chống lại bóng tối đầy uy lực, có lẽ là người có khả năng nhất được sinh ra trên cõi đời này hàng bao thập kỷ qua.

Vậy nên, với hy vọng là mình đang không phạm một sai lầm to lớn, ta miễn cưỡng trao thằng bé vào tay anh trong sáu tháng. Hãy làm bất cứ điều gì cần làm. Về phần anh, Bill Arkwright ạ, vẫn là lời khuyên khi anh còn đảm đương vai trò người học việc của ta nhé. Đấu tranh chống lại thế lực

bóng tối là nghĩa vụ của anh. Nhưng liệu trận chiến ấy có đáng không, nếu hậu quả là tâm hồn của chính anh sẽ héo mòn và chết lịm? Anh có rất nhiều điều để dạy cho thằng bé. Hãy dạy dỗ nó thật tốt như ta đã làm với anh. Nhưng bằng việc dạy người, ta hy vọng anh cũng sẽ tiếp thu vài chuyện. Hãy gạt chai rượu sang bên một lần và vĩnh viễn đi nào. Hãy bỏ lại sự cay đắng sau lưng để trở thành người mà số phận đã định sẵn cho anh.

John Gregory

Tôi nhét lá thư trở vào phong bì và bỏ vào túi quần. Xong xuôi, tôi bước đến góc tối dưới chân cầu, quần mình bằng áo choàng, nằm xuống nền đất cứng, lạnh lẽo. Thật lâu sau tôi mới thiếp đi. Tôi có rất nhiều chuyện phải nghĩ đến.

Thầy Trừ Tà đã cố giấu tôi những mối lo sợ của thầy – nhưng lại không thành công cho lắm. Quả là thầy đã nghĩ Quý Vương sẽ quay lại tiêu diệt tôi. Đây là lý do vì sao thầy nuông chiều, bảo bọc tôi. Thầy gửi tôi đến chỗ Arkwright để tôi được rèn luyện. Nhưng liệu có phải như thế nghĩa là tôi cứ bị một tay nát rượu đánh cho bầm dập? Thậm chí Thầy Trừ Tà hình như cũng dè chừng. Nghe như thế ông Arkwright từng đối xử tệ với những chân học việc khác của thầy. Ấy vậy mà, bất chấp điều này, thầy vẫn gửi tôi đến với người thầy mới tàn nhẫn. Hẳn Thầy Trừ Tà cho rằng việc ấy là quan trọng. Đến đây, tôi nhớ ra điều Alice từng bảo với mình sau khi chúng tôi đối đầu với Mẹ Malkin và tôi ngăn không cho cô thiêu chết mù phù thủy.

Hãy cứng rắn lên, bằng không cậu sẽ không sống sót! Chỉ làm theo những gì Lão Gregory bảo sẽ chẳng đủ đâu. Cậu sẽ mất mạng như những người khác thôi!

Nhiều người học việc khác của thầy tôi đã bị giết khi đang học nghề. Đây đúng là một công việc nguy hiểm thật, nhất là thời điểm bây giờ, khi Ác quỷ đã bước chân vào thế giới của chúng tôi. Nhưng trở nên cứng rắn hơn nghĩa là tôi phải tàn nhẫn như Arkwright sao? Phải để cho tâm hồn của chính tôi héo úa và chết lịm à?

Bao lời tranh cãi cứ quay mòng mòng trong đầu tôi thật lâu, nhưng cuối cùng tôi cũng thiếp đi, một giấc ngủ không mộng mị, và mặc cho trời lạnh, tôi vẫn ngủ say cho đến khi tia sáng mờ mờ đầu tiên của bình minh ló dạng. Lại là một buổi sáng mù sương nhưng giờ đây, đầu óc tôi đã thông suốt nhạy bén. Vừa tỉnh giấc, tôi nhận thấy mình đã đưa ra được quyết định. Tôi sẽ quay trở lại chỗ ông Arkwright mà tiếp tục kỳ huấn luyện.

Trước hết, tôi tin tưởng thầy mình. Dù có e dè dấy nhưng thầy nghĩ đây là việc đúng đắn cần làm. Thứ nữa, trực giác của chính tôi cũng đồng ý. Tôi có cảm giác nơi đây có chuyện gì đấy quan trọng. Nếu quay về Chipenden, tôi sẽ bỏ qua kỳ huấn luyện sẽ diễn ra tại nơi này. Và nếu lỡ mất thì tôi sẽ còn tệ hơn nữa. Dù vậy, việc này sẽ rất khó khăn, trong khi tôi tuyệt đối chả có hứng thú gì với ý nghĩ mình phải trải qua sáu tháng cùng ông Arkwright.

Khi tôi quay lại cối xay, cửa trước đã mở khóa và tôi còn ngửi thấy mùi thức ăn trước khi vào đến bếp. Ông Arkwright đang chiên trứng cùng thịt muối trên bếp lò bén lửa.

“Đói không cậu Ward?” Ông hỏi mà không buồn quay lại.

“Có, cháu đang đói lắm ạ!” Tôi đáp.

“Không nghi ngờ gì là cậu cũng lạnh và ướt nữa. Nhưng đấy là những gì cậu gặp phải khi qua đêm dưới một cây cầu tối đen, ẩm ướt bắc qua kênh trong khi lẽ ra cậu có thể ngủ khá êm ấm. Nhưng chúng ta sẽ không nói về chuyện này nữa. Cậu đã quay lại và đấy mới là điều quan trọng.”

Năm phút sau, chúng tôi ngồi tại bàn, đánh chén những món được công nhận là một bữa điểm tâm hết sẩy. Ông Arkwright dường như nói nhiều hơn ngày hôm trước. “Cậu ngủ say quá,” ông bảo. “Quá say. Và điều này làm tôi lo lắng...”

Tôi hoang mang nhìn ông. Ý ông là gì?

“Tối hôm qua, tôi phải con chó cái đến gác cho cậu. Phòng trường hợp có thứ gì từ dưới nước chui lên. Cậu đã đọc thư của thầy mình rồi đấy. Quý Vương có thể sai thuộc hạ đến tấn công cậu bất cứ lúc nào, nên tôi không thể liều lĩnh. Khi tôi quay lại, ngay trước khi trời sáng, cậu vẫn đang ngủ say

sửa. Thậm chí cậu còn không biết là tôi có mặt tại đây. Như vậy là không ổn đâu, cậu Ward à. Ngay cả khi buồn ngủ cậu cũng phải cảnh giác với nguy hiểm. Chúng ta cần phải làm gì đó với chuyện này mới được...”

Ngay sau khi dùng xong điểm tâm, ông Arkwright đứng lên. “Còn về tính tò mò của cậu ấy mà, tò mò có ngày bỏ mạng. Vậy nên, để ngăn cậu nhúng mũi vào nơi không phận sự, tôi sẽ chỉ cho cậu biết từng chôn một và giải thích tình hình ngôi nhà này. Sau đây, tôi không bao giờ muốn cậu nhắc lại nữa nhé. Tôi nói rõ chưa hử?”

“Rõ ạ,” tôi cũng đẩy ghế ra rồi đứng lên.

“Được rồi, cậu Ward, vậy hãy đi theo tôi...”

Ông Arkwright dẫn đường đi thẳng đến phòng có chiếc giường đôi đẫm nước. “Có hai hồn ma đang ám cối xay,” ông buồn rầu bảo. “Là linh hồn của bố mẹ tôi. Abe và Amelia. Hầu hết mọi đêm họ ngủ trên giường này. Mẹ tôi chết trong nước. Đây là lý do vì sao giường lại ướt đến thế.”

“Cậu thấy đấy, họ là một cặp yêu nhau hết mực, và giờ đây ngay cả khi chết, họ cũng không muốn bị chia lìa. Bố tôi đang sửa lại mái nhà thì gặp phải một tai nạn kinh hoàng. Ông ngã chết. Mẹ tôi quá đau buồn vì mất ông nên đã tự vẫn. Bà không thể sống thiếu ông nên đã gieo mình xuống dưới bánh xe quay nước. Đây là một cái chết đau đớn, khủng khiếp. Bánh xe nước lôi mẹ tôi xuống rồi quay gãy từng chiếc xương trên người bà. Vì tự kết liễu đời mình nên bà không thể siêu thoát, thế là bố tôi ở lại cùng bà. Ý chí bà rất mạnh, dù cho bà đã phải chịu đau đớn. Mạnh hơn bất cứ hồn ma nào tôi từng gặp. Bà giữ cho lửa cháy mãi, cố làm ấm lại bộ xương ướt sũng, lạnh ngắt của mình. Nhưng bà cảm thấy đỡ hơn khi có tôi gần bên. Cả bố mẹ tôi đều thế.”

Tôi định mở miệng nhưng không một từ ngữ nào thốt ra nổi. Thật là một câu chuyện kinh khủng. Có phải điều ấy giải thích vì sao ông Arkwright lại tàn nhẫn và khắc nghiệt đến thế chẳng?

“Được rồi, cậu Ward, còn nhiều chuyện cần xem nữa. Theo tôi nào...”

“Cháu đã chứng kiến đủ rồi ạ, cảm ơn ông,” tôi nói. “Cháu rất lấy làm tiếc về chuyện của bố mẹ ông. Ông nói phải, đấy không phải là việc của cháu...”

“Chúng ta đã bắt đầu thì sẽ phải biết cho trót. Cậu sẽ chứng kiến tất cả!”

Ông Arkwright dẫn đường đi lên dãy cầu thang tiếp theo hướng vào phòng riêng của mình. Dưới đáy bếp lò chỉ còn than hồng nhưng trong phòng vẫn ấm. Cây kẹp than và cời lò đang nằm trong giỏ than. Chúng tôi đi qua ba chiếc ghế và tiến thẳng đến chỗ hai cỗ quan tài trong góc phòng.

“Cả bố mẹ tôi đều bị trói buộc vào xương cốt của họ,” ông bảo tôi, “nên họ không thể rời đi đâu xa ngoài phạm vi cối xay. Tôi đã đào rồi mang họ lên đây, nơi họ thấy dễ chịu nhất. Còn tốt hơn là đi ám cái bãi tha ma lộng gió ngoài mép bãi lầy kia. Họ không có ý làm hại ai. Đôi khi ba người chúng tôi ngồi đây trò chuyện. Đấy là lúc họ vui vẻ nhất...”

“Ta không thể làm gì sao ạ?” Tôi hỏi.

Arkwright quay sang tôi, gương mặt bưng bưng giận dữ. “Cậu nghĩ là tôi chưa từng thử à? Đấy là lý do ban đầu vì sao tôi đã trở thành kẻ trừ tà đấy chứ! Tôi tưởng khóa huấn luyện sẽ giúp tôi có kiến thức để giải thoát cho bố mẹ tôi. Nhưng rồi chẳng được gì. Thầy Gregory cũng đến đây để xem có giúp gì được không. Thầy ấy đã làm hết sức nhưng cũng vô ích. Vậy giờ cậu biết cả rồi, phải không nào?”

Tôi gật đầu rồi cụp mắt xuống, không thể nào nhìn thẳng vào mắt ông ấy.

“Này,” ông Arkwright bảo, giọng đã dịu đi nhiều, “tôi cũng đang phải đấu tranh chống lại con quỷ trong chính tôi đây – con ‘Ma Men’ ấy, gọi chính xác là vậy. Nó khiến tôi khắc nghiệt và tàn nhẫn hơn khi tôi tỉnh táo, nhưng lúc này đây tôi không sao trụ nổi mà không có nó. Nó xóa đi nỗi đau – cho phép tôi quên đi những gì mình đã mất. Chắc chắn tôi đã hơi quá đà một chút nhưng tôi vẫn còn nhiều thứ phải dạy cậu, cậu Ward ạ. Cậu đã đọc thư rồi: nhiệm vụ của tôi là tôi rèn cậu, giúp cậu chuẩn bị để đối phó với mối đe dọa từ Quý Vương đang ngày một gia tăng. Và tại đây có bằng chứng cho thấy thế lực bóng tối đang trỗi dậy nhanh hơn trước đấy. Từ khi tôi biết tin cậu sẽ đến, công việc của tôi đã trở nên khó khăn hơn. Tôi chưa khi nào

trông thấy quá nhiều hoạt động của thủy phù thủy đến thế. Có lẽ là nhắm đến cậu đấy. Nên cậu phải sẵn sàng thôi. Tôi nói rõ chưa nào?”

Tôi lại gật.

“Chúng ta đã khởi đầu không hay ho cho lắm. Tôi đã huấn luyện ba cậu học việc cho thầy Gregory nhưng chưa có cậu nào lì mặt đến mức dám lên đến đây. Giờ khi cậu đã hiểu tình hình, tôi mong là cậu tránh xa căn phòng này. Cậu có hứa với tôi như thế không, cậu Ward?”

“Vâng, có chứ ạ. Cháu vô cùng xin lỗi.”

“Tốt, thôi được, thế thì chuyện này đã giải quyết xong. Giờ đây chúng ta có thể bắt đầu lại rồi. Từ đây đến hết ngày sẽ là những bài học trong nhà để bù lại khoảng thời gian chiều hôm qua đã bị bỏ phí. Nhưng ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục việc luyện tập thực hành đấy.”

Hắn ông Arkwright đã thấy vẻ ủ dột trên mặt tôi. Chắc chắn là tôi không hứng thú gì với việc giao đấu bằng trượng rồi. Ông lắc đầu và gần như nhòe miệng cười. “Đừng lo cậu Ward ạ. Chúng ta sẽ dành vài ngày cho mấy vết bầm trên người cậu nhạt đi rồi mới giao đấu tiếp.”

Tuần tiếp sau đấy gian khổ thật, nhưng may sao chúng tôi không giao đấu với nhau và những vết bầm đúng là từ từ nhạt đi.

Tôi luyện tập với hai con chó suốt. Ở gần chúng khiến tôi lo lắng nhưng chúng được huấn luyện kỹ và rất vâng lời nên tôi thấy khá an tâm khi ông Arkwright có mặt ở đó. Ở phía đông là khu vực rừng lầy lội và chúng tôi thực hành sử dụng chó để lừa phù thủy ra khỏi chỗ nấp. Phần dễ sợ nhất là khi tôi phải đóng vai phù thủy bằng cách ẩn mình dưới lòng đất. Arkwright gọi trò này là “Săn kẻ học việc!” Đám chó sẽ chạy lòng vòng xung quanh và lừa tôi thẳng về phía ông Arkwright đứng chờ với thanh trượng có ngạnh trên tay. Trò này gợi cho tôi nhớ đến việc lừa cừu, rồi khi đến lượt tôi, tôi bắt đầu thấy thích thú lắm.

Kém thú vị hơn là những buổi học bơi. Trước khi một lần nữa nhảy xuống nước, tôi bị buộc phải thực hành cách đập tay bằng cách nằm sấp xuống ghế, hai tay hai chân thông ra khỏi hai đầu ghế. Ông Arkwright dạy tôi hít vào

trong khi quạt tay ra với bàn tay khum khum như đang múc. Rồi tôi thở ra, tay vung tới trước, đồng thời cố làm động tác đạp chân ếch thật mạnh. Tôi nhanh chóng thành thục, tuy nhiên, những động tác như thế mà thực hiện dưới kênh thì khó khăn hơn nhiều.

Ngày đầu tiên tôi nuốt khá nhiều nước bắn và phát ói. Nhưng sau đấy ông Arkwright nhảy xuống kênh cùng tôi, và có ông bơi bên cạnh phòng trường hợp tôi gặp rắc rối, lòng tự tin của tôi dần tăng lên và tôi nhanh chóng bơi được những sải đầu tiên mà không cần trợ giúp. Nhìn toàn cảnh, mọi chuyện đã khá hơn rất nhiều, tạt uống rượu của ông Arkwright dường như đang cải thiện dần. Ông chỉ tìm đến chai rượu sau bữa tối, và đấy là gợi ý cho biết tôi phải đi ngủ thôi.

Đến cuối tuần, tôi có thể bơi, qua lại trong kênh năm vòng, mỗi lần trở đầu thật nhanh bằng cách dùng chân tống vào thành kênh. Tôi cũng có thể bơi “kiểu bơi chó”; có vẻ không hiệu quả như kiểu bơi kia nhưng lại cho phép tôi nổi một chỗ mà không bị chìm – điều rất hữu ích với kẻ từng rất lo đến chuyện bơi lội như tôi đây!

“Cậu Ward này,” ông Arkwright nói với tôi, “cậu đang bắt đầu tiến bộ rồi đấy. Ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục trò đi săn với chó, và lần này chúng ta sẽ thử trò khác nhé. Đã đến lúc cậu phải học cách đương đầu với đầm lầy rồi.”

CHƯƠNG 11: NGÓN TAY MỤ PHÙ THỦY

Sau bữa điểm tâm, người thầy mới của tôi bắt tôi dọn dẹp bàn ăn và rửa bát đĩa trong khi ông lên gác chừng một giờ đồng hồ. Khi trở xuống, ông mang theo một tấm bản đồ vẽ tay nho nhỏ, rồi trải bản đồ lên bàn.

“Chúng ta sẽ luyện lại trò đi săn, nhưng lần này là ở vùng địa hình khó khăn hơn nhiều. Thủy phù thủy thích đầm lầy và đôi khi chúng ta phải đi vào trong ấy đuổi chúng ra ngoài!

“Đây là con kênh và cối xay,” ông chỉ ngón tay, “và ở phía tây nam kia là đầm lầy. Khu vực nguy hiểm nhất có thể nuốt chửng lấy cậu trong nháy mắt là hồ nước, nên cậu nhớ tránh xa ra. Người ta gọi nó là ‘Hồ Bé’. Hồ không lớn cho lắm, nhưng quanh đấy là một vùng lầy lan rộng – nhất là về phía nam lẫn phía đông. Những nơi còn lại có thể khó vượt qua nhưng cậu sẽ sống sót thôi.

“Có rất nhiều lối mòn băng qua đầm lầy, trên bản đồ này đánh dấu ba lối. Tùy cậu quyết định lối nào là lối thích hợp nhất. Một trong ba lối ấy thậm chí còn cho phép cậu chạy nhanh hơn hai con chó nữa kia...”

Thấy tôi há hốc mồm, ông Arkwright nhe răng cười. “Đây là nơi cậu sẽ đi đến,” ông lại chỉ tay vào bản đồ. “Tàn tích của một tu viện nhỏ trên đồi Tu Sĩ. Bây giờ tàn tích ấy chẳng còn lại là bao ngoài vài bức tường và móng nhà. Chạy đến đó trước khi đám chó bắt được cậu thì cậu sẽ thắng. Như thế nghĩa là ngày mai cậu không phải tập lại trò này! Mà nhớ nhé, chuyện này là vì lợi ích của riêng cậu mà thôi. Tập làm quen với những vùng lầy như thế là phần huấn luyện rất quan trọng. Được rồi, cậu có vài phút nghiên cứu bản đồ rồi chúng ta bắt đầu.”

Tôi bồn chồn một chút khi nhìn vào bản đồ của ông Arkwright. Lối đi trên mạn bắc là lối trực tiếp nhất và đám chó sẽ có ít thời gian nhất để đuổi kịp tôi. Lối này chạy sát qua Hồ Bé với vùng vũng lầy đầy chạm bẫy nguy

hiểm quanh đây, nhưng tôi cho rằng cũng đáng nên thử lắm. Thế là, với đường đi đã chọn, tôi bước ra vườn, sẵn sàng hoàn tất cho xong chuyện.

Arkwright đang ngồi ở bậc cấp trên hàng hiên, hai con chó nằm yên dưới chân. “Ái chà cậu Ward, cậu biết mình sẽ làm gì chưa vậy?”

Tôi mỉm cười gật đầu.

“Chúng ta có thể hoãn đến ngày mai nếu cậu thích,” ông Arkwright đề nghị. “Đám sương mù lại sắp tràn xuống nữa rồi.”

Tôi nhìn ra bên ngoài khu vườn. Sương mù đang từ phía tây lan đến, trôi nổi vô định qua đám cây tạo thành một bức màn xám xịt. Nhưng tôi vẫn thấy tự tin với lộ trình mình vừa chọn. Thôi thì làm cho xong cho rồi.

“Không ạ, cháu sẽ tập ngay bây giờ. Cháu được chạy trước bao nhiêu phút đây?” Tôi nhướn cười và hỏi. Tôi nghĩ việc tập đi săn và bơi lội đã làm mình khỏe hơn nhiều. Nếu lần này mà giành phần thắng thì sẽ rất tuyệt, và tôi chắc chắn liệu mình có cửa thắng không đây.

“Năm phút!” Ông Arkwright càu nhàu. “Mà tôi đã bắt đầu đếm rồi nhé...”

Tôi quay ngoắt người, dợm phóng thẳng qua con mương đầy muối.

“Ê!” Ông Arkwright quát. “Cậu sẽ không cần đến trượng đâu!”

Chẳng thèm ngoái đầu nhìn lại, tôi quăng trượng đi và lội bì bõm qua mương. Tôi sẽ chứng tỏ cho ông ấy thấy! Hai con chó kia vừa nhanh vừa dữ đấy, nhưng với năm phút chạy trước thì bọn chúng sẽ không bao giờ bắt kịp tôi.

Một chập sau, tôi đang chạy theo lối mình đã chọn, đám sương phù dầy đặc bao bọc quanh tôi. Tôi mới chạy chừng vài phút thì đã nghe thấy tiếng chó sủa. Ông Arkwright không giữ lời gì cả! Ông ấy đã thả chó ra rồi! Ông ấy đang làm hết sức mình để tôi tiếp thu được sự huấn luyện cần thiết, nhưng dù là vậy, ông ấy vẫn luôn thích chiến thắng. Bực bội vô cùng, tôi cố gắng chạy nhanh hơn, hai chân lướt như bay trên lối mòn.

Tầm nhìn nhanh chóng thu ngắn chỉ còn cỡ vài mét, buộc tôi phải giảm tốc độ. Dựa vào mùi đánh hơi được, hai con chó sẽ không gặp bất lợi giống

tôi và tôi dần ngộ ra rằng, suy cho cùng thì mình cũng sẽ không chạy nhanh hơn chúng nổi. Tại sao ban nãy tôi không chấp nhận lời đề nghị của ông Arkwright mà chờ cho đến ngày mai chứ? Trong khi chạy, hai chân tôi bắt đầu giảm nước bắn tung tóe và tôi nhận ra mình đã đến khu vực nguy hiểm nhất trong chuyến hành trình – vị trí gần hồ nước nhất.

Tôi vẫn còn nghe tiếng sủa nghệt nghệt của hai con chó đặng sau mình. Sương mù bóp nghệt âm thanh khiến thật khó mà nhận định chúng đang ở gần đến đâu. Lúc này tôi đã giảm tốc xuống, chỉ chạy bước nhỏ lúp xúp – chậm hết sức.

Ngay khi ấy, tôi nghe có tiếng kêu ai oán kỳ lạ từ đâu đó bên trên. Gì thế nhỉ? Chim chóc gì đó chẳng? Nếu là vậy thì đây là tiếng chim trước giờ tôi chưa từng nghe qua. Chập sau, âm thanh ấy lại vang lên, và không hiểu vì sao những âm thanh ma quái nọ làm tôi mất tinh thần. Nó mang chút gì đấy thật không bình thường. Nhưng tôi vẫn chạy tiếp, ý thức được rằng hãn hai con chó đang rút ngắn khoảng cách với mình.

Sau chừng ba bốn phút, tôi nhìn thấy một dáng người trên lối mòn trước mặt. Tôi chậm chậm dừng lại, trong giây lát quên đi chuyện hai con chó.

Cái gì kia thế? Tôi chĩa mắt nhìn qua màn sương và trông thấy một người phụ nữ đang bước đi trước mình, mái tóc đen óng xõa xuống vai. Bà ta quàng khăn màu xanh lục, mặc váy nâu dài chạm đất. Tôi sải bước thật nhanh. Qua được người này rồi thì tôi có thể bắt đầu chạy tiếp. Thậm chí còn may hơn là, sự hiện diện của bà ta biết đâu sẽ khiến hai con chó lạc mất dấu tôi.

Tôi không muốn dọa người phụ nữ tội nghiệp phát sợ nếu mình đi sát đến sau lưng bà ta khiến bà ta bất ngờ, thế nên khi còn cách nhau chừng mười bước, tôi hòa nhã gọi lớn:

“Xin chào! Phiền bà cho tôi đi qua nhé? Tôi biết lối mòn này rất hẹp nhưng nếu bà đứng yên, tôi có thể lách qua...”

Tôi những tưởng người phụ nữ sẽ né sang một bên hay nhìn quanh để xem ai đang nói. Nhưng bà ta chỉ đứng giữa lối đi, lưng quay về phía tôi.

Lúc này, hai con chó nghe như đã tiến đến rất gần rồi. Tôi buộc *phải* vượt qua bà ta thôi, bằng không lũ chó sẽ nhảy xổ vào tôi và ông Arkwright sẽ thăng mất.

Đúng lúc ấy, tôi nhận thấy một cơn ớn lạnh bất chợt, một lời cảnh báo rằng thứ gì đó từ bóng tối đang ở gần bên. Nhưng lời cảnh báo này đã đến quá muộn...

Khi tôi chỉ còn cách đằng sau người phụ nữ kia vài bước, bà ta thành linh quay ngoắt lại nhìn tôi. Tim tôi nhảy thót lên cổ khi trông thấy cơn ác mộng đang đối mặt với mình. Miệng bà ta há ra, để lộ hàm răng nửa xanh nửa vàng, nhưng thay vì những răng nanh bình thường thì có tới bốn chiếc nanh to khủng. Tôi lợm giọng khi hơi thở hôi thối của mụ phả qua tôi. Mắt trái mụ đang nhắm, mắt phải thì mở – một khe chẻ dọc như con mắt lạnh lùng của loài rắn hay bò sát – còn mũi mụ ta là khúc xương khoằm sắc lém mà không có thịt, thậm chí chẳng có da bao phủ. Hai bàn tay mụ giống tay người, ngoại trừ móng tay là những chiếc vuốt nhọn hoắt cong cong.

Mái tóc mụ ta óng ánh vì ướt sũng nước, còn thứ mà tôi tưởng là khăn quàng thì thật ra là áo khoác phủ đầy thứ cặn xanh lè, trong khi nửa thân dưới mụ khoác vào chiếc váy tả tơi đóng đầy thứ nhớt đầm lầy nâu nâu. Hai bàn chân trần vằn vện những bunn của mụ giờ đang thò ra dưới mép váy, nhưng đấy không phải chân người; các ngón chân đóng màng nối với nhau, mỗi ngón có vuốt nhọn ngay đầu.

Tôi sắp sửa quay người lại, chuẩn bị co giò bỏ chạy thì mụ ta sờ hai ngón tay vào mi mắt trên bên trái, thế là con mắt ấy đột ngột mở lớn.

Con mắt đỏ ngầu – mà không chỉ có tròng mắt thôi đâu! Cả con mắt trông như thể đang tràn những máu. Tôi hóa đá theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng: lòng tràn ngập kinh hoàng và trở nên bất động tại chỗ, như thể tôi biến thành rôi đá vậy. Tôi bắt đầu vã mồ hôi vì sợ khi con mắt đỏ quạch đang mỗi lúc một to và sáng quắc.

Thậm chí dường như tôi đang ngừng thở: một cảm giác co thắt, bóp nghẹt thít chặt cổ họng và ngực trên. Mà tôi cũng không thể rời mắt khỏi mụ ta

nữa chứ. Giá như tôi có thể nhìn đi chỗ khác, nói không chừng quyền năng mù ta đang phong tỏa lên tôi sẽ bị phá vỡ chẳng? Tôi gồng hết mọi cơ bắp trong người mình, nhưng chẳng ích gì. Tôi không thể nhúc nhích.

Như một con mẫn xà, cánh tay trái của mù vươn về phía tôi. Ngón tay trở mang vuốt nhọn tiến thẳng đến tai phải, tôi cảm thấy đau nhói khi ngón tay ấy uốn cong chọc ngay vào đấy.

Mù ta bước ra khỏi lối mòn để đi vào khu đầm lầy, đồng thời xềnh xệch lôi tôi theo. Thêm hai bước nữa và chân tôi bắt đầu chìm xuống vũng lầy. Tôi vung tay loạn xạ vào mù nhưng cơn đau cực kỳ vì móng vuốt kia đang đóng cọc trong tai khiến tôi chẳng thể làm gì ngoài việc buộc phải theo bước mù. Chúng tôi mỗi lúc một chìm sâu hơn vào đầm lầy.

Ôi, tôi ước gì mình mang theo trượng. Nhưng tôi biết dù có nó cũng vô ích vì tôi đang dính bùa từ con mắt ngậ máu, không cử động được. Mù ta là gì thế? Một loại thủy phù thủy nào đó chẳng? Tôi cố gào lên kêu cứu, tuy nhiên, âm thanh thoát ra khỏi môi tôi lại là tiếng kêu rên rĩ vì đau đớn và kinh hoàng không giống tiếng người.

Ngay sau đấy, từ lối mòn đằng sau vang lên tiếng gầm, một thứ gì đấy màu đen phóng thẳng vào kẻ đang bắt giữ tôi. Tôi nhác thấy răng nanh con Vuốt nhe ra, rồi móng vuốt của mù phù thủy xé toạc tai tôi làm tôi ngã ngửa. Trong thoáng chốc, đầm lầy phủ ngậ đầu tôi. Theo bản năng, tôi ngậm miệng nín thở, nhưng dù có làm vậy thì bùn lầy nhầy nhụa vẫn xộc vào mũi và tôi thấy mình đang chìm. Có biết bơi cũng chả giúp ích mấy. Tôi đang ngụp lặn, cố ngóc đầu lên khỏi mặt bùn, thì khi ấy tôi cảm nhận được hai bàn tay tóm lấy vai mình, bắt đầu kéo ngược tôi lại.

Loáng sau, tôi đã nằm ngửa trên lối mòn, ông Arkwright đang quỳ bên tôi, chăm chăm nhìn xuống với vẻ mặt gần như là lo lắng. Đoạn ông cho mấy ngón tay vào mồm huýt lên một tiếng huýt sáo nhưc óc, và hai con chó quay trở lại, mùi sinh lầy thối um, mình bốc hơi nước. Con Vuốt đang rên ư ử vì đau nhưng mồm còn ngậm vật gì đó.

“Mang lại đây!” Ông Arkwright ra lệnh. “Thả xuống! Thả xuống ngay!”

Gầm gà gầm gừ, con Vuốt thả vật đó vào lòng bàn tay ông Arkwright.

“Giỏi! Giỏi lắm! Mà rất cừ! Rốt cuộc, sau từng ấy năm!” Ông Arkwright la tướng, giọng chứa chan niềm vui chiến thắng. “Giờ thì chúng ta sẽ bắt được mục! Lần này mục ta sẽ không thoát...”

Tôi nhìn vào thứ ông Arkwright đang cầm trên tay, không thể tin vào mắt mình.

Là một ngón tay. Một ngón tay trở dài ngoẵng với sắc da xanh lục. Và thay vào chỗ móng, ngón tay này lại có vuốt cong cong. Con Vuốt vừa cắn đứt một ngón tay của mục phù thủy.

CHƯƠNG 12: MORWENA

Vừa về đến cối xay, ông Arkwright tắt tả đi mời thầy thuốc trong vùng đến chạy chữa cho cái tai bị thương của tôi. Mặc dù ngại không muốn để người lạ bước vào nhà mình, hẳn ông Arkwright đã suy nghĩ rất lâu để đưa ra ngoại lệ. Sự thật là, tôi không nghĩ vết thương tệ lắm đâu. Chắc chắn là không đau lắm. Nếu có gì phải lo lắng, thì đấy là khả năng vết thương bị nhiễm trùng mà thôi.

Ông Arkwright đứng quan sát chăm chú khi vị thầy thuốc khám vết thương cho tôi. Thầy thuốc này dáng dong dỏng, vóc người lực lưỡng, có nước da của dân hoạt động ngoài trời khỏe khoắn, nhưng như đa phần những người khác, ông ta lại bồn chồn lo lắng khi có sự hiện diện của thầy trừ tà. Ông chẳng hỏi tôi câu nào về việc làm sao tôi dính phải vết thương như vậy.

“Tôi sẽ lau sạch vết thương hết mức có thể nhưng vẫn có rủi ro bị nhiễm trùng,” thầy thuốc lo lắng nhìn hai con chó đang gầm gừ đầy vẻ đe dọa với mình. “Tuy nhiên, cậu còn trẻ và tuổi trẻ luôn có khả năng phục hồi tốt. Có điều vết thương sẽ để lại chút sẹo đấy.”

Khám tôi xong, thầy thuốc bắt tay vào chữa cho con chó, nó ư ử vì đau khi ông Arkwright giữ rịt nó xuống. Vết thương của nó không đe dọa đến tính mạng nhưng trên ngực và lưng nó thủng vài lỗ sâu do mấy móng vuốt cào vào. Thầy thuốc lau sạch những chỗ này, rồi bôi thật nhiều thuốc mỡ vào đấy.

Lúc xách túi ra về, thầy thuốc gật đầu với ông Arkwright. “Ngày kia tôi sẽ ghé lại để xem hai bệnh nhân của tôi như thế nào.”

“Tôi sẽ không làm ông mất thời gian đâu,” ông Arkwright vừa càu nhàu vừa đưa cho thầy thuốc một đồng tiền công. “Thằng bé kia khỏe lắm nên tôi tin chắc là nó sẽ không sao. Còn con chó này á, vài ngày nữa nó sẽ khỏe như vâm ấy mà. Nhưng nếu thật sự cần thiết, tôi sẽ liên lạc với ông vậy.”

Nói như thế thì thầy thuốc đã được miễn trách nhiệm, và ông Arkwright đưa thầy thuốc băng qua mương.

“Con Vuốt đã cứu mạng cậu,” khi quay trở về, ông Arkwright bảo. “Nhưng không phải vì nó yêu quý gì cậu đâu. Cậu sẽ phải luyện tập thật chăm với hai con chó. Chúng ta sẽ xem xem chúng có chịu để cậu cho ăn không, tuy nhiên, giờ chúng ta cần nói chuyện cái đã. Chuyện này xảy ra như thế nào? Làm sao mù phù thủy có thể tới gần cậu đến thế?”

“Mụ ta đang đi trên lối mòn phía trước. Cháu đang chạy rất nhanh, cố gắng bỏ xa hai con chó, và cháu chỉ muốn qua mặt mụ ta thôi. Thế rồi mụ quay lại, mọi chuyện đã quá muộn. Mụ móc vuốt vào tai cháu trước khi cháu kịp nhúc nhích...”

“Không có bao nhiêu người sống sót sau khi bị móc như thế đâu, cậu Ward ạ, vậy nên có thể xem là cậu may mắn đấy. Quá may mắn là đằng khác. Phương thức tóm lấy con mồi như thế được mọi phù thủy luyện tập. Có khi chúng thọc móng tay vào miệng rồi xiên vào trong má,” ông Arkwright chỉ tay vào vết sẹo bên má trái mình.

“Phải, đấy là vết sẹo mụ ta để lại cho tôi – tôi may mắn thoát được. Cũng cùng một mù phù thủy ấy! Chuyện xảy ra chừng bảy tuần trước. Sau đấy chất độc ngấm vào làm tôi nằm bẹp trên giường trong ba tuần và sém chết. Đôi khi mụ ta đâm xuyên qua bàn tay nạn nhân – thường là tay trái. Thịnh thoảng mụ còn móc ngược hàm dưới lên rồi bầu tay quanh mấy chiếc răng. Nếu làm thế mụ ta sẽ nắm được chặt hơn. Còn làm như thế này, mụ ta không thể nào kéo quá mạnh, bằng không tai cậu rách ra mất. Nhưng nếu nắm chắc hàm cậu, mụ ta sẽ lôi được cậu xuống đầm lầy từ lâu rồi, trước khi con chó kịp cắn đứt ngón tay mụ ấy.”

“Mụ ta là ai thế ạ?” Tôi hỏi. Hình như ông Arkwright biết khá nhiều về mù này.

“Mụ ta là kẻ thù cũ của tôi, cậu Ward ạ. Là kẻ tôi đã săn đuổi từ lâu – mù già nhất và cũng là nguy hiểm nhất trong đám phù thủy phù thủy.”

“Mụ từ đâu đến ạ?” Tôi hỏi.

“Mụ rất già,” ông Arkwright bắt đầu kể. “Có người bảo mụ đã cả ngàn tuổi hay hơn nữa. Bản thân tôi không hẳn là đồng ý nhưng mụ ta đã loanh quanh ở xứ này lâu thật lâu rồi, trong những hạt khác cũng như trong hạt này. Những giai thoại về mụ ta có từ mấy thế kỷ trước. Những vùng đầm lầy sinh lợi là nơi mụ ưa thích ghé qua và mụ còn thích cả kênh đào sông nước nữa. Tôi không đặt tên nhằm đề cao những mụ thủy phù thủy bình thường vì chúng không giống những phù thủy trên cạn. Đa số bọn chúng đã mất khả năng nói chuyện và chẳng hơn gì đám súc vật. Nhưng mụ này thì đặc biệt: mụ có hai tên. Morwena là tên thật, còn Huyết Nhãn là tên vài người trong Hạt hay gọi. Mụ ta xảo quyết lắm. Rất xảo quyết. Mụ ta thường tấn công những con mồi dễ bắt như là trẻ con nhưng cũng có thể dễ dàng lôi một người đàn ông trưởng thành xuống nước, hút sạch máu trong lúc từ từ nhấn chìm anh ta. Tuy nhiên, như cậu đã biết bằng chính cái giá cậu vừa phải trả, con mắt trái của mụ ta mới là thứ vũ khí lợi hại nhất. Chỉ một cái liếc từ huyết nhãn kia là con mồi sẽ bị tê liệt.”

“Làm sao ta đến gần mụ được ạ? Một cái liếc mắt thôi là ta đã bị chôn chân tại chỗ rồi.”

Ông Arkwright lắc đầu. “Cũng không đến nỗi tệ như thế đâu, cậu Ward à. Có vài người như cậu đây này, từng đến gần mà vẫn sống sót để kể lại câu chuyện đấy thôi. Cậu thấy đấy, mụ phải để dành quyền năng cho lúc cần đến nhất. Con mắt bên trái kia thường nhắm lại, hai mí do một mảnh xương sắc gắn vào nhau, và nó cũng có hạn chế khác nữa – nó chỉ có thể trói buộc mỗi lúc một người mà thôi.”

“Dường như ông biết khá nhiều về mụ ấy.”

“Tôi đã săn lùng mụ ta mười năm nhưng chưa bao giờ mụ đến quá gần nhà tôi thế này. Mụ ta cũng chưa từng lai vãng lên những lối mòn trong đầm Tu Viện. Vậy thứ gì đã mang mụ đến đây? Đó là câu hỏi chúng ta phải đặt ra. Mụ ta đang chờ cậu trên lối mòn ven đầm lầy nên tôi nghĩ lời cảnh báo của thầy Gregory có thể đúng đấy.”

“Ý ông là...”

“Phải, cậu bạn trẻ à, hẳn là Quý Vương đã phái mụ ta đến xử lý cậu. Và việc này sẽ làm mụ trả giá đắt đây. Vì một khi tôi đã có ngón tay của mụ, ta có thể dùng nó mà lần ra hang ổ mụ ẩn náu. Sau bấy nhiêu năm công cốc, cuối cùng tôi cũng tóm được mụ ta rồi!”

“Hai con chó có khả năng lần theo dấu vết dẫn qua nước ư?” Tôi kinh ngạc.

Arkwright lắc đầu và cười toe với tôi một lần hiếm hoi. “Chúng giỏi thì có giỏi thật nhưng không *khéo* đến mức ấy đâu, cậu Ward ạ! Nếu thứ gì đó từ dưới nước chui lên rồi bước lên cạn, thậm chí là băng qua một vũng lầy sâu, hai con chó có thể lần ra. Riêng nước thì không đâu. Chúng ta sẽ tìm ra hang ổ của Morwena bằng cách khác. Nhưng chỉ khi nào chúng ta sung sức nhất thôi. Ta sẽ đợi vài ngày, cho đến khi vết thương của cậu lần của con Vuốt lành lại đã.”

Tôi gật gù đồng tình vì tai tôi đang bắt đầu nhức nhối.

“Còn trong lúc này,” ông Arkwright bảo, “tôi có một cuốn sách về mụ ta đây. Tôi đề nghị cậu ngồi cạnh bếp lò mà đọc để biết chính xác chúng ta đang chống lại thứ gì.”

Nói xong, ông Arkwright đi lên gác rồi chập sau trở xuống, tay mang theo một quyển sách bìa da và đưa cho tôi. Tựa đề in trên gáy sách là:

Morwena

Arkwright bỏ tôi lại và đi ra ngoài cùng hai con chó nên tôi bắt đầu kiểm tra quyển sách. Ngay lập tức tôi nhận ra sách do chính tay Arkwright viết. Ông ấy là tác giả! Tôi bắt đầu đọc.

*Có rất nhiều giai thoại và chuyện kể về nguồn gốc của Morwena. Có người cho rằng mụ là con của một phù thủy. Những người khác lại tin bằng cách nào đó **mụ ta đã được tác** thành từ đất mềm, sinh sôi từ bùn sinh, được thai nghén ngay trong lòng Đất Mẹ, nơi lỗ hổng sâu nhất. Lý lẽ đầu tiên là có khả năng nhất, nhưng nếu như thế, thì ai là mẹ mụ ta đây? Trong mọi truyền thuyết, chuyện kể dân gian, cả trong vô vàn những câu chuyện*

lịch sử còn nhiều hồ nghi mà tôi từng khảo cứu, không nơi nào đề cập đến tên của mẹ Morwena.

Tuy vậy, tất cả đều tán đồng một điểm – danh tính của cha Morwena. Tổ tiên của mẹ ta là Quỷ Vương, còn được biết dưới cái tên "Ác Quỷ", "Satan", "Cha kẻ dối trá" hay "Chúa tể của bóng đêm".

Đọc đến đây tôi khựng lại, sốc vì những lời lẽ này. Quỷ Vương đã phải con gái hãm đến giết tôi! Tôi nhận ra mình đã may mắn thế nào khi còn sống sót sau cuộc chạm trán với mẹ ta trên đầm lầy. Nếu không có con Vuốt, tôi đã chết chắc. Tôi đọc tiếp, bắt đầu lướt qua những đoạn khó hiểu hay không rõ. Chẳng mấy chốc, tôi thấy rõ rằng, mặc dù ông Arkwright đã dạy cho tôi đôi điều về mẹ Morwena, vẫn còn lắm thứ tôi phải học hỏi.

Đến thời điểm này, Morwena là kẻ khét tiếng nhất trong mọi thủy phù thủy, các vụ giết chóc do mẹ gây ra cũng vô số kể, không thể ghi chép hết. Mẹ ta sinh tồn nhờ uống máu, và đây cũng là gốc rễ cho quyền năng tà thuật hắc ám của mẹ.

Chuyện xưa kể lại, những tế phẩm là con người thường được dâng đến chỗ mẹ ta khi mặt trăng đang tròn dần, là lúc máu người có khả năng làm tăng sức mạnh cho mẹ lên cao nhất. Trẻ sơ sinh là thích hợp nhất cho các nhu cầu tàn độc của mẹ, nhưng nếu không tìm ra trẻ con thì người lớn đủ mọi lứa tuổi đều được. Người trẻ bị quăng vào Huyết Hồ; những người lớn tuổi hơn thì bị xích vào một căn buồng kín dưới mặt đất cho đến thời điểm thích hợp.

Khi đặc biệt khát máu, thỉnh thoảng Morwena uống cả máu của những con thú lớn như trâu bò hay ngựa. Nếu bí bách lắm, những con thú nhỏ cũng có thể đáp ứng: vịt, gà, chuột cống hay thậm chí chuột nhắt cũng bị hút sạch máu.

Rất hiếm khi Morwena rời khỏi môi trường nước và người ta đồn là mẹ không thể tồn tại quá một giờ hay hơn trên đất cạn, đó cũng là nơi mẹ ta yếu sức nhất.

Thêm một điều khác đáng ghi nhớ. Nhưng làm sao để lừa mụ ta ra khỏi môi trường sống của mụ? Nếu hai người chúng tôi cùng hiệp lực tấn công Morwena, một người có thể không bị huyết nhân ếm bùa. Đây có thể là chìa khóa để đánh bại Morwena.

Sáng ngày hôm sau, tai tôi đã đỡ đau hơn, và trong khi tôi chuẩn bị điếm tâm, ông Arkwright dẫn hai con chó ra mấy lối mòn trên đầm lầy. Ông ra ngoài cũng phải hơn một tiếng.

“Ngoài kia tuyệt chẳng có lấy vết tích gì của mụ phù thủy!” Khi quay trở lại, ông Arkwright thông báo. “Thôi, sau bữa điếm tâm chúng ta sẽ tiếp tục bài học, nhưng trưa nay cậu có thể tự đi ra kênh nhé. Tôi đang chờ một đợt giao muối. Năm thùng. Chúng chẳng to lắm nhưng lại nặng, cậu sẽ mang từng thùng lên và phải tránh xa nơi ẩm ướt. Chúng ta dùng một ít để nấu ăn và ướp giữ thực phẩm nên tôi không muốn muối bị hỏng đâu.”

Và thế là, khoảng một giờ trưa, tôi đi xuống bờ kênh đứng chờ ông Gilbert. Tôi không đi một mình. Ông Arkwright sai con Vuốt đi theo tôi, phòng trường hợp mụ Morwena đang lẫn khuất đâu đó dưới vùng nước lặn.

Tôi đã ở cối xay hơn một tuần và đây là dịp để tôi thông báo cho Alice cùng Thầy Trừ Tà biết mình hòa nhập thế nào. Vậy nên tôi mang theo viết, mực, phong bì và giấy viết. Trong lúc chờ người chở sà lan đến, tôi viết được hai bức thư ngắn. Bức đầu tiên là cho Alice:

Alice thân yêu,

Tớ đang rất nhớ cậu cùng quãng thời gian sống ở Chipenden của chúng ta.

Làm chân học việc cho ông Arkwright không dễ dàng gì đâu. Ông ấy nghiêm khắc, đôi lúc còn tàn nhẫn. Dù là vậy, ông ấy rất thông thạo công việc của mình và có rất nhiều điều cần dạy tớ về những thứ từ dưới nước chui lên. Mới đây bọn tớ đã chạm trán với một thủy phù thủy mà ông ấy gọi là “Morwena”. Chúng tớ sẽ sớm đi tìm hang ổ của mụ ta để truy diệt một lần cho dứt điếm.

Hy vọng sớm được gặp cậu.

Thương mến,

Tom

Tiếp đến tôi viết cho Thầy Trừ Tà.

Kính thưa thầy Gregory,

Con hy vọng thầy vẫn khỏe. Con phải thú thật là mình đã không có một khởi đầu tốt đẹp với ông Arkwright nhưng giờ đây thì tình hình ổn định rồi ạ. Ông ấy sở hữu một lượng kiến thức dồi dào về những thứ từ dưới nước chui lên và con hy vọng học hỏi được nhiều.

Mới đây, trên lối mòn đầm lầy gần cối xay nước, con bị một thủy phù thủy tên “Morwena” tấn công. Hình như mẹ là kẻ thù cũ của ông Arkwright, trước đây mẹ ta chưa bao giờ bén mảng đến quá gần nhà ông ấy như vậy. Có lẽ thầy đã từng nghe qua về mẹ này. Ông Arkwright bảo mẹ ta chính là con gái của Quý Vương và ông ấy nghĩ mẹ là do cha mình phái đến để xử lý con.

Con và ông Arkwright sẽ chóng đi truy lùng mẹ. Con rất mong lại được làm việc với thầy vào mùa xuân.

Chân học việc của thầy,

Tom Ward

Viết xong hai lá thư, tôi niêm thư vào trong phong bì và đề địa chỉ đến:

Gửi thầy Gregory ở Chipenden

Xong xuôi, tôi ngồi xuống bờ kênh chờ ông Matthew Gilbert. Con Vuốt ngồi bên trái tôi, mắt liên tục đảo giữa tôi và mặt nước. Hôm đấy là một ngày hanh khô, sắc trời rục rỡ, và dòng kênh trong không có vẻ gì là đe dọa cả, dù vậy, thật an tâm làm sao khi có con Vuốt ở đây canh chừng cho tôi.

Chỉ một giờ sau, chiếc sà lan từ phía nam hiện ra. Sau khi neo thuyền, ông Gilbert tháo cương ngựa rồi cột chúng lại để chúng ăn cỏ.

“À, việc này giúp tôi khỏi phải kéo chuông đây!” Ông Gilbert vui vẻ gọi lớn khi trông thấy tôi. Tôi phụ ông nhắc những thùng muối ra khỏi khoang

thuyền và mang lên trên bờ.

“Tôi sẽ nghỉ tay năm phút trước khi lên đường,” ông Gilbert ngồi xuống đuôi thuyền, hai chân gác lên đường xe kéo. “Cậu thấy làm việc cho Bill Arkwright như thế nào? Trông như cậu bị thương rồi đấy.” Ông khoát tay chỉ vào tai tôi.

Tôi tươi cười ngồi xuống bên ông. “Vâng, khởi đầu cũng tệ lắm, như bác đã đoán ấy,” tôi bảo ông. “Tệ đến mức cháu suýt quay về với thầy Gregory rồi. Nhưng giờ thì cháu với ông Arkwright hòa thuận lắm. Cháu cũng đang bắt đầu làm quen với hai con chó ,” tôi hất đầu về phía con Vuốt.

“Chắc chắn là mấy con chó như thế này cũng phải mất công một tí mới làm quen được,” ông Gilbert bảo. “Cả với chủ của chúng cũng vậy. Vài cậu học việc đã từng cúp đuôi chạy về Chipenden, nên cậu sẽ không phải là người đầu tiên. Nếu có khi nào cậu quyết định quay về, thì tôi luôn đi qua nơi này vào mỗi thứ Tư nhé. Đây là chuyến chở muối mà tôi thường phải chạy thẳng đến cuối con kênh ở Priestown. Nếu nói về tốc độ thì sẽ không nhanh hơn đi bộ đâu, nhưng làm vậy cậu sẽ đỡ phải cuốc bộ và đưa cậu đến Caster theo lối trực tiếp nhất. Cậu cũng có thể có thêm bạn đồng hành nữa. Tôi có một đứa con trai cùng một đứa con gái trạc tuổi cậu. Thỉnh thoảng chúng thay phiên nhau giúp tôi trên thuyền.”

Tôi cảm ơn lời đề nghị của ông Gilbert, đoạn đưa cho ông bì thư cùng đồng xu để trả tiền cước bưu điện. Ông Gilbert hứa sẽ bỏ thư tại Priestown. Khi ông thẳng lại cương ngựa, tôi nhắc một thùng muối lên. Dù trông khá nhỏ nhưng thùng này nặng khiếp. Tôi cố xoay sở, tìm cách ôm thùng dưới cánh tay.

“Đặt lên trên vai ấy! Đây là cách tốt nhất!” Ông Gilbert vui vẻ gọi lớn.

Lời khuyên của ông quả là hay. Một khi được đặt đúng vị trí, thùng muối tỏ ra rất dễ mang vác. Thế là, với con Vuốt theo sát gót, tôi đã làm năm chuyến đi về đến nhà trong vòng chưa đến nửa giờ đồng hồ.

Sau đấy, ông Arkwright dạy tôi một bài học lý thuyết khác.

“Mở tập ghi chép ra nào, cậu Ward...”

Tôi mở ra ngay rồi nhìn lên, chờ đợi nghe những gì ông sẽ nói.

“Đầu đề của cậu là ‘Morwena’,” ông bảo. “Tôi muốn cậu viết lại mọi thứ từ bấy đến nay tôi dạy cậu và cậu đã đọc được. Những kiến thức như thế này sẽ có lúc hữu dụng. Sẽ chóng đến lúc đi săn mồi thôi. Chúng ta đã có ngón tay của mụ và sẽ dùng nó thật đúng cách.”

“Chúng ta sẽ dùng nó thế nào ạ?” Tôi hỏi.

“Cậu sẽ sớm biết thôi, thế nên kìm hãm sự nôn nóng của cậu lại nào. Vết thương của con chó không có vẻ gì là sẽ nhiễm trùng, còn đến bây giờ tai cậu cũng chưa rụng mất. Cứ cho là ngày mai không có gì thay đổi, chúng ta sẽ khởi hành và đi bằng qua bãi cát để đến Cartmel. Nếu phát hiện ra điều chúng ta cần biết – à khi đấy thì, có thể còn lâu chúng ta mới quay về đây. Chỉ về nhà khi chúng ta xử lý mụ Morwena một lần dứt điểm cái đã!”

CHƯƠNG 13: VỊ ẨM SĨ XỨ CARTMEL

Ngày hôm sau, ngay sau lúc bình minh, với hai con chó chạy theo bết gót, chúng tôi thẳng tiến về Cartmel: lộ trình nhanh nhất là băng qua bãi cát ngoài vịnh Morecambe. Hôm ấy cũng là một ngày thời tiết rục rịch, riêng tôi thì thấy vui mừng vì được đi khỏi căn nhà cối xay một thời gian. Tôi đang nóng lòng muốn trông thấy vùng Hạt phía bắc vịnh cùng những đồi núi ao hồ đẹp như tranh vẽ.

Nếu là đang đi cùng Thầy Trừ Tà, hẳn tôi đã phải vác hai túi xách, nhưng hình như ông Arkwright luôn tự mang túi đồ của mình. Chúng tôi đi bộ không bao lâu thì đã đến bờ Hest, điểm khởi đầu cho chuyến hành trình. Tại đây, chúng tôi nhìn thấy hai cỗ xe ngựa cùng ba người xà ích, còn có một số người đi bộ. Bãi cát trống trải dường như mời gọi chúng tôi băng qua, còn biển thì ở mãi tít ngoài kia; tôi thắc mắc mấy người này đang chờ gì, bèn hỏi ông Arkwright.

“Bây giờ trông an toàn, nhưng bãi cát ngoài vịnh này có thể gây chết người đấy,” ông Arkwright đáp. “Một người hướng dẫn đi trên cát sẽ đi đầu cỗ xe phía trước – đấy là người am hiểu về thủy triều như lòng bàn tay mình vậy. Chúng ta phải băng qua hai lòng sông – lòng sông thứ hai, dòng Kent ấy, sau những cơn mưa nặng hạt thường rất nguy hiểm. Nó có thể trở thành cát lún. Hiện tại chúng ta đang chờ nước triều rút đến điểm cho phép những cỗ xe có đủ thời gian vượt qua an toàn.

Đừng bao giờ cố băng qua vịnh khi không có người dẫn đường nhé cậu Ward. Tôi đã sống ở đây gần cả đời mà ngay cả tôi cũng không dám thử làm thế. Đúng là có thể vì cậu chỉ mới học bơi thôi, nhưng thậm chí một người trưởng thành với bao năm kinh nghiệm cũng không sống sót nổi nữa là. Nước biển đổ vào các lòng sông nhanh đến mức nhao cái là cậu bị cô lập và chết chìm ngay!”

Một người đàn ông cao ráo đội mũ rộng vành tiến đến; ông ta đi chân trần và tay mang theo trượng. “Đấy là ông Jennings, người hướng dẫn đi trên

cát,” ông Arkwright bảo tôi. “Ông ta đã canh chừng mấy bãi cát gần hai mươi năm rồi.”

“Một ngày đẹp trời nhỉ!” Ông Jennings gọi lớn. “Anh mang ai theo cùng đây, anh Bill?”

“Chúc anh một ngày tốt lành nhé Sam. Đây là Tom Ward, cậu học việc với tôi trong sáu tháng tới.”

Gương mặt rám nắng, dạn dày sương gió của người hướng dẫn nhoèn cười khi ông bắt tay tôi. Ở ông toát lên dáng vẻ một người yêu thích công việc của mình. “Bill này, chắc anh đã cảnh báo cho cậu bé biết về những nguy hiểm từ mấy bãi cát rồi chứ?”

“Tôi đã nói hết rồi. Chỉ còn biết hy vọng là cậu ta nghe lời thôi.”

“Phải, cứ hy vọng thế đi. Không phải ai cũng chịu nghe đâu. Chúng ta có thể khởi hành trong khoảng nửa giờ nữa đây.”

Nói đoạn, ông Jennings bỏ sang hàn huyên với những người khác. Cuối cùng chúng tôi cũng khởi hành, Sam Jennings sai bước trước mấy cỗ xe, những ai đi bộ thì đi đằng sau. Mặt cát phẳng vẫn còn âm ẩm in dấu vết ngoằn ngoèo khó hiểu của những lần nước triều. Lúc này hầu như chẳng có chút gió nào, giờ thì một ngọn gió lộng từ hướng tây bắc đang thổi vào mặt chúng tôi, trong khi ở phía xa xa kia, mặt trời đang phản chiếu lấp lánh trên biển.

Mấy cỗ xe chậm chậm di chuyển nên khi đến lòng sông thứ nhất, chúng tôi bắt kịp được chúng. Ông Sam đi xuống lòng sông để kiểm tra, lội cho đến khi nước ngập ngang đầu gối. Ông lội ra chừng hai trăm sải về phía đông trước khi huýt sáo rồi vẫy vẫy cây gậy chỉ vào nơi mà chúng tôi phải từ đấy băng qua. Đoạn ông quay trở lại chỗ cỗ xe đầu tiên.

“Đây là nơi chúng ta sẽ ngồi xe!” Ông Arkwright bảo.

Ông đột ngột chạy đi và nhảy phóc lên phần sau của cỗ xe đi sau. Theo bước ông, tôi mau chóng hiểu ra lý do. Khi chúng tôi vượt qua lòng sông, mực nước dâng đến ngang bụng mấy chú ngựa. Chúng tôi vừa mới tránh

cho mình bị ướt nước. Hai con chó có vẻ không màng đến chuyện đó và bơi rất khỏe, chúng đến được bờ bên kia trước mấy con ngựa rồ lâu.

Chúng tôi leo xuống cuốc bộ thêm một chập cho đến khi đến lòng sông Kent, trông như có cùng một độ sâu như con sông trước.

“Cháu chẳng muốn ở đây khi triều lên đâu ạ!” Tôi nhận định.

“Chắc chắn là không rồi, cậu Ward. Khi triều dâng thì mực nước có thể ngập gấp ba thân người cậu hay còn hơn ấy chứ. Nhìn thấy đặng kia không?” Ông Arkwright vừa hỏi vừa chỉ tay về phía đất liền.

Tôi trông thấy mấy sườn dốc đầy cây cùng mấy rặng đồi đá tia tía trời lên bên trên ấy.

“Là rặng đồi đá nằm phía sau Cartmel – chúng ta đang đi đến đấy. Chẳng bao lâu nữa sẽ đến thôi.”

Lộ trình băng qua lòng sông khoảng chừng chín dặm nhưng ông Arkwright bảo không phải khi nào cũng được như vậy. Dòng chảy sông Kent liên tục đổi chiều nên khoảng cách đến những nơi lội qua an toàn thường khác nhau. Quả là một nơi nguy hiểm, nhưng quãng đường lại ngắn hơn nhiều nếu cứ đi theo đường vòng uốn quanh vịnh.

Chúng tôi đến được nơi gọi là bờ Kent, ở đấy, sau khi trả công và cảm ơn người dẫn đường, chúng tôi rời khỏi bãi cát phẳng rồi bắt đầu đi lên, tiến về Cartmel, việc này mất gần một giờ đồng hồ. Chúng tôi đi qua một tu viện, vài quán rượu cùng chừng ba mươi nhà dân. Nơi này gợi cho tôi nhớ đến Chipenden, với những đứa bé đói ăn đứng ở lối cửa nhìn ra chòng chọc cùng vùng đồng ruộng bao quanh tiêu điều chẳng có bóng dáng gia súc. Tác động của cuộc chiến tranh đang lan rộng và chắc chắn là sẽ bắt đầu tàn phá ghê gớm hơn. Tôi tưởng chúng tôi sẽ dừng chân nghỉ qua đêm tại Cartmel nhưng hình như công việc của chúng tôi lại ở nơi xa hơn thế.

“Chúng ta sẽ ghé thăm Judd Atkins, vị ẩn sĩ sống trên mấy rặng đồi đá kia,” ông Arkwright nói mà không buồn nhìn sang tôi. Ánh mắt ông dán chặt vào sườn dốc dựng đứng trước mặt.

Tôi biết ân sĩ thường là một người mộ đạo thích sống một mình và lánh xa người trần, thế nên tôi nghĩ vị này sẽ không vui vẻ gì khi gặp chúng tôi. Nhưng liệu ông ấy có phải là người có khả năng dùng ngón tay đứt kia để định vị mộ Morwena không nhỉ?

Tôi định hỏi, nhưng khi chúng tôi băng qua căn chòi cuối cùng, một bà lão từ trong căn phòng khách âm u lạch xệch tiến ra, hướng đến chỗ chúng tôi trên lối đi đầy bùn.

“Arkwright! Ôi ông Arkwright! Tạ ơn Chúa, cuối cùng ông cũng đến,” bà lão reo lên, túm lấy tay áo ông Arkwright mà giữ chặt.

“Thả tôi ra, kìa bà cụ!” Ông Arkwright quát lại, giọng rõ là bức bối. “Bà không thấy tôi đang vội ư – tôi có việc gấp phải làm đây này!”

Trong tích tắc, tôi cứ tưởng ông Arkwright sẽ đẩy bà lão ra và bỏ đi, nhưng ông chỉ quắc mắt nhìn bà ấy, mạch máu hai bên thái dương ông bắt đầu cộm lên.

“Nhưng tất cả chúng tôi đang sợ chết khiếp,” bà lão nói. “Không ai được an toàn. Chúng lấy đi những gì chúng muốn, cả ngày lẫn đêm. Nếu tình trạng cứ thế này chúng tôi sẽ chóng chết đói hết thôi. Xin ông, hãy giúp đỡ chúng tôi, ông Arkwright...”

“Bà đang lái nhái gì thế? *Kẻ nào* lấy đi những gì chúng muốn?”

“Lũ bắt lính – nhưng chúng giống đám trộm cắp thông thường hơn. Không bằng lòng với việc lôi thanh niên trai tráng của chúng tôi tham gia chiến tranh, chúng cướp sạch những gì chúng tôi có. Chúng dựng sào huyết trên nông trại Saltcombe ấy. Cả làng đang sợ điên đảo...”

Có phải là đám bắt lính từng bắt tôi không nhỉ? Chúng từng nói đến chuyện tiến lên phía bắc và cũng đã bỏ chạy theo hướng ấy khi Alice dọa chúng. Có vẻ là thế lắm. Chắc chắn là tôi không muốn gặp lại chúng rồi.

“Đấy là việc của đám cảnh vệ, không phải việc của tôi,” ông Arkwright cau có.

“Ba tuần trước chúng đã đánh anh cảnh vệ thừa sống thiếu chết. Anh ta vừa hồi phục và giờ sẽ không ra tay nữa đâu. Anh ta biết chuyện gì có lợi

cho mình. Nên xin ông, hãy giúp chúng tôi. Dầu là bây giờ lương thực vừa đủ đầy, nhưng nếu bọn chúng cứ tiếp tục thì khi mùa đông đến, chúng tôi sẽ chết đói mất. Chúng lấy đi bất cứ thứ gì chúng quơ được...”

Ông Arkwright lắc đầu, giật tay áo khỏi tay bà lão. “Có lẽ lúc về qua lối này, tôi sẽ xem xét tình hình. Nhưng giờ tôi rất bận. Tôi có việc quan trọng không thể chờ được!”

Dứt lời, ông tiếp tục leo lên sườn đồi, hai con chó chạy lên phía trước. Bà lão buồn bã lệch xệch bỏ vào trong chòi. Tôi thấy tội cho bà lẫn người trong làng, nhưng việc bà cầu xin ông Arkwright giúp đỡ mới kỳ lạ làm sao. Dù gì thì đây đâu phải là việc của kẻ trừ tà. Thật tình bà ấy nghĩ thầy tôi có thể dấu lại một đám người mang vũ khí ư? Phải có ai đó gửi tin đến ngài Chánh án ở Caster chứ – chắc chắn ngài ấy sẽ phái một viên cảnh vệ khác đến. Còn đám đàn ông trong làng thì sao? Họ không thể bắt tay nhau để làm gì đó à? Tôi thắc mắc quá.

Sau chừng một giờ leo lên rặng đồi đá, chúng tôi trông thấy khói tỏa trước mặt. Dường như là từ một cái lỗ trên mặt đất, thế rồi tôi nhận ra bờ đá lởm chởm mà chúng tôi đang băng qua đây lại là mái của một tu viện. Đến khi bước xuống những bậc cấp đá mòn nhẵn, chúng tôi đứng trước lối vào một chiếc hang khá lớn.

Arkwright lệnh cho hai con chó ngồi chờ cách đây một quãng, đoạn dẫn đường đi vào khoảng tối âm u. Trong hang bốc lên mùi khói do củi đốt nồng nặc, khiến tôi chảy nước mắt. Nhưng tôi vẫn nhìn ra có ai đó đang ngồi xồm trước đồng lửa, tay ôm đầu.

“Ông khỏe không, bạn già?” Ông Arkwright gọi lớn. “Vẫn còn đang sám hối cho tội lỗi của mình ư?”

Vị ẩn sĩ không đáp lại. Chả hề nao núng, ông Arkwright ngồi xuống bên tay trái vị ẩn sĩ. “Nghe này, tôi biết ông muốn ở một mình, nên ta hãy nhanh chóng làm cho xong việc rồi chúng tôi sẽ để ông yên. Hãy nhìn vào cái này và nói cho tôi biết nên tìm mục ta ở đâu...”

Arkwright mở túi, lấy túm giẻ nhàu nát ra, trải trên nền đất giữa vị ẩn sĩ và đồng lửa.

Trong lúc chờ mắt mình thích ứng với ánh sáng tù mù, tôi trông thấy ông Judd Atkins có hàm râu trắng cùng túm tóc bạc bù xù. Ông ấy không động đậy gì trong gần cả phút. Nói đúng ra dường như ông ấy không thở, nhưng rốt cuộc rồi cũng chịu nhặt lấy ngón tay của mụ phù thủy. Ông ấy dí sát ngón tay vào mặt mình lật qua lật lại vài lần, hình như đang chăm chú quan sát.

“Ông làm được không?” Arkwright gặng hỏi.

“Cừu được sinh ra vào mùa xuân chẳng?” Vị ẩn sĩ hỏi, giọng ông nghe chẳng khác tiếng khều khào. “Chó có tru lên khi trăng mọc? Ta đã thăm dò mạch nước rờng cả năm nay, và khi ta đặt hết tâm trí mình vào đấy, chẳng có gì đánh bại ta nổi. Tại sao chuyện ấy phải thay đổi?”

“Nói hay lắm!” Ông Arkwright la lớn, giọng đầy vẻ phẫn khích.

“Được, ta sẽ giúp anh, William ạ,” vị ẩn sĩ nói tiếp. “Nhưng anh phải trả một cái giá.”

“Giá ư? Giá nào?” Ông Arkwright hỏi, giọng kinh ngạc. “Nhu cầu của ông rất ít ỏi, ông bạn già ơi. Đây là cuộc đời ông đã chọn. Vậy thì ông có thể muốn gì từ tôi chứ?”

“Ta không đòi hỏi gì cho bản thân,” vị ẩn sĩ đáp, cứ mỗi chữ phát ra giọng ông ấy càng thêm mạnh mẽ. “Nhưng những kẻ khác thì cần. Dưới làng kia, những người dân đói khổ đang sống trong lo sợ. Hãy giải thoát cho họ khỏi nỗi sợ ấy rồi anh sẽ có thứ anh muốn...”

Ông Arkwright nhổ toẹt vào đồng lửa và tôi thấy hàm ông nghiêng lại. “Ý ông là cái đám trên nông trại Saltcombe kia ư? Lũ bắt lính ấy? Ông muốn tôi giải quyết chúng à?”

“Đây là thời kỳ phi luật pháp. Khi mọi thứ đổ vỡ, phải có ai đó hàn gắn chúng lại. Đôi khi một anh đóng móng ngựa phải đi sửa một cánh cửa, hay bác thợ mộc phải đi đóng móng ngựa. Còn ai khác nữa đâu hả William? Còn ai khác ngoài anh ra cơ chứ?”

“Bọn chúng có mấy tên?” Cuối cùng ông Arkwright cũng hỏi. “Ông biết bao nhiêu về bọn chúng?”

“Tổng cộng có năm tên. Một trung sĩ, một hạ sĩ và ba tên lính. Chúng lấy đi những gì chúng muốn trong làng mà không trả tiền.”

“Là một đám bắt lính đang bắt người gần Chipenden đấy ạ,” tôi cau mày. “Chúng đã bắt cháu nhưng cháu may mắn chạy thoát. Chúng cũng có năm tên, nên nghe ra có vẻ là cùng một lũ. Cháu không muốn lại đụng độ bọn chúng. Một trong số ấy là một cậu bé không lớn hơn cháu bao nhiêu nhưng tay trung sĩ thì đáng ghét vô cùng. Chúng cũng được trang bị cả dùi cui lẫn gươm dao nữa đấy. Cháu nghĩ ông không có khả năng hạ chúng đâu, ông Arkwright ạ.”

Ông Arkwright trừng mắt nhìn tôi, rồi gật đầu. “Bất lợi nghiêng về phía tôi rồi,” ông phàn nàn, sau lại quay sang vị ẩn sĩ. “Bọn tôi chỉ có ba người rưỡi – tôi, hai con chó cùng cậu bé tay mơ gà mờ này. Tôi có nghề ngỗng của riêng tôi. Tôi không phải là cảnh vệ...”

“Anh từng có thời là lính mà, William. Và ai ai cũng biết là anh thích đập vỡ đầu người ta, nhất là sau khi đánh chén. Ta bảo đảm anh sẽ rất thích trải nghiệm này đấy.”

Ông Arkwright đứng dậy và nhìn xuống vị ẩn sĩ, gương mặt ông bừng bừng phẫn nộ. “Cứ việc đảm bảo là tôi không đập vỡ đầu ông đi, bạn già ạ. Tôi sẽ quay lại trước khi trời tối. Trong khi đấy ông làm tiếp việc kia đi. Tôi đã bỏ phí lắm thời gian rồi! Ông có bản đồ vùng Lakelands không?”

Judd Atkins lắc đầu, thế là ông Arkwright lục lọi trong túi và lôi ra một bản đồ được gấp lại. Ông trải ra trước mặt vị ẩn sĩ. “Thử cái này xem sao!” Arkwright gắt. “Hang ổ của mụ ta sẽ ở đấy – điều này thì tôi đoán chắc. Đâu đấy gần một trong những hồ nước phía nam.”

Dứt lời, ông Arkwright rời khỏi hang động, hăm hăm tức tối sải bước về hướng đông.

CHƯƠNG 14: KẼ TIÊU ĐỜI!

Chúng tôi chưa rời hang động của vị ẩn sĩ bao xa thì ông Arkwright đã dừng bước, ngồi xuống bờ cỏ mà mở túi. Ông lôi ra chai vang đỏ, dùng răng rút nút chai và bắt đầu tu.

Tôi đứng đấy, chẳng vui vẻ gì trong một đôi, thắc mắc không biết liệu đây có phải là cách chuẩn bị tốt nhất để đối phó với đám côn đồ nguy hiểm kia không, nhưng vị ẩn sĩ có đưa ra một luận điểm đúng đắn – ông Arkwright khi nào cũng hung hăng hơn sau khi uống. Hẳn ông ấy đã nhìn thấy vẻ mặt tôi vì ông liền cau có giận dữ và khoát tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống.

“Ngồi xuống thư thả chút đi cậu Ward. Làm thế đi, bỏ luôn cái vẻ khổ sở trên mặt cậu cho tôi nhờ!” Ông la làng.

Cảm nhận được rằng tâm trạng Arkwright đang trở xấu, tôi lập tức nghe theo lời ông. Mặt trời đang lặn dần về phía chân trời và tôi băn khoăn không biết có phải ông định chờ trời tối mới bắt đầu đối phó với lũ bắt lính. Có vẻ kế hoạch ấy là hợp lý nhất. Hoặc thế, hoặc là tấn công ngay sau khi trời rạng, thời điểm bọn chúng còn ngái ngủ. Nhưng ông Arkwright là một người thiếu kiên nhẫn, nếu được lựa chọn, nhất định ông sẽ ra tay theo cách khó khăn thôi.

Tôi đã đoán đúng. Chẳng mấy chốc Arkwright đã uống cạn chai rượu và chúng tôi lại lên đường. Sau chừng mười phút, tôi bước lên ngang hàng với ông. Tôi tò mò muốn biết liệu ông có kế hoạch nào đó không.

“Thưa ông Arkwright...” Tôi ấp úng ướm lời.

“Câm mồm!” Arkwright quát. “Chỉ mở miệng khi tôi nói với cậu chứ không được lên tiếng trước!”

Thế là tôi lại thụt lùi. Tôi nổi cáu và cũng hơi buồn trong lòng. Tôi từng cảm thấy mình đang bắt đầu hòa hợp hơn với ông Arkwright nhưng dường như mọi chuyện không thay đổi mấy. Thịnh thoảng Thầy Trừ Tà cũng bắt tôi im tiếng, thầy bảo để sau hẵng hỏi cũng được, nhưng chả bao giờ thầy làm

thế một cách hung hăng thô bạo. Chắc hẳn thái độ hành xử của người thầy mới này là lỗi do rượu mà ra.

Chúng tôi nhanh chóng đến được dãy gò đất. Ông Arkwright dừng bước, đưa tay che mắt nhìn mặt trời lặn. Tôi thấy bên dưới là một căn nhà, khói nâu đang bốc lên gần như là thẳng đứng từ ống khói. Rõ ràng đây từng là một nông trại trên đồi chuyên chăn nuôi cừu, nhưng giờ đây không thấy bóng dáng con thú nào.

“VẬY ĐÂY, KIA RỒI!” Ông nói. “Nông trại Saltcombe. Ta hãy đi xuống dưới giải quyết cho xong nào...”

Arkwright sai bước xuống sườn đồi, chẳng buồn tránh né ẩn mình gì sất. Đến thung lũng, ông đi thẳng tới cửa trước, tôi cứ ngỡ cửa sẽ bật mở vào bất cứ lúc nào và lũ kia sẽ xông ra tấn công chúng tôi. Khi chỉ còn cách chừng hai mươi bước, Arkwright dừng lại và quay sang đối mặt tôi, hất đầu về phía hai con chó.

“CẬU GIỮ CHẶT VÒNG CỔ CỦA BỌN NÓ VÀ ĐỪNG THẢ TAY RA ĐÂY,” ông ra lệnh. “Khi tôi la ‘Ngay!’ thì cậu hãy thả. Nhưng không được làm trước khi có lệnh. Hiểu chưa?”

Tôi dè dặt gạt đầu rồi tóm lấy dây tròng cổ của hai con chó khi chúng rướn về trước. Nếu chúng muốn đi, tôi chẳng có cách nào ngăn chúng lại.

“Lỡ có chuyện gì không ổn thì sao ạ?” Tôi hỏi. Trong nhà có năm tên lính – chắc là vẫn còn trang bị dùi cui và gươm dao. Tôi nhớ đến những gì bà lão từng kể về anh cảnh vệ trong vùng. Bọn chúng đã đánh anh ta thừa sống thiếu chết.

“Này cậu Ward,” ông Arkwright khinh bỉ đáp lại, “nếu có thứ gì tôi không thể chịu được, thì đấy là một kẻ yếm thế. Hãy cứ tin cậu có thể thì cậu đã thắng được nửa trận trước khi ra tay rồi. Tôi sẽ giải quyết lũ này cho xong, sau đó tiếp tục công việc của mình. Đây, trông chừng cái này cho tôi,” ông quăng túi đồ xuống dưới chân tôi. Đoạn ông quay ngược đầu trượng để lưỡi giáo chết người chĩa xuống đất. Điều này cho thấy ông không muốn gây ra tổn hại vĩnh viễn cho đám lính kia.

Thế rồi ông Arkwright đồng dục bước thẳng đến cửa trước, và chỉ với một cú đá bằng chân trái, cửa mở tung. Ông tiến thẳng vào, tay vung trượng, và tôi nghe thấy tiếng chửi thề, rồi những tiếng la hét đau đớn lẫn tức tối từ bên trong. Tiếp đến, một gã đàn ông to lớn trong bộ đồng phục tả tơi, trán nhều máu chạy bổ ra khỏi cửa, xông thẳng về phía tôi, vừa chạy vừa phun phì phì mấy cái răng gãy. Hai con chó đồng thanh gầm gừ, tên kia dừng lại, nhìn thẳng vào tôi trong giây lát. Chính là tên trung sĩ mặt thẹo, và tôi nhìn ra sự nhận biết lẫn nổi tức giận lóe lên cùng lúc trong mắt hắn. Trong tích tắc, tôi tưởng hắn đã quyết tấn công mình bất chấp hai con chó, nhưng rồi hắn quay sang phải, bỏ chạy lên sườn đồi.

Nghe thấy ông Arkwright quát lên “Ngay!” và trước khi tôi kịp phản ứng, hai con chó giật phăng khỏi tay nắm của tôi mà phóng về phía cửa để ngõ, sủa vánh trời.

Vuốt và Răng chưa xông vào trong bao lâu, bốn tên còn lại đã bỏ chạy ra ngoài. Ba tên thoát thân qua lối cửa chính theo bước tên trung sĩ chạy lên đồi, riêng tên thứ tư thì nhảy qua cửa sổ trước và đâm đầu thẳng đến chỗ tôi, tay huơ dao. Là tên hạ sĩ. Hai con chó không thể giúp gì, nên tôi đành giương trượng ngang người trong thế phòng thủ.

Khi chạy đến gần hơn, một nụ cười buồn nhả nhúm trên bản mặt tên trung sĩ. Hắn dừng lại, khom người đối mặt với tôi, lưỡi dao dang rộng trên tay phải. “Mày đã phạm sai lầm nghiêm trọng khi đào ngũ đây, thằng nhãi. Tao sẽ mổ bụng mày để trừng trị đích đáng!”

Dứt lời, hắn lao vào tôi, lưỡi dao vung lên thành hình vòng cung về phía người tôi. Tôi di chuyển nhanh hơn mình kịp nghĩ, lần thực hành với ông Arkwright đã mang lại kết quả hữu ích. Cú ra đòn đầu tiên tôi nhắm vào cổ tay, đánh rớt con dao khỏi tay hắn. Hắn thốt lên đau đớn khi tôi tấn công hắn lần hai – một cú ngay đầu khiến hắn khuỵu xuống. Giờ thì hắn không cười cợt gì được nữa. Trong mắt hắn là nỗi sợ hãi. Hắn chầm chậm đứng lên. Lẽ ra tôi đã có thể đánh hắn cú nữa nhưng tôi lại tha. Hắn quay đi, buông lời chửi mắng rồi bám sát gót đồng bọn. Tất cả bọn chúng cuống cuống chạy lên đồi như thể Ác Quỷ đang rượt theo vậy.

Tôi tiến về phía ngôi nhà, nghĩ bụng rằng mọi chuyện đã xong, rồi lại đứng tại lối cửa vào mà há hốc mồm nhìn ông Arkwright rống lên giận dữ, đập phá mọi thứ trong nhà thành nát bét: bàn ghế, bát đĩa và mỗi một cửa sổ còn sót lại. Xong cơn tam bành, ông huýt sáo gọi Vuốt và Răng đến rồi châm lửa đốt nhà. Khi chúng tôi rời khỏi thung lũng, một cuộn khói đen dày đặc che khuất cả mặt trời đang lặn.

“Giờ thì chẳng còn gì để chúng quay lại nữa nhé!” Ông Arkwright cười toe nhận định.

Thế nhưng, từ trên rặng đồi đá cao cao, kẻ nào đó gào vọng xuống chỗ bọn tôi:

“Mi tiêu đời rồi nhé, thằng Thầy Trừ Tà kia! Tiêu đời rồi! Bọn tao sẽ tìm ra nơi mà y sống. Mà y chết chắc rồi – cả mà y và thằng nhãi kia nữa! Giờ thì cả hai chúng mà y tự chuốc vạ vào thân. Bọn tao phụng sự cho Đức Vua đấy. Chắc chắn bọn mà y sẽ bị treo cổ!”

“Đừng lo lắng thế chứ cậu Ward,” ông Arkwright nhăn nhó cười. “Thằng đấy chỉ giỏi cái mồm. Nếu có gan chúng đã xuống đây đánh đấm chứ không đứng trên đồi co rúm vì sợ đâu.”

“Nhưng chẳng phải bọn chúng sẽ báo cáo lại và phái thêm nhiều lính đến bắt chúng ta sao? Ông đã đánh lính của Đức Vua và chúng ta vừa mới phá hủy hết tài sản của bọn chúng.”

“Chiến tranh đang diễn ra khốc liệt nên tôi không nghĩ người ta còn thừa lính tráng để đi lùng những kẻ như chúng ta. Với lại, tôi khá đoán chắc bọn kia là bọn đào ngũ. Chúng mới là những đứa sợ treo cổ. Rõ ràng chúng không hành xử như những đội bắt lính bình thường. Đánh đập cảnh vệ địa phương không phải là một phần trong công việc khi tôi còn tại ngũ đâu!”

Nói đoạn, ông Arkwright quay gót thẳng tiến về hang động.

“Ông làm lính khi nào vậy ạ?” Tôi hỏi.

“Lâu lắm rồi. Sau khi hoàn tất kỳ học việc với thầy Gregory, tôi quay lại cối xay cố sức giải thoát cho bố mẹ tôi. Khi không thể làm được, tôi chán đời quá nên bỏ nghề một thời gian. Quân đội huấn luyện tôi trở thành pháo

thủ, nhưng đất nước lúc ấy đang hòa bình, chẳng có ai để bắn cả, thế là tôi giải ngũ và trở lại làm kẻ trù tà. Mọi chuyện buồn cười quá nhỉ. Nhưng tôi nói với cậu điều này – tôi chưa bao giờ bỏ chạy khỏi một trận chiến nào – không giống cái lũ hèn hạ nhất gan trên kia.”

“Ông là pháo thủ? Ý là ông bắn pháo từ một trong mấy khẩu thần công to tướng đó ấy ạ?”

“Là một khẩu chín ly, cậu Ward ạ. Loại súng thần công to nhất trong Hạm. Và tôi vừa là tay pháo thủ thiện xạ vừa mang lon trung sĩ. Cơ bản thì, đấy là khẩu súng của tôi!”

“Cháu đã thấy khẩu súng đó,” tôi bảo ông. “Mùa hè rồi, quân lính đã chuyển nó từ Colne đến và dùng để chọc thủng tháp Malkin.”

“Họ mất bao nhiêu lâu vậy?” Ông Arkwright gặng hỏi.

“Họ bắn từ trưa cho đến chiều tà, rồi hoàn tất trong chưa tới một giờ đồng hồ vào sáng hôm sau.”

“Vậy sao? Chẳng trách sao cuộc chiến dưới miền nam diễn ra tệ thế. Tôi từng trông thấy ngọn tháp ấy, và tôi nghĩ mình có thể chọc thủng những bức tường thành trong chưa tới hai giờ. Chỉ là chuyện kỹ thuật và tập luyện thôi, cậu Ward ạ!” Ông Arkwright mỉm cười.

Thật lạ lùng làm sao khi ông đột nhiên trở nên vui vẻ và nói năng luôn mồm đến vậy. Ông có vẻ phấn chấn. Như thế trận đánh nhau với đám đào ngũ đã giúp vực dậy tinh thần của ông.

Tuy nhiên, lúc quay lại nơi ẩn dật, cơn thịnh nộ của ông Arkwright lại sục sôi khi ông phát hiện ra rằng vị ẩn sĩ không thể tìm thấy nơi ẩn náu của mẹ Morwena.

“Tôi đã thực hiện phần thỏa thuận của mình – giờ thì ông phải giữ lời của ông đi!” Arkwright nổi đóa.

“Kiên nhẫn nào, William,” Judd bình thản nói. “Mùa màng có đâm chồi nảy lộc được giữa tiết đông không thế? Tất nhiên là không, vì việc gì cũng có thời có lúc. Ta bảo mình *chưa* tìm ra thôi. Chứ không phải là sẽ không bao giờ. Mà ta cũng đã tiếp cận rất gần chân tướng sự việc để biết là anh nói

đúng. Hang ổ của mục ta nằm tại những hồ nước phía nam. Nhưng để tìm thấy một mục phù thủy thì khó lắm thay. Chắc hẳn mục ta sử dụng phép thuật để che chắn nơi ở của mục. Mục này có quyền năng đặc biệt không thế?”

Ông Arkwright gật đầu. “Không nhiều kẻ mạnh hơn mục đâu. Tên thật của mục là Morwena nhưng có người gọi mục là Huyết Nhân. Chắc là ông từng nghe qua cái tên ấy rồi chứ?”

“Có,” vị ẩn sĩ đáp. “Cả hai tên. Ai mà chưa nghe đến? Bà mẹ nào trong Hạt cũng run bắn lên khi nghe thấy mấy cái tên ấy. Trong hai mươi năm qua, vô số trẻ con đã mất tích. Ta sẽ làm hết sức để giúp đỡ, nhưng giờ ta mệt rồi. Những việc như thế này không thể gấp gáp. Ngày mai ta sẽ thử lại, khi mọi chuyện thuận lợi hơn. Thời tiết thế nào rồi?”

“Đang dịu đi và bắt đầu có mưa phùn,” ông Arkwright lau bà, vẫn còn rất không vui.

“Anh chẳng muốn đi loanh quanh trong điều kiện thời tiết như thế đâu nhỉ? Sao anh không nghỉ lại đây qua đêm? Hai người đã ăn gì chưa?”

“Từ sáng đến giờ bọn tôi chưa ăn gì. Tôi chịu được, còn cậu Ward đây lúc nào cũng đói.”

“Thế để tôi hâm lại ít súp vậy.”

Nhưng trước bữa tối, ông Arkwright lại mang tôi ra mạn đồi tối om rồi chúng tôi tập giao đấu bằng trượng. Có vẻ như ông quyết tâm duy trì tập luyện cho tôi ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ khi nào có thể. Một cơn mưa nhỏ quất vào mặt chúng tôi khi chúng tôi cố giữ thăng bằng trên nền cỏ trơn trượt. Lần này ông Arkwright không quật cú nào vào người tôi, dường như ông hài lòng với việc đẩy lùi tôi để thử khả năng phòng vệ của tôi.

“Thôi, cậu Ward này, bây giờ như thế đã đủ rồi,” cuối cùng ông lên tiếng. “Tôi tin là chúng ta đang bắt đầu trông thấy chút tiến bộ rồi đây. Ban này tôi đã chứng kiến cậu đối phó với tên hạ sĩ. Làm tốt lắm, cậu nhỏ. Cậu nên lấy đấy làm tự hào. Cứ tiếp tục như thế, trong vòng sáu tháng cậu sẽ có khả năng tự lo cho mình.”

Những lời ông nói làm tôi hơi lòng hơi dạ, và khi chúng tôi quay vào trong hang, tôi bắt đầu trông ngóng đến bữa tối. Nhưng hóa ra lại thất vọng vô cùng. Nước súp đắng nghét, mới nếm miếng đầu tiên là tôi đã nhăn mặt. Tôi thắc mắc không biết trong súp có gì.

Ông Arkwright chỉ mỉm cười khi thấy dáng vẻ ăn không ngon của tôi. “Ăn cho bằng hết đi nhé cậu Ward! Đây là món súp thảo dược ngon nhất trong toàn vùng bắc Caster này. Ông Judd đây là người ăn chay trường. Tối nay mấy con chó sẽ được ăn ngon miệng hơn chúng ta rồi.”

Vị ăn sĩ không tỏ vẻ gì là bị lời nhận xét của ông Arkwright xúc phạm, nhưng vì lòng kính trọng nên tôi đã cố ăn sạch bát súp rồi nói lời cảm ơn ông ấy. Dù trong súp bỏ gì đi chăng nữa thì tôi vẫn có một đêm ngon giấc nhất kể từ khi rời khỏi Chipenden.

CHƯƠNG 15: NGÓN TAY NHẢY MÚA

Không có điểm tâm. Ngay sau khi trời rạng, ông Judd Atkins mở tấm bản đồ ao hồ ra trải trên nền đất gần đồng than hồng.

“Được rồi!” Cuối cùng ông cũng thốt lên, mắt nhìn chăm chăm xuống bản đồ. “Tôi đã có một đêm ngon giấc và giờ tôi thấy khỏe hơn nhiều. Lúc này thì có thể tìm ra mụ ta rồi đây...”

Nói xong, ông ấy lấy từ trong túi quần ra hai vật. Một là sợi dây mảnh ngăn ngăn; vật kia là ngón tay bị cắn đứt của mụ phù thủy. Sau đấy ông cột một đầu sợi dây vào ngón tay.

Thấy tôi quan sát, vị ẩn sĩ mỉm cười. “Trước khi lánh khỏi cõi đời độc ác này, tôi từng là một người dò mạch, Thomas ạ. Chủ yếu tôi dùng cành gỗ bu-lô để tìm mạch nước. Rất nhiều giếng nước ở phía bắc của Hạt là do tôi tìm ra. Đôi khi tôi cũng dò tìm người mất tích nữa. Tôi có thể treo một mảnh quần áo hay một món tóc bên trên bản đồ cho đến khi bàn tay tôi giật giật. Đáng buồn là, nhiều người trong số tôi tìm được đã chết, nhưng gia đình họ vẫn biết ơn vì tôi đã tìm ra cái xác để về chôn cất ở vùng đất thiêng. Nào, để xem liệu tôi có tìm thấy mụ phù thủy tên Morwena không nhé...”

Ông Arkwright dịch đến gần hơn, hai chúng tôi cùng quan sát khi vị ẩn sĩ bắt đầu cuộc tìm kiếm có hệ thống. Chầm chậm di chuyển ngón tay lơ lửng trên bản đồ từ tây sang đông, rồi đông sang tây, ông từ từ quét qua chiều ngang bản đồ, cứ mỗi lúc một đi hơi chệch lên hướng bắc. Sau chưa tới một phút, bàn tay ông bỗng giật giật. Ông dừng lại, hít một hơi sâu, chuyển tay sang phải rồi đưa lại sang trái thật từ tốn nhẹ nhàng. Bàn tay ông lại giật, lần này là nảy ngược ra sau, khiến cho ngón tay phù thủy nhảy nhót trên đầu sợi dây.

“Đánh dấu nơi đấy đi William!” Ông gọi lớn, thế là ông Arkwright bước sang, quỳ xuống đánh một dấu chữ thập nhỏ. Xong xuôi, vị ẩn sĩ tiếp tục rà

soát quanh bản đồ. Chẳng mấy chốc tay ông lại giật. Trong tích tắc, ngón tay đứt lại nhảy nhót trên đầu sợi dây khi vị ẩn sĩ tìm ra vị trí thứ ba. Cứ mỗi lần như thế, ông Arkwright cẩn thận đánh dấu địa điểm. Vị ẩn sĩ tiếp tục tìm kiếm nhưng không còn tìm được gì khác để báo cáo.

Cả ba dấu chữ thập đều nằm phía tây vùng Hồ Coniston: điểm đầu tiên là bên bờ tây bắc; điểm thứ hai được đánh dấu là một hồ nước nhỏ - hồ Con Dê; điểm thứ ba, ngược út lên phía bắc, hồ Leven.

“Vậy ra đây là tất cả ư, bạn già, hay là ông chỉ không chắc?” Arkwright hỏi, giọng rất nôn nóng.

“Cần chắc chắn đúng ư? Chúng ta phải luôn chừa chỗ cho nghi ngờ chứ, William. Có thể chỉ mỗi ba chỗ kia thôi. Ta dám chắc mục ấy sống ở mỗi nơi một ít,” vị ẩn sĩ đáp lại. “Cũng có thể còn nhiều nơi khác nữa trên phía bắc, xa hơn khu vực mà anh nhờ ta điều tra. Ta nhận được phản ứng mạnh nhất là từ bờ hồ Coniston, nhưng ta cũng cảm nhận được mục ta đi lang thang khắp khu vực phía tây của hồ ấy. Anh biết rõ nơi này không?”

“Vài lần tôi có chuyện phải làm trên ấy, nhưng tôi không nắm rõ khu vực cực bắc của hồ, ngay vùng ven của Hạt. Đám người sống trên vùng hồ Coniston là một đám thiếu thân thiện, sống theo cách riêng và không vui vẻ gì với người ngoài vùng. Họ thà im lặng chịu đựng hơn là mời một kẻ trừ tà từ miền nam lên.”

Cũng còn khôn là tôi không nói ra ý nghĩ của mình, nhưng tôi nghĩ lời này hơi quá khi được phát biểu từ một người kém thân thiện như ông Arkwright, người mà đến chân học việc trong nhà cũng lắm khi không chịu đựng được.

Ngay khi chúng tôi chuẩn bị lên đường thì thời tiết trở xấu, ngọn gió từ hướng tây mang mưa đến quất mạnh vào sườn đồi, khiến mưa trút ào ào xuống nóc hang động rồi lọt qua lối vào, thỉnh thoảng còn liếm lèo xèo vào mép đồng lửa.

“Đúng là ông già ngớ ngẩn,” ông Arkwright mắng khan. “Làm thế quái nào ông lại chọn một cái hang có lối vào đụng ngay hướng gió vậy?”

“Lạnh và ẩm có lợi cho tâm hồn. Tại sao anh lại sống trong căn nhà bên rìa đầm lầy trong khi anh có thể sống khỏe mạnh ở một nơi không khí trong lành cơ chứ?” Judd Atkins phản pháo.

Hàng chân mày của ông Arkwright thoáng nhướn lên vì tức giận, nhưng ông chẳng nói gì. Ông sống tại đây vì nó từng là nhà của bố mẹ ông, còn giờ đây, khi linh hồn mẹ ông bị mắc kẹt trong ấy, ông không thể bỏ mặc họ. Chắc là vị ẩn sĩ không biết chuyện, bằng không ông sẽ chẳng nói năng tàn nhẫn đến vậy.

Vì thời tiết khắc nghiệt, ông Arkwright quyết định trú thêm một đêm rồi thẳng tiến đến hồ Coniston ở hướng bắc vào rạng sáng hôm sau. Trong khi ông Judd nhóm lửa, Arkwright dẫn tôi đi bắt cá dưới trời mưa như trút. Tôi tưởng ông sẽ dùng cần câu hay lưới, nhưng ông lại có một phương pháp mà ông gọi là “chọc nhột”.

“Nếu cậu làm được thì sẽ chẳng bao giờ bị đói!” Ông bảo tôi.

Muốn thực hiện phương pháp, ta cần nằm sấp trên bờ sông ẩm ướt, hai tay thọc xuống nước lạnh. Bước đầu là chọc vào bụng con cá hồi khiến nó nhột nhạt mà bơi thụt lùi vào tay ta, sau đấy ta sẽ tạt nó lên bờ cỏ. Arkwright chỉ cho tôi phương pháp, nhưng nó đòi hỏi ta phải thật kiên nhẫn. Kết quả là chẳng có con cá hồi nào bơi đến, dù là trong tầm với của tôi. Tuy vậy, ông Arkwright lại bắt được những hai con, và ông nhanh chóng nướng lên ngon lành. Vị ẩn sĩ chỉ nhấp vài ngụm súp, nghĩa là tôi cùng ông Arkwright mỗi người được nguyên một con cá. Cá ngon tuyệt, làm tôi chóng thấy khá hơn nhiều.

Rồi lại thêm phần luyện tập giao đấu bằng trượng. Tôi mở màn nhẹ nhàng, kết thúc chỉ với một vết bầm trên cánh tay, nhưng ông Arkwright đánh với tôi cho đến khi tôi cứng đờ và mệt lả. Vậy nên tôi ngủ thật ngon trong hang động ấy. Chắc chắn là nơi này thoải mái hơn trong cối xay rồi.

Bình minh ló dạng thì mưa cũng đã dứt. Không chút chậm trễ, chúng tôi khởi hành lên phương bắc, về phía các hồ.

Quả là Thầy Trừ Tà đã đứng về quang cảnh của vùng này. Khi chúng tôi đến được vùng Hồ Coniston và đi ven bờ hồ dọc dài cây cối, cảnh vật xung quanh chúng tôi thật mãn nhãn. Những mạn sườn phía đông phủ đầy các loại cây thay lá và cây họ tùng, loại cây này tạo nên một thảm xanh tươi sáng bừng một ngày cuối thu ảm đạm. Mây trời treo cao tít nên phía bắc là cảnh núi non hùng vĩ, rõ là lúc trước mưa đã rơi trên ấy như tuyết, khiến cho những đỉnh núi lấp lánh trắng lóa trên nền trời xam xám.

Dường như tâm trạng ông Arkwright vui vẻ hơn một chút, thế là vì quá chán sự im lặng kéo dài này – ông đã không nói lấy một lời từ khi chúng tôi rời khỏi hang động của vị ẩn sĩ – nên tôi đánh bạo hỏi một câu.

“Ngọn núi phía trước có phải là ngọn Old Man xứ Coniston không ạ?”

“Chính nó đấy cậu Ward, mà hẳn là cậu biết rõ quá đi rồi – cậu sẽ thông thuộc nó thôi, hôm qua chúng ta đã nghiên cứu bản đồ rồi mà. Thật là một cảnh tượng hùng tráng phải không nào? Cao hơn nhiều so với rặng đồi đá phía sau nhà thầy Gregory. Nơi này thật thu hút, nhưng đôi khi có những chỗ cũng đẹp dễ như thế mà lại không nổi bật đường ấy. Thấy bờ hồ phía kia không?” Ông chỉ tay qua bờ hồ phía đông.

Tôi gật đầu.

“Ừ, đây là nơi ta tiêu diệt tên kẻ xé xác Coniston. Ngay bên dưới bờ hồ. Có lẽ nó cũng là việc tốt đẹp nhất ta từng làm kể từ khi hoàn tất học việc với thầy Gregory. Nhưng nếu ta có thể tóm hay giết mổ Morwena, thì đương nhiên việc này sẽ là việc hay ho nhất.”

Có một vẻ gì đấy gần giống một nụ cười toe làm gương mặt ông Arkwright nhăn nhúm, và ông bắt đầu huýt sáo khe khẽ không theo một điệu nào. Hai con chó đi vòng vòng quanh chúng tôi, tấp tấp không khí vì phấn khởi.

Chúng tôi tiến vào làng Coniston từ phía nam. Có vài người đang lai vãng quanh đây nhưng những kẻ chúng tôi trông thấy thoạt nhìn đều kém thân thiện; có người thậm chí còn băng sang bên kia đường thay vì đi ngang qua gần chúng tôi. Phản ứng này nằm trong dự đoán. Hầu hết mọi người bất an

khi phải ở gần một kẻ trừ tà, ngay cả ở Chipenden, nơi Thầy Trừ Tà sinh sống bao nhiêu năm rồi cũng thế. Thầy tôi thích giữ khoảng cách và tránh đi qua khu trung tâm, còn khi tôi đi thu gom nhu yếu phẩm, không phải ai cũng thân thiện như mấy bác bán hàng, chỉ mấy bác này mới hoan nghênh khách hàng thân thiết như chúng tôi.

Tới bên con suối – được đánh dấu trên bản đồ là ”suối Nhà Thờ“ – chúng tôi bắt đầu leo lên lối mòn dốc đứng hướng về phía tây, bỏ lại sau lưng đám nhà cửa ngổn ngang cùng ống khói nghi ngút. Sừng sững bên trên chúng tôi là đỉnh “Old Man” hùng vĩ, nhưng ngay lúc hai chân tôi chớm đau, ông Arkwright dẫn lối rẽ ngang khỏi đường mòn và đi vào khu vườn nhỏ trước một quán rượu. Bảng hiệu ở đây đề là:



Hai người đàn ông luống tuổi đang đứng nơi lối cửa, mỗi người cầm một vại bia. Họ nhanh chân bước tránh sang cho chúng tôi đi vào, vẻ cảnh giác trên mặt họ chắc không phải chỉ do hai con chó săn sói dấy lên. Họ có thể nhận biết nghề của chúng tôi dựa vào quần áo và hai thanh trượng.

Vào đến bên trong, quán chẳng có một bóng khách, nhưng các bàn ăn đều sạch sẽ và còn có một ngọn lửa tiếp đón bập bùng trong lò sưởi. Ông Arkwright đi thẳng đến quầy rượu mà gõ âm ỉ lên quầy gỗ. Chúng tôi nghe thấy ai đó chạy lên mấy bậc cấp rồi một người đàn ông ục ịch, vẻ mặt hờ hững, vận chiếc tạp dề sạch từ lối cửa bên tay phải chúng tôi chạy vào.

Tôi thấy ông ta thận trọng liếc qua hai con chó rồi loáng đảo mắt nhìn ông Arkwright từ đầu đến chân, nhưng rồi nụ cười thoạt đầu gượng gạo chợt biến thành kiểu cười chào đón chuyên nghiệp của một ông chủ quán đầy kinh nghiệm. “Xin chúc quý ngài một ngày tốt lành. Tôi có thể phục vụ gì đây ạ? Chỗ ở, một bữa ăn hay đơn giản chỉ là hai cốc bia thượng hạng của chúng tôi?”

“Này ông chủ, bọn tôi sẽ lấy hai phòng cùng một bữa tối – món thịt hầm khoai tây nóng sốt ấy, nếu ông có. Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ ngồi ngay

góc cạnh lò sưởi và dùng bữa khai vị với món cháo rượu.”

Ông chủ quán cúi đầu chào và quày quả rời đi. Tôi ngồi đối diện ông Arkwright, thắc mắc không biết chuyện gì đang diễn ra. Trong những dịp hiếm hoi khi tôi và thầy Gregory phải ở trong quán trọ, chúng tôi thường đặt chung một phòng; thầy nằm trên giường, tôi ngủ dưới đất. Còn ông Arkwright lại đặt cho chúng tôi mỗi người một phòng.

“Cháo rượu là món gì thế ạ?” Tôi hỏi.

“Món giúp cậu hào hứng lên trong một buổi tối cuối thu ẩm ướt, lạnh lẽo. Hỗn hợp giữa rượu vang và cháo loãng. Chỉ là thứ gia tăng khẩu vị cho món thịt hầm khoai tây ấy mà.”

Tôi thấy hơi lo khi ông nhắc đến từ rượu vang. Trận đánh nhau với đám lính một lần nữa cho thấy ông Arkwright có thể trở nên giận dữ và bạo lực đến mức nào khi rượu vào, và mỗi khi ông như thế thì tôi rất sợ. Tôi từng hy vọng gần đây ông đã bắt đầu hạn chế rượu chè, nhưng có lẽ vụ việc với đám bắt lính đã khiến ông bén mùi trở lại.

Tuy vậy, tôi vẫn cố giữ cho mình lạc quan về tình hình. Việc ngủ lại trong quán trọ đương nhiên là dễ chịu hơn nhiều so với qua đêm dưới bờ rào hay trong kho chứa cỏ thông thốc gió – mặc dù tôi hiểu những việc mà John Gregory làm thường có lý do hợp lý. Vì một lẽ là thầy luôn bắt chúng tôi nhìn đối trước khi đối mặt với thế lực bóng tối, vì lẽ khác nữa là thầy không thích người ta biết việc của mình. Nếu là thầy, hẳn thầy đã đi đến một trong ba nơi có khả năng là hang ổ của mụ Morwena mà trước hết là không phải ghé qua làng. Ở một nơi nhỏ bé thế này, lời đồn thổi truyền nhanh như vũ bão. Bây giờ chúng tôi mượn phòng nghỉ qua đêm, chẳng mấy chốc mọi người ở Coniston sẽ biết là có một kẻ trừ tà cùng chân học việc của ông ta đang ở đây. Đôi khi đám phù thủy còn có đồng minh lẫn trong cộng đồng dân cư nữa chứ – tôi đã kinh qua điều này tại Pendle. Thậm chí một thủy phù thủy độc ác như mụ Morwena cũng có thể có người đưa tin cho đấy.

Tôi tranh đấu với chính mình trong một đổi, giằng xé giữa hai lựa chọn: một, không nói gì với ông Arkwright và chịu hứng lấy hậu quả; hai, nói với

ông ấy rồi chịu rủi ro bị đánh hay ít nhất là bị mắng ra trò. Tinh thần trách nhiệm của tôi cuối cùng đã chiến thắng.

“Thưa ông Arkwright,” tôi mở miệng, giữ cho giọng thật khẽ, để phòng ông chủ quán quay lại và nghe được, “ông có nghĩ việc chúng ta ngồi đây quá công khai là khôn ngoan không ạ? Biết đâu trong khu vực này mục Morwena có kẻ ủng hộ đấy.”

Ông Arkwright cười gằn. “Thôi cái trò gà mẹ ấy đi cậu Ward. Cậu có thấy tên do thám nào quanh đây không? Hãy nhớ rằng, khi đi với tôi, cậu phải làm theo cách của tôi, mà tôi thì đang cần nghỉ ngơi lẫn đồ ăn thức uống nếu tôi phải đối đầu với mục Morwena. Cậu hãy cứ coi như mình may mắn khi tối nay bụng được no căng và còn ngủ trên chăn êm nệm ấm. Thầy Gregory chẳng bao giờ đối xử với đám học việc tử tế đến thế đâu.”

Có lẽ ông Arkwright nói phải. Quanh đây chẳng có ai và cả hai chúng tôi xứng đáng có được một bữa ngon và nghỉ ngơi sau hai đêm cắm lại hang động của vị ẩn sĩ. Tôi bảo đảm là thầy Gregory sẽ buộc chúng tôi nhịn đói trước khi đối đầu với mục Morwena, nhưng tôi quyết định không tranh cãi với ông Arkwright nữa – nhất là khi ông sẽ chóng nốc rượu vào. Tôi ngồi giữa ra trên ghế, thôi không lo âu và bắt đầu thưởng thức món cháo rượu của mình.

Nhưng không lâu sau đấy, quán trọ bắt đầu đông khách, và đến khi món thịt hầm khoai tây nghi ngút hơi được dọn ra, một toán nông dân đã và đang tu từng vại bia một. Hầu hết các bàn đều đã đầy những người hoạt bát, hòa nhã, đùa giỡn, nói cười và ăn cho đầy bụng. Chúng tôi nhận được vài ba cái liếc mắt nghi ngại và tôi có cảm giác vài người đang nói đến chúng tôi. Thậm chí một vài vị khách khi đã đi đến cửa vẫn xoay người lại khi nhắc thấy chúng tôi nữa chứ. Có lẽ bọn họ không yên tâm về chúng tôi, hay chắc là có điều gì đấy còn tệ hại hơn thế.

Thế rồi tình huống bắt đầu trở xấu. Ông Arkwright kêu một cốc bia loại mạnh nhất mà chủ quán có. Ông uống sạch trong vài giây rồi mua thêm cốc khác, rồi cốc nữa. Cứ uống hết một cốc giọng ông càng lớn hơn, còn lời lẽ thì lảng nhãng lít nhít. Khi đi đến quầy rượu mua cốc thứ bảy, ông loạng

choạng va vào bàn người khác, làm đổ thức uống của người ta và bị họ tức tối nhìn lại. Tôi ngồi yên, cố không gây sự chú ý, nhưng dường như ông Arkwright lại không có ý như thế. Tại quây rượu, ông bắt đầu kể chuyện mình đã đánh thắng Kẹ Xé Xác Coniston như thế nào cho bất cứ ai đang lắng nghe.

Chập sau, ông lão đảo quay lại bàn, mang theo cốc bia thứ tám. Ông nốc loáng cái là hết, rồi ợ lên rõ to, lôi kéo thêm nhiều cái liếc háy.

“Ông Arkwright này,” tôi bảo, “ông có nghĩ bây giờ chúng ta nên đi năm không? Ngày mai chúng ta sẽ có một ngày bận rộn mà bây giờ thì đã khuya rồi.”

“Lại nữa,” ông Arkwright oang oang nói lớn để nhanh chóng thu hút lượng người nghe mà ông muốn. “Khi nào thì cậu học việc của tôi mới học được rằng tôi là người ra lệnh chứ không phải ngược lại ấy nhỉ. Tôi sẽ đi năm khi nào tôi muốn nhé cậu Ward, không sớm hơn đấy đâu,” ông càu nhàu.

Bị bẽ mặt, tôi tên tò. Tôi có thể nói thêm gì đây? Tôi nghĩ người thầy mới của mình đang phạm một sai lầm nghiêm trọng khi quá chén như thế trong khi sáng mai chúng tôi phải đối đầu với mụ Morwena, nhưng như ông ấy đã bảo, tôi chỉ là đứa học việc và phải phục tùng mệnh lệnh.

“Rủi thay là thằng bé nói đúng đấy,” ông chủ quán đi đến dọn bàn và nói. “Tôi không thích đuổi những người khách trả tiền cho tôi, nhưng anh đã uống quá nhiều rồi Bill à, mà anh thì cần tỉnh táo nếu đúng là anh phải đi lòng bắt mụ Morwena ấy.”

Tôi choáng quá. Tôi không nhận ra là người thầy mới của mình đã kể cho chủ quán biết những gì chúng tôi hoạch định – ban này, khi đứng bên quây rượu, ông ấy có kể cho ai khác nghe không đây?

Arkwright dấm mạnh tay xuống bàn. “Anh đang bảo là tôi không thể uống từng ấy bia à?” Ông gào lên.

Thốt nhiên căn phòng im bật và mọi người quay sang nhìn chúng tôi.

“Không phải đâu Bill,” chủ quán hòa nhã đáp, rõ ràng ông đã có lắm kinh nghiệm đối phó với mấy tay say xỉn. “Thế tối mai, khi anh đã giải quyết xong mụ Morwena, anh cứ quay lại mà uống cho thỏa thích – quán đái, thì sao nào?”

Nghe nhắc đến tên Morwena, tiếng thì ào khe khẽ bắt đầu lan ra trong đám khách.

“Thôi được, anh giao kèo rồi đấy nhé,” ông Arkwright nói mà thôi nhẹ cả người. “Này cậu Ward, tối nay đến đây là xong.”

Tôi cùng hai con chó đi trước vào phòng chúng tôi, còn ông Arkwright thì loạng choạng đi sau, lúc này đang leo lên mấy bậc thang. Nhưng khi tôi bước vào phòng mình, ông cũng theo vào rồi đóng cửa lại, bỏ mặc hai con chó bên ngoài. “Cậu thấy phòng mình thế nào hử?” Ông lè nhè.

Tôi nhìn quanh. Chiếc giường trông mới mời gọi làm sao, và mọi thứ, cả những màn cửa, đều trông sạch tinh tươm và được giữ gìn cẩn thận. Ngọn nến cạnh giường làm từ sáp ong chứ không phải từ mỡ động vật hôi thối.

“Trông dễ chịu lắm ạ,” tôi đáp. Nhưng rồi tôi để ý thấy một tấm gương lớn trên bàn trang điểm bên tay trái mình. “Cháu có phải lấy tấm trải giường che gương kia lại không ạ?” Tôi hỏi.

“Không cần. Giờ chúng ta đâu có đối phó với lũ phù thủy ở Pendle của cậu,” ông Arkwright lắc đầu. “Không, không, không,” ông nắc nọc, “đây là thứ khác cơ. Rất khác, hãy nhớ lấy lời tôi. Một thủy phù thủy không dùng gương để do thám người ta được. Cả Morwena cũng không thể. Mà thôi, cậu Ward này, phải lấy làm biết ơn đi nhé. Thầy Gregory chẳng bao giờ đặt cho tôi một căn phòng thoải mái thế này đâu – trong suốt năm năm tôi làm chân học việc cho thầy ấy. Nhưng giờ thì đừng ngủ quá say nhé. Đừng có ngủ say, say như chết đấy. Chúng ta hãy nghỉ ngơi trong vài giờ, khi đồng hồ nhà thờ điểm nửa đêm, chúng ta sẽ lên đường đi săn. Lên đường đi săn! Từ cửa phòng cậu hãy rẽ trái xuống mấy bậc thang phía sau. Tôi sẽ gặp cậu ở cửa ngoài. Làm thế thật nhẹ nhàng, khẽ khàng vào nhé!”

Nói đoạn ông Arkwright lão đảo đi ra, đóng cửa lại, nhưng tôi có thể nghe thấy ông hát vang *'Ta lên đường đi săn,'* khi đang ngả nghiêng đánh vật để mở khóa phòng mình. Thế là, chẳng thay áo quần gì cả, tôi nằm xuống giường. Có thể tôi là đứa ngủ say đấy, nhưng tôi giỏi nhận biết thời gian, ngay cả khi đang ngủ, nên nếu tôi tập trung chú ý, tôi sẽ thức dậy ngay trước khi chuông đồng hồ bắt đầu điểm.

CHƯƠNG 16: THEO DẤU MÁU

Tôi mệt mỏi sau chuyến cuộc bộ dăng dặc đến Coniston nên ngủ rất say trong hai tiếng, rồi tôi đột nhiên thức giấc ngay trước khi chuông nhà thờ ngân lên. Theo bản năng, tôi biết lúc ấy là nửa đêm, nhưng tôi vẫn đếm từng hồi chuông để chắc chắn.

Tuy vậy, khi tôi ra đến cửa ngoài, ông Arkwright không có mặt tại đây. Tôi kiểm tra một lượt rồi quay ngược vào phòng ông. Dừng chân bên ngoài và dỏng tai lên, tôi nghe thấy tiếng ngáy. Tôi gõ nhẹ lên cửa phòng, và khi không nghe tiếng trả lời, tôi chậm chậm đẩy cửa. Vuốt và Răng đồng thời khẽ gầm gừ khi tôi bước vào phòng, dù vậy, đuôi của chúng bắt đầu ve vẩy.

Ông Arkwright đang nằm trên giường, mặc nguyên quần áo. Miệng ông há to và ông đang ngáy âm ỉ.

“Ông Arkwright,” tôi ghé sát vào tai ông. “Ông Arkwright, thưa ông, đến lúc thức dậy rồi ạ...”

Tôi gọi tên ông thêm nhiều lần nữa nhưng vô ích. Rốt cuộc tôi phải nắm vai ông mà lắc, thế là thành linh ông ngồi bật dậy, mắt mở to, mặt cau có giận dữ. Thoạt tiên tôi tưởng ông sắp đánh mình nên tôi liền thoảng.

“Ông bảo cháu đi gặp ông bên ngoài lúc nửa đêm, nhưng đã quá giờ hẹn lâu rồi...”

Tôi nhìn ra vẻ chột hiều thoáng qua trong mắt Arkwright; ông vung chân qua mép giường rồi loạng choạng đứng dậy.

Trên bàn đầu giường có hai chiếc đèn lồng, ông Arkwright thắp sáng cả hai rồi đưa cho tôi một cái. Đoạn ông lão đảo ra khỏi phòng, xuống mấy bậc thang, tay ôm đầu, khẽ rên rì. Ông dẫn đường đi băng qua sân sau, hướng ra sườn đồi đầy ánh trăng ở ngoài. Tôi liếc lại phía sau quán trọ; mọi cửa sổ tầng trên đều tối om nhưng những cửa sổ tầng dưới vẫn rọi những tia sáng chói lòa lên mặt đất. Tôi nghe thấy từ trong ấy vọng ra tiếng nói cười khàn khàn cùng ai đó đang hát vang không theo giai điệu nào.

Những đám mây đã tan đi, không khí vừa khô vừa sắc lạnh. Hai con chó theo sát gót chúng tôi, mắt long lanh vì phấn khích. Chúng tôi chậm rãi leo lên mấy sườn núi phía nam của ngọn Old Man cho đến khi tuyết kêu lạo xạo dưới chân. Tuyết chưa dày lắm và bề mặt chỉ mới bắt đầu đóng băng.

Đến bên bờ hồ Con Dê, ông Arkwright dừng lại. Cái hồ be bé này được đặt tên rất chuẩn: một con sơn dương sẽ thấy thoải mái trên những bờ hồ dốc đứng cùng những vách đá lởm chởm chìa ra như thế này hơn là con người. Bờ bên này lác đác những tảng đá lớn, khiến cho lối vào thật khó khăn. Nhưng ông Arkwright không dừng chân để ngắm cảnh. Tôi bất ngờ khi thấy ông thành linh gặp người và bắt đầu nôn ói dữ dội, phun ra nào bia nào thịt hầm xuống đất. Tôi quay lưng lại, đứng cách xa ra, dạ dày nhộn nhạo. Ông Arkwright nôn ọe một lúc rồi ngừng lại, tôi nghe thấy ông hít vào thật lắm khí trời đêm.

“Cậu thấy khỏe không, cậu Ward?” Ông Arkwright lão đảo đi đến chỗ tôi.

Tôi gật đầu. Ông vẫn còn đang thở khò khè nặng nhọc và trên chân mày vương một lớp mồ hôi.

“Cái món thịt hầm khoai tây hẳn đã ôi rồi. Sáng mai tôi sẽ chửi cho tay chủ quán một trận ra trò, đảm bảo đấy!”

Ông Arkwright hít thêm một hơi sâu rồi dùng mu bàn tay chùi trán chùi cằm. “Tôi thấy không được khỏe cho lắm. Tôi nghĩ mình cần phải nghỉ một chốc,” ông bảo.

Chúng tôi tìm đến một tảng đá gần đấy cho ông tựa lưng vào và cả hai ngồi nghỉ, trong không gian yên ắng chỉ vang lên tiếng rên thì thoảng của Arkwright và tiếng hai con chó ư ử lạc lõng.

Sau mười phút, tôi hỏi xem ông có khỏe hơn không. Ông gật đầu và thử đứng dậy, nhưng hình như hai chân ông nhũn ra nên ông lại nặng nhọc ngồi xuống.

“Cháu có nên đi tiếp một mình không ông Arkwright?” Tôi đề nghị. “Cháu nghĩ ông không đủ khỏe để rà soát quanh đây, chứ đừng nói là đi đến tận hồ Coniston.”

“Không được đâu anh bạn, cậu không thể đi một mình. Rồi thầy Gregory sẽ nói gì đây, khi mẹ Morwena đang ở lẫn trong chúng ta ấy? Năm phút nữa tôi sẽ khỏe như vâm ấy mà.”

Năm phút nữa trôi qua và ông Arkwright đang nôn ra lượng bia và thịt hầm cuối cùng, rõ ràng tối hôm đó ông không đủ sức khỏe để đi săn lùng mẹ Morwena.

“Ông Arkwright này,” tôi nói, “cháu nghĩ tốt hơn là ông ở lại đây, tự cháu sẽ đi lùng quanh xem sao – hay chúng ta quay lại nhà trọ rồi tối mai đi tìm mẹ cũng được.”

“Chúng ta phải tiến hành trong đêm nay,” ông Arkwright đáp. “Tôi muốn quay lại cõi xay càng sớm càng tốt. Tôi đã đi khỏi nơi ấy quá lâu rồi.”

“Ồ, thế thì để cháu đi tìm quanh hồ Coniston. Cháu sẽ mang theo một con chó – cháu sẽ ổn mà.”

Ông Arkwright miễn cưỡng đồng ý. “Thôi được. Cậu thắng. Tối nay tôi không được khỏe để đến tận hồ Coniston. Cậu hãy đi ngược lại con đường chúng ta đã đi từ hướng tây bắc hồ rồi tìm kiếm tại đấy. Che đèn lồng lại để tránh thu hút sự chú ý không cần thiết. Nếu thấy mẹ Morwena – hay đúng ra là kẻ nào hành xử đáng ngờ – đừng có liều lĩnh nhé. Chỉ đi theo chúng từ xa. Hãy đề phòng con mắt máu ấy và chỉ cố phát hiện cho ra chúng nấp vào đâu. Ngoài việc ấy thì đừng làm gì cả. Chỉ quan sát rồi trở về báo cáo với tôi.

Nếu thấy khỏe hơn, tôi sẽ lùng sục loanh quanh; sau đấy chúng ta có thể cùng nhau kiểm tra vùng hồ Leven. Và hãy mang con chó cái theo cậu,” ông ra lệnh. “Như thế sẽ giúp cậu có thêm cơ hội thoát thân nếu gặp rắc rối. Tôi nghĩ cậu tìm được đường từ đây đến hồ Coniston chứ hả?”

Tôi gật đầu. Bản đồ đã được in vào trí tôi rồi mà.

“Tốt. Chúc may mắn và hẹn gặp lại cậu tại đây.”

Không chờ nghe lời đáp lại, Arkwright cúi xuống thì thầm vào tai con Vuốt, rồi vỗ vỗ nó ba lần. Sau khi kéo tấm chắn bằng gỗ che ngang ngọn đèn, tôi thẳng tiến về Hồ Coniston, con Vuốt ngoan ngoãn đi bên cạnh tôi. Được vài bước chân, tôi lại nghe tiếng ông Arkwright nôn ọe và rên rỉ. Tôi

biết rõ là món thịt hầm khoai tây chẳng bị gì đâu. Chỉ là bia quá mạnh mà ông ấy lại uống quá nhanh thôi.

Thế là, với con Vuốt bên cạnh, tôi tiến về hồ Coniston. Trên rừng cây, mặt trăng đang chậm chậm hiện ra.

Trong lúc tôi bước xuống đồi, trở lại con đường cũ hướng về ngôi làng, một tiếng kêu rờn rợn từ ngay bên trên vọng đến. Tôi chờ đợi, căng thẳng và cảnh giác, cảm nhận mỗi nguy hiểm. Âm thanh này quen lắm. Có thể là một kiểu tiếng kêu hay dấu hiệu cảnh báo nào đấy. Rồi âm thanh lạ lùng ấy lại vang lên, gần như là ngay trên đỉnh đầu, thế là thốt nhiên tôi nhớ ra mình từng nghe thấy nó ở đâu – trên đầm lầy, chỉ vài phút trước khi tôi chạm trán Morwena và mục ta lôi tôi xuống sông. Ngay lập tức, tôi nhác thấy thứ gì đó bay về phía hồ Con Dê.

Chẳng nghi ngờ gì nữa, đấy là một loài chim và tôi quyết phải hỏi ông Arkwright ngay khi có dịp mới được. Một số phù thủy sử dụng cốt thuật hay huyết thuật, một số khác lại dùng thuật hiệp thần – những sinh vật biến thành tai mắt của bọn phù thủy và làm theo lệnh chúng. Biết đâu con chim lạ kia là vật hiệp thần của mục Morwena chẳng?

Rốt cuộc tôi cũng đến được làng và nhanh chân băng qua những con phố vắng tanh, con Vuốt lon ton theo sát. Chỉ có vài tia sáng le lói từ những cửa sổ tầng trên. Khi qua hết căn nhà cuối cùng, tôi đi bọc ven bờ phía bắc hồ nước, rồi ngồi xuống giữa những tán cây mà từ đấy nhìn ra có tầm quan sát rành rọt cả bờ hồ, mặt hồ phía trước lấp lánh ánh trăng bàng bạc.

Thời gian chậm chạp trôi đi, và mặc cho tôi cùng con Vuốt lòng sục khắp chốn, tôi chẳng nhìn thấy và cũng chẳng nghe ra thứ gì đáng chú ý. Tôi bắt đầu nghĩ về Alice, bản khoản không biết cô đang làm gì hay có đang nhớ tôi nhiều như tôi nhớ cô. Tôi cũng nghĩ về thầy John Gregory của mình nữa. Có phải thầy đang an toàn êm ấm trên giường mình tại Chipenden, hay là giống như tôi, đang phơi mình trong bóng tối để làm việc của kẻ trừ tà?

Cuối cùng, tôi quyết định quay trở lại hồ Con Dê cùng ông Arkwright – nơi này chẳng thấy dấu tích gì của mục Morwena cả.

Chuyến leo ngược lên núi này dường như khó khăn hơn lúc đi xuống, và mặc dù lối đi dần dà bằng phẳng, vẫn còn phải đi quanh ngọn Old Man nữa. Chẳng bao lâu sau tôi lại giẫm lạo xạo lên tuyết, theo dấu chân của chúng tôi dẫn về phía hồ. Sau rốt thì tôi cũng đến được nơi trông thấy quang cảnh hồ nước mà mình đã bỏ ông Arkwright lại. Tôi di chuyển hết sức lặng lẽ để không thu hút sự chú ý của bất cứ ai hay bất cứ thứ gì có thể đang lẫn khuất trên rặng đồi đá, nhưng đột nhiên, thật hãi quá, con Vuốt bỗng tru lên rồi phóng lên trước tôi.

Tôi mất ít thời gian mới đuổi kịp Vuốt và tôi cần đến trượng để đứng vững trên bề mặt trơn trượt. Khi đuổi đến gần hơn, tôi kéo lùi tấm chắn trên ngọn đèn để nhìn cho rõ.

Ngay lập tức tim tôi chùng xuống. Có vẻ như ông Arkwright cùng con Răng đã tìm thấy Morwena. Hay nói đúng hơn, mục ta đã tìm ra họ. Răng đã chết, xác nó nằm sõng soài trên nền tuyết vấy máu. Cổ họng nó bị xé toạc. Quanh xác nó là những dấu chân – thứ dấu chân có vuốt và màng; thứ gì đẩy bước đi thẳng thớm. Lại có thêm một vệt máu rộng dẫn đến bờ hồ. Trong lúc con Vuốt rên rĩ ai oán đau thương vì người bạn đã chết, tôi siết chặt thanh trượng, người tê dại vì sốc, và lần theo vệt máu thẳng đến mép nước.

Ngọn đèn soi rõ thanh trượng của ông Arkwright nơi mép hồ; một chiếc ủng của ông nửa nổi, nửa chìm trong nước. Phần da tả tơi, trông như thể chiếc ủng đã bị giăng khỏi chân ông ấy.

Thoạt tiên tôi không hề nghi ngờ chuyện gì vừa xảy ra: Morwena đã giết con Răng rồi móc lấy ông Arkwright mà lôi ông xuống nước. Đoạn tôi chú ý thấy xa xa sau đấy còn có nhiều dấu chân có màng khác nữa. Rất nhiều. Không chỉ có mỗi một mục thủy phủ thủy hiện diện nơi đây. Nếu ông Arkwright chạm trán với mục Morwena, thì mục ta không xuất hiện đơn độc. Có phải mục ấy đã tấn công từ dưới nước, trong khi những mục khác từ phía sau xáp đến, khiến ông Arkwright chẳng có cơ hội thoát thân?

Tim tôi chấn động vì sợ. Có khả năng mục ta đang ẩn mình dưới hồ quan sát tôi. Có thể có nhiều mục phù thủy đang chờ cơ hội tấn công. Chúng sẽ trôi lên khỏi mặt nước lặn bất cứ lúc nào và tôi sẽ chịu chung số phận.

Con Vuốt bắt đầu tru lên, âm thanh đau đớn ấy từ vách đá lởm chởm bên trên dội lại. Trong cơn hoảng loạn, tôi bỏ chạy thật nhanh. Mỗi bước chân mang tôi đến nơi an toàn thì tiếng tru của con chó từng lúc một lịm đi. Có lúc tôi sợ con Vuốt sẽ phải chịu chung kết cục như bạn nó. Thế là tôi dừng bước, huýt sáo gọi Vuốt lại. Tôi thử gọi đến ba lần nhưng chẳng nhận được lời đáp, thế là tôi tiếp tục chạy về nhà trọ.

Xin quắc lên như thế, hẳn ông Arkwright đã có rất ít cơ hội tự vệ. Ông ấy từng là một thầy trừ tà thành công và nhiều kinh nghiệm, nhưng ông ấy đã phạm sai lầm nghiêm trọng là uống quá nhiều. Một sai lầm khiến ông mất mạng.

Tôi đến được nơi an toàn là quán trọ và nhốt mình trong phòng, không rõ phải làm gì khác nữa. Ngay khi trời sáng, tôi dự định quay về Chipenden và kể cho Thầy Trừ Tà những gì đã xảy ra. Thật lòng tôi không thể nói là mình thích ông Arkwright, nhưng cái cách ông ấy chết làm tôi rúng động. Ông là một thầy trừ tà tài giỏi và hẳn đã có thể dạy cho tôi nhiều điều hữu ích – có thể là trọng yếu nữa. Với tất cả những phương thức say xỉn lẫn hăm dọa kẻ khác của mình, ông là một kẻ thù nặng ký của thế lực bóng tối và sự ra đi của ông sẽ khiến cho Hạt thêm khó khăn.

Nhưng liệu bây giờ tôi có đang gặp nguy hiểm cấp kỳ không? Cửa nẻo có thể bị phá vỡ. Nếu chủ quán mà dự phần vào chuyện này thì đám thủy phù thủy sẽ biết tôi là ai và đang ở đâu. Morwena sẽ đích thân đến bắt tôi hoặc sai khiến những thủy phù thủy khác đến lôi tôi xuống hồ.

Tôi nhớ ra Alice từng đề cập đến chuyện dùng gương để giữ liên lạc. Thầy Trừ Tà sẽ không thích đâu nhưng tôi đang tuyệt vọng. Tôi phải kể với hai người ấy chuyện gì đã xảy ra ngay lúc này. Biết đâu Thầy Trừ Tà sẽ lên phương bắc cứu tôi? Hay là gặp tôi ở giữa đường?

Ngồi ké mép giường, tôi rướn người tới trước, đặt cả hai lòng bàn tay vào mặt gương lạnh lẽo và bắt đầu nghĩ về Alice theo như lời cô chỉ dẫn. Tôi cố hình dung ra gương mặt cô và nghĩ đến những cuộc chuyện trò giữa chúng tôi, những thời khắc vui vẻ lúc còn sống tại nhà Thầy Trừ Tà ở Chipenden. Tôi tập trung cao độ, nhưng chẳng có gì xảy ra cả.

Sau một đổi, tôi ngả lưng ra giường mà nhắm mắt lại, tuy nhiên, tôi cứ mãi nhìn thấy cái xác khủng khiếp của con Răng, thấy vết máu trên tuyết và chiếc ủng của ông Arkwright dưới nước. Tôi ngồi dậy, đưa tay ôm đầu. Liệu có cách nào để Alice cảm nhận được tôi và sử dụng thứ dì cô ấy, mẹ Lizzie Xương Xấu, đã dạy cho không nhỉ? Thậm chí có khi nào bây giờ Alice đang lằm rằm trước gương trong căn nhà của Thầy Trừ Tà nơi Chipenden ấy không?

Làm sao chúng tôi có thể liên lạc với nhau khi có một khoảng cách quá lớn chia cắt giữa tôi và Alice như thế? Mà ngộ nhờ thầy tôi bắt quả tang cô thì sao? Liệu thầy có hiểu chuyện này là cần thiết? Biết đâu thầy lại đuổi Alice đi – biết đâu đấy chính là lý do thầy đang tìm kiếm bấy lâu nay.

Sau chừng mười phút, tôi lại áp tay vào gương. Lần này tôi nghĩ về lúc mình dẫn Alice đến nhà dì cô ấy ở Staumin. Tôi nhớ đến món thịt thỏ ngon tuyệt mà Alice đã bắt và nấu cho, rồi nhớ đến cách cô ấy với sang nắm tay tôi sau đấy. Bàn tay trái của Alice nắm lấy tay trái của tôi và tôi cảm thấy hơi chút tội lỗi, biết là Thầy Trừ Tà sẽ không thích chuyện này đâu, nhưng trong lòng tôi quả thật hạnh phúc lắm.

Ngay lập tức tấm gương bừng sáng, dưới lòng bàn tay tôi, mặt kính ấm lên, và đột nhiên mặt Alice hiện ra. Tôi thả tay và nhìn chăm chăm vào mắt cô.

Miệng Alice hé mở và cô bắt đầu nói nhưng tấm gương lại câm lặng. Tôi biết đám phù thủy dùng gương để do thám nhau và tìm hiểu về nạn nhân sắp tới của chúng, nhưng có đúng là chúng thực sự liên lạc với nhau bằng cách đọc môi không nhỉ? Tôi không hiểu Alice nói gì, bèn lắc đầu. Thấy vậy, Alice rướn người tới trước và tấm gương bắt đầu mờ đục. Cô viết nhanh lên kính:

!tėiv iờn oàv iờh àH

Nghĩa là gì đây chứ? Tôi ngỡ ngác một đổi, nhưng rồi cũng giải mã thành công lời nhắn. Mặt gương đã đảo ngược lời Alice. Đây là lời hướng dẫn. *Hà hơi vào rồi viết!* Alice đang mách cho tôi cách nói chuyện với cô.

Thế là tôi chồm tới, dùng hơi thở làm mờ tấm gương và nhanh tay viết:

Ông Arkwright đã bị một thủy phù thủy tên Morwena giết. CỨU!

Mắt Alice mở lớn, cô hà hơi vào gương và lại viết:

?uấđ ở gnađ uậC

Lần này tôi thấy dễ đọc hơn. *Cậu đang ở đâu?* Thế là tôi lấy tay chùi gương và lại hà hơi vào đấy trước khi viết:

Coniston. Đang trên đường quay về. Hãy báo cho Thầy Trừ Tà. Gặp tớ tại cối xay nước của ông Arkwright.

Vài giây sau, tôi lại chùi gương sạch sẽ để có thể nhìn thấy mặt Alice. Cô gật đầu, mỉm cười yếu ớt với tôi nhưng trông cô vô cùng lo lắng. Trong lúc tôi dõi theo, gương mặt Alice mờ dần, rồi chỉ còn mỗi tôi đang nhìn vào hình ảnh của chính mình.

Sau đấy, tôi nằm vật ra giường, chờ đến lúc trời sáng. Tôi rời khỏi nơi này sớm chừng nào thì tốt chừng nấy.

CHƯƠNG 17: ĐUÔI BẮT

Mặt trời vừa ló dạng là tôi chuẩn bị lên đường. Tiền trọ đã được thanh toán trước cho ba ngày, bao gồm cả tiền phòng lẫn suất ăn sáng. Nhưng tôi sẽ không liêu mình ló mặt xuống lâu. Sẽ có bao câu hỏi đặt ra về sự biến mất của thầy tôi; biết đâu chủ quán hay khách hàng của ông cùng hội cùng thuyền với mục Morwena thì sao. Tôi không thể mạo hiểm bất cứ chuyện gì. Thế là, mang theo trượng cùng túi đồ, tôi lên ra khỏi cửa sau, chẳng mấy chốc đã đi băng băng về hướng nam.

Đường đi ngắn và dễ nhất là qua bờ tây của Hồ Coniston. Tôi tránh xa hồ này, phòng trường hợp mục Morwena hay bất cứ thủy phù thủy nào đang theo đuôi mình. Nhưng đến xế trưa, khi tôi đã bỏ khá xa điểm cực nam của hồ, tôi mới bắt đầu nghi ngờ mình quả thật đang bị bám theo.

Sau lưng tôi có những tiếng động khê khàng nhưng rất đáng ngờ: vài âm thanh xào xạc thảng hoặc trong bụi cây lùn hay có lần là tiếng cành khô gãy rãch rãch từ xa. Thoạt tiên thật khó mà đoán chắc, vì khi tôi dừng chân, vạn vật im lặng như tờ. Ngay khi tôi tiếp tục cất bước, những tiếng động ấy lại tiếp tục, và dần dà đi thêm vài dặm nữa thì âm thanh nọ dường như đuổi sát theo tôi. Đến lúc này, tôi chắc chắn là mình đang bị rình rập. Ánh sáng ban ngày đang nhạt dần, còn tôi thì không thích thú gì cái viễn cảnh bị săn đuổi trong bóng tối. Thế là, khi tim đang đập dồn, tôi đặt túi đồ xuống, nhấn bật mũi dao trên đầu trượng ra và quay lại đối diện với kẻ theo đuôi. Tôi căng thẳng chờ đợi, toàn thân cứng ngắc, mọi giác quan cảnh giác, nhưng không phải là một mục phù thủy từ đám cây cối rậm rạp gần tôi bước ra. Mà là Vuốt.

Vuốt rên ư ử, đi đến nằm phục dưới chân tôi, đầu nó hầu như gác lên giày trái của tôi. Nhẹ cả người, tôi thờ hắt ra và cúi xuống vỗ về đầu con chó. Tôi thật sự thấy vui khi gặp lại Vuốt. Đã có quá nhiều chuyện xảy ra khi tôi vì hoảng sợ mà quay lưng lại với nó. Nếu tôi đang bị đám phù thủy truy đuổi, thì giờ đây tôi đã có một đồng minh đặc lực.

“Ngoan lắm!” Tôi dịu dàng bảo rồi quay đi, bước nhanh hết sức, Vuốt theo sát gót. Trực giác mách bảo tôi vẫn còn gặp nguy hiểm. Trở lại cố xay sớm chừng nào hay chừng ấy, nhưng tôi nên đưa ra một quyết định. Tôi có thể đi theo con đường xa hơn ở phía đông, dọc theo bờ vịnh uốn cong, nhưng như vậy sẽ cho phép bất cứ kẻ nào đang đuổi theo vượt mặt hay thậm chí là đón đầu tôi. Một cách khác là băng qua vùng bãi cát nguy hiểm. Như thế là ta phải chờ thủy triều, người hướng dẫn và phí phạm thời gian, có lẽ còn cho mục Morwena cơ hội đuổi kịp. Thật là một lựa chọn khó khăn, nhưng cuối cùng tôi nghiêng về phương án vượt qua bãi cát.

Dù đã kiệt sức, tôi vẫn ép mình đi cả đêm. Men theo vùng đất thấp, tôi băng qua mạn tây mấy ngọn đồi, nơi chúng tôi từng trú lại với vị ẩn sĩ, rồi chẳng bao lâu sau lại buộc phải leo ngược lên đồi. Cuối cùng, tôi bắt đầu đi xuống dốc về phía vịnh. Biển lớn xa xa lóng lánh dưới ánh trăng. Nước triều dường như còn cách xa lắm, nhưng liệu băng qua có an toàn không nhỉ?

Tôi sẽ phải chờ cho đến bình minh, rồi thử tìm người hướng dẫn. Không biết là ông ấy sống ở đâu, nhưng tôi chỉ hy vọng ông sống bên này chứ không phải bờ bên kia vịnh. Tôi dừng lại trên mỏm một vách đá thấp, nhìn ra bãi cát phẳng lì trải dài trước mặt. Ở phía đông, ánh sáng tím nhạt từ đường chân trời hé lộ rạng đông, nhưng cũng còn hơn cả giờ mới tới bình minh.

Con Vuốt nằm duỗi ra trên nền cỏ đọng sương bên cạnh tôi, dường như nó không được thoải mái. Hai tai nó ép sát vào đầu và nó liên tục gầm gừ khe khẽ trong họng. Cuối cùng nó cũng bình tĩnh lại và im tiếng. Đầu tôi cứ gật gà gật gù, nhưng mỗi lần như thế tôi lại giật mình thức dậy, cảnh giác với nguy hiểm. Chuyển đi bộ dài dặc đã làm tôi kiệt sức, và chẳng ý thức được gì, tôi dần dà chìm vào một giấc ngủ tối đen, không mộng mị.

Chắc tôi thiếp đi chưa tới ba mươi phút khi tiếng gầm gừ khe khẽ của con Vuốt cùng hàm răng đang nhay cắn quần tôi của nó đánh thức tôi dậy. Bầu trời đã sáng sủa hơn nhiều và một cơn gió mạnh từ ngoài vịnh đang thổi vào. Tôi ngửi thấy mùi mưa đang kéo đến. Qua khoeo mắt, tôi nghĩ mình vừa trông thấy thứ gì đó động đậy. Tôi ngược nhìn lên đồi. Thoạt đầu tôi không

thấy gì cả, nhưng tóc gáy tôi bắt đầu dựng lên và ngay lập tức tôi cảm nhận được nguy hiểm. Sau khi nhìn chăm chăm chừng một phút, rốt cuộc tôi cũng nhận ra một bóng người đang di chuyển xuống sườn đồi về phía tôi, ẩn mình trong bóng những rặng cây. Con Vuốt lại gầm gừ. Là Morwena chẳng?

Tôi đứng lên, tay siết chặt trượng. Một chập sau, tôi dám chắc là mình đang quan sát một thủy phù thủy tiến đến. Cái cách mụ ta bước đi, thân mình cứ cuộn tới trông thật kỳ quặc, có lẽ là do những ngón chân có màng và vuốt tạo ra. Mụ ta là thứ sinh vật phù hợp với nước và sinh lây hơn là mặt đất thô cứng trên sườn dốc đầy cỏ. Nhưng đây có phải là Morwena hay là một thủy phù thủy kém nguy hiểm hơn? Giờ mụ ta đã đến gần hơn nhiều nhưng vẫn còn khó để phân biệt rõ ràng.

Tôi có nên đương đầu với mụ ta không? Hiện tại tôi có cả trượng lẫn xích bạc. Theo lý thuyết thì một trong hai thứ này là đủ để đối phó với một thủy phù thủy bình thường. Nhưng thật ra bọn chúng có thể di chuyển rất nhanh. Nếu tôi để mụ tiếp cận quá gần, mụ sẽ dùng ngón tay móc lấy tôi. Tuy tôi giỏi sử dụng xích bạc nhưng cây cột để thực hành trong vườn nhà Thầy Trù Tà không thấm thía gì với người thật việc thật. Tôi từng đối mặt với Grimalkin, mụ phù thủy sát thủ, và đã tận công huyệt – chắc là vì sợ, vì căng thẳng lẫn kiệt sức. Lúc này tôi cũng đang rất mệt, còn nỗi lo sợ thì đang dần dà tích tụ lại trong tôi.

Nếu sử dụng xích thất bại, tôi phải dùng trượng giữ cho mụ ta tránh xa, tuy nhiên, tôi chỉ có một cơ hội. Nếu huyệt, tôi cần để mắt canh chừng. Liệu con Vuốt có thử giúp tôi không nhỉ? Con chó chắc chắn là gan dạ và trung thành, nhưng tôi nhớ lại chuyện đã xảy ra cho bạn của nó, con Răng.

Tôi sẽ không hoàn thành nhiệm vụ nếu để một mụ phù thủy lang thang đây đó. Lỡ mụ ta bắt người khác vì tôi đã thất bại thì sao? Nếu là một đứa bé thì sao? Không được, dứt khoát tôi phải đối mặt với mụ ta.

Mụ phù thủy còn cách chừng năm mươi bước thì tôi lại đổi ý. Bản mặt mụ ta không còn ẩn trong bóng râm nữa và tôi có thể thấy con mắt trái đang nhắm tịt. Tôi cũng thấy luôn cả mảnh xương gấn hai mi mắt lại với nhau. Là

Morwena! Một khi mù ta mở con mắt máu ra thì tôi sẽ bị tê liệt, sẽ hóa đá, sẽ vô dụng.

Con Vuốt gầm lên cảnh báo nhưng đã quá muộn. Mụ phù thủy đưa tay lên mắt trái rút mảnh xương ra. Huyết nhãn mở to, chiếu thẳng vào tôi. Tôi đã thua mất rồi. Tôi cảm thấy sức lực trên người đang tiêu hao; ý chí di chuyển rời bỏ tâm trí. Tất cả những gì tôi nhìn thấy là con mắt đỏ quạch đang mỗi lúc một to và sáng rực lên.

Đột nhiên, tôi nghe thấy tiếng gầm rồi một cú đánh mạnh trúng lưng làm tôi ngã sòng soài. Bị xô té sấp, tôi đập trán xuống đất. Sừng sờ trong chốc lát, nhưng rồi tôi cảm nhận được hơi thở âm ấm và con Vuốt bắt đầu liếm mặt tôi. Tôi với tay phải lên vỗ về con chó, nhận ra mình đã có thể cử động. Ngay lập tức tôi hiểu ra. Con Vuốt không bị quyền năng của mụ phù thủy khống chế. Huyết nhãn của Morwena trong một lúc chỉ có khả năng tấn công một người hay một con vật mà thôi. Vuốt đã nhảy bổ vào tôi, xô tôi ngã xuống, phá vỡ bùa yểm từ con mắt đỏ quạch.

Tôi nhanh nhẹn đứng lên, mắt sụp xuống. Tôi nghe thấy tiếng bước chân mụ phù thủy loạt soạt trên nền đất khi mụ ta lao thực mạng từ sườn đồi về phía tôi. Đừng nhìn mụ ta! Tôi tự nhủ, ánh mắt dán xuống mặt đất. Nhìn bất cứ chỗ nào cũng được, trừ con mắt đầy máu ấy ra!

Chớp mắt tôi đã phóng đi, bỏ lại mụ phù thủy và lao về hướng bờ biển, Vuốt chạy sát theo sau. Sợi xích bạc vẫn được tôi túm chặt bên tay trái, nhưng làm sao tôi có thể dùng đến xích đây, khi mà chỉ cần liếc một cái vào kẻ thù là tôi sẽ đứng chôn chân tại chỗ? Hai chân tôi run rẩy – chắc chắn tôi không đủ nhanh để thoát khỏi tay mụ ta rồi. Tôi muốn nhìn ra sau và kiểm tra xem mụ ta tới gần đến đâu, nhưng lại không dám vì e sợ con mắt. Bất cứ lúc nào tôi cũng cho là những móng vuốt của mụ phù thủy sẽ xuyên qua gáy hay đâm vào họng mình.

“Vuốt!” Khi nhảy xuống bãi cát, tôi gào lên. Với con chó đang hào hển bên cạnh, từng bước chạy của tôi mỗi lúc một yên lòng hơn. Lúc này chúng tôi đã an toàn. Tôi biết Morwena không chịu được chất muối do nước triều phủ lên bãi cát. Chân trần thì không thể bước đi trên đấy. Nhưng chúng tôi ở

ngoài này được bao lâu đây? Mụ ta sẽ theo dõi và chờ đợi cho đến khi chúng tôi thử rời khỏi bãi cát. Mà tôi sẽ làm gì khi nước triều tràn vào chứ?

Dù tôi có tránh được mụ ta và vượt qua bãi cát thành công, tôi biết mụ Morwena sẽ theo mình đến tận cối xay. Tôi thì mệt lả đi rồi nhưng tôi biết một phù thủy mạnh như Morwena sẽ không bao giờ mệt. Đi dọc ven vịnh với mụ ta lẻo đẻo theo sau, và có thể là những phù thủy khác đang nằm phục đâu đó trên suốt hành trình, chắc chắn sẽ là một sai lầm.

Giá mà người hướng dẫn đi trên cát có mặt ở đây và dẫn đường cho tôi băng qua. Tuy nhiên, chẳng thấy bóng dáng ông ấy đâu. Biển trông còn mãi tít ở xa, nhưng tôi chẳng có cách nào nhận định liệu băng qua bãi cát lúc này có an toàn không. Ông Arkwright từng bảo cho tôi biết những đợt triều tràn vào nguy hiểm đến mức nào. Những người đi ngang bị chết chìm; cỗ xe, khách đi xe cùng ngựa kéo bị nước cuốn đi, không bao giờ còn nhìn thấy nữa.

Nếu không nhờ con Vuốt, hẳn tôi đã phải ngồi run lấy bầy tại đấy hàng giờ đồng hồ. Đột nhiên nó phóng ra phía biển, đoạn quay lại và sửa lên. Tôi ngó ra, nhìn chăm chăm vào Vuốt; nó chạy về bên tôi rồi lại chạy ra xa theo cùng một hướng ban nãy, như thể nó muốn tôi đi theo. Tôi vẫn do dự, nhưng lần thứ ba quay lại, Vuốt ngoạm lấy quần tôi mà thô bạo lôi đi, sém chút kéo tôi ngã. Nó gầm gừ rồi lại phóng ra xa.

Lần này tôi đi theo nó. Cũng có lý lắm chứ, tôi tự nhủ. Hẳn Vuốt đã cùng ông chủ của mình băng qua nơi này lắm lần nên nó biết đường. Tôi nên tin tưởng vào bản năng của nó mà đi theo thôi. Có lẽ nếu người hướng dẫn vừa mới khởi hành thì Vuốt sẽ đưa tôi đến chỗ ông đang đợi.

Tôi bước thật nhanh, hướng về phía đông nam. Bầu trời mau chóng hửng sáng. Nếu tôi băng qua được dải cát và đến cối xay an toàn, con mương đầy muối sẽ ngăn mụ Morwena cùng đồng bọn ở bên ngoài. Không chỉ thế, mụ ta sẽ phải đi đường vòng thật xa mới đến cối xay nhà ông Arkwright, và mụ phải mất ít nhất một ngày. Đến lúc ấy, nếu may mắn thì Thầy Trừ Tà và Alice chắc đã đến nơi. Thầy tôi sẽ biết cách tốt nhất để đánh bại mụ.

Khi tôi và Vuốt đến lòng sông Kent, trời đổ mưa và sương mù dày đặc đang tràn xuống. Đường mương dưới kia dường như đầy nước nhưng không thể nhận biết nước sâu đến đâu nếu không dùng trượng của tôi mà thử. Tuy nhiên, con Vuốt lại có vẻ biết mình đang làm gì, nó chạy lên hướng bắc, song song với bờ vịnh. Chúng tôi men theo lòng sông cho đến khi lòng sông uốn cong. Đến đấy, Vuốt sủa lên, chạy xuống sườn dốc và bơi thẳng qua bên kia. Độ mười lăm mười sáu sải từ bờ này sang bờ kia thôi. Tay giơ cao túi đồ, tôi dùng trượng đo thử mực nước trước khi cẩn thận bước từng sải. Nước lạnh cóng, nhưng phần sâu nhất chỉ lên đến đùi nên chẳng mấy chốc tôi đã sang đến bờ bên kia.

Bấy giờ, đã vũng dạ, tôi lúp xúp chạy theo sau con Vuốt. Trời đang gió lộng và mưa từ phía tay trái tôi quất mạnh hơn. Biển ở đâu đó bên tay phải. Tôi nghe thấy những con sóng từ xa xô vào, nhưng tầm nhìn đang mỗi phút một kém làm tôi không thể nhìn xa hơn vài chục mét.

Tôi tiếp tục bước đi. Sương mù ngoài biển trở dày hơn, tôi bắt đầu thấy mình mỗi lúc một thêm biệt lập. Mất bao nhiêu dặm nữa mới đến lòng sông thứ hai nhỉ? Tôi tự an ủi mình với ý nghĩ rằng, một khi đã băng qua lòng sông thứ hai ấy, chỉ chừng một giờ đồng hồ là đến bờ Hest lẫn nơi an toàn. Chúng tôi cứ bước mãi bước mãi và tôi dần mất ý niệm về thời gian. Lúc này gió thổi từ bên trái đến, giờ hình như đã đổi hướng, tạt mưa sầm sập vào lưng tôi. Hay chính *chúng tôi* đã đổi hướng? Tôi không sao phân biệt được. Dù có nhìn đi đâu, tôi chỉ thấy mỗi một bức tường sương mù xám xịt, nhưng tôi chắc chắn là tiếng sóng biển đang mỗi lúc một lớn. Lỡ chúng tôi đang đi thẳng ra biển thì sao?

Chúng tôi đã đi lạc chẳng? Đúng là tôi sợ mù phù thủy thật đấy, nhưng trong cơn cùng quẫn muốn chạy thoát, liệu tôi có đặt quá nhiều lòng tin vào con Vuốt không? Ngay cả nếu nó có khả năng dẫn chúng tôi đến bờ bên kia, tại sao tôi lại tin nó hiểu biết về thủy triều cơ chứ? Tôi cảm thấy hình như nước triều đã tràn vào, nhưng lúc này đã muộn để tôi lần bước ngược lại. Nước biển sẽ nhanh chóng đổ vào hai lòng sông khiến tôi bị cô lập – mực

nước sâu sẽ làm tôi không thể lội qua, còn dòng chảy chắc chắn sẽ cuốn tôi đi mất.

Khi bắt đầu mất hết hy vọng, tôi nhìn xuống cát dưới chân và trông thấy thứ khiến tôi phục hồi lòng tin vào con Vuốt. Trên cát là dấu vó ngựa và hai đường song song do bánh xe của cỗ xe ngựa vừa mới tạo ra. Tôi không trông thấy cỗ xe khởi hành nhưng hình như chúng tôi đang đuổi kịp nó. Chúng tôi đang theo bước người dẫn đường! Cuối cùng thì con Vuốt cũng dẫn tôi đi đúng hướng.

Tuy vậy, khi đến lòng sông thứ hai, tôi lại tuyệt vọng. Nước dưới sông trông rất sâu, dòng chảy lại mạnh, cuồn cuộn từ phải qua trái. Thủy triều đang nhanh chóng tiến vào.

Một lần nữa con Vuốt men theo ven bờ một lúc, lần này là phía bên phải. Tôi thấy lo lắng vì tôi biết chắc lối đó sẽ dẫn chúng tôi ra gần biển hơn. Không lâu sau, Vuốt lao mình xuống nước và bơi qua bên kia. Tôi leo xuống như lúc nãy và lội qua. Lần này khoảng cách có ngắn hơn – chắc chỉ chừng mười sải – nhưng mới bước xuống ba bước thì nước đã ngập đến eo tôi rồi. Thêm hai bước nữa là ngập gần ngang ngực, dòng chảy ào ạt bắt đầu kéo tôi đi. Tôi vật vã, hai chân lún vào cát mềm dưới đáy sông, cố sức giữ cho túi đồ không chạm nước.

Ngay lúc nước dâng đến cổ và tưởng là mình sẽ bị cuốn đi, tôi tìm thấy nền đất cao hơn. Thêm vài sải nữa, tôi trôi lên khỏi mặt nước và trèo đến bờ an toàn. Nhưng vụ thử thách cam go này của tôi chưa kết thúc. Nước triều giờ đây đang ồ ạt ủa vào bãi cát phẳng. Sương mù đã tản nên tôi có thể trông thấy bờ, nhưng hình như còn cách xa tít tắp. Đợt sóng đầu tiên ủa vào liếm qua ủng tôi; đợt thứ hai nước đã dâng lên mắt cá. Loáng cái con Vuốt đã phải bơi bơi và mực nước lại dâng đến eo tôi. Nếu phải bơi thì tôi sẽ đánh mất túi đồ và thanh trượng, trong đấy còn có sợi xích bạc nữa.

Tôi vội vã chạy lên. Cuối cùng, thật kỳ diệu làm sao, tôi đến được rìa vịnh và đỡ nhào lên bờ, hồng hộc thở, tứ chi run bắn vì kiệt sức và hãi sợ.

Tôi nghe Vuốt sủa một tiếng cảnh báo nên nhìn lên và trông thấy một người đàn ông cầm trượng đang đứng sờ sờ trước mặt. Trong giây lát, tôi ngỡ đây là một kẻ trừ tà, sau mới nhận ra là ông Sam Jennings, người hướng dẫn đi trên cát.

“Cậu điên quá rồi, cậu nhỏ!” Ông quát. “Điều gì khiến cậu băng qua đây lúc muộn thế này mà không có người hướng dẫn hử? Tôi đã dẫn một cỗ xe ngựa sang trước lúc bình minh ló dạng từ lâu. Một con ngựa bị trật chân nên chúng tôi chỉ sang đến bờ sát nút thôi đấy.”

“Cháu xin lỗi ạ!” Tôi loạng choạng đứng dậy. “Nhưng cháu đang bị đuổi bắt. Cháu không có lựa chọn nào khác.”

“Xin lỗi ư? Đừng phí thời gian ở đó mà xin lỗi tôi. Hãy nghĩ đến gia đình mà cậu bỏ lại để khóc thương cho cậu – người mẹ đáng thương bị mất đứa con trai kia kìa. Kẻ nào đang đuổi bắt cậu chứ?”

Tôi không đáp. Tôi đã biện minh đủ rồi.

Ông Jennings nhìn tôi từ đầu đến chân, cảnh giác liếc sang túi đồ và thanh trượng. “Cho dù có là Ác Quỷ đang dí theo cậu, thì cậu cũng vừa làm một việc khinh suất đấy, cậu nhóc. Bill có nói ông ấy đã cảnh báo cậu về những hiểm nguy của nơi này. Ông ấy đã cùng tôi vượt qua bãi cát lăm lăm, đến mức tôi không nhớ nổi. Tại sao cậu không chịu nghe lời?”

Tôi chẳng nói gì.

“Mà thôi, cứ mong là cậu đã học được bài học rồi đi,” ông nói tiếp. “Này, căn chòi tôi ở cũng không xa đây mấy. Hãy ghé qua mà hong cho khô người. Chắc vợ tôi sẽ tìm được chút thức ăn nóng sốt giúp cậu ấm lên thôi.”

“Cảm ơn ông đã mời ạ, nhưng cháu phải quay về cối xay đây.”

“Thế thì đi đi cậu bé. Nhưng hãy nghĩ cho kỹ nhé. Nhớ những lời tôi vừa nói với cậu. Đã có quá nhiều người chết chìm ngoài bãi cát. Cậu đừng biến mình thành một trong số ấy!”

Tôi cất bước, người run lập cập trong bộ quần áo ướt nhep, lạnh ngắt. Ít ra tôi còn nhanh hơn mụ phù thủy được một ngày, và nếu may mắn nữa thì Alice và Thầy Trừ Tà sẽ sớm tìm đến tôi. Tôi không kể cho người dẫn

đường nghe rằng ông Arkwright đã chết vì chuyện này liên quan quá nhiều đến công việc của kẻ trừ tà. Tôi có cảm giác rồi người ta sẽ tiếc thương cho ông Arkwright lắm. Dù từng phạm bao nhiêu lỗi lầm đi nữa, ông ấy cũng đã làm tốt việc bảo vệ những người ở miền bắc Hạt. Người dân biết và tôn trọng ông như một thành viên của cộng đồng ấy.

Tôi vừa trải qua một lần chạm trán đầy cam go với biển cả, ấy vậy mà vùng đất ẩm ướt miền bắc này vẫn chưa hết chuyện với tôi. Vì cố tiết kiệm thời gian, thay vì đi thẳng đến dòng kênh và men theo đấy đi xuống cối xay, tôi lại thử một lối ngắn hơn từ phía bắc. Tôi đi men Hồ Bé, thẳng đến lối mòn lần đầu tiên mình đối mặt với Morwena. Tôi tưởng mình đã tránh xa hãn vũng lầy, nhưng tôi đã lầm. Lúc này tôi còn vui vẻ lộ ì ộp, thoát cái chiếc ủng bên phải liền chìm xuống đất mềm.

Tôi càng vùng vẫy thì càng lún sâu hơn, đồng bùn nhão mau chóng ngập lên giữa ống quyển. Tôi bắt đầu phát hoảng rồi hít vào một hơi sâu để trấn tĩnh. Chân kia của tôi chưa lún sâu lắm và ắt là còn đứng trên đất rắn. Thế là, tì hết cơ thể lên thanh trượng, tôi chậm rãi lôi chân phải ra khỏi sình. Sau một tiếng *bóc* thật lớn, chiếc ủng tuột khỏi chân tôi, làm tôi sém chút mất thăng bằng.

Sau đấy tôi thận trọng hơn nhiều trong việc nên đặt chân vào đâu. Việc này khiến tôi chợt nhận ra vùng đầm lầy có thể nguy hiểm đến mức nào. Cuối cùng, tôi cũng đến được lối mòn và nhanh chân bước về hướng cối xay.

CHƯƠNG 18: HAI TIN NHẪN

Chỉ đến khi tiến về cối xay, tôi mới nhớ đến đám bắt lính và cách một tên trong số bọn chúng đe dọa là sẽ giết chết chúng tôi. Khi đấy ông Arkwright đã cười nhạo bỏ qua nhưng tôi thì không tự tin như thế.

Để tìm ra nơi kẻ trừ tà sinh sống thật dễ quá mà. Lỡ bọn chúng đã phát hiện ra vị trí cối xay thì sao nhỉ? Chúng có thể đang rình rập phục kích ngoài vườn hay trong chính ngôi nhà.

Nhưng sau khi thận trọng băng qua con mương và kiểm tra toàn diện bên trong cối xay, bao gồm cả căn phòng chứa hai cỗ quan tài, tôi mới thấy mối lo của mình không có cơ sở. Không tên bắt lính, cũng chẳng có mụ phù thủy nào. Thế là, dù mệt mỏi vô cùng, tôi vẫn vác năm thùng muối ra vườn rải xuống mương, bảo đảm sao cho một lượng lớn muối trôi vào dòng chảy ra đầm lầy. Tôi cần duy trì độ đậm đặc của dung dịch để giữ chân mụ Morwena bên ngoài. Con Vuốt đi theo tôi khi tôi làm việc, rồi nó sủa lên hai tiếng, chạy vòng quanh tôi ba lần và phóng ra xa – chắc chắn là bỏ đi sẵn thỏ rồi.

Tôi cũng lo lắng đến những hố nước dưới cối xay nữa. Còn phải tính đến con tôm ác quỷ và mụ phù thủy. Chúng có cần thêm muối để lơ mơ gà gặt không? Nếu bỏ quá nhiều muối thì bọn chúng chết mất, nên tôi quyết định cứ để yên cho chúng vậy.

Trở vào bếp, tôi nhóm lửa trong bếp lò và hong khô quần áo ướt; cho phép bản thân ngủ một giấc xứng đáng trước khi nấu một bữa ăn nóng hổi. Xong xuôi, tôi lên gác, đến căn phòng trên rằm thượng và lục tìm trong thư viện của ông Arkwright cuốn sách về Morwena. Tôi chưa đọc hết cuốn ấy và cần tìm hiểu mọi thứ có thể về mụ. Như thế biết đâu sẽ tạo ra sự khác biệt giữa sinh và tử. Tôi e ngại đám hồn ma mạnh đến mức di chuyển được đồ đạc, nhưng lúc này trời vẫn còn sáng, với lại, dù gì thì, họ là bố mẹ của ông Arkwright, đang buồn rầu và bị mắc kẹt chứ chẳng độc ác gì.

Hai cỗ quan tài đặt cạnh nhau và ba chiếc ghế bành được kéo đến gần bếp lò. Tôi liếc qua đồng tro lạnh trong lò rồi rùng mình vì khí lạnh âm ỉm, buồn bã lẫn đầu. Con trai của hai hồn ma này sẽ không bao giờ còn bầu bạn bên họ nữa.

Tôi chú ý đến những cuốn sách của ông Arkwright. Kho sách của ông chỉ bằng một phần nhỏ so với thư viện của Thầy Trừ Tà tại Chipenden, như thế cũng không có gì là lạ. Thầy tôi không chỉ đã sống lâu hơn, cho phép thầy có nhiều thời gian để thu thập và viết sách, mà còn thừa hưởng lượng sách từ bao thế hệ trừ tà từng sinh sống tại đây trước thầy.

Những kệ sách của ông Arkwright chứa nhiều tựa về các đề tài chuyên biệt trong vùng, như là: *Quần thực vật và động vật vùng bắc Hạt*, *Nghệ thuật đan giỏ* và *Các lối mòn và lối tắt vùng sông hồ*. Rồi là những sổ ghi chép của chính ông từ thời còn học việc cho đến gần đây. Chúng được bọc bìa da, chắc chắn sẽ thật chi tiết về những kiến thức và kỹ năng mà ông Arkwright đã gặt hái trong quá trình theo nghề. Cũng có cả cuốn *Ngụ ngôn về thú vật*, mỏng hơn một phần tư cuốn của Thầy Trừ Tà nhưng chắc hẳn là thú vị không kém. Và bên cạnh đó là cuốn sách về Morwena.

Tôi quyết định mang sách xuống lầu để đọc bên bếp lò ấm áp. Mới bước một bước ra cửa, tôi thành linh cảm nhận được cái lạnh ngăn ngắt - lời cảnh báo có kẻ chết không thanh thản đang đến gần.

Một dáng người hình trụ mang sắc dạ quang bắt đầu tụ lại giữa tôi và lối cửa. Tôi lấy làm kinh ngạc. Đa số các hồn ma không xuất hiện trong thời khắc ban ngày. Có phải là hồn ma của mẹ, bố, hay thậm chí là của chính ông Arkwright chăng? Những linh hồn còn vương vấn thường bị trói buộc vào xương cốt của họ hay vào nơi họ lìa đời, cũng có đôi khi hồn ma buộc phải lang thang. Tôi chỉ hy vọng đây không phải hồn ma ông Arkwright. Có vài linh hồn trở nên rất ích kỷ sau khi chết và đặc biệt căm ghét những ai đột nhập vào nhà họ. Những hồn ma này vẫn muốn sống tại đây. Vài linh hồn thậm chí còn không ý thức hoàn toàn là mình đã chết nữa chứ. Tôi không thể không nghĩ rằng ông Arkwright sẽ rất tức giận khi thấy tôi trong phòng

ông ấy, đang đọc lấy một cuốn sách của ông. Lần đột nhập trước tôi đã phải hứng chịu mấy vết bầm vết xước. Giờ thì còn gì nữa đây?

Nhưng đây không phải là ông Arkwright. Một giọng phụ nữ vọng đến chỗ tôi. Là hồn ma của bà Amelia, mẹ ông Arkwright.

“Con trai ta, thằng William của ta, chưa chết. Làm ơn, hãy cứu nó trước khi quá muộn.”

“Cháu rất tiếc, bà Arkwright ạ. Vô cùng lấy làm tiếc. Cháu ước gì mình giúp được nhưng cháu không thể. Bà hãy tin lời cháu, con trai bà thật sự đã qua đời,” tôi đáp, cố giữ giọng mình thật tử tế và bình tĩnh hết mức, đúng như những gì Thầy Trừ Tà đã khuyên tôi khi phải đối mặt với kẻ chết không thanh thản.

“Không! Không đúng thế đâu. Hãy nghe ta nói! Con trai đang bị xiềng xích trong lòng đất mẹ chờ chết.”

“Sao bà lại biết chứ,” tôi dịu dàng hỏi, “khi mà bà là một linh hồn bị trói buộc vào chốn này.”

Bà bắt đầu khóc khe khẽ và ánh sáng nhòa đi. Nhưng, ngay khi tôi tưởng bà đã đi hẳn, cột sáng lại thêm chói lòa và bà khóc lớn, giọng run rẩy:

“Ta nghe thấy điều ấy trong tiếng tru của con chó đang hấp hối; ta đọc được điều ấy trong tiếng rì rào của đám sậy ngoài đầm lầy; ta ngửi thấy điều ấy trong những giọt nước nhỏ giọt từ chiếc bánh xe gãy. Chúng nói chuyện với ta và giờ đây ta nói lại với cậu. Hãy cứu lấy con ta trước khi quá muộn. Chỉ có cậu mới làm được. Chỉ có cậu mới đương đầu nổi với quyền năng của Quý Vương!”

Và rồi, trong tích tắc, cột sáng biến thành một người phụ nữ. Bà đang mặc chiếc váy mùa hè màu xanh lơ, tay xách theo làn đầy những đóa hoa mùa xuân. Bà mỉm cười với tôi và hương hoa đột nhiên tràn ngập khắp phòng. Đây là một nụ cười ấm áp nhưng hai mắt bà lại long lanh những lệ.

Thoắt cái bà biến mất. Tôi rùng mình và quay trở xuống bếp, mãi nghĩ đến những lời vừa rồi. Liệu hồn ma mẹ ông Arkwright có nói đúng không? Ông vẫn còn sống à? Dường như không có khả năng lắm. Dấu máu nọ dẫn

thăng tới mép hồ và ông đã mất cả ủng lẫn trượng kia mà. Lũ phù thủy hẳn đã lôi ông ấy xuống nước. Chắc hẳn chúng đã thừa cơ kết liễu ông ấy ngay trong lúc đấy chứ nhỉ? Dù sao thì, ông đã là kẻ thù của chúng từ rất lâu rồi, cũng đã tiêu diệt biết bao nhiêu đồng bọn của chúng.

Còn về hồn ma đáng thương kia, chắc là bà ấy chỉ đang quẩn trí. Chuyện này đôi khi cũng xảy ra cho những linh hồn bị trói buộc vào dương thế. Lý lẽ phải trái trong họ đã tiêu tán. Ký ức vụn vỡ và trở nên xơ xác te tua.

Lòng ngổn ngang rúng động, tôi nghĩ về tình hình lúc bấy giờ. Tôi cho là mục Morwena và lũ phù thủy sẽ chưa đến đây đâu. Khi chúng đến, hy vọng con mương sẽ tìm chân chúng lại – nhưng được bao lâu chứ? Nếu may mắn, Alice và Thầy Trừ Tà sẽ có mặt trước lúc ấy. Kề vai sát cánh bên nhau, chúng tôi có thể tiêu diệt Morwena vĩnh viễn. Đương nhiên tôi biết là một mình tôi không có khả năng làm nổi chuyện này. Sau đó chúng tôi sẽ quay về Chipenden, bỏ lại sau lưng cái chốn đầy sông, suối và đầm lầy khủng khiếp này. Tôi hy vọng Thầy Trừ Tà không quá tức giận vì việc Alice sử dụng gương. Chắc thầy phải thấy việc ấy là chính đáng chứ nhỉ?

Tôi vừa cầm sách lên đọc thì nghe thấy tiếng chuông vọng xa xa. Tôi dỏng tai lên nghe: chập sau, tiếng chuông lặp lại. Khi chuông ngân lên lần thứ năm và cũng là lần cuối cùng, tôi biết là ông Gilbert đang ở dưới kênh và đến giao hàng.

Hẳn ông ấy thường rung chuông khi Arkwright vắng nhà vì công việc. Nếu tôi cứ ở lì trong cối xay, chắc ông ấy sẽ tiếp tục đi xuôi dòng kênh, nghĩ rằng lần sau đi ngang qua sẽ ghé lại. Nhưng ông Gilbert chưa biết ông Arkwright đã chết, và vì Gilbert có vẻ thật tình thích ông Arkwright, nên tôi thấy mình phải có bốn phận thông báo tin buồn cho ông biết. Dù sao thì cũng khá là an toàn mà. Mục Morwena hẳn là còn cách đây hàng bao nhiêu dặm, trong khi tôi có thể vui lên khi được trông thấy một gương mặt thân thiện.

Thế là, tay mang theo trượng, tôi cất bước đi xuống dòng kênh. Hôm ấy là một buổi chiều rực rỡ với mặt trời đang tỏa sáng. Ông Gilbert đang xuôi về phía nam và chiếc sà lan đang neo bên bờ kia con kênh. Trông thuyền như

chìm thật sâu dưới nước, cho thấy thuyền chạt nặng hàng hóa. Có ai đó đang chải lông cho mấy con ngựa. Là một cô gái trạc tuổi tôi, mái tóc vàng óng ánh dưới ánh mặt trời – chắc là con gái ông Gilblert. Ông đang đứng trên đường xe kéo vẫy vẫy tay với tôi và chỉ vào cây cầu gần nhất, cách chừng trăm thước về phía bắc. Tôi băng qua cầu rồi đi đến sà lan.

Đến gần hơn, tôi thấy người chở sà lan đang cầm một phong thư. Ông nhướn mày. “Có chuyện gì không ổn à?” Ông hỏi. “Cậu trông bí xị thế Tom. Không phải Bill đang hành hạ cậu ra trò đấy chứ?”

Chẳng có cách nào dễ dàng để giải thích những chuyện vừa xảy ra nên tôi nói thẳng, “Cháu có tin xấu đây ạ, ông Arkwright đã chết. Ông bị mù thủy phù thủy trên vịnh bắc sát hại. Có lẽ giờ chúng đang truy đuổi cháu, nên bác nhớ cẩn thận khi đi trên sông nước nhé. Ai mà biết chúng sẽ xuất hiện ở đâu và khi nào chứ.”

Ông Gilbert sững sờ. “Đúng là ai mà biết được!” Ông thốt lên. “Quả là một nghề kinh khủng. Mọi người sẽ rất tiếc thương Bill, còn tôi thì thấy lo cho Hạt khi Bill đã ra đi như thế.”

Tôi gật đầu. Ông Gilbert nói phải. Sẽ chẳng có ai thay thế ông Arkwright. Những người có năng lực trong nghề của chúng tôi còn ít ỏi lắm. Khu vực miền bắc thành phố Caster sẽ trở nên nguy hiểm hơn nhiều. Đây đúng là một chiến thắng mang ý nghĩa lớn lao cho thế lực bóng tối.

Thở dài tiếc nuối, ông Gilbert đưa tôi phong thư. “Thư của thầy Gregory,” ông lặng lẽ bảo. “Thầy đưa cho tôi tại Caster lúc sáng.”

Thư đề gửi cho tôi bằng nét chữ viết tay. Để đến được Caster nhanh như thế, hẳn thầy tôi và Alice đã băng qua rặng đồi đá gần như ngay lập tức và đi thâu đêm như tôi. Nghĩ đến đây, tôi nhẹ cả người. Nhưng sao Thầy Trừ Tà không đi tiếp đến thẳng cối xay? Lẽ ra thầy đã có thể đi nhờ sà lan – mặc dù bấy giờ sà lan đang neo ở bờ kênh bên kia, như thế nó vừa từ phương bắc xuống chứ không phải từ Caster lên vậy. Rồi tôi nhận ra ắt là ông Gilbert đã đưa mấy chú ngựa vòng theo đường cầu sang bờ bên này để bây giờ ông xuôi về nam. Tôi xé mở phong thư và đọc:

Bảo Arkwright thôi hướng dẫn con vài ngày. Ông Gilbert sẽ mang con đến Caster an toàn, ta chờ con tại đây. Chuyện này vô cùng cấp bách. Ngay trung tâm thành phố, gần con kênh, ta đã tìm thấy thứ vô cùng hữu dụng cho cuộc chiến chống lại thế lực bóng tối của thầy trò ta. Thứ này liên quan trực tiếp đến con đấy.

Thầy của con

John Gregory

Thầy Trừ Tà dường như không biết Bill đã chết, nên, hoặc là Alice chưa nói cho thầy, hoặc vì lý do nào đấy mà thầy vờ tỏ ra như bình thường. Và vì thầy đã không đến thẳng cối xay đối phó với Morwena, tôi liền hiểu thứ được tìm thấy ở Caster phải rất đặc biệt.

“Cậu lên thuyền đi,” ông Gilbert bảo, “à, trước hết tôi muốn cậu gặp một người. Con trai tôi bận ở nhà làm việc nhà, còn con gái tôi đang đi cùng tôi đây. Con gái, lại đây nào, lại mà gặp cậu Tom này,” ông gọi lớn.

Cô gái dừng chải mà ngẩng lên. Chẳng buồn quay lại, cô giơ tay vẫy vẫy, chẳng tỏ vẻ gì là muốn làm theo lời bố cả.

“Con bé nhút nhát lắm,” ông Gilbert nhận xét. “Cứ để nó như thế đi. Chắc chắn chốc nữa nó sẽ lấy được can đảm và trò chuyện với cậu thôi.”

Tôi ngật ngừng. Để Vuốt lại cối xay chắc không sao – bây giờ nó có thể tự bảo vệ được mình. Tôi cũng yên tâm khi phải bỏ lại túi đồ, nhưng với món quý giá nhất cất trong túi đó thì không – là sợi xích bạc. Ai mà biết thầy trò tôi sẽ đối mặt với thứ gì ở Caster kia chứ? Sợi xích là một món vũ khí lợi hại nếu đương đầu với thế lực bóng tối – nhất là lũ phù thủy – nên tôi không muốn xa rời nó.

“Cháu cần quay lại cối xay lấy đồ đã,” tôi bảo ông Gilbert.

Ông cau mày, lắc đầu. “Chúng ta không có thời gian. Thầy cậu đang chờ và chúng ta phải đến Caster trước khi trời tối.”

“Sao bác không khởi hành đi, rồi cháu sẽ đuổi theo bác.”

Tôi có thể khẳng định là ông Gilbert không thích như vậy, nhưng những gì tôi vừa đề nghị là hoàn toàn hợp lý. Vì phải kéo theo sà lan nặng nề, mấy chú ngựa thường nhẩn nha nhẩn nhơ với tốc độ tương đối chậm. Tôi sẽ bắt kịp, đi ké thuyền và nghỉ ngơi suốt chặng hành trình còn lại.

Tôi lễ phép mỉm cười với ông Gilbert rồi co giò chạy đi. Loáng sau tôi đã băng qua cầu và phóng như bay dọc theo bờ sông về phía cối xay. Khi bước vào bếp, tôi choáng hết cả người. Alice đang ngồi trên ghế gần bếp lò, Vuốt ở cạnh bên, thoải mái gác mõm lên mũi giày nhọn của cô.

Alice ngược lên, mỉm cười với tôi và vỗ về đầu con Vuốt. “Con này sắp sinh con,” Alice bảo. “Tớ đoán là hai đứa đấy.”

Tôi mỉm cười đáp lại cô bạn, vừa mừng vừa an tâm khi gặp lại cô. “Nếu là thế thì con bố đã chết rồi,” tôi nói, nụ cười vụt biến mất. “Mụ Morwena đã giết nó cũng như chủ của nó. Tình hình xấu lắm, Alice à. Vô cùng xấu. Cậu không biết là tớ mừng thế nào khi gặp cậu đâu. Nhưng sao cậu không ở Caster với Thầy Trừ Tà vậy?”

“Caster à? Tớ chẳng biết chuyện ấy. Lão Gregory đã đi Pendle hơn một tuần trước. Ông ấy bảo là đến tháp Malkin. Ông sẽ tìm trong mấy cái ruộng của mẹ cậu để xem chúng có chứa thông tin gì về Quý Vương hay không. Khi tớ trò chuyện với cậu qua gương thì ông ấy vẫn chưa về, nên tớ để lại lời nhắn cho ông ấy rồi đi đến đây. Tớ biết là cậu cần trợ giúp gấp.”

Tôi hoang mang, đưa cho Alice lá thư của Thầy Trừ Tà. Cô đọc qua thật mau rồi nhìn lên, gật gù. “Cũng phải đấy,” cô nói. “Rất có khả năng Lão Gregory đã tìm thấy thứ quan trọng nên vội từ Pendle đi thẳng đến Caster. Thế thì ông ấy chưa biết chuyện ông Arkwright, phải không nào? Ông ấy chỉ gửi tin nhắn đến cối xay kêu cậu khởi hành.”

“Sém chút cậu đã không gặp được tớ rồi, Alice à. Lúc này ông Gilbert đang chờ tớ. Tớ chỉ quay về lấy sợi xích bạc thôi.”

“Ôi Tom!” Alice đứng lên đi về phía tôi, vẻ mặt lo lắng. “Tai cậu sao thế? Trông đau lắm đấy! Tớ có thứ giúp ích được đây...” Alice cho tay vào túi thảo dược.

“Không cần đâu Alice, lúc này nào có thời gian và thầy thuốc bảo là sẽ không sao. Đây là chỗ mục Morwena mọc vuốt vào để lôi tở xuống vũng lầy. Con Vuốt đã cứu mạng tở. Không có nó thì tở đã tiêu tùng.”

Tôi mở túi đồ lấy sợi xích ra, quấn xích ngang eo, giấu dưới lớp áo choàng. “Tại sao cậu không đi theo dòng kênh từ Caster để đến đây? Đây là đường ngắn nhất.”

“Không đâu,” Alice đáp. “Nếu cậu hiểu rõ thì đây không phải là đường ngắn nhất. Trước tở có bảo tở rành nơi này mà, đúng không? Một năm trước khi gặp cậu, Lizzie Xương Xấu có mang tở lên đây và chúng tở ở lại ven đầm lầy cho đến khi ông Arkwright từ một trong những chuyến hành trình quay trở về, thế là bọn tở phải đi chỗ khác. Mà thôi, tở rành khu đầm lầy ấy như lòng bàn tay mình vậy.”

“Tở cho là ông Gilbert sẽ không nề hà gì nếu cậu đi cùng. Nhưng chắc ông ấy đã khởi hành rồi và bọn mình phải đuổi theo thôi.”

Khi Vuốt theo chúng tôi ra vườn, Alice lắc đầu. “Để nó đi cùng chúng ta đến Caster không hay đâu. Thành phố không phải là nơi dành cho chó. Tốt hơn nó nên ở lại đây, nơi nó có thể sống dựa vào mảnh đất này.”

Tôi đồng ý, tuy nhiên, Vuốt hoàn toàn bỏ ngoài tai lệnh “ở lại đây” của Alice, cứ lững thững đi theo chúng tôi mãi cho đến lối mòn cạnh con suối.

“Cậu bảo nó đi Tom. Có lẽ nó sẽ nghe lời cậu. Dù sao thì giờ nó là chó của cậu mà!”

Của tôi ư? Tôi đã không nghĩ đến điều này. Tôi không thể tưởng tượng ra là Thầy Trừ Tà lại muốn có một con chó ở cùng chúng tôi tại Chipenden. Dù vậy, tôi vẫn quỳ bên cạnh Vuốt mà vỗ vỗ đầu nó.

“Mày ở lại nhé! Ở lại!” Tôi ra lệnh. “Bọn tao sẽ sớm quay về.”

Vuốt rên rỉ rồi đảo tròn mắt. Cách đây chưa lâu tôi còn sợ nó phát khiếp, thế mà giờ tôi lại thấy buồn khi phải bỏ nó lại. Nhưng tôi nào có nói dối. Trên đường đi xử lý mục Morwena, chúng tôi sẽ quay lại đây.

Ngạc nhiên làm sao, Vuốt nghe lời tôi mà dừng lại bên lối mòn. Chúng tôi chạy chậm chậm ra đến dòng kênh. Sà lan vẫn còn chờ đấy.

“Con bé kia là ai vậy?” Khi chúng tôi đi về phía cầu, Alice hỏi.

“Là con gái của ông Gilbert. Cô ấy nhút nhát lắm.”

“Tớ chưa bao giờ thấy con nhỏ nào nhút nhát mà lại có màu tóc như thế,” giọng Alice có chút cay độc.

Thật ra tôi cũng chưa từng gặp cô gái nào có màu tóc ấn tượng như con gái ông Gilbert. Trông sáng rực và sống động hơn tóc của chị Ellie, vợ anh Jack nhiều, mà tôi thì luôn nghĩ tóc chị ấy đẹp vô cùng. Nhưng trong khi tóc chị Ellie mang màu rơm loại thượng hạng được gặt ba ngày sau một mùa vụ bội thu, mái tóc này lại có màu vàng kim đặc biệt, giờ đang bừng sáng rực rỡ dưới ánh mặt trời.

Cô gái vẫn đang chải lông cho ngựa và chắc là thấy thoải mái khi làm việc này hơn là phải trò chuyện với người lạ. Có những người như thế đấy. Bố tôi từng kể có lần ông làm việc với một nhân công nông trại chẳng thèm đoái hoài gì đến người ta nhưng lại suốt ngày trò chuyện với thú vật.

“Thế cô bé này là ai?” Khi chúng tôi bước lên sà lan, ông Gilbert hỏi.

“Đây là Alice ạ,” tôi giới thiệu. “Cô ấy ở cùng thầy trò cháu tại Chipenden và chép lại những cuốn sách của Thầy Trừ Tà. Cô ấy đi cùng chúng ta trên sà lan được không ạ?”

“Có sao đâu nào,” ông Gilbert mỉm cười, mắt liếc xuống đôi giày mũi nhọn của Alice.

Chốc lát sau, cả hai chúng tôi đã lên thuyền, con gái của người chở sà lan không đi đến chỗ chúng tôi. Việc của cô ấy là dẫn mấy chú ngựa xuống đường xe kéo trong khi bố cô nghỉ xả hơi trên sà lan.

Bấy giờ đã là xế trưa, nhưng thật thối làm sao khi được lướt theo dòng kênh đi về Caster trong ánh nắng chiều. Tuy vậy, ý nghĩ phải đi vào thành phố ấy làm tôi linh tính thấy có lắm điềm gở. Trước nay thầy trò tôi luôn tránh xa Caster vì nguy cơ bị bắt và cầm tù trong lâu đài. Tôi thắc mắc chẳng biết thầy mình đã tìm ra thứ gì mà quan trọng đến vậy.

CHƯƠNG 19: CON GÁI NGƯỜI CHỜ SÀ LAN

Chuyến đi không có gì đặc biệt. Lạ lùng là ở chỗ, trong gần suốt thời gian rong ruổi trên dòng kênh, không ai nói năng một lời nào. Tôi có rất nhiều chuyện muốn kể với Alice nhưng lại vướng sự hiện diện của ông Gilbert. Tôi chỉ không thích nói mấy chuyện trừ tà trước mặt bác ấy và tôi biết thầy mình cũng sẽ đồng ý như vậy. Những chuyện thế này tốt nhất là nên giữ bí mật.

Tôi đã biết ông Gilbert là người ít nói nên cũng không mong ông trò chuyện gì nhiều, nhưng rồi, khi lâu đài cùng những chóp mái nhà thờ trong thành phố hiện ra, đột nhiên ông trở nên hoạt ngôn vô cùng.

“Cậu có anh em gì không Tom?” Ông hỏi.

“Cháu có sáu người,” tôi đáp. “Anh cả Jack, vẫn đang sinh sống tại nông trại của gia đình. Anh quản lý nơi ấy cùng với James, anh thứ, làm nghề thợ rèn ạ.”

“Thế còn những người khác?”

“Các anh sống rải rác trong Hạt và có công việc của riêng mình.”

“Tất cả đều lớn hơn cậu ư?”

“Cả sáu anh,” tôi mỉm cười đáp.

“Tất nhiên là thế rồi – tôi hỏi mới ngớ ngẩn làm sao! Cậu là con trai thứ bảy của người con thứ bảy. Đứa con cuối cùng có được việc làm và là người duy nhất sinh ra phù hợp với nghề của Bill Arkwright. Cậu có nhớ các anh của mình không Tom? Có nhớ gia đình cậu không?”

Tôi im lặng và trong một đổi bỗng trở nên nghẹn ngào với bao cảm xúc. Tôi nhận thấy Alice đặt tay lên cánh tay tôi để an ủi. Không chỉ vì nhớ mấy anh nên tôi mới xúc động thế này – mà là vì năm ngoái bố tôi đã qua đời,

còn mẹ tôi thì quay về cố hương chiến đấu với thế lực bóng tối. Tôi chợt thấy cô đơn ghê gớm.

“Tôi có thể cảm nhận nỗi buồn của cậu, Tom à,” ông Gilbert bảo. “Gia đình mang ý nghĩa vô cùng quan trọng và nếu mất đi họ thì không gì thay thế được. Thật hạnh phúc khi có gia đình bên mình, lao động cùng mình như tôi đây. Tôi có đứa con gái hiếu thảo, luôn giúp đỡ tôi mỗi khi tôi cần đến.”

Đột nhiên tôi rùng mình. Mới lúc này mặt trời còn treo cao trên đầu ngọn cây, giờ lại bỗng tối sầm và sương mù dày đặc đang sà xuống. Ngay khi ấy chúng tôi tiến vào thành phố. Những hình thù góc cạnh của các tòa nhà nhanh chóng nhô lên từ hai bên bờ kênh như những gã khổng lồ đáng sợ, đầu vạ vật đều im lặng như tờ, ngoại trừ tiếng vó ngựa lộc cộc nghèn nghệt. Nơi đây dòng kênh mở rộng hơn, bờ bên kia có nhiều hốc lõm làm nơi neo sà lan. Nhưng hầu như lại chẳng có dấu hiệu sự sống nào.

Tôi cảm giác sà lan đang từ từ dừng lại và ông Gilbert đứng dậy nhìn tôi cùng Alice. Gương mặt ông ẩn trong bóng tối nên tôi không nhìn ra biểu cảm trên mặt, nhưng không hiểu sao ông trông có vẻ đáng sợ.

Tôi nhìn tới trước và chỉ trông thấy dáng người lơ mơ của con gái ông Gilbert, hình như đang phủ chắn che con ngựa dẫn đầu. Cô ta không nhúc nhích nên chắc không phải là bện chải lông cho ngựa, mà là đang thì thầm vào tai con vật.

“Đứa con gái kia của tôi,” ông Gilbert thở dài. “Nó thực sự yêu thương một con ngựa béo. Bao nhiêu cũng yêu. Này con! Con ơi!” Ông gọi lớn tiếng. “Giờ không có thời gian cho việc đó đâu. Con phải đi sau đi đã!”

Gần như ngay lập tức mấy chú ngựa tiếp tục giăng cương, sà lan lướt tới trước. Ông Gilbert quay trở về mũi thuyền và lại ngồi xuống.

“Tớ không thích chuyện này, Tom à,” Alice thì thào vào tai tôi. “Cảm giác cứ sao sao ấy. Không ổn một chút nào!”

Cô chưa dứt lời thì tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh đầu đấy trong bóng tối trên đầu, theo sau là một tiếng kêu rờn rợn, ai oán.

“Là giống chim gì thế?” Tôi hỏi Alice. “Vài ngày trước tớ có nghe tiếng kêu như vậy.”

“Chim ‘ria xác’ đấy Tom. Lão Gregory không dạy cho cậu về loài chim này à?”

“Không,” tôi thú thật.

“À, đấy là thứ cậu nên biết khi làm kẻ trừ tà. Chúng là giống chim sống về đêm và người ta cho là phù thủy có thể biến hình thành chúng. Chuyện vớ vẩn. Nhưng đúng là phù thủy có sử dụng chúng làm vật hiệp thần. Đôi lần chút máu, loài chim ria xác này sẽ biến thành tai mắt cho bọn chúng.”

“Thế à, tớ nghe thấy tiếng chim kêu khi tớ đang tìm mục Morwena. Cậu có nghĩ đấy là vật hiệp thần của mục ta không? Nếu là thế, chắc mục ấy đang quanh quẩn gần đây. Có lẽ mục ta di chuyển nhanh hơn tớ tưởng. Biết đâu mục ta đang bơi dưới nước gần với sà lan này.”

Con kênh hẹp đi, những tòa nhà thu gập lại hai bên bờ kênh, như thể đang cố cô lập chúng tôi khỏi dải trời thuôn thuôn nhàn nhạt trên kia. Đây là những nhà kho to rộng, ban ngày chắc là đều bận rộn với bao công chuyện làm ăn ồn ào tấp nập, giờ thì lại im lìm tĩnh lặng. Lác đác vài ngọn đèn treo tường soi rọi những mảng sáng nhấp nháy xuống mặt nước, nhưng vẫn còn đấy những vùng rộng âm u mờ mịt cùng những mảng lớn tối om khiến tôi thấy toàn điềm không may. Tôi đồng tình với Alice. Tuy không thể xác định cụ thể là gì nhưng tôi chắc chắn là có chuyện bất ổn.

Tôi nhác thấy một cổng vòm bằng đá đen đặng trước. Lúc đầu tôi tưởng là một cây cầu, sau rồi nhận ra đấy là lối vào một nhà kho to tướng mà con kênh dẫn thẳng vào trong. Khi thuyền lướt vào cửa, ngựa bắt đầu chậm bước, và tôi trông thấy tòa nhà rộng thênh thang chất đầy những đồng đá lát màu đen, chắc là do sà lan chuyên chở từ mỏ khai thác lên phương bắc. Trên cầu cảng bằng gỗ là một số cột neo thuyền và một dãy năm trụ đỡ cũng bằng gỗ to kênh, vươn lên cao rồi khuất dạng trong bóng tối để chống giữ mái kho. Trên mỗi cột treo một ngọn đèn lồng, khiến dòng kênh cùng bờ kênh

gần đây tắm mình trong ánh sáng vàng vọt. Tuy nhiên, ngoài khu vực này là khoảng không gian thênh thang trống trải, tối đen, đầy đe dọa của nhà kho.

Ông Gilbert cúi xuống bên cửa sập gần nhất và chậm chậm kéo cửa lên. Mãi cho đến lúc đây tôi vẫn không chú ý đến chuyện cánh cửa không khóa, một điều mà ông Gilbert từng bảo là vô cùng quan trọng khi chuyên chở hàng hóa. Ngạc nhiên làm sao khi khoang thuyền chứa hàng cũng tràn ngập ánh sáng màu vàng. Nhìn xuống, tôi trông thấy hai người đàn ông đang ngồi trên chõng đá lát, mỗi người cầm một ngọn đèn. Tức thì tôi nhận ra vật nằm bên tay trái họ. Toàn thân tôi run bắn, chìm ngay xuống hố đen đầy kinh hoàng và tuyệt vọng.

Là xác một người đàn ông đã chết, đôi mắt vô hồn đang trợn ngược lên trên. Cổ họng ông bị xé toạc theo cùng một kiểu, gợi cho tôi nhớ đến việc mẹ Morwena đã làm với con Răng. Nhưng chính danh tính của người này còn làm tôi kinh hãi hơn là cảnh ông ấy bị sát hại nhẫn tâm.

Người chết là ông Gilbert.

Qua cánh cửa sập để mở, tôi nhìn vào sinh vật đội lốt người chớ sà lan. “Nếu kia là ông Gilbert,” tôi nói, “thì người hẳn phải là...”

“Cứ gọi ta là gì tùy mi, Tom à. Ta có rất nhiều tên,” hẳn trả lời. “Nhưng chẳng tên nào thể hiện đầy đủ bản chất thật sự của ta cả. Ta đã bị kẻ thù của mình xuyên tạc. Sự khác nhau giữa hai từ *fiend* (Quý dữ) và *friend* (Bạn bè) chỉ là một chữ cái mà thôi. Ta có thể dễ dàng là bạn lắm chứ. Nếu mi hiểu rõ ta hơn...”

Nghe xong những lời ấy, toàn bộ sức lực trên người tôi như bị rút sạch khỏi thể xác. Tôi cố với tay lấy trượng nhưng tay tôi không chịu nghe theo, và trong lúc mọi thứ trước mắt trở nên tối sầm, tôi nhác thấy gương mặt kinh hoàng của Alice và nghe được tiếng khóc thét hoảng hốt. Âm thanh ấy làm tôi lạnh đến tận xương. Alice mạnh mẽ mà. Alice can đảm lắm. Để cô ấy phải khóc thét lên như vậy khiến tôi có cảm giác mọi chuyện với chúng tôi đã chấm dứt. Đến đây là hết.

Tỉnh dậy, cảm giác như đang trôi lên từ đại dương tối đen sâu hun hút, tôi nhận biết âm thanh đầu tiên. Tiếng rền rĩ kinh khiếp của con ngựa cùng tiếng cười lỗ mãng, vang dội của tên đàn ông gần đấy. Khi ký ức của những gì vừa xảy ra ùa về, tôi thấy mình hoảng loạn, bất lực, chỉ biết cố đứng dậy cho bằng được.

Rồi tôi bỏ cuộc khi nhận ra tình hình của mình. Tôi không còn ở trên sà lan mà là đang ngồi trên cầu tàu bằng gỗ, bị trói chặt vào một chiếc cột chống mái, hai chân duỗi song song với con kênh.

Chỉ với một hành động đơn giản bằng ý chí, Quý Vương đã khiến tôi bất tỉnh. Còn tệ hơn nữa là, những sức mạnh mà ta đã học lấy để dựa vào đấy lại không phát huy tác dụng. Alice không đánh hơi ra mùi Morwena. Cả sức mạnh từ việc là con trai thứ bảy của người con thứ bảy cũng tỏ ra vô dụng không kém. Thời gian dường như đã trôi qua theo một cách khác xa bình thường. Một khắc trước, mặt trời còn đang rực rỡ chói lọi cùng những chóp mái trong thành phố thấp thoáng ngay đường chân trời; thế mà thoát cái trời đã gần như tối om và chúng tôi bị vùi sâu giữa mấy bức tường này. Ai mà hy vọng đánh thắng nổi một quyền năng như thế chứ?

Chiếc sà lan vẫn đang neo tại cầu tàu và hai tên đàn ông, mỗi tên giắt một con dao dài ngay thắt lưng bằng da, đang ngồi đấy, những đôi ủng mũi thép đong đưa bên mép cầu tàu. Đám ngựa không còn được thắt cương nữa. Một trong số ấy nằm nghiêng sang bên phía xa xa, hai chân trước thòng xuống nước. Con còn lại cách tôi gần hơn, cũng đang nằm sõng soài, và con gái bác chở sà lan đang quàng tay quanh cổ nó. Tôi tưởng cô ta đang cố giúp con ngựa đứng dậy. Bầy ngựa bị ốm hay sao thế nhỉ?

Nhưng cô gái này có gì đấy khang khác: nếu trước đây tóc cô ta vàng óng thì giờ thành đen tuyền. Làm thế nào mái tóc lại đổi màu như vậy? Đầu óc tôi còn đang mụ mị, bằng không hẳn tôi đã hiểu chính xác chuyện gì đang xảy ra từ sớm hơn kia. Chỉ đến khi cô gái rời khỏi con ngựa, quay lại và đi về phía tôi, hai chân để trần, thì tôi mới bắt đầu hiểu ra.

Cô ta đang khum khum hai tay ngang phía trước một cách kỳ cục và bước đi. Tại sao cô ta lại làm như thế? Cả bước đi cũng thật chậm rãi và cẩn thận

nữa. Khi cô ta tiến đến gần hơn, tôi nhìn ra vết máu trên môi cô ta. Hóa ra là này giờ cô ta đang nhận nguồn thức ăn từ con ngựa - uống lấy máu của con vật đáng thương. Đây là việc cô ta đang làm khi tôi thoáng trông thấy cô ta lần đầu. Là lý do vì sao cô ta cho dừng sà lan lại khi chúng tôi đang xuôi về nam.

Cô ta chính là Morwena! Hẳn mũ đang đội tóc giả. Hoặc thế, hoặc là một bùa mê hắc ám nào đó đã khiến tôi nhìn ra tóc mũ màu vàng. Chả trách mũ ta cứ quay lưng lại với chúng tôi. Giờ thì tôi đã trông thấy cái mũi không da thịt cùng bản mặt gớm ghiếc. Con mắt trái của mũ đang nhắm.

Một bóng đen phủ trùm lên tôi làm tôi rúm người vào cây cột. Tôi cảm nhận được Quý Vương ở sát sau lưng mình. Hẳn không di chuyển vào tầm nhìn của tôi nhưng giọng nói hắt lại lạnh căm căm, nghiền bóp tim tôi, khiến nó đập loạn xạ và tôi không thở nổi.

“Giờ ta phải xa mi thôi, Tom à. Mi không phải là mối quan ngại duy nhất của ta. Ta còn có việc quan trọng khác cần làm. Nhưng con gái ta, Morwena, sẽ chăm sóc cho người. Bây giờ tính mệnh người nằm trong tay nó.”

Nói đoạn, hẳn biến mất. Sao hẳn không ở lại đây nhỉ? Chuyện gì có thể quan trọng đến mức gọi hẳn đi ngay trong khi tôi hoàn toàn sơ hở thế này? Hẳn là hẳn có lòng tin vào quyền năng của Morwena lắm lắm. Khi tiếng chân hẳn vang xa dần, con gái của Ác Quý tiến về phía tôi, vẻ mặt độc ác.

Tôi nghe thấy tiếng đôi cánh to lớn vỗ đập và một con chim xấu xí chao xuống đậu trên vai trái mũ Morwena. Mũ ta giơ hai bàn tay đang khum khum vào nhau lên và con chim nhúng mỏ lia lia vào trong ấy, uống lấy phần máu của con ngựa đang hấp hối mà mũ ta giữ lấy. Sau khi thỏa cơn khát, con chim rí xác quang quác một tiếng ớn lạnh, vỗ vỗ cánh rồi bay vút lên, khuất khỏi tầm mắt.

Sau đấy mũ Morwena quỳ bên cầu tàu bằng gỗ, hai bàn tay đỏ máu. Mũ đang ở gần đến mức đã có thể với tay ra chạm vào tôi. Tôi cố giữ nhịp thở ổn định nhưng tim tôi đang đập dồn trong lồng ngực. Mũ ta trừng trừng nhìn

tôi bằng đôi mắt của loài bò sát, lưỡi mụ thè ra liếm lấy máu đọng trên môi. Chỉ khi hai môi sạch máu, mụ ta mới lên tiếng.

“Mi ngồi thật im lìm và câm lặng. Nhưng nơi đây không có chỗ cho lòng can đảm. Hoàn toàn không. Mi ở đây là để chết và sẽ không thoát khỏi số phận lần thứ hai đâu!”

Giờ thì mụ ta nhe ra hàm răng nanh xanh xanh vàng vàng kinh khủng, hơi thở thối hoắc của mụ phả khắp vào tôi. Thật khó mà không nôn thốc nôn tháo. Giọng mụ ta khò khè sì suýt, bắt đầu mỗi câu bằng tiếng xì xèo rin rít như chất lỏng đổ vào than nóng; kết thúc câu là tiếng òng ọc như đầm lầy đang nuốt chửng nạn nhân, hút họ vào cái bụng nhão nhoét của mình. Mụ nhích đầu đến gần tôi hơn một chút, và thay vì là mắt tôi, mụ lại nhìn chăm chăm vào cổ tôi.

Trong tích tắc, tôi cứ ngỡ mụ sẽ cắn ngập răng vào trước khi xé toạc họng tôi ra. Quả thật là tôi đã co người né đi, và trong giây phút vô tình ấy, mụ Morwena mỉm cười, ngược con mắt bên phải lên nhìn tôi.

“Ta đã uống no bụng rồi, nên mi hãy sống dai thêm một chút. Cứ hít thở một chập và mở mắt quan sát chuyện gì sắp xảy đến nhé.”

Tôi bắt đầu run rẩy và chặt vật khổng chế nỗi sợ hãi vốn luôn là kẻ thù nguy hiểm nhất của một kẻ trừ tà khi đối mặt với thế lực bóng tối. Morwena có vẻ như muốn trò chuyện. Nếu là thế, tôi có thể lấy được đôi chút thông tin có ích. Tình hình trông âm đạm đấy nhưng trước đây tôi từng lâm vào nhiều tình huống khó khăn, khi cơ hội sống sót của tôi là rất mong manh. Bố tôi thường bảo, “Nơi nào còn sự sống, nơi ấy có hy vọng,” và đấy là điều mà bản thân tôi cũng tin tưởng.

“Mi sẽ làm gì?” Tôi hỏi.

“Tiêu diệt những kẻ thù của cha ta: Đêm nay, mi và John Gregory sẽ phải chết.”

“Thầy ta ư? Thầy đang ở đây à?” Tôi thắc mắc không biết thầy có là tù nhân trong khoang thuyền còn lại không nữa.

Mụ ta lắc đầu. “Hắn đang trên đường đến đây trong lúc chúng ta đang trò chuyện này. Cha ta đã gửi một bức thư để lừa hắn – cũng giống như người đã giả mạo bức thư giao vào tay mi đấy. John Gregory tin rằng đấy là lời mi cầu xin giúp đỡ và giờ đang hối hả đến đây chịu chung số phận.”

“Alice đâu?”

“Trong khoang thuyền, nơi nó được an toàn,” mụ Morwena rít lên, chồm xương thò ra có nhiệm vụ như mũi của mụ chỉ còn cách mặt tôi vài phân. “Nhưng ta muốn mi phải chường mặt ra đây. Mi sẽ là mồi dụ kéo thầy mi đến chỗ *chết*.”

Từ cuối cùng ấy như tiếng ồm oạp xấu xí của con cóc trong đầm lầy vang vọng trên vũng lầy nước đọng. Mụ ta nhanh nhẹn lôi trong ống tay áo ra chiếc khăn tay lốm đốm mà chẹn ngang mõm tôi. Làm xong, mụ ta đột nhiên nhìn lên đánh hơi hai lần.

“Hắn ta sắp đến!” Mụ ta gật đầu về phía hai gã đàn ông, chúng rút lui vào bóng tối nằm phục sẵn. Tôi ngỡ là mụ ta sẽ nhập bọn, nhưng ngạc nhiên và đáng lo làm sao, mụ ta đi đến mép kênh, hạ mình xuống nước rồi mất dạng.

Thầy Trừ Tà rất kiên cường và sử dụng trượng khéo léo. Trừ phi thầy bị tấn công hoàn toàn bất ngờ, còn không thì thầy trội hơn hẳn so với hai gã đàn ông có vũ khí kia, tôi cho là vậy. Nhưng nếu mụ phù thủy từ dưới nước tập kích trong khi thầy đang đánh nhau với hai gã, đấy lại là chuyện khác. Thầy tôi đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng.

CHƯƠNG 20: KHÔNG LỰA CHỌN

Tôi ngồi đấy, bất lực, lòng biết rằng hiện tại thầy của mình sẽ đến bất cứ lúc nào; và nếu mục Morwena thành công, thì thầy sẽ là người đầu tiên trong hai chúng tôi phải chết. Nhưng tình hình chưa đến nỗi vô vọng lắm, vì một lý do riêng tư kỳ quái nào đó mà Quý Vương đã rời bỏ chúng tôi. Thầy tôi sẽ không dễ bó tay chịu trói như thế. Ít ra thầy còn có cơ hội chiến đấu. Nhưng làm sao tôi có thể giúp thầy đây?

Tôi vùng vẫy, cố thoát ra khỏi sợi thừng dày đang trói mình vào cây cột. Thừng buộc chặt thít, dù tôi có uốn éo vặn vẹo cỡ nào cũng chẳng nói ra nổi. Tôi nghe thấy một âm thanh thoáng từ xa vọng lại. Là một trong hai tên đang mai phục chăng? Hay là Thầy Trừ Tà?

Ngay sau đấy thì không còn nghi ngờ gì nữa. Thầy Trừ Tà đang đi xuống cầu tàu về phía tôi, tay mang túi và trượng, tiếng bước chân vang dội. Tôi nghĩ là thầy trò tôi nhìn ra nhau cùng một lúc, vì ngay khi tôi đưa mắt nhìn thầy thì thầy đứng lại ngay. Thầy quan sát tôi một hồi lâu trước khi tiếp tục di chuyển từ tốn hơn. Tôi biết thầy đã nhận ra đây là một cái bẫy. Bằng không tại sao tôi lại bị trói lộ liễu đến thế cơ chứ? Vậy là thầy có thể, hoặc rút lui thoát thân, hoặc tiến đến với hy vọng sẽ đối phó được với bất cứ trò gì giăng sẵn. Tôi biết thầy sẽ không bỏ mặc tôi – vậy nên chẳng còn lựa chọn nào khác.

Bước thêm chừng hai mươi sải thì thầy dừng ngay bên dưới một cây cột sừng sững chống đỡ cho mái nhà kho. Thầy nhìn chăm chú vào xác hai con ngựa. Ánh đèn soi rõ mặt thầy, và nhờ ánh sáng ấy mà tôi có thể thấy, mặc dù trông già nua và có phần hốc hác, đôi mắt thầy tôi vẫn long lên dữ tợn, các giác quan của thầy rõ là còn nhạy bén sắc sảo, đang dò xét những hốc lõm tối om trong nhà kho đánh giá hiểm nguy.

Thầy bước tiếp đến chỗ tôi. Lẽ ra tôi đã hất đầu về phía mặt nước để cảnh báo mối đe dọa từ mục Morwena cho thầy. Nhưng làm thế biết đâu sẽ khiến

thầy mất cảnh giác với những nguy hiểm khác từ vùng tối phía bên phải mình.

Thốt nhiên, chưa tới hai mươi bước nữa, thầy lại dừng chân. Lần này thầy đặt túi xuống và giơ trượng lên phòng thủ, hai tay cầm trượng giương theo một góc bốn mươi lăm độ. Tôi nghe thấy âm thanh không lẫn vào đâu được khi thầy bấm lưỡi dao bật ra, rồi mọi chuyện xảy đến vô cùng chóng vánh.

Hai tên côn đồ từ trong vùng tối bên tay trái tôi phóng ra, mấy con dao dài loé lên dưới ánh đèn lồng. Quay lưng lại với mặt nước, Thầy Trừ Tà xoay sang tiếp chiến. Trong tích tắc, đối phương có vẻ ngần ngại. Có lẽ vì chúng trông thấy lưỡi dao nguy hiểm nơi đầu trượng. Hoặc là vẻ quyết tâm trong mắt thầy. Nhưng rồi, khi chúng lao đến, tay hươ dao, sẵn sàng chém dọc xuống thầy, thì thầy tấn công. Dùng phần chuôi dày cui của thanh trượng, thầy thọc một cú thích đáng vào thái dương một tên. Gã ngã xuống êm ru, dao vọt khỏi tay, cùng lúc ấy, Thầy Trừ Tà đâm tới kẻ tấn công thứ hai. Khi lưỡi dao chọc xuyên qua vai phải gã, gã cũng đánh rơi dao, sụm gối xuống rồi kêu đau the thé.

Thầy Trừ Tà nhắm trượng về phía kẻ thù đã gục ngã. Trong khoảnh khắc, có vẻ như thầy sắp sửa đâm xuống, nhưng rồi thầy lắc đầu và trầm giọng nói gì đấy. Gã kia loạng choạng đứng lên, lão đảo đi vào vùng tối, tay bầu lấy vai. Đến khi ấy, Thầy Trừ Tà mới liếc ra sau nhìn tôi. Cuối cùng tôi cũng có thể tuyệt vọng mà hất đầu ra dấu về phía mặt kênh.

Tôi nào ra hiệu sớm hơn một giây. Mụ Morwena trồi lên bằng sức mạnh của một con cá hồi vượt qua thác đổ, hai cánh tay vươn tới chực xé nát mặt thầy, con mắt trái của mụ vẫn nhắm.

Thầy tôi đối đầu với mụ bằng tốc độ tương tự. Thầy xoay ngoắt lại, vung trượng thành đường vòng cung từ trái sang phải. Trượng chỉ hệt cổ mụ ta trong gang tấc, và với tiếng rít giận dữ, mụ ta rơi tõm xuống nước không được duyên dáng cho lắm, khiến nước văng tung tóe.

Thầy Trừ Tà đứng sững nhìn mặt nước. Thế rồi thầy với tay phải kéo mũ trùm sụp tới trước để che mắt. Hẳn thầy đã trông thấy con mắt bị ghim kín

và nhận ra mình đang đối đầu với thứ gì. Nếu không nhìn thẳng vào mắt nhau thì mục Morwena sẽ không thể sử dụng huyết nhãn với thầy. Nói cách khác là thầy tôi sẽ chiến đấu trong tình trạng “chẳng nhìn thấy gì.”

Thầy bất động đứng chờ, trong khi tôi hồi hộp quan sát gợn nước lăn tăn cuối cùng tản đi, khiến mặt nước phẳng lì như gương. Thành linh mục Morwena lại trôi lên, lần tấn công này còn đột ngột hơn lần trước. Mục đáp xuống ngay mép cầu tàu, hai bàn chân kết màng đập “bạch” rõ to vào mấy tấm ván gỗ. Con mắt máu giờ đã mở ra, đốm lửa đỏ rực hung ác trong mắt chiếu thẳng vào Thầy Trừ Tà. Thế mà chẳng cần nhìn lên, thầy tôi đâm trượng ngay xuống hai chân mục khiến mục phù thủy phải thụt lùi.

Ngay lập tức Morwena tấn công thầy bằng tay trái, những móng vuốt cào qua vai thầy, may là thầy né kịp. Khi mục ta di chuyển theo hướng ngược lại, Thầy Trừ Tà nhanh chóng thay trượng từ tay phải sang tay trái, đâm mục thật nhanh và mạnh. Đấy chính là chiêu mà thầy đã bắt tôi luyện tập với thân cây khô trong vườn nhà thầy – chiêu thức đã cứu mạng tôi trong mùa hè rồi khi tôi vận dụng nó chống lại Grimalkin thành công.

Thầy ra chiêu hoàn hảo nên đầu mũi giáo xuyên qua sườn Morwena. Mục ta hét lên đau đớn nhưng nhanh chóng nhảy sang bên, lộn mình nhảy xuống nước. Thầy Trừ Tà chờ một hồi lâu nhưng mục ta không tấn công tiếp.

Chỉ tới khi đẩy thầy mới vội vã đến bên tôi, cúi người và giật chiếc khăn quàng trên mồm tôi xuống.

“Alice đang bị trói trong khoang thuyền!” Tôi hỗn hển. “Ông Gilbert chết rồi ạ. Còn kẻ đã tấn công thầy từ dưới nước là mục Morwena! Con gái của Quý Vương ạ! Mà có thể còn có nhiều phù thủy khác đang kéo đến đây!”

“Bình tĩnh lại đi anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Ta sẽ cởi trói cho con trong tích tắc...”

Nói đoạn, thầy dùng mũi dao trên trượng cắt dây trói. Trong khi tôi chậm chậm đứng lên, xoa xoa hai cổ tay để điều hòa mạch máu, thầy tôi chỉ vào con dao lăn lóc trên vệ cầu tàu của một trong hai tên đã tấn công thầy.

“Đi giải thoát cho con bé, ta sẽ đứng gác,” thầy bảo.

Chúng tôi bước lên sà lan, trượng giương sẵn sàng, Thầy Trừ Tà đứng bên tôi, dáng vẻ kiên quyết, trong khi tôi giở cánh cửa lên. Từ bên dưới, Alice nhìn tôi trân trối. Cô bị trối, bị nhét giẻ vào mồm và bọn chúng để cô nằm cạnh xác của người chở sà lan.

“Quý Vương đã đến đây. Hẳn khoác lột của ông Gilbert,” tôi bảo với thầy mình.

“Thôi, giờ thì chúng ta không thể làm gì cho người đàn ông đáng thương này,” Thầy Trừ Tà buồn bã lắc đầu. “Chúng ta phải để ông ấy lại thuyền cho người ta tìm thấy mà chôn cất. Nhưng hãy cắt dây trối cho con bé đi nào. Chúng ta phải rời khỏi đây càng nhanh càng tốt. Mụ phù thủy không bị thương nặng lắm. Chắc chắn mụ ta đang chuẩn bị để tấn công nữa đấy.”

Tôi cảm thấy Alice đang run rẩy khi tôi cắt dây trối và giúp cô ra khỏi khoang chứa hàng. Cô không nói lời nào, hai mắt mở to hoảng sợ. Dường như việc ở gần Quý Vương đã làm Alice kinh khiếp còn hơn chuyện đó ảnh hưởng đến tôi.

Khi cả ba đứng trên cầu tàu, Thầy Trừ Tà chỉ lên hướng bắc, rồi dẫn đường rời khỏi nhà kho, thầy bước nhanh đến mức tôi chật vật lắm mới theo kịp.

“Không phải chúng ta quay về Chipenden sao thầy?” Tôi hỏi.

“Không đâu anh bạn. Sẽ không đủ thời gian nếu Morwena đuổi theo. Trước hết chúng ta về nhà Bill Arkwright tội nghiệp cái đã. Đây là nơi trú ẩn gần nhất. Nhưng chúng ta cách xa bờ kênh này sớm chừng nào tốt chừng này,” thầy đưa mắt nhìn mặt nước, tỏ ra dè chừng.

“Cháu biết đường gần hơn để đến cối xay,” Alice xung phong. “Cháu từng sống gần đấy với Lizzie Xương Xấu. Chúng ta cần băng qua con kênh rồi đi mãi về phía tây.”

“Thế thì bé con người dẫn đường đi,” Thầy Trừ Tà bảo.

Vậy là chúng tôi vượt qua cây cầu đầu tiên, rời khỏi lối xe kéo và trực chỉ lên hướng bắc, đi qua những con phố nhỏ hẹp lát sỏi tối om om. Thành phố

Caster, với tòa lâu đài cùng bao hầm ngục, không phải là nơi dành cho những kẻ theo nghề chúng tôi. May sao, có rất ít người đang ở ngoài đường. Cuối cùng, thật nhẹ nhõm làm sao, chúng tôi bỏ lại thành phố sau lưng và đi theo Alice băng qua vùng đồng quê, suốt lộ trình chỉ dùng đến ánh sáng từ những vì sao cùng vầng trăng khuyết mờ ảo. Dần dà, men theo rìa đầm lầy Tu Viện, chúng tôi đến được khu vườn quanh cối xay và con mương nước muối.

“Lần cuối thêm muối là khi nào vậy?” Thầy Trừ Tà hỏi. Kể từ lúc chúng tôi rời con kênh ở Caster, đây là những lời đầu tiên được thốt ra.

“Con mới bỏ hôm qua thôi ạ.”

Khi chúng tôi bước vào vườn liêu, một tiếng găm gù vang lên và Vuốt phóng đến. Tôi đưa tay vỗ về đầu nó và nó lẻo đẻo theo tôi.

“Con chó này đã cứu mạng con đấy thầy,” tôi kể. Thầy Trừ Tà lẫn Alice chẳng bình luận gì, và khi chúng tôi đến cửa trước, Vuốt tách ra, đi sang lối bên hông nhà dẫn về phía bánh xe nước. Dẫu sao có nó ở bên ngoài cũng đỡ hơn. Như thế thì nó sẽ lên tiếng cảnh báo nếu có mục phù thủy nào tiến vào vườn.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ở trong gian bếp của cối xay, và không phí chút thời gian nào, tôi chất củi đầy bếp lò rồi nhóm lửa lên. Thầy Trừ Tà và Alice ngồi quan sát tôi làm việc. Thầy tôi trầm ngâm suy nghĩ. Alice trông vẫn còn hoảng sợ.

“Con chuẩn bị chút điểm tâm sớm cho mọi người nhé?” Tôi hỏi.

Thầy tôi quả quyết lắc đầu. “Tốt hơn là không, anh bạn à. Chúng ta có thể đối mặt với thế lực bóng tối bất cứ lúc nào nên chúng ta phải nhịn đói. Nhưng chắc con bé này sẽ cần chút gì đấy.”

Alice lắc đầu còn cương quyết hơn cả Thầy Trừ Tà. “Cháu không đói,” cô nói dứt khoát.

“Chà, nếu vậy thì, chúng ta cần cố gắng hiểu chuyện gì đang xảy ra. Ngay từ đầu ta đã phát hiện có mùi đối trá,” Thầy Trừ Tà khẳng định. “Vừa trở lại Chipenden, ta đã đọc được tin nhắn của Alice lẫn bức thư trước của con.

Nhưng khi ta định khởi hành đến cối xay thì tiếng chuông ngoài ngõ từ đường vang lên. Là tay thợ rèn trong làng – kẻ nào đó đã nhét thư dưới cửa nhà anh ta với tên ta trên ấy. Thư được đánh dấu khẩn. Là nét chữ viết tay của con, anh bạn ạ, nhưng ngoằn ngoèo run rẩy hơn bình thường, như thể con đã viết trong lúc vội. Thư bảo con đang gặp rắc rối nghiêm trọng và cần giúp đỡ. Giúp gì thì thư không nói cụ thể; chỉ đề địa chỉ căn nhà kho ở Caster thôi.

“Ừ, ta biết là con không thể phân thân ở hai nơi cùng lúc, nhưng vì Caster nằm trên đường đến cối xay, nên ta ghé qua đó trước. Ta đã chuẩn bị tinh thần cho rắc rối và dĩ nhiên là đã gặp phải. Nhưng có một chuyện vẫn làm ta băn khoăn. Làm sao con bé kia lại biết con đang gặp nguy hiểm? Làm sao con chuyển lời đến Alice được vậy?”

Thầy Trừ Tà nhìn tôi trừng trừng làm tôi biết mình không thể không nói thật với thầy. Thế là tôi hít một hơi sâu. “Con đã dùng gương ạ,” tôi cúi đầu, không dám nhìn thẳng vào mắt thầy.

“Con nói gì thế, hử?” Thầy Trừ Tà hỏi, giọng thầy âm trầm đáng sợ. “Ta có nghe đúng không đây? Gương à? *Gương ư...?*”

“Đây là cách duy nhất con có thể liên lạc với thầy mà!” Tôi thốt lên. “Con đang cùng đường. Ông Arkwright đã chết, bị mụ Morwena giết hại, và con biết tiếp theo mụ ta sẽ tìm đến con. Con cần thầy. Con không sao một mình đối mặt với mụ ấy được...”

Thầy cắt ngang lời tôi. “Ta biết lẽ ra mình không bao giờ nên để một đứa nhà Deane ở chung với chúng ta mà!” Thầy giận dữ trừng mắt nhìn Alice. “Con bé đã khiến con gặp phải tình huống tồi tệ đấy. Sử dụng một công cụ của bóng tối làm con sơ hở. Con vừa dùng đến gương, Quý Vương sẽ biết ngay là con đang ở đâu; bất cứ chuyện gì con thông tin thì hẳn đều biết tất.”

“Con không biết chuyện này ạ,” tôi xấu hổ thừa nhận.

“Không à? Thế giờ chắc con biết rồi đấy. Còn cô đấy, con bé kia,” thầy đứng lên nhìn trừng trừng vào Alice, “cô im lặng hơn mọi hôm nhỉ. Không có gì để bào chữa sao?”

Để đáp lại, Alice chỉ đưa tay lên che mặt và bắt đầu nức nở.

“Ở gần Quỷ Vương khiến Alice sợ lắm rồi ạ,” tôi nói. “Con chưa bao giờ thấy cô ấy run nhiều đến thế.”

“À há, anh bạn này, con biết vấn đề của con bé là gì mà, phải không?”

Tôi lắc đầu. Tôi không hiểu ý thầy.

“Quỷ Vương là thể lực bóng tối hiện hữu bằng da bằng thịt. Chính là Ác Quỷ, kẻ trị vì và sở hữu linh hồn của những ai thuộc về bóng tối. Con bé này đã được huấn luyện làm phù thủy và bản thân nó đã gần, rất gần, trở thành một sinh vật của bóng tối. Vì thế, nó cảm nhận được quyền năng của Quỷ Vương và biết hẳn ta có thể dễ dàng đánh cắp linh hồn nó như thế nào. Nó rất yếu ớt và nó biết điều đó. Đây là điều khiến nó hãi sợ.”

“Nhưng mà...” tôi mở miệng.

“Để dành hơi sức đi anh bạn! Đêm đã quá dài và ta mệt rồi, không muốn nghe gì nữa. Sau những gì con kể thì ta chẳng muốn nhìn mặt cả hai nữa, nên ta sẽ lên lầu cố ngủ cho lại sức. Ta khuyên hai đứa cũng nên làm thế đi. Con chó sẽ báo động cho chúng ta nếu có thứ gì đến gần.”

Khi thầy đã lên gác, tôi quay sang Alice. “Thôi nào, thầy nói phải đấy. Chúng ta chợp mắt chút thôi.”

Alice không đáp lại và tôi nhận ra cô đã thiếp đi từ lúc nào. Thế là tôi yên vị trên ghế và chỉ trong chốc lát, tôi đã chìm vào giấc ngủ.

Vài giờ đồng hồ sau, tôi choàng tỉnh. Ánh sáng ban ngày đang ủa vào trong theo lối cửa sổ, và khi nhìn qua bên kia, tôi thấy Alice cũng đã thức giấc. Tuy nhiên, việc cô đang làm khiến tôi choáng váng. Alice đang cầm viết của tôi trên tay ghi lia lịa vào sổ ghi chép cũng của tôi nốt – vừa ghi vừa lẩm ba lẩm bầm.

CHƯƠNG 21: LỜI NGUYỄN CHĂNG BUỘC

“Alice! Cậu đang làm gì thế?” Tôi gặng hỏi. “Sao cậu lại viết vào sổ ghi chép của tớ chứ?”

Alice nhìn lên, mắt mở lớn. “Xin lỗi nhé, Tom. Lẽ ra nên hỏi ý cậu trước, nhưng tớ không muốn làm phiền cậu.”

“Nhưng cậu đang viết *cái gì* thế kia?”

“Chỉ chép lại kiến thức Lizzie Xương Xấu đã dạy cho tớ thôi mà; những điều giúp chúng ta đánh bại Quý Vương ấy. Cậu sẽ cần đến mọi sự trợ giúp có thể có.”

Tôi hốt hoảng. Thầy Trừ Tà từng bảo Alice phải chỉ cho tôi mọi thứ cô được dạy để chúng tôi tăng thêm kiến thức về toàn bộ phù thủy và những quyền thuật bóng tối mà chúng tôi đối đầu. Nhưng chuyện này thì khác. Alice đang đề nghị chúng tôi lợi dụng sức mạnh bóng tối để đấu lại bóng tối, và tôi biết là Thầy Trừ Tà sẽ không thích đâu.

“Tối qua cậu không nghe gì sao?” Tôi cự lại. “Sử dụng quyền năng từ bóng tối khiến chúng ta sơ hở.”

“Cậu không thấy là chúng ta đã lộ ra sơ hở rồi sao?”

Tôi quay đi.

“Nghe này Tom, những gì Lão Gregory nói về tớ tối hôm qua đều đúng. Tớ hiện đã đến gần với bóng tối ra sao thì cậu cũng biết – ít ra là chưa thành một phù thủy đủ lông đủ cánh thôi. Thế nên tớ sợ lắm, khi phải ở gần Quý Vương như thế. Không có cách nào để tả cho cậu biết cảm nhận của tớ. Cậu thuộc về thế giới ánh sáng, Tom à, hoàn toàn là bên ấy, nên cậu sẽ không bao giờ cảm thấy tương tự. Một sự pha trộn giữa nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng, là thế đấy. Cảm giác rằng tớ xứng đáng nhận lấy bất cứ thứ gì mình

được bảo – nếu hẳn có yêu cầu tớ đi theo hẳn, làm thuộc hạ cho hẳn, hẳn tớ sẽ vâng lời mà không cần nghĩ ngợi.”

“Tớ chẳng hiểu chuyện này thì có liên quan gì.”

“À, tớ không phải là kẻ đầu tiên có cảm giác như vậy. Đã có lần, cách đây từ lâu lắm, Quý Vương rong ruổi trên trái đất này và phù thủy phải đối phó với chuyện ấy. Thế là có những cách để đương đầu. Cách để giữ cho hẳn tránh xa. Tớ chỉ đang cố nhớ ra một số. Lizzie từng duy trì khoảng cách với Satan thành công nhưng dì chưa bao giờ kể với tớ; có thể là hẳn đâu đấy trong những điều dì đã nói.”

“Nhưng cậu lại đang sử dụng quyền năng của bóng tối để chống lại hẳn, Alice! Đây mới là điểm chính yếu. Cậu cũng đã nghe Thầy Trừ Tà nói gì. Dùng đến gương là đủ rồi. Làm ơn đừng gây thêm điều gì tồi tệ hơn nữa.”

“Tồi tệ hơn à? Tồi tệ hơn! Điều gì có thể tồi tệ hơn khi Quý Vương xuất hiện ngay lúc này, trong căn phòng này, mà ta thì bó tay trước hẳn? Lão Gregory chẳng làm được gì cả. Tớ nghĩ ông ấy sợ rồi. Ông ấy nhận ra lần này mình phải chống lại một thứ gì đó quá lớn lao và nguy hiểm mà ông không đương đầu nổi. Tớ ngạc nhiên là ông ấy không quay lại Chipenden, nơi Lão Gregory cảm thấy an toàn hơn ấy!”

“Không đâu Alice! Nếu thầy sợ, thì là vì thầy có lý do chính đáng, nhưng Thầy Trừ Tà không phải là kẻ hèn. Thầy sẽ có kế hoạch cả thôi. Dù vậy, đừng sử dụng đến quyền năng bóng tối, Alice à. Hãy quên những gì Lizzie Xương Xấu dạy cậu đi. Xin đừng làm theo. Sẽ chẳng hay ho gì đâu...”

Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng ủng đi xuống lầu, thế là Alice giật rách trang giấy, vò nát rồi nhét vào ống tay áo. Sau đó cô nhanh tay dúm viết lằn số ghi chép vào túi đồ của tôi.

Khi Thầy Trừ Tà mang theo sách của ông Arkwright bước vào trong bếp, Alice mỉm cười buồn bã với tôi.

“Được rồi hai đứa. Có thấy khá hơn chưa?”

Alice gật đầu và thầy gật đáp lại khẽ thật khẽ trước khi ngồi xuống cái ghế gần bếp lò nhất.

“Ta hy vọng sau ngày hôm qua hai đứa đã học được điều gì đấy,” thầy nói tiếp. “Sử dụng sức mạnh bóng tối chỉ làm cho chúng ta yếu đi. Giờ thì đã hiểu chưa hử?”

Tôi gật đầu nhưng chẳng dám nhìn sang Alice.

“Mà này,” thầy tôi tiếp lời, “đã đến lúc tiếp tục cuộc thảo luận của chúng ta và quyết định nên làm gì rồi. Ta đã đọc rất nhiều về con gái của Quý Vương. Cuốn sách của Arkwright hữu ích hơn là ta tưởng. Ta muốn con bắt đầu từ đầu, anh bạn, kể cho ta nghe mọi chuyện, từ lần đầu con đến cối xay cho đến lúc ta tìm thấy con bị trói quặt và nhét giẻ trong nhà kho kia. Ta thấy là con từng đánh đấm gì đây,” thầy liếc sang cái tai đau của tôi, “nên cứ thông thả. Kể hết với ta mọi chi tiết. Chắc sẽ có điều gì đó quan trọng.”

Thế là tôi bắt đầu, không chừa chi tiết nào. Khi kể đến đoạn ông Arkwright đưa tôi lá thư và tôi quyết định quay lại cối xay, thầy tôi mới cắt ngang.

“Đúng như ta e ngại. Trong người Bill Arkwright tồn tại quý dữ khi anh ta uống say. Ta rất tiếc là con phải chịu đựng như thế, anh bạn à, nhưng ta làm vậy vì lợi ích tốt nhất. Arkwright trẻ, khỏe hơn ta và có những chuyện anh ta có thể dạy con, trong khi ta thì không thể nữa. Con cần được tôi rèn để chiến đấu với Quý Vương và chiến thắng – nói không chừng chúng ta phải thử dùng những biện pháp mà trước đây chưa hề mơ tới đấy.”

Nghe thế, Alice mỉm cười rất khẽ với tôi nhưng tôi lờ đi và tiếp tục câu chuyện. Tôi kể cho Thầy Trừ Tà nghe về cuộc tấn công của mục thủy phù thủy khi mục ta sém chút là giết chết tôi, kể về việc chúng tôi đã băng qua bãi cát để đến Cartmel như thế nào, và về cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi với vị ẩn sĩ. Tôi thuật lại việc ông Arkwright đã đánh đuổi đám bắt lính ra sao trước khi vị ẩn sĩ chịu dò tìm giúp ông Arkwright và phát hiện ra những nơi mục Morwena thường quanh quẩn. Có vài đoạn trong câu chuyện thật khó kể – nhất là lúc tìm thấy con chó bị giết và chiếc ủng của ông Arkwright dưới nước, và, dĩ nhiên là, cả lúc dùng đến gương để liên lạc với Alice. Cuối cùng, sau khi mô tả mình đã một lần nữa băng qua bãi cát nguy hiểm để trở về cối xay như thế nào, tôi cũng kể nốt luôn đoạn cuối trong nhà kho.

“Được rồi anh bạn, con đã có một quãng thời gian gian nan nhưng không tệ đến mức như con nghĩ đâu. Vì một lẽ nhé, ta có cảm giác Bill Arkwright chắc vẫn còn sống...”

Tôi kinh ngạc nhìn thầy mình.

“Ngậm miệng lại đi con, không thôi đốp phải ruồi bây giờ,” thầy tôi cười toe. “Chắc con thắc mắc sao ta lại biết chứ gì. Này nhé, nói thật là, ta không tuyệt đối chắc chắn đâu, nhưng ta có ba lý do để chỉ ra rằng Arkwright đã sống sót. Thứ nhất là linh tính. Hoàn toàn là trực giác mà thôi. Con luôn phải tin tưởng vào trực giác của mình đấy anh bạn, như trước đây ta từng bảo với con. Và trực giác mách bảo cho ta biết Bill còn sống. Thứ hai là hồn ma của mẹ anh ta. Con vừa kể cho ta nghe những gì bà ấy nói với con, và tối qua bà ấy cũng nói từng ấy điều khá tương tự với ta nữa...”

“Nhưng làm sao bà ấy biết ạ,” tôi thắc mắc, “khi mà bà ấy bị trói buộc vào xương cốt và không thể di chuyển đi đâu xa ngoài khu vườn của cối xay?”

“Amelia không phải là hồn ma tầm thường. Cơ bản thì bà ấy là thứ mà đôi khi chúng ta gọi là *ma da* vì bà ấy chết đuối. Mà không chỉ có thế: bà ấy tự kết liễu đời mình trong một khoảnh khắc thiếu suy nghĩ, và nhiều người khi làm vậy thì ngay lập tức lại hối hận, nhưng chỉ hối hận khi đã quá muộn rồi. Những linh hồn vướng mắc như thế đôi lúc có thể hòa nhịp với người sống,” thầy tôi đáp. “Bill và mẹ anh ta rất gần gũi. Nên linh hồn bà ấy cảm nhận được có chuyện rất xấu đã xảy ra cho anh ta; rằng anh ta cần được giúp đỡ; anh ta vẫn còn sống. Và bà ấy bảo với ta Arkwright đang bị ‘xiềng xích trong lòng đất mẹ chờ chết’ – cũng giống những lời bà ấy đã nói với con.

“Và lý do thứ ba là những gì ta tích góp sau khi đọc cuốn sách này. Những vật hiến tế cho Morwena được dâng lên khi đêm rằm đang đến gần...”

Thầy Trừ Tà mở sách đọc lớn:

“*Người trẻ thì bị quăng vào Huyết Hồ; người già bị xích vào một căn buồng kín dưới mặt đất cho đến thời điểm thích hợp.*”

“Nếu thật như thế, vậy ông Arkwright đang ở đâu? Dưới lòng đất của khu vực gần vùng ao hồ chẳng?”

“Có khả năng lắm, anh bạn, nhưng ta biết một cách giúp chúng ta tìm hiểu chắc chắn. Vị ẩn sĩ trên vùng Cartmel ấy. Ông ta dò tìm được Morwena thì có lẽ cũng tìm ra Arkwright hộ chúng ta – nếu bọn chúng để dành Bill cho ngày trăng tròn, chúng ta có sáu ngày để tìm. Tuy nhiên, thời điểm khi đêm rằm *đang đến gần* cho thấy chúng ta còn ít thời gian mà chậm trễ hơn nữa. Dù có thể nào chúng ta cũng phải tiến lên phương bắc. Nhiệm vụ của chúng ta là giải quyết mụ phù thủy kia trước khi mụ ta xử lý chúng ta.”

“Điều làm con không hiểu,” tôi nói, “là tại sao Quý Vương lại rời bỏ chúng ta. Nếu hãn ở lại, hãn Morwena đã thắng. Có hãn đấy thì chúng ta vô vọng rồi. Việc này vô lý quá.”

“Đúng là thế thật. Hơn nữa, tại sao Quý Vương không xuất hiện ngay lúc này, giết chết con và chấm dứt mọi chuyện luôn nhỉ? Điều gì đang ngăn cản hãn thế?”

“Con không biết ạ,” tôi đáp. “Chắc là hãn có nhiều chuyện quan trọng hơn cần giải quyết thôi.”

“Rõ là hãn có nhiều chuyện khác cần giải quyết rồi, nhưng con là một trong những mối đe dọa lớn nhất với hãn trong Hạt. Không, việc này còn có nhiều nguyên do sâu xa hơn nữa. Ta đã tìm thấy vài điều thú vị khi ta lục lại mấy chiếc rương của mẹ con. Lý do vì sao Quý Vương không tiêu diệt được con ngay là vì hãn đã dính phải ‘lời nguyền chẳng buộc’.”

“Là gì vậy thầy?”

“Há, tự con phải hiểu chứ nhỉ, con xuất thân từ gia đình nhà nông cơ mà.”

“Ta chẳng buộc ngựa. Trói chân nó lại,” tôi đáp.

“Đúng thế đấy anh bạn. Con trói chân ngựa để nó không lang thang được xa. Vậy nên ‘lời nguyền chẳng buộc’ là thuật giới hạn hay cản trở. Quyền năng của Quý Vương bị hạn chế mạnh mẽ theo một cách nào đấy. Nếu hãn giết con – bằng chính tay mình – hãn sẽ thống trị thế giới chúng ta trong một trăm năm thôi, rồi hãn sẽ buộc phải quay về nơi từ đấy hãn đến.”

“Con không hiểu,” tôi nói. “Nếu quả thật là thế, tại sao ngay lúc này hãn không tới giết con? Chẳng phải đây là điều hãn muốn ư – trị vì thế giới này trong một kỷ nguyên tăm tối mới ấy?”

“Vấn đề là, đối với Quý Vương, một trăm năm chẳng sá gì. Ý niệm về thời gian của hãn không giống chúng ta nên một thế kỷ hình như chẳng hơn một cái chớp mắt.Ồ, không đâu, hãn muốn thống trị lâu hơn thế nhiều.”

“Vậy là con được an toàn ạ?”

“Không phải – rủi thay là trong sách của mẹ con có nói, nếu hãn sai một trong những đứa con của hãn giết chết con, thì hãn sẽ thống trị thế giới này mãi mãi, và đây là lý do vì sao hãn phái con gái hãn thi hành nhiệm vụ.”

“Hãn có nhiều con không ạ?” Alice hỏi.

“Việc này ta không rõ,” Thầy Trừ Tà đáp. “Nhưng nếu Morwena không thể đánh bại Tom – mà nhìn thẳng vào sự thật nhé, mẹ ta đã thất bại đến hai lần rồi – và nếu Quý Vương không còn đứa con nào khác giúp sức, còn có cách thứ ba hãn sẽ thử để giết con đấy. Hãn sẽ cố dụ con gia nhập vào thế lực bóng tối...”

“Đừng hòng!” Tôi hét lên.

“Con nói thế thôi, chứ con đã sử dụng quyền năng của bóng tối rồi đấy, làm chính con suy yếu bằng mấy tấm gương kia kìa. Nếu hãn thuyết phục được con chuyển sang phe bóng tối, thì sự trị vì của hãn sẽ kéo dài đến muôn đời. Vậy nên đây mới là điều thực sự làm ta lo lắng, anh bạn à. Hãn mạnh thật, đúng vậy. Vô cùng mạnh. Nhưng cũng mưu mô quý quyết nữa. Đây là lý do vì sao bằng mọi giá chúng ta cũng không được thỏa hiệp với thế lực bóng tối.”

“Ai đã tạo ra lời nguyền chẳng buộc vậy ạ?” Tôi hỏi. “Ai lại có đủ sức mạnh để hạn chế quyền năng của Quý Vương như thế? Có phải là mẹ con không?”

Thầy Trừ Tà nhún vai. “Ta không biết, anh bạn à. Ta không tìm ra bằng chứng nào cho thấy bà ấy là người đã tạo lời nguyền – nhưng đúng đấy, trực

giác ban đầu của ta cho là vậy. Chỉ có người mẹ mới liều mình như thế để bảo vệ con họ.”

“Ý thầy là sao ạ?”

“Luôn luôn có biện pháp chống lại thế lực bóng tối và hạn chế quyền năng của nó. Ta đoán là bất cứ ai làm được vậy đều trả một cái giá kinh khủng. Những chuyện như thế không thể thành công mà không hy sinh thứ gì trao đổi. Ta đã lục khắp rương thật cẩn thận nhưng chẳng tìm thấy gì để lý giải điều này.”

Nếu chính là mẹ đang cố bảo vệ tôi, thì đột nhiên tôi thấy lo cho bà. Mẹ đã trả cái giá thế nào để giúp tôi đây? Có phải lúc này, tận bên Hy Lạp xa xôi, mẹ tôi đang chịu đau khổ vì đã làm vậy không?

Chắc là Alice đã cảm nhận được nỗi lo sợ của tôi nên cô dịch đến gần hơn để an ủi. Nhưng Thầy Trừ Tà thì chẳng có thời gian đâu cho mấy trò tình cảm này.

“Chúng ta đã nói chuyện và nghỉ ngơi đủ rồi,” thầy bảo. “Đã đến lúc hành động. Bây giờ chúng ta lên đường đến Cartmel. Nếu nước triều như mọi khi, chúng ta có thể an toàn băng qua vịnh trước khi trời tối.”

Một giờ sau thì chúng tôi đã lên đường. Tôi đang rất đói nhưng đành phải ăn qua loa một miếng đây phô mai giòn của Hạt để giữ sức. Thầy tôi đưa Alice một ít nhưng cô từ chối.

Theo lời Thầy Trừ Tà, tôi bỏ túi đồ lại cối xay, nhưng một lần nữa tôi buộc sợi xích bạc quanh eo, dưới lớp áo choàng.

Khi chúng tôi rời khỏi vườn, con Vuốt phóng theo; Thầy Trừ Tà nhìn nó nghi ngại.

“Con có nên đuổi nó vào nhà không ạ?” Tôi hỏi.

“Thôi, cứ để cho nó theo,” thầy đáp trong sự ngạc nhiên của tôi. “Ta thà là không mang theo thú vật lẻo đẽo phía sau, nhưng con này là chó săn, thừa khả năng lẩn theo dấu vết, biết đâu sẽ hữu ích trong việc giúp chúng ta tìm ra chủ nó.”

Vậy là ba người chúng tôi cùng con Vuốt khởi hành, cố tìm kiếm Bill Arkwright. Khả năng thất bại là rất lớn. Chúng tôi cần phải đối phó với mẹ Morwena và những phù thủy khác, đây là còn chưa nói đến quyền lực của Quỷ Vương. Dù có bị nguyên chẳng hay không, chẳng có lý do gì để hẳn không phá bình và tạo điều kiện cho lũ đầy tớ của mình tiêu diệt chúng tôi.

Tuy nhiên, hai mối lo của tôi lại là mẹ và Alice. Có phải mẹ đã nguyên chẳng Quỷ Vương để bảo vệ tôi? Và phải chẳng Alice đang dần dần nghiêng về phe bóng tối? Tôi biết cô có ý tốt và đang làm như thế vì những lý do chính đáng nhất, nhưng có thật là cô đang khiến mọi chuyện tồi tệ hơn? Trước nay Thầy Trừ Tà luôn lo ngại một ngày nào đó Alice sẽ quay về với thế lực bóng tối; nếu Alice làm vậy, tôi không muốn cô kéo mình theo đâu.

CHƯƠNG 22: NGƯỢC CHIỀU KIM ĐỒNG HỒ

Chúng tôi đến Bờ Hest rồi phải đợi hàng giờ thì nước triều mới rút. Tuy nhiên, với sự đồng hành của nửa tá người, hai cỗ xe ngựa cùng người dẫn đường, chúng tôi đã băng qua vịnh tương đối nhanh và an toàn.

Sau khi leo lên mãi chúng tôi cũng đến được hang động của vị ẩn sĩ trước lúc trời nhá nhem. Trong hang im lặng như tờ. Ông Judd Atkins đang ngồi xếp bằng đối diện đồng hồ; hai mắt ông nhắm nghiền và dường như đang không hít thở gì. Thầy tôi dẫn đường vào trước, gần như là rón rén đi tới cho đến khi thầy đứng cách vị ẩn sĩ qua đồng hồ.

“Xin lỗi đã làm phiền ông, thưa ông Atkins,” thầy tôi lịch sự nói, “nhưng tôi tin là ông có quen biết với Bill Arkwright và mới đây anh ấy có ghé thăm ông. Tôi là John Gregory và Bill từng có thời là chân học việc cho tôi. Bill đã mất tích nên tôi muốn nhờ ông giúp tìm ra anh ấy. Anh ấy bị thủy phủ thủy bắt đi, nhưng dù là thế, vẫn có khả năng là Bill còn sống.”

Trong một đôi, vị ẩn sĩ không tỏ dấu hiệu nhận biết Thầy Trừ Tà và cũng chẳng nói năng gì. Ông ấy đang ngủ say hay là đang thiền định chi đây?

Thầy tôi lôi từ túi quần ra một đồng bạc rồi giơ lên. “Tất nhiên tôi sẽ trả công cho ông. Chừng này đã đủ chưa nhỉ?”

Vị ẩn sĩ mở mắt ra. Đôi mắt sáng rực cảnh giác nhanh nhẹn đảo từ Thầy Trừ Tà sang Alice rồi đến tôi, trước khi quay trở lại nhìn chăm chú vào thầy tôi. “Cất tiền đi, John Gregory. Ta không cần đến tiền. Lần tới, khi băng qua vịnh, hãy đưa tiền cho người hướng dẫn. Bảo với anh ta là để bù lại những mất mát. Tiền là để giúp gia đình của những kẻ chết đuối khi cố băng qua vịnh ấy.”

“Vâng, tôi sẽ làm thế,” Thầy Trừ Tà đáp. “Vậy ông sẽ giúp chứ?”

“Ta sẽ cố hết sức. Từ khoảng cách này sẽ rất khó nói là anh ta còn sống hay đã chết, nhưng nếu anh ta có để lại thứ gì thì tôi sẽ tìm ra thôi. Ông có bản đồ không? Với lại vật gì thuộc về Bill ấy?”

Thầy tôi thọc tay vào túi, lấy một bản đồ ra, cẩn thận trải ra trên sàn động gần đồng lửa. Bản đồ này cũ và tồi tả hơn bản đồ của Bill Arkwright, nhưng cũng bao quát cùng một khu vực.

Vị ẩn sĩ nhìn vào mắt tôi mà mỉm cười. “À này Thomas, dù còn sống hay đã chết, một con người luôn dễ tìm hơn là một phù thủy đấy.”

Thầy Trừ Tà thò vào túi quần và lấy ra một chiếc nhẫn vàng mỏng mảnh. “Cái này thuộc về mẹ của Bill,” thầy nói. “Là nhẫn cưới của bà ấy và trước lúc chết bà đã tháo ra để lại cho Bill, cùng di thư nói cho Bill biết bà ấy yêu con thế nào. Đây là một trong những tài sản Bill trân quý nhất nhưng anh ấy chỉ mang nó một năm hai lần thôi: một lần vào ngày giỗ của mẹ và ngày còn lại chắc là sinh nhật bà ấy.”

Tôi chợt nhận ra đây là chiếc nhẫn mình từng thấy trên nắp quan tài mẹ ông Arkwright. Hẳn Thầy Trừ Tà đã đem nó ra khỏi phòng với ý định này.

“Nếu Bill từng mang chiếc nhẫn thì chắc sẽ tìm được thôi,” Judd Atkins vừa nói vừa đứng lên. Ông cột một đoạn dây vào chiếc nhẫn, treo nhẫn đứng đưa trên bản đồ, di chuyển chậm chậm từ phải sang trái, tiến dần lên phía bắc.

Chúng tôi quan sát vị ẩn sĩ trong im lặng. Ông làm việc rất tỉ mỉ nên mất khá nhiều thời gian. Dần dà ông đến được vĩ độ vùng hồ nước. Chẳng mấy chốc tay ông giật giật. Ông nhích xuống bên dưới một tí và lặp lại sự rà soát cho đến khi tay ông lại giật tại cùng một địa điểm. Nơi này cách phía đông Hồ Coniston hơn năm dặm, nằm đâu đó ngoài Hồ Lớn – cũng cùng một dạng như Hồ Coniston nhưng lớn hơn.

“Anh ta đang ở trên hòn đảo này,” vị ẩn sĩ vừa nói vừa chỉ ngón tay trỏ vào đấy.

Thầy Trừ Tà chăm chú nhìn vào. “*Hòn Belle ư,*” thầy thốt lên. “Tôi chưa bao giờ đến đấy cả. Ông biết gì về nơi này không?”

“Trong những chuyến du hành của mình, tôi đi qua vùng này không chỉ một lần,” vị ẩn sĩ đáp. “Vài năm trước, từng có một vụ án mạng cách phía nam hòn đảo chừng một dặm. Là cuộc tranh giành một cô gái nào đó. Nạn nhân bị buộc dây đá rồi quăng xuống hồ. Tôi đã tìm thấy cái xác nhờ dò mạch. Còn về hòn đảo ấy, không ai ghé vào nơi đó nữa. Hòn đảo đã mang lấy tiếng xấu rồi.”

“Bị ma ám ư?” Thầy Trừ Tà hỏi.

Ông Judd lắc đầu. “Tôi chả rõ, nhưng người ta không ngó ngang gì đến nơi này và chắc chắn là tránh xa nó sau khi trời tối. Nơi đó cây cối rậm rịt và còn có một công trình phí của ẩn mình sau rừng cây. Mặt khác, chẳng hề có bóng dáng con người. Rất có khả năng ông sẽ tìm được William tại đây.”

“Công trình phí của là gì ạ?” Tôi hỏi.

“Thường thì đấy là một kiểu nhà be bé dùng để trang trí mà chẳng vì mục đích gì rõ rệt,” Thầy Trừ Tà đáp. “Đôi khi chúng được xây theo hình dáng những ngọn tháp hay lâu đài. Chúng chỉ để ngắm chứ không phải để ở. Do đó chúng mang tên như vậy – một công trình ngu xuẩn được kẻ không cần phải lo nghĩ đến việc lao động kiếm sống xây nên. Kẻ có thừa tiền lắm thời gian hơn là trí óc ấy.”

“Ừ, đấy là nơi William Arkwright bị giam giữ,” vị ẩn sĩ xác định. “Nhưng còn sống hay đã chết thì ta không dám chắc.”

“Chúng tôi đi đến hòn đảo ấy bằng cách nào?” Thầy Trừ Tà vừa hỏi vừa gấp bản đồ lại.

“Khó lắm,” ông Judd lắc đầu. “Có những người đưa đò kiếm sống bằng việc đưa khách qua hồ đấy, nhưng rất ít kẻ muốn chở khách đến hòn đảo kia.”

“Chà, nếu vậy chúng tôi đâu thể làm gì khác ngoài việc phải thử,” Thầy Trừ Tà nói. “Cảm ơn mọi sự giúp đỡ của ông, ông Atkins ạ, và đảm bảo tôi sẽ đóng góp cho người hướng dẫn để phụ giúp gia đình những người quá cố.”

“Thế thì ta rất vui vì đã có thể giúp được,” vị ẩn sĩ đáp. “Giờ thì mời mọi người trú lại đây qua đêm. Riêng về chuyện thức ăn, ta chẳng có gì nhiều để đãi mọi người ngoài món canh súp.”

Để chuẩn bị đối đầu với thế lực bóng tối, Thầy Trừ Tà và tôi từ chối lời mời dùng bữa. Ngạc nhiên làm sao, Alice cũng từ chối tương tự – cô thường có khẩu vị rất tốt và thường muốn giữ sức lắm kia mà. Tuy nhiên tôi chẳng nói gì, thế là chúng tôi nhanh chóng ổn định chỗ nghỉ, vô cùng cảm kích được qua đêm gần đồng lửa của vị ẩn sĩ.

Tôi thức giấc chừng bốn giờ sáng và thấy Alice đang ngồi nhìn mình qua đồng than hồng. Thầy Trừ Tà đang say ngủ, nhịp thở nhịp nhàng chậm rãi. Vị ẩn sĩ vẫn ngồi y tư thế lúc trước, mắt nhắm, đầu cúi – nhưng ông ấy có ngủ hay không thì khó mà chắc chắn.

“Cậu ngủ say quá đấy, Tom,” Alice mở to mắt, vẻ nghiêm trọng. “Tớ đã nhìn chăm chăm vào cậu gần cả nửa giờ đồng hồ. Đa số mọi người hẳn sẽ thức dậy trong hai phút thôi.”

“Tớ có thể thức dậy bất cứ lúc nào tớ muốn mà,” tôi mỉm cười bảo với Alice. “Thường thì tớ tỉnh giấc khi có thứ gì đe dọa. Nhưng cậu có phải là mối đe dọa đâu Alice. Cậu muốn tớ thức dậy à? Để làm gì?”

Alice nhún vai. “Tớ không ngủ được và chỉ muốn trò chuyện, thế thôi.”

“Cậu không sao chứ?” Tôi hỏi. “Cậu đã chẳng ăn tối. Không giống cậu chút nào.”

“Tớ vẫn khỏe như hồi nào tới giờ,” Alice lặng lẽ đáp.

“Cậu cần phải ăn vào,” tôi nói.

“Bản thân cậu cũng đâu ăn uống gì nhiều phải không? Mỗi một mẩu phô mai mốc meo của Lão Gregory thì làm sao thêm được chút da thịt vào bộ xương khăng khiu của cậu.”

“Thầy trò tớ làm vậy là có lý do, Alice à. Chúng tớ sẽ sớm đương đầu với thế lực bóng tối, nên nhịn ăn sẽ có ích. Thật đấy. Còn *cậu* thì cần phải ăn một chút. Tính tới giờ đã hơn một ngày cậu không ăn gì cả.”

“Để tớ yên đi Tom. Chẳng phải việc của cậu.”

“Đương nhiên là việc của tớ chứ. Tớ quan tâm đến cậu và không muốn trông thấy cậu ốm.”

“Tớ đang làm vậy là có lý do. Không chỉ mỗi kẻ trừ tà cùng người học việc là có thể nhin đói đầu. Tớ cũng sẽ nhin ăn trong ba ngày. Tớ sẽ làm như Lizzie đã dạy tớ. Dì nhin đói rất lâu khi cần phải tích lũy sức mạnh. Đây có thể là bước đầu tiên để Satan tránh xa tớ.”

“Và sau đó là gì, Alice? Cậu sẽ làm gì khác nữa đây? Điều gì đó thuộc về quyền năng bóng tối, phải không nào? Làm thế đi, rồi cậu sẽ chẳng hơn gì lũ kẻ thù mà thầy trò tớ phải đối phó. Cậu sẽ là một phù thủy sử dụng quyền năng của phù thủy! Hãy dừng lại, ngay lúc này, khi còn có thể đi! Và hãy thôi liên lụy đến tớ. Cậu nghe thấy thầy Gregory nói rồi đấy: Quỷ Vương sẽ chẳng thích gì hơn ngoài lôi kéo tớ vào thế giới bóng tối đâu.”

“Không, Tom, thế không công bằng. Tớ không phải là phù thủy và sẽ không bao giờ là thế. Tớ sẽ sử dụng quyền năng bóng tối, đúng thế thật, nhưng tớ sẽ không kéo cậu về phe bóng tối. Tớ chỉ đang làm những gì mà mẹ cậu yêu cầu thôi!”

“Gì cơ? Mẹ tớ sẽ không khi nào yêu cầu cậu làm vậy.”

“Cậu chẳng biết mình đang sai lầm thế nào đâu Tom. *Hãy dùng bất cứ thứ gì! Bất cứ thứ gì!* Mẹ cậu đã nói thế. *Bất cứ gì con có thể để bảo vệ được nó.* Cậu không hiểu sao Tom? Đây là lý do vì sao tớ lại ở đây – để sử dụng bóng tối chống lại bóng tối, đảm bảo sao cho cậu sống sót!”

Tôi sửng người khi nghe những lời của Alice và không biết phải nói gì. Nhưng Alice không phải kẻ nói dối, điều này thì tôi chắc chắn. “Mẹ tớ nói với cậu khi nào thế?” Tôi lặng lẽ hỏi.

“Năm ngoái, lúc tớ ở cùng gia đình cậu – khi chúng ta cùng nhau tiêu diệt Mẹ Malkin. Và từ bấy đến nay mẹ cậu có nói chuyện với tớ thêm một lần. Khi chúng ta ở Pendle mùa hè rồi, bà đã nói chuyện với tớ qua gương...”

Tôi kinh ngạc nhìn Alice. Tôi đã không liên lạc với mẹ mình từ đầu mùa xuân, khi bà bỏ về Hy Lạp. Ấy vậy mà mẹ lại nói chuyện với Alice! Và

dùng gương để trò chuyện nữa chứ!

“Mẹ đã nói gì với cậu, Alice? Chuyện gì khẩn trương đến mức bà phải nói với cậu qua gương chứ?” Tôi chất vấn.

“Như lúc này tớ đã nói rồi. Lúc còn ở Pendle, khi những hiệp hội phù thủy đang chuẩn bị mở cổng để thả Quỷ Vương vào lại thế giới này ấy. Mẹ cậu bảo cậu sẽ gặp nguy hiểm tột cùng và đã đến lúc tớ phải sẵn sàng bảo vệ cho cậu. Kể từ đấy tớ đã cố hết sức chuẩn bị, nhưng thật không dễ dàng gì.”

Tôi liếc nhìn Thầy Trừ Tà, đoạn hạ thấp giọng. “Nếu Thầy Trừ Tà phát hiện cậu đang cố làm gì, thầy sẽ đuổi cậu đi ngay. Cẩn thận đấy Alice, vì việc này có thể xảy ra. Thầy đã lo lắng về hai chúng ta vì chúng ta đã dùng đến gương. Đừng để thầy có được cái cơ dù là nhỏ bé nhất, làm ơn đấy...”

Alice gật đầu, và trong một hồi lâu chúng tôi không trò chuyện, chỉ ngồi nhìn chăm chăm vào đồng than hồng. Chập sau, tôi nhận thấy vị ẩn sĩ đang nhìn mình trừng trừng. Tôi nhìn lại và hai chúng tôi không rời mắt khỏi nhau. Ông ấy thậm chí không hề chớp mắt. Thấy luống cuống, thế là tôi hỏi ông, “Ông đã học cách dò mạch như thế nào vậy, thưa ông Atkins?”

“Làm thế nào chim học cách làm tổ? Hay con nhện biết cách chăng tơ? Ta được sinh ra cùng thiên khiếu, Thomas à. Cha ta cũng thế và cả ông nội ta nữa. Thiên khiếu truyền qua các đời trong gia đình, và không chỉ để tìm ra nguồn nước hay người mất tích không đâu. Nó còn có thể mách cho ta biết về con người nữa. Về nơi từ đâu họ đến và về gia đình họ. Cậu có muốn ta chỉ cho thấy không?”

Tôi không chắc mà cũng không biết sẽ thấy gì, nhưng trước khi tôi kịp đáp lại, vị ẩn sĩ đã đứng lên và đi vòng qua đồng lửa đến chỗ tôi, vừa đi vừa lấy trong túi ra một đoạn dây. Ông buộc một mảnh thủy tinh nho nhỏ vào sợi dây và giơ nó lơ lửng trên đầu tôi. Sợi dây bắt đầu chậm chậm xoay vòng theo chiều kim đồng hồ.

“Cậu xuất thân từ một gia đình tốt, Thomas à – điều này đã quá rõ. Cậu có mẹ và các anh yêu thương cậu hết mực. Vài anh em của cậu đã phải ly tán

nhưng mọi người sẽ sớm đoàn tụ. Ta nhìn thấy một dịp sum họp gia đình quan trọng. Một sự sum họp mang ý nghĩa vô cùng lớn lao.”

“Được thế thì vui quá ạ,” tôi nói. “Mẹ và cháu đã không gặp bốn trong số các anh hơn ba năm rồi.”

Tôi liếc qua Thầy Trừ Tà, lòng mừng thầm vì thầy còn đang say ngủ. Thầy chắc sẽ bực mình khi thấy vị ẩn sĩ đang tiên đoán tương lai. Nhưng lúc này đây, ông Judd Atkins đã rời chỗ tôi mà tiến đến chỗ Alice. Cô nhắm mắt khi ông giơ sợi dây trên đầu cô. Sợi dây bắt đầu xoay nhưng là theo hướng ngược lại: từ phải sang trái, ngược chiều kim đồng hồ.

“Ta đau lòng khi phải nói thế này, cô gái à,” vị ẩn sĩ bảo, “nhưng cô xuất thân từ một gia đình xấu, một tộc phù thủy...”

“Việc này có gì là bí mật đâu,” Alice cau có.

“Còn tệ hơn nữa đấy,” ẩn sĩ nói. “Cô sẽ sớm đoàn tụ với họ, với cha cô, kẻ rất thương cô. Cô là người đặc biệt với hắn. Là đứa con gái đặc biệt của hắn.”

Alice nhảy dựng lên, ánh mắt tóe lửa giận. Cô giơ tay lên, trong thoáng chốc tôi cứ tưởng Alice sẽ cào cấu hay tấn công vào mặt vị ẩn sĩ. “Cha tôi đã mất và được chôn cất. Ông ấy nằm trong lòng đất lạnh đã hằng bao nhiêu năm!” Alice quát. “Thế đấy là điều ông đang ám chỉ ư? Rằng tôi sẽ chết sớm chứ gì? Nói thế là không hay đâu nhé! Chẳng hay ho gì để nói như vậy với bất cứ ai đâu!”

Dứt lời, cô rời khỏi hang động. Khi tôi định đi theo Alice, Judd Atkins bước đến đặt tay lên vai tôi. “Để cô ấy đi đi, Thomas à,” ông buồn rầu lắc đầu. “Hai người bọn cậu không bao giờ có thể bên nhau. Cậu có thấy cái cách sợi dây xoay vòng với mỗi người một khác không?”

Tôi gật đầu.

“Thuận và nghịch chiều kim đồng hồ. Ánh sáng tương phản với bóng tối. Tốt đẹp đối nghịch với xấu xa. Ta chỉ nhìn thấy những gì đã thấy và ta rất lấy làm tiếc phải nói rằng đấy là sự thực. Mà không chỉ có thế – ta còn nghe được cuộc trò chuyện giữa hai cô cậu. Bất cứ kẻ nào sẵn lòng sử dụng quyền

năng bóng tối như thế, mặc cho bất cứ lý do gì đi nữa, đều không thể tin tưởng. Liệu một con cừu có thể ngồi yên thân cạnh một con sói không? Hay liệu thỏ có làm bạn được với cáo? Hãy cẩn thận, bằng không cô gái sẽ kéo cậu xuống theo! Hãy để cô ấy đi và tìm cho mình một người bạn khác. Alice không thể là bạn cậu đâu.”

Nghe vậy nhưng tôi vẫn đuổi theo Alice khi cô khuất dạng vào trong bóng tối. Tôi chờ ngoài cửa hang cho đến khi cô quay lại trước lúc bình minh khoảng một giờ. Lúc tôi tiến đến, Alice không nói không rằng và né người tránh đi. Tôi nhận thấy Alice đã khóc.

CHƯƠNG 23: LỘ PHÙ THỦY

Chúng tôi lên đường ngay khi bình minh ló dạng, vị ẩn sĩ vẫn đang say ngủ. Bầu trời trong veo nhưng không khí lạnh cóng khi chúng tôi đi theo hướng bắc về phía Hồ Lớn, những chóp núi cao cao phủ tuyết thấp thoáng đằng xa. Dù lạnh tê tái là thế, lớp sương muối dưới chân chẳng mấy chốc đã bắt đầu tan ra, làm nền đất nhóp nhép lẹp lẹp.

Khi chúng tôi băng qua dòng Leven bằng cây cầu gỗ nho nhỏ và tiến bước về bờ hồ phía tây, việc đi lại trở nên khó khăn hơn, lối đi hẹp uốn mình khúc khuỷu quanh co xuyên qua rừng tùng rừng thông dày đặc, bên tay trái chúng tôi lại là những sườn núi dốc đứng.

Chúng tôi chắc là giống như ba con cừu lạc đường, căn cứ vào hành vi của con Vuốt. Nó liên tục đi vòng vòng quanh chúng tôi, phóng tới trước và lại quay về lùa chúng tôi từ phía sau. Đây là một trò Vuốt được ông Arkwright dạy cho: cảnh giới với nguy hiểm, kiểm tra mọi hướng để phát hiện những mối đe dọa khả dĩ cho người đồng hành cùng mình.

Sau một hồi, tôi tụt lùi lại sóng vai cùng Alice. Chúng tôi đã không trò chuyện gì với nhau kể từ khi bất đồng ý kiến hồi đêm.

“Cậu ổn không, Alice?” Tôi hỏi.

“Chưa khi nào ổn hơn,” Alice đáp với chút lãnh đạm.

“Tớ xin lỗi vì chúng mình đã cãi nhau.”

“Tớ không màng chuyện đó đâu Tom. Tớ biết là cậu đang cố làm điều tốt nhất thôi.”

“Bọn mình vẫn là bạn chứ?”

“Đương nhiên.”

Chúng tôi bước đi trong im lặng một hồi rồi Alice mở lời, “Tớ có kế hoạch này Tom à. Một kế hoạch giữ cho Quỷ Vương tránh xa chúng mình.”

Tôi quắc mắt nhìn Alice. “Tớ hy vọng kế hoạch ấy không liên quan đến phép thuật bóng tối,” tôi bảo, nhưng Alice không trả lời câu hỏi của tôi.

“Cậu muốn nghe kế hoạch của tớ hay là không?”

“Cứ nói ra đi.”

“Cậu biết lọ phù thủy là gì chứ?” Alice hỏi.

“Tớ có nghe nói đến nhưng không biết nó hoạt động ra sao. Thầy Trừ Tà không tin vào thứ này.” Lọ phù thủy là vũ khí phù thủy dùng để chống lại thuật phù thủy, tuy nhiên, Thầy Trừ Tà nghĩ trò này chỉ là một thứ do những kẻ mê tín dị đoan hay đầu óc yếu kém sử dụng.

“Lão Gregory thì biết gì nào?” Alice mĩa mai. “Cậu đừng lo, làm đúng cách thì nó sẽ phát huy tác dụng ngay. Lizzie Xương Xấu tin vào hiệu quả của phép này lắm. Khi một kẻ thù là phù thủy sử dụng pháp thuật bóng tối với cậu, thì có một cách để ngăn chặn. Trước tiên, cậu cần đến chút nước tiểu của mẹ ta. Đây là phần khó khăn nhưng cậu sẽ không cần nhiều lắm đâu. Chỉ một chút xíu để bỏ vào trong lọ. Sau đấy, cậu bỏ vào lọ nước tiểu những kim găm bẻ cong, những viên đá sắc cạnh và vài cây đinh sắt, nút kín lọ lại rồi lắc thật đều. Xong xuôi, cậu phơi lọ ra nắng trong ba ngày, rồi ngay đêm rằm tiếp theo, cậu chôn lọ xuống dưới một đồng phân.

“Tới đây là việc đã hoàn tất. Khi mẹ phù thủy đi vệ sinh lần tiếp thì mẹ sẽ đau đớn khủng khiếp. Như là mẹ ta đang tiểu ra kim găm nóng đỏ! Thế là cậu chỉ cần gửi lời nhắn lại cho mẹ, nói mẹ biết cậu đã làm gì. Mẹ ta sẽ giải lời nguyện cho cậu ngay tắp lự. Nhưng cậu phải giấu cái lọ đi, phòng khi có lúc lại cần đến!”

Tôi phá ra cười. “Vậy ra đây là thứ cậu sẽ dùng để đối phó với Quỷ Vương hả Alice?” Tôi giễu. “Nước tiểu của hã cùng vài kim găm bị cong à?”

“Bọn mình quen nhau khá lâu rồi Tom nhỉ, và tớ nghĩ đến lúc này cậu biết là tớ không ngốc. Mẹ cậu cũng vậy. Cậu phải thấy xấu hổ đi, khi cười cợt như thế. Cười kiểu đấy gây khó chịu lắm. Khi tớ gặp cậu thì cậu dễ thương lắm mà. Hồi ấy cậu sẽ không cười tớ như vậy, dù tớ có nói gì đi nữa. Cậu rất

tử tế và lễ độ, nên không hành xử như vậy đâu. Đừng thay đổi chứ Tom, làm ơn đi. Cậu cần phải cứng rắn hơn, nhưng không phải cái kiểu này. Tớ là bạn cậu. Cậu không được làm tổn thương bạn mình, dù cậu có đang lo sợ đến mức nào.”

Những lời này làm họng tôi nghẹn lại, đến nỗi tôi không thể thốt nên lời, còn nước mắt thì ứa ra. “Xin lỗi nhé Alice,” cuối cùng tôi lên tiếng. “Tớ không có ý như thế. Cậu nói đúng. *Quả thật* là tớ đang sợ, nhưng tớ không nên trút lên cậu.”

“Không sao đâu Tom. Cậu đừng lo, nhưng cậu đã không để tớ nói nốt. Tớ sắp nói là tớ định sử dụng thứ gì đó tương tự. Không phải nước tiểu. Tớ sẽ dùng máu. Vậy nên chúng ta cần tìm ra chút máu đặc biệt. Tớ không định nói là máu của hãn – làm sao mà chúng ta lấy được cơ chứ? Máu của con gái hãn, Morwena, ắt là sẽ có tác dụng! Một khi thu được ít máu rồi, tớ sẽ làm nốt phần còn lại.”

Alice lôi một vật từ trong túi khoác ra, giơ trước mặt tôi. Là một chiếc lọ bằng đất sét thật bé, một đầu nút bằng nút bấc.

“Người ta gọi đây là *huyết bình*,” Alice bảo. “Chúng ta cần lấy máu của Morwena cho vào lọ rồi trộn với ít máu của cậu. Như thế Quý Vương sẽ bị buộc phải tránh xa cậu. Cậu sẽ được an toàn, tớ bảo đảm đấy. Không cần nhiều đâu. Chỉ mỗi người vài giọt là có thể...”

“Alice, đấy là pháp thuật bóng tối. Nếu Thầy Trừ Tà phát hiện thì thầy sẽ đuổi cậu vĩnh viễn, thậm chí là nhốt cậu xuống hố trong vườn nhà thầy. Với lại hãy nghĩ cho bản thân cậu. Nghĩ cho linh hồn của chính cậu. Nếu không cẩn thận, cậu có thể sẽ thuộc về Quý Vương đấy!”

Trước khi tôi kịp nói thêm gì nữa, Thầy Trừ Tà đã gọi tên tôi và vẫy tay ra hiệu cho tôi lên chỗ thầy. Thế là tôi chạy tới, bỏ Alice lại đằng sau.

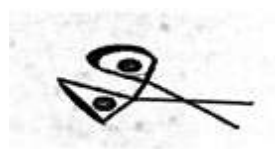
Chúng tôi đi tiếp, lối mòn giờ ở sát bờ hồ, nên Thầy Trừ Tà phải thận trọng để mắt trông chừng mặt nước. Chắc chắn là thầy đang nghĩ đến mối đe dọa từ mẹ Morwena cùng những thủy phù thủy khác. Chúng có thể từ dưới

nước tấn công lên bất cứ lúc nào. Nhưng tôi thì tin Alice cùng con Vuốt sẽ cảnh báo cho chúng tôi thôi.

Phải chăng mục Morwena đã theo chân chúng tôi kể từ lúc chúng tôi rời cối xay, mục giữ khoảng cách và chỉ chờ có dịp tấn công? Hai bên bờ hồ đều dày đặc cây cối. Có khả năng mục đang di chuyển xuyên qua lớp cây rừng ken dày che chắn, thậm chí là đang bơi dưới mặt nước phẳng lặng. Ánh nắng mùa đông đang phủ lên miền quê thứ ánh sáng nhàn nhạt và tầm nhìn khá khả quan: tôi không cảm nhận được chút nguy hiểm nào. Nhưng khi đêm xuống thì đây sẽ là chuyện khác.

Làm sao tôi có thể phạm sai lầm đến thế? Hiếm nguy đang rình rập xung quanh, vì Thầy Trừ Tà đã đột ngột dừng lại và chỉ vào một cái cây bên tay phải, cách bờ hồ chưa tới năm mươi bước.

Tim tôi thót lên vì sợ khi tôi nhìn thấy thứ khắc vào gốc cây...



“Trông như mới được khắc,” thầy tôi bảo. “Giờ thì chúng ta lại có thêm một kẻ thù để lo!”

Đây là dấu hiệu của mục Grimalkin. Mùa hè rồi mục ta được tộc Malkin phái đi truy diệt tôi và tôi đã gạt được mục để thoát thân trong gang tấc. Vậy mà giờ mục ta đã quay lại. Sao mục ta lại rời khỏi Pendle nhỉ?

“Bọn chúng lại phái mục ta đi tìm diệt con nữa hả thầy?” Tôi lo sợ hỏi. “Mục ta không phải là đứa con gái khác của Quý Vương chứ ạ?”

Thầy Trừ Tà thở dài. “Khó nói lắm anh bạn ạ, nhưng theo ta biết thì là không. Tuy nhiên, đúng là cũng đang có chuyện đấy. Tuần trước, khi đi đến Pendle, ta tránh xa các tộc phù thủy, chỉ chăm chăm ghé vào tháp Malkin mà thôi. Nhưng có điều gì đấy đang âm ỉ. Ta đã đi qua nhiều căn chòi bị thiêu rụi, trong rừng Quạ thì lại có lắm xác chết đang thối rữa – từ cả ba tộc: Malkin, Deane và Mouldheel. Có vẻ như từng có một cuộc chiến nào đó. Phe phái bóng tối có lẽ đang nội chiến. Nhưng tại sao Grimalkin lại đi lên

phương bắc? Có thể chẳng phải vì con dâu, tuy nhiên, điều này quả là như một sự trùng hợp ngẫu nhiên khi con và mẹ ta đều đang có mặt tại đây. Thôi, dù gì mẹ ta cũng đã khắc dấu hiệu cảnh báo gần bờ hồ rồi, chúng ta phải cảnh giác cao độ hơn nữa.”

Xế chiều hôm ấy, chúng tôi thoáng trông thấy hòn Belle. Đến gần hơn, tôi nhận ra hòn đảo này nằm gần bờ hồ hơn là mình tưởng, nơi gần nhất trên đảo chắc chẳng cách bờ quá một trăm năm mươi thước.

Gần đây là những cầu tàu nơi các tay đưa đồ làm việc, nhưng trong khi họ sẵn sàng đưa chúng tôi sang bờ bên kia với chút tiền công rẻ mạt, thì đến một đồng tiền bạc cũng không thể thuê nổi một con thuyền làm một chuyến ngắn ngắn đến hòn đảo kia.

Khi được hỏi lý do vì sao, ai cũng thoái thác. “Đây không phải nơi nên đến, dù là ngày hay đêm. Nếu như các người sáng suốt thì không nên chút nào,” người đưa đồ thứ ba cảnh báo như vậy khi chúng tôi tiếp cận. Nhưng rồi, chắc vì quá ngấy sự kiên trì của Thầy Trừ Tà, ông ta giơ tay chỉ một chiếc thuyền nan xơ xác được cột giữa đám sậy. “Cái bà chủ con thuyền kia có khi lại gần đến mức chịu chờ các người đấy.”

“Bọn tôi tìm bà ta ở đâu?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Ra kia chừng một dặm là ông sẽ đến cửa chòi của bà ta,” người đàn ông cười hô hố, chỉ tay đại khái về phía bắc bờ hồ. “Người ta hay gọi bà ta là Deana Gàn. Nhưng tên thật của bà ta là Deana Beck! Bà ta là người thích hợp nhất ông có thể tìm mà nhờ cậy!”

“Tại sao lại gọi bà ấy là *gàn*?” Thầy Trừ Tà cau mày gặng hỏi. Rõ là thầy thấy khó chịu với thái độ của người đàn ông này.

“Vì bà già ấy không biết việc gì là tốt cho mình! “ Tay đưa đồ trả miếng. “Bà ta có người thân nào đâu để mà lo lắng? Với lại già cả quá rồi nên bà ta chẳng quan tâm gì nhiều đến chuyện sống chết đâu. Làm gì có ai dù chỉ có nửa trí thông minh lại chịu đến gần hòn đảo đầy rẫy đầm lầy kia chứ.”

“Trên đảo có phù thủy ư?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Bọn chúng thi thoảng có ghé đến. Nhiều lắm, nếu ông chịu tìm cho kỹ, nhưng đa số những người sáng suốt sẽ chẳng tìm kiếm làm chi. Vờ như chuyện đó không xảy ra thôi. Ông đi mà nói chuyện với Deana Gàn ấy.”

Tay đưa đồ vẫn còn cười ha hả khi chúng tôi rời đi. Không lâu sau, chúng tôi đến được căn chòi lợp mái tranh dựng trên sườn đồi nghiêng nghiêng đây cây cối. Thầy Trừ Tà gõ cửa, Vuốt thong thả đi đến mép nước và nhìn chăm chú vào hòn đảo bên kia hồ. Chập sau, bên trong có tiếng thanh chốt cửa kéo lùi, và cánh cửa chỉ hé ra đủ cho một con mắt nghi ngại sẫm soi chúng tôi.

“Mấy người biến đi!” Một giọng khàn khàn nghe chẳng giống giọng phụ nữ chút nào càu nhàu. “Kẻ lang thang và ăn xin ăn xỏ không được chào đón tại đây.”

“Chúng tôi đến không phải để xin xỏ,” Thầy Trừ Tà nhẫn nại giải thích. “Tên tôi là John Gregory. Tôi cần sự giúp đỡ của bà và sẵn sàng trả công rất hậu. Bà được đánh giá rất cao đấy.”

“Ta được đánh giá cao ư? Thế thì để xem xem tiền ông màu gì nào...”

Thầy Trừ Tà cho tay vào áo choàng, lấy từ túi ra một đồng tiền bạc và chìa về phía khe cửa. “Từng ấy để đặt cọc rồi thêm từng ấy nữa khi bà xong việc.”

“Việc ư? Việc gì? Nói ngay ra đi! Đừng làm phí thời gian của ta.”

“Chúng tôi cần băng qua hồ đến Hòn Belle. Bà làm được không? Đưa chúng tôi qua đấy rồi quay lại đây an toàn ấy?”

Một bàn tay xương xẩu chầm chầm hiện ra dưới ánh sáng ban ngày và Thầy Trừ Tà thả đồng tiền xuống, lòng bàn tay ngay lập tức nắm chặt lại. “Chắc chắn là ta làm được chứ,” giọng nói giờ đã dịu đi chút ít. “Nhưng chuyến đi sẽ không phải là không có nguy hiểm. Tốt hơn hết hãy vào trong này sưởi ấm đã.”

Cánh cửa mở rộng và chúng tôi nhìn thấy bà Deana Beck: bà mặc quần dài bằng da, áo chên cáu bản cùng đôi ủng đế đinh to tướng. Mái tóc bạc của bà được cắt ngắn, thoát nhìn trông như một người đàn ông. Dù vậy, đôi mắt bà ánh lên vẻ tinh anh, lại dịu dàng và đầy nữ tính, trong khi đôi môi thì tạo

thành nét chúm chím hoàn hảo. Mặt bà chẳng chịt nếp nhăn tuổi tác nhưng dáng người lại săn chắc và bà trông rắn rỏi khỏe mạnh, thừa khả năng đưa chúng tôi qua đảo.

Căn phòng trống toang, chỉ có một chiếc bàn nhỏ nơi góc nhà. Sàn nhà lát đá cứng vương vãi đầy còi, bà Deane ngồi xổm xuống gần đồng lửa và ra hiệu cho chúng tôi làm theo.

“Dễ chịu chứ hả?” Khi chúng tôi ngồi xuống, bà hỏi.

“Nhúm xương già của tôi thích có một cái ghế hơn,” Thầy Trừ Tà lạnh nhạt đáp. “Nhưng kẻ lang thang và ăn xin ăn xỏ thì không có quyền chọn lựa.”

Nghe thế, bà Deane mỉm cười gật gù. “Ừ, ta đã sống được cả đời mà không cần đến cái ghế êm ái nào,” bà bảo, giọng bà giờ đã dịu hơn rất nhiều và còn hơi du dương nữa. “Vậy kể cho ta nghe nào, sao ông lại muốn đi ra đảo ấy? Chuyện gì đã mang kẻ trừ tà đến Hòn Belle? Ông đến đây để xử lý phù thủy à?”

“Không hẳn, trừ khi chúng xen vào chuyện chúng tôi,” Thầy Trừ Tà thừa nhận. “Lần này thì không phải lúc. Một đồng sự của tôi đã mất tích mấy ngày và chúng tôi có kha khá lý do để tin rằng anh ấy đang ở đâu đấy ngoài đảo.”

“Điều gì khiến ông quả quyết đến vậy?”

“Chúng tôi đã hỏi ý kiến một người dò mạch – ông Judd Atkins ở Cartmel.”

“Ta đã gặp người ấy một lần,” bà Deane gật gù. “Ông ta đã tìm ra một xác người trong hồ cách đây không xa lắm. Chà, nếu Atkins đã nói đồng sự của ông đang ở ngoài đảo thì chắc là thế rồi. Nhưng anh ta ra đây bằng cách nào? Đó là điều tôi muốn biết.”

Thầy Trừ Tà thở dài. “Anh ta bị bắt cóc khi đang cố giải quyết một thủy phù thủy. Cũng rất có khả năng là vài người dân trong vùng dính líu đến chuyện này – là người ở Coniston hoặc một trong mấy làng khác.”

Tôi chăm chú quan sát nét mặt bà Deana Beck để xem phản ứng của bà ra sao. Liệu bà ta có dính líu đến chuyện này không? Chúng tôi có thể tin tưởng bà ta chứ?

“Cuộc sống trên này khốn khó lắm,” cuối cùng bà Deana cũng nói. “Và ta phải làm bất cứ chuyện gì để có thể tồn tại. Đa số người ở đây chỉ mắt nhắm mắt mở lờ đi, nhưng luôn có một số dính líu đến các thế lực bóng tối lẫn khuất dưới nước. Bọn họ phải tuân theo lệnh vì sự an toàn của bản thân cũng như nhu cầu của gia đình họ. Một khi lao động chính trong nhà chết đi, gia quyến của anh ta sẽ khốn đốn lắm. Đôi khi còn chết đói nữa kia.”

“Thế còn bà thì sao, bà Deana Beck?” Thầy Trừ Tà vặn lại, nhìn trừng trừng vào mắt bà. “Bà có qua lại với thế lực bóng tối không?”

Bà Deana lắc đầu. “Không. Ta chẳng can dự gì đến phù thủy cả. Không một chút nào. Bản thân ta không hề có gia đình và ta đã sống một cuộc đời cô độc đặng đặng. Nhưng mà ta không hề hối tiếc đâu, vì giờ ta chẳng có người thân nào để lo lắng. Chỉ cần quan tâm đến bản thân khiến ta bớt khiếp sợ và thêm mạnh mẽ. Đám phù thủy không dọa ta được. Ta làm những gì mà ta muốn.”

“Vậy thì khi nào bà chèo thuyền đưa chúng tôi ra đấy?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Ngay khi màn đêm buông xuống. Chúng ta sẽ không muốn ra đảo giữa ban ngày đâu. Bất cứ kẻ nào cũng có thể theo dõi – biết đâu lại là những kẻ đã bỏ bạn ông ra ngoài đảo ấy, mà chúng ta cũng không muốn chạm mặt chúng làm gì.”

“Đúng là không thật,” Thầy Trừ Tà nói.

Bà Deana mời cùng dùng bữa tối nhưng Thầy Trừ Tà thay mặt chúng tôi từ chối. Tôi buộc phải ngồi nhìn bà ấy chén đầy món thịt thỏ hầm nóng hổi trong khi mồm tôi chảy dãi, dạ dày thì sôi lục ục. Chẳng bao lâu nữa trời sẽ tối và chúng tôi sẽ đối mặt với bất cứ thứ gì đang ở ngoài đảo kia.

CHƯƠNG 24: CÔNG TRÌNH PHÍ CỦA

Mang một đôi ủng lội nước cao đến đùi, bà Deana Beck dẫn chúng tôi đi dọc bờ hồ, mỗi tay cầm theo một ngọn đèn lồng. Trăng chưa lên cao nên chỉ có ánh sao le lói, nhưng bà Deana không thắp đèn. Bóng tối sẽ che chắn cho chúng tôi khỏi bất cứ kẻ nào có thể đang nằm phục sẵn phía trước hay theo dõi chúng tôi từ ngoài đảo. Tôi bước đi bên cạnh Thầy Trừ Tà, mang theo trượng của mình và túi của thầy; Alice đi cách sau vài bước. Con Vuốt tiếp tục chạy lon ton quanh chúng tôi, bộ lông đen khiến nó trông gần như là vô hình. Khi Vuốt tiến đến gần, chỉ có tiếng bước chân khe khẽ của nó là làm nó bại lộ.

Sau một hồi, chúng tôi đến được chỗ thuyền của bà Deana; bà lội ra kéo thuyền khỏi đám sậy và lôi nó đến bục cập thuyền. Vuốt nhảy lên trước, làm thuyền hơi chòng chành, nhưng bà Deana đã nắm chặt mép cầu tàu để giữ yên thuyền cho chúng tôi leo lên, Thầy Trừ Tà lên trước, Alice sau cùng. Đích đến trước mặt chúng tôi trông tối om đay đọa, cây cối trùng trùng hệt như tấm lưng gù của một con quái vật khổng lồ đang khom mình chờ đợi con mồi mò đến.

Bà Deana chèo về phía hòn đảo với từng sải chèo rộng chậm rãi, hầu như không tạo ra tiếng động nào khi mái chèo khua xuống nước. Bốn bề tĩnh lặng và chẳng mấy chốc trăng bắt đầu nhô lên, soi rõ những ngọn núi xa xa và thắp sáng mặt hồ thành một màu bàng bạc. Dù vậy, rừng cây vẫn đen ngòm một cách đáng ngại. Quang cảnh của Hòn Belle làm tôi bất an, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi.

Chuyến đi đến đảo chỉ mất vài phút, và trong chốc lát, sau khi cập thuyền lên bãi đá cạn, chúng tôi xuống thuyền và đứng bên mép nước, nơi một số cây thủy tùng già nua, vụn vẹo che khuất cả ánh trăng.

“Cảm ơn vì đã giúp đỡ, bà Deana,” Thầy Trừ Tà bảo với bà lão đưa đò, giọng thầy chỉ như là tiếng thì thào. “Nếu trong vòng một giờ nữa chúng tôi

không quay lại, xin bà cứ về nhà và quay lại đây đón chúng tôi ngay trước lúc bình minh.”

Bà Deana gạt đầu, cầm một trong hai ngọn đèn đưa cho Thầy Trừ Tà. Vì hai tay tôi đã bận mang trượng cùng túi đồ của Thầy Trừ Tà, nên bà đưa ngọn đèn còn lại cho Alice. Con Vuốt tức thì phóng tới trước và nhanh chóng mất dạng vào bóng đêm. Để bà Deana lại thuyên, chúng tôi đi theo con chó vào rừng cây tối mịt. Từ bờ này sang bờ kia hòn đảo chưa tới ba trăm thước bề ngang và dài ba phần tư dặm: dưới ánh sáng ban ngày thì chúng tôi đã có thể lùng sục khắp từ đầu này sang đầu kia. Tuy nhiên, trong bóng tối thì hoàn toàn không có khả năng, thế nên chúng tôi đi thẳng đến công trình phí của, nơi mà vị ẩn sĩ nghĩ chúng tôi sẽ tìm thấy ông Bill Arkwright.

Hòn đảo này rậm rạp cây cối; chủ yếu là cây thông cây tùng, nhưng không lâu sau, chúng tôi đến một quãng rừng toàn cây thay lá, những cành cây khẳng khiu trơ trụi, và rồi, giữa đám cây ấy, là công trình phí của.

Trông nó chẳng giống như tôi từng tưởng tượng ra chút nào. Dưới ánh trăng, tôi nhìn ra hai tòa nhà biệt lập thay vì chỉ một, có lẽ cách nhau không quá mười lăm sải chân; hai ngọn tháp đôi vuông vức, bè bè xấu xí xây từ đá xám bám đầy địa y, mỗi ngọn tháp cao không quá sáu mét. Chúng gợi cho tôi nhớ đến các thạch mộ – những lăng tẩm cất giữ xương cốt của người chết. Mỗi tòa tháp có mái bằng nhưng không có lỗ châu mai nào, chỉ có vài họa tiết trang trí. Trong khi đấy, mấy bức tường thấp hơn xây từ những phiến đá nhẵn, từ cách mặt đất khoảng bốn mét cho đến mái mỗi ngọn tháp chỉ chút tượng đầu thú: đầu lâu, dơi, chim và đủ loại sinh vật, có lẽ là được sao chép từ vài trang sách ngụ ngôn các loài quỷ dữ nào đấy.

Công trình thứ nhất không có cửa mà chỉ có một khe hở vừa cao lại vừa hẹp trên mỗi bức tường làm cửa sổ. Vậy thì làm sao đi vào đây? Mà nếu không vào bên trong được, thì mục đích của tòa nhà này là gì? Thậm chí nó còn không đẹp đẽ mấy để mà nhìn ngắm cả. Ông Arkwright khó có thể đang ở bên trong tòa tháp bị phong kín ấy, vậy mà con Vuốt đã chạy vòng quanh

tòa nhà đó, vừa ngửi ngửi vừa sửa ăng ăng, và khi chúng tôi di chuyển sang tòa nhà kế bên, nó vẫn ở nguyên tại tòa nhà cũ.

Rồi tôi nhận ra nếu gọi công trình này là tòa nhà “đôi” thì không hoàn toàn chính xác. Mặc dù công trình thứ hai cũng có những khe hở làm cửa sổ và riêng một bộ sưu tập các hình đầu thú, điểm khác biệt là tòa nhà này có một cánh cửa gỗ chắc chắn. Cửa khóa bằng ổ khóa, nhưng ông Andrew, người anh làm thợ khóa của Thầy Trừ Tà, đã cho hai thầy trò chúng tôi những chiếc chìa khóa có thể dễ dàng vượt qua trở ngại như thế này. Vậy nên Thầy Trừ Tà mở được cửa chỉ trong vài giây. Trước khi cẩn thận bước vào trong, chúng tôi tắt sáng cả hai ngọn đèn, mũi dao trên trượng đã sẵn sàng. Bước dọc theo ba bức vách, chừng ba mươi bậc thang bằng đá dẫn chúng tôi xuống dưới, về phía một hồ nước.

Đến được đáy rồi, Thầy Trừ Tà bước tránh khỏi hồ nước và đi sang góc kia tòa nhà. Tôi bước đến chỗ thầy và nhìn xuống thứ thầy vừa tìm thấy. Một chiếc ủng.

“Của Bill phỏng?” Thầy hỏi.

“Vâng ạ,” tôi gật đầu đáp.

“Vậy giờ anh ta ở đâu nhỉ?” Thầy Trừ Tà hỏi, như là bày tỏ ý nghĩ thành tiếng chứ không hẳn là hỏi ý tôi. Thầy quay lại chỗ hồ nước, đi đến mép hồ, giơ cao đèn lồng và chỗ mắt nhìn xuống.

Tôi nhìn theo hướng thầy quan sát. Nước hồ trong vẩn vắt nhưng lại sâu, làm tôi có thể trông thấy hai thứ: một cầu thang hẹp và nằm sâu dưới mặt nước; và, tại chân cầu thang ấy, là thứ gì đấy giống như miệng của một đường hầm đen ngòm.

“Ta có gì đây nào?” Thầy Trừ Tà lẩm bẫm. “Này con, hãy nhìn vào hướng của đường hầm kia. Con nghĩ nó dẫn đến đâu?”

Chẳng có gì phải nghi ngờ nhiều. “Sang tòa nhà còn lại ạ,” tôi đáp.

“Quả là thế thật. Và ta thắc mắc tòa nhà ấy có chứa gì đây? Có nhà tù nào lại hiệu quả hơn một tòa nhà không cửa ra vào chứ! Đi theo ta, anh bạn...”

Tôi làm theo thầy, Alice theo tôi sát gót. Ra đến bên ngoài, thầy tôi băng qua tòa nhà bên kia, đoạn dừng lại dưới cửa sổ gần nhất mà chỉ tay lên đấy. “Con đứng lên vai ta để xem liệu con có thể leo vào và xem xét bên trong được không nhé. Dùng đèn lồng và cố dùng thân mình che lấy nó để tránh lôi kéo sự chú ý không cần thiết. Chúng ta chẳng muốn có kẻ nào từ đất liền nhìn thấy đâu.”

Thầy khom người bên dưới cửa sổ để tôi bước lên vai thầy, ngọn đèn nằm giữa thân tôi và bức tường, tay phải tôi tì vào vách đá để đứng vững. Trong khi Thầy Trừ Tà gồng đứng thẳng, tôi chật vật giữ thăng bằng, sau rồi cũng có thể leo lên cửa sổ và dùng những tượng đầu thú làm nơi đặt tay đặt chân. Cầm theo đèn làm mọi chuyện thêm phần khó khăn, nhưng cuối cùng tôi cũng đứng đối diện với cửa sổ thành công. Tôi rướn người áp vào tường, tựa cằm lên đèn, ghé mắt nhìn qua khe hở. Tất cả những gì tôi có thể trông thấy bên trong là một hồ nước, có vẻ giống hệt hồ nước bên tòa nhà kia; phía bức vách xa xa là một khe nứt rộng dẫn xuống mặt đất. Nền đất chắc là ẩm ướt và đã xê dịch.

Tôi leo xuống và chúng tôi chuyển sang bức tường kế tiếp. “Không biết là hai đầu gối cùng cái lưng già nua tội nghiệp của ta có chịu được thêm không nữa,” Thầy Trừ Tà càu nhàu. “Nhanh nhanh lên nhé anh bạn!”

Tôi làm theo lời thầy bảo. Dẫn vậy, chỉ đến khi nhìn qua khe cửa sổ thứ tư, tôi mới trông thấy ai đấy đang bị trói bằng thùng, ngồi sụm một đồng nơi bức vách bên kia hồ nước. Tuy không nhìn rõ mặt nhưng tôi đoán chắc rằng người này trông tựa tựa ông Arkwright.

“Có ai đó đang bị trói ạ,” tôi phấn khởi thì thào. “Con tin chắc là ông ấy rồi.”

“Được rồi anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Giờ thì kiểm tra mái nhà đi. Có thể có lối vào từ trên mái đấy. Cũng đáng nên thử lắm...”

Tôi leo lên vài mét nữa rồi với tay tóm lấy gờ mái nhà để đu lên. Qua kiểm tra cho thấy mái nhà là đá chắc nụi. Không có lối leo vào. Thế là, sau khi liếc nhanh qua rừng cây về phía mặt hồ óng ánh sắc bạc, tôi khom người

trở xuống rìa mái, và cùng với sự giúp sức của Thầy Trừ Tà, tôi nhanh chóng xuống tới mặt đất.

Chúng tôi quay trở lại tòa nhà kia, lại bước xuống mấy bậc cấp và ủ rũ nhìn mặt hồ nước. Chỉ có một cách duy nhất đưa ông Arkwright trở ra là đi xuyên qua đường hầm dưới nước.

“Ông Arkwright có dạy bơi cho con,” tôi bảo với thầy mình, giọng cố gắng đầy vẻ tự tin hơn là những gì tôi đang cảm thấy. “Giờ đã đến lúc thực hành...”

“Ừ, nếu con biết bơi thì khá hơn ta rồi đấy anh bạn. Nhưng mà con bơi giỏi đến đâu?”

“Khoảng chừng gấp năm lần chiều ngang con kênh...”

Thầy Trừ Tà nghi ngại lắc đầu.

“Nguy hiểm quá Tom à,” Alice bảo. “Việc này đâu cần mỗi bơi thôi đâu. Cậu phải lặn xuyên qua đường hầm tối đen kia cơ. Tớ không thể bơi, không là tớ đi cùng cậu rồi. Hai đứa chúng ta hợp lại thì sẽ có nhiều cơ hội hơn.”

“Con bé nói phải đấy, anh bạn. Có lẽ bà Deana sẽ lặn được hay biết ai đấy bơi đủ khá để qua tới bên kia.”

“Nhưng liệu chúng ta có tin được họ?” Tôi hỏi. “Không. Con làm được mà. Ít nhất con phải thử chứ.”

Thầy Trừ Tà không cố cản tôi, chỉ im lặng nhìn, lắc lắc đầu khi tôi cởi ủng và tất, rồi cả áo choàng lẫn sơ mi. Cuối cùng, tôi quần sợi xích bạc quanh eo và sẵn sàng lội xuống nước.

“Đây này,” thầy tôi đưa tôi con dao trong túi xách. “Giắt vào thắt lưng của con ấy. Con sẽ cần để cởi trói cho Bill. Và đem cái này cho anh ta nữa,” thầy đưa tôi một chai nước.

“Tớ có thứ này giúp ích đây...” Alice nói.

Đoạn cô lôi ra một bịch da cất trong túi váy rồi tháo dây cột, để lộ ra trong đấy một lô thảo dược. Trước đây Alice đã từng dùng thảo chữa bệnh rất thành công, một lần là giúp tay tôi lành lặn khi bị phỏng. Nhưng tôi chưa

bao giờ trông thấy đủ chủng loại thảo dược đa dạng như thế. Dường như trong lúc tôi hoàn toàn không hay biết, Alice đã thu thập các loại nguyên liệu và phát triển khả năng chữa bệnh của mình.

Alice chìa một chiếc lá cho tôi. “Đặt ít thứ này dưới lưỡi ông ấy. Như thế sẽ làm ông ấy tỉnh lại – đấy là nếu như ông ấy chưa toi đời thôi nhé.”

Thầy Trừ Tà nhìn trừng trừng Alice một chập, đoạn gật đầu, thế là tôi nhét chiếc lá vào túi quần và cọt dao cùng chai nước vào thắt lưng.

“Nhớ cẩn thận đấy anh bạn,” thầy tôi dặn dò. “Việc này nguy hiểm lắm. Nếu có gì nghi ngại, thì đừng làm nốt chi nhé. Chẳng ai nghĩ xấu cho con đâu.”

Tôi gật đầu cảm ơn thầy rồi bước xuống mấy bậc cấp. Nước trong hồ lạnh cóng làm tôi nín thở, nhưng khi nước dâng đến ngực thì tôi thấy đỡ hơn. Mím cười yếu ớt nhìn Alice, tôi bơi khỏi mấy bậc cấp, hít một hơi sâu và thử lặn xuống đường hầm dưới nước.

Tôi chẳng lặn được bao xa. Nước cản lại và đẩy tôi ngược lên bề mặt. Là do tôi đạp chân không đúng cách hay đơn giản là tôi không đủ khỏe. Tôi hít vào một hơi nữa rồi thử lại. Loáng sau, tôi đã phun phì phì trên mặt nước, cảm thấy mình hơi khờ khạo. Tôi sẽ không đưa ông Arkwright ra ngoài được. Rốt cuộc chúng tôi vẫn phải nhờ đến bà Deana thôi.

Tôi bơi trở vào bên hồ, chân chạm vào bậc cấp. Thành linh tôi nhớ ra một điều ông Arkwright từng bảo:

Khi một thợ lặn muốn lặn sâu, cách dễ nhất là anh ta ôm một hòn đá lớn để sức nặng kéo anh ta xuống nhanh hơn...

“Alice, chạy lên bờ và đem cho tớ hai tảng đá nặng nhất mà cậu vác được nào!” Tôi bảo với Alice.

Cô cùng Thầy Trừ Tà nhìn tôi với gương mặt ngờ ngác.

“Mỗi tay một tảng đá sẽ giúp tớ chìm hẳn xuống đáy và có thể lặn vào đường hầm.”

Chưa đầy năm phút sau, Alice quay lại với hai hòn đá nặng trĩu. Ôm đá vào ngực, tôi bước xuống bậc cấp cho đến khi nước ngập ngang eo, rồi sau khi hít một hơi sâu, tôi nhảy ùm tới trước.

Nước ngập lên trên đầu tôi và tôi nhanh chóng chìm xuống đáy hồ mờ mịt. Đường hầm ở ngay trước mặt nên tôi thả hai hòn đá ra và đạp chân ếch tiến vào đấy, hai vai tôi cạ vào vách đường hầm. Đạp thêm hai sải nữa thì xung quanh tối đen như mực. Tôi bắt đầu phát hoảng. Lỡ chúng tôi đã lầm và lối đi này không dẫn sang tòa nhà bên cạnh thì sao đây?

Tôi thử huơ tay như ông Arkwright đã dạy, nhưng đường hầm quá hẹp làm tôi làm trầy hết cùi chỏ. Lúc bấy giờ, do chỉ muốn thở được thôi nên tôi đạp chân mãi miết, trong lòng bắt đầu cảm thấy cấp bách. Tôi cố bình tĩnh lại. Khi còn ở trên mặt nước thì tôi có thể nín thở lâu hơn thế này nhiều. Vậy thì sự khác biệt là gì chứ? Miễn là không hoảng loạn, nhất định tôi sẽ ổn thôi.

Đạp thêm hai đạp nữa, và mừng quá, tôi đã ra khỏi đường hầm mà trời lên, áp lực nước xung quanh dường như trở nên nhẹ hơn. Tôi cảm giác như có thứ gì thật to bên phải mình, nhưng giây tiếp theo thì đầu tôi ngoi lên mặt nước và tôi thở ra, hít vào hai ngụm khí dễ chịu. Tôi dùng hai tay hai chân đạp nước tại chỗ, giữ cho mình nổi. Trong tháp khá tối, nhưng khi nhìn lên tôi trông thấy bốn cửa sổ hẹp. Ba cửa mờ mờ, cửa thứ tư được ánh trăng soi vào. Hy vọng là mắt tôi sẽ sớm thích nghi và sẽ có đủ ánh sáng để tôi nhìn thấy mình đang làm gì.

Tôi bơi vài sải rồi vấp ngón chân vào mấy bậc cấp. Loáng sau tôi đã bước lên bờ, đứng trên nền lát đá, nước trên người nhỏ tong tong, tôi đứng im như tượng chờ cho đến khi thị lực về đêm của mình cải thiện. Từ từ cảnh vật bên trong tháp trở nên sắc nét hơn. Tôi nhìn thấy thứ trông như một đồng giẻ rách không rõ hình thù đang dựa vào tường. Hẳn là ông Arkwright rồi. Tôi thận trọng tiến ba bước về hướng ấy. Thế rồi tôi nghĩ mình nghe thấy một giọng thì thào từ đâu đó bên trên. Ngạc nhiên quá nên tôi nhìn lên phía cửa sổ.

“Tom!” Có ai đấy gọi.

Là giọng của Alice. Tôi biết ắt là cô đã đứng trên vai Thầy Trừ Tà và leo lên những tượng đầu thú để với đến cửa sổ. “Cậu ổn chứ?” Alice hỏi.

“Ổn mà Alice. Tới giờ mọi chuyện đều tốt. Tớ nghĩ mình đã tìm ra ông Arkwright rồi.”

“Có thứ này cho cậu,” Alice nói lớn. “Một cây nến. Cỗ mà bắt lấy này. Sẵn sàng chưa?”

Ngay sau đấy cây nến rơi xuống. Tôi nhanh nhẹn bước tới hai bước, chộp lấy nến nhưng bắt hụt. Cây nến rơi xuống sàn, nhưng dù trong này tối mù tôi vẫn không mất nhiều thời gian để tìm ra. Tôi nhặt nến lên rồi lại nhìn lên cửa sổ.

“Tiếp theo là hộp đánh lửa của cậu,” Alice gọi với xuống. “Đừng làm rơi nhé Tom. Tớ không muốn làm vỡ nó đâu.”

Tôi cũng đâu muốn hộp đánh lửa bị vỡ. Đây là vật có ý nghĩa quan trọng với tôi, vì nó là món quà chia tay của bố khi tôi lần đầu tiên xa nhà làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà. Hộp đánh lửa là vật gia truyền.

Tôi cảm nhận thay vì trông thấy hộp đánh lửa rơi về phía mình, rồi bằng cách nào đó mà tôi chụp được nó, thế là chỉ trong một phút tôi đã đánh lửa rồi châm nến lên. Tôi nhét hộp đánh lửa thật sâu vào túi rồi tiến đến chỗ ông Arkwright. Giờ thì tôi đã nhìn rõ mặt ông, nhưng ông ấy có sao không nhỉ? Có còn thở không đấy?

“Là ông ấy,” tôi gọi lớn cho Alice và Thầy Trừ Tà biết. “Trông không được khỏe cho lắm nhưng tớ sẽ cố mang ông ấy qua đường hầm.”

“Tốt,” Alice gào lên đáp lại. “Làm tốt lắm. Bọn tớ sẽ gặp cậu ở tháp bên kia.”

Tôi nghe thấy tiếng bước chân của Alice và Thầy Trừ Tà rời đi, nhưng đúng lúc ấy có một điều khiến tôi phải liếc lại xuống nước. Nước rất trong nên tôi có thể nhìn thấu đáy như lúc trước. Giờ thì tôi nhận ra thứ mình đã nhác thấy khi trôi lên khỏi hồ. Là một đường hầm thứ hai. Nhưng nó dẫn tới đâu? Ra ngoài hồ kia chẳng? Ý nghĩ ấy thật kinh hoàng. Là một lối khác để

vào trong tháp. Một thủy phù thủy sẽ đến được chỗ tôi mà không phải qua mặt Thầy Trừ Tà hay Alice.

Rồi lại còn có thứ gì khác nữa. Trong lúc tôi sửng sờ, mặt hồ bỗng nhiên sáng rực lên và bắt đầu tụ thành hình. Kẻ nào đó đang dùng gương liên lạc với tôi. Có lẽ là Alice chăng? Có phải cô đã chuẩn khỏi tầm quan sát của Thầy Trừ Tà chỉ để thực hiện chuyện này? Tất nhiên, không nhất thiết phải là tấm gương. Bề mặt một vũng sinh, ao hay hồ nước đều có thể đạt được hiệu quả tương tự. Nhưng rồi tôi nhìn ra đấy chẳng phải là Alice và nỗi lo sợ siết chặt lấy tim tôi.

Là mục phù thủy sát thủ...

Ngoại trừ chiếc khăn quàng hồ hững quăn quanh cổ, Grimalkin ăn mặc giống hệt như lần cuối chúng tôi chạm trán – cũng một chiếc áo chèn màu đen bó chặt ngang eo, váy xẻ đôi buộc khít vào hai đùi. Thân hình uyển chuyển của mục quăn đầy dây da và giắt theo đủ loại bao gươm, mỗi bao chứa một thứ vũ khí chết người.

Hai mắt tôi nhìn chăm chặp vào một vật cụ thể: cái kéo mà Grimalkin dùng để tra tấn những kẻ thù chiến bại dưới tay mục; là thứ dụng cụ sắc lẹm có thể cắt ngọt qua xương qua thịt. Lần trước tôi đã gạt mục ta, làm mục ta bị thương trong lúc tôi vờ như đang đầu hàng. Tôi đã thấy trượng từ tay này sang tay kia, giống như Thầy Trừ Tà đã dạy. Nhưng lần chạm trán tới đây, mục ta sẽ không bị lừa dễ dàng như vậy nữa. Mục ta đã biết tôi có khả năng làm gì.

Tôi nhìn sợi dây chuyền làm từ xương người quanh cổ Grimalkin – xương của những kẻ đã bị mục truy lùng, đánh bại và tra tấn. Mục sống để chiến đấu; trường tồn nhờ máu đổ. Người ta bảo mục có quy tắc danh dự và thích cuộc chiến phải khó khăn; rằng mục không bao giờ cố thắng nhờ thủ đoạn. Nhưng tôi đã gạt mục. Trong lúc lo sợ cho mạng sống của mình, tôi đã xử sự theo cách mục chỉ có thể khinh miệt mà thôi.

Ngạc nhiên chưa kìa, mục ta mỉm cười với tôi và rướn tới trước. Miệng mục hé mở và mặt nước trở nên mờ đục. Mục ta đang dùng một tấm gương và sắp

sửa viết gì lên đây. Viết gì nhỉ? Một lời đe dọa chẳng? Một lời cảnh cáo những gì mục định làm với tôi vào lần tới chúng tôi gặp mặt?

Hãy mau chóng thoát ra ngoài! Kẻ thù của chúng ta sẽ sớm đi vào đường hầm từ hồ đây!

Tôi nhìn trần trời vào mẩu tin, không tin nổi. Tại sao Grimalkin cảnh báo cho tôi làm gì? Chẳng phải mục sẽ rất hân hoan khi nhìn thấy tôi bị phù thủy bắt đi hay giết hại sao? Mà mục ấy bảo “kẻ thù của chúng ta” là sao nhỉ? Thủy phù thủy chẳng? Là trò bịp à? Hay trò trả đũa vụ tôi lừa đảo ấy?

Hình ảnh mờ đi rồi biến mất. Tôi hoang mang lắm, nhưng dù Grimalkin có đang nói thật hay không, tôi vẫn phải giải cứu cho ông Arkwright.

Tôi không còn thời gian mà phí phạm nữa, thế là sau khi đặt ngọn nến trên sàn đá gần đây, tôi quỳ cạnh hình thù đang sụp xuống một đồng kia. Bên tay phải ông ấy là một lọ lưng nước. Vì bị trói thế này, hẳn phải có kẻ nào đẩy đến đây duy trì mạng sống của ông Arkwright cho mục Morwena. Tôi ghé sát vào và nghe thấy nhịp nhở nông nhưng gấp gáp. Tôi gọi tên ông. Ông Arkwright rên lên nhưng không mở mắt. Vậy là, rút dao ra khỏi thắt lưng, tôi bắt đầu cắt dây trói: dây trói chân trước, rồi đến dây trói tay.

Xong xuôi, tôi thử chà xát mặt và hai tay ông Arkwright để cố làm ông tỉnh lại; nhưng hai mắt ông vẫn nhắm nghiền. Tiếp đến, tôi giơ chai nước giữ trên môi ông và đổ một ít vào mồm. Ông Arkwright sặc lên một chút nhưng cũng cố nuốt một hai ngụm. Rồi tôi bẻ một mảnh lá Alice đã đưa cho mình nhét dưới lưỡi ông. Cuối cùng, tôi đặt ông nằm duỗi nghiêng một bên, cố làm ông thấy thoải mái. Chỉ đến khi ấy tôi mới trông thấy những dấu vết trên cổ ông Arkwright. Những vết lở to tướng vàng khè đã đóng vảy, cả ba vết cả thảy, một trong ba vết vẫn còn đang chảy mủ. Trước nay tôi chưa từng thấy thứ gì tương tự. Và rồi tôi nhớ đến những gì ông Arkwright từng kể về tôm ác quỷ. Tôi tự hỏi liệu có phải một con tôm ác quỷ đã hút máu trên cổ ông hay không. Lũ phù thủy có thể sẽ sử dụng một con tôm ác quỷ trong tế lễ của chúng.

Giờ đây tôi chẳng thể làm gì hơn, thế nên sau khi cột lại chai nước vào thắt lưng, tôi ngồi xuống cạnh ông Arkwright, tay ôm đầu, cố suy nghĩ thông suốt. Tôi nhận ra đây chỉ mới là bước khởi đầu cho mọi rắc rối của mình. Tôi không có tảng đá to nào để giúp mình chìm nhanh xuống miệng đường hầm. Tôi có khả năng tự bơi xuống không đây? Rõ ràng lúc này tôi đã không làm được. Ông Arkwright là tay bơi rất cừ, và nếu còn khỏe, chắc chắn ông đã có thể kéo tôi qua theo ông. Nhưng hiện tại ông trông còn tệ hơn tôi tưởng. Tệ hơn nhiều. Làm cách nào tôi mang ông đến nơi an toàn được chứ?

Khi đấy, tầm mắt tôi bị thu hút đến khe nứt rộng nơi bức tường đầu kia; là khe nứt lúc trước từ trên cao tôi đã để ý thấy. Ngọn tháp được xây từ những khối đá cả trên lẫn dưới mặt đất. Nếu một trong những phiến đá ấy nứt thì tôi có thể làm nó rời ra, có lẽ chừng đó sẽ đủ để đưa hai chúng tôi đến miệng đường hầm. Liệu tôi có kéo được một phiến đá ra khỏi tường không nhỉ? Cũng đáng nên thử lắm. Thế là, cầm nển lên, tôi đi đến xem cận cảnh mấy phiến đá.

Vết nứt dọc rộng hơn là thoát nhìn: ít nhất có đến ba phiến đá bị chẻ ra. Tôi đặt nển bên cạnh, bắt đầu với phiến đá trông khả quan nhất, cách mặt đất chừng nửa mét. Nhờ lắc tới lắc lui, tôi nới lỏng được phiến đá và mau chóng lôi ra nửa lớn hơn. Khi đang làm thế, tôi nhận thấy ông Arkwright bắt đầu cựa cựa. Ông chậm chạp ngồi dậy chớp chớp mắt trước ánh nển, cau mày lôi thứ gì đó ra khỏi mồm. Là miếng lá tôi đã nhét dưới lưỡi ông.

“Alice đưa cho cháu thứ ấy. Nó đã làm ông hồi tỉnh...”

“Vậy ra cậu đã bơi qua đường hầm và tìm được đến chỗ tôi đây à?” Ông Arkwright hỏi.

Tôi gật đầu.

“Thế thì cả hai chúng ta phải biết ơn là tôi đã quăng cậu xuống kênh đấy nhé!” Ông khẽ cười toe, sức lực của ông đang dần dà hồi phục.

“Ông thấy sao rồi ạ?” Tôi hỏi.

“Tệ kinh khủng, nhưng không còn thời gian để phí phạm nữa rồi. Ai mà biết tiếp theo đây thứ gì sẽ đi qua mấy đường hầm kia chứ. Chúng ta cần bơi trở về. Thường thì tôi sẽ để cậu đi trước, nhưng do tôi đang yếu như sên nên tốt hơn là tôi nên thử bơi qua đường hầm khi còn có thể. Hãy đếm đến mười, sau đó bơi qua theo tôi nhé...”

Nói đoạn, ông Arkwright run rẩy bước đến mép nước, hít một hơi sâu rồi lặn thẳng xuống, chẳng làm nước bắn lên chút nào, trọng lượng cơ thể giúp ông hướng thẳng đến miệng đường hầm.

Ghé mắt nhìn sát mặt nước, qua những xao động do ông Arkwright chìm xuống gây ra, tôi dõi theo ông đạp chân một cú thật mạnh, đẩy mình vào trong đường hầm. Thêm một giây nữa rồi ông biến mất tăm. Ngay cả trong tình trạng yếu sức thì ông Arkwright vẫn là một tay bơi khỏe hơn tôi nhiều.

Tôi nhặt dao lên giắt vào thắt lưng, buộc sợi xích bạc quanh eo. Tôi sẽ chờ thêm chừng mười mười giây để ông Arkwright bơi qua rồi theo gót. Tôi nghĩ đến hộp đánh lửa trong túi quần mình. Nước sẽ làm hỏng nó mất, nhưng tôi không thể để nó lại đây. Tôi tiếp tục nhìn xuống cho đến khi những gợn sóng từ từ tan đi và mặt hồ trở nên phẳng lặng như gương, phản chiếu lại gương mặt của chính tôi. Tôi chuẩn bị lao xuống nước, tay ôm chặt một tảng đá lớn. Nhưng rồi tôi hoảng hồn thụt lùi. Có thứ gì đấy đang trôi lên từ đường hầm kia – đường hầm dẫn ra ngoài hồ nước.

CHƯƠNG 25: GRIMALKIN

Hình thù ấy nhanh chóng nổi lên mặt nước và một cái đầu phụ nữ nhô hẳn lên, hai mắt nhìn chăm chăm vào mắt tôi, nước chảy ròn ròn khỏi đầu tóc. Nhưng đây không phải thủy phù thủy – mà là Grimalkin! Tôi vội vã lùi hai bước nhưng mục ta lại không có vẻ gì là cố ra khỏi hồ nước để tấn công tôi cả.

“Không cần phải sợ ta đâu, nhóc ạ. Ta không đến để kiếm người. Tối nay ta tìm kiếm kẻ khác cơ.”

“Ai chứ?” Tôi tra hỏi. “Thầy ta ư?”

Grimalkin lắc đầu mỉm cười dứt khoát, bước ra khỏi hồ nước. “Tối nay ta săn lùng con gái của Ác Quỷ, Morwena.”

Tôi nhìn mục ta, không tin nổi. Mục ta đang cố lừa gạt tôi đấy ư? Dẫu sao thì tôi đã lừa mục ta cơ mà – có lẽ mục ta coi tôi không hơn gì sâu bọ – một thứ cần bị giẫm lên bằng mọi cách có thể. Nhưng biết đâu mục ta đang nói thật thì sao. Các phe cánh phù thủy ở Pendle đã đấu đá nhau luôn, phù thủy chống lại phù thủy. Có lẽ bọn chúng cũng gây chiến với những phù thủy sinh sống ở các vùng khác trong Hạt chẳng?

“Morwena là kẻ thù của tộc Malkin à?” Tôi hỏi.

“Mục ta là con gái của Quỷ Vương, mà hẳn ta giờ đây là kẻ thù không đội trời chung của ta. Vì thế Morwena phải chết.”

“Nhưng người đã ở trên đồi Pendle trong đêm các tộc đưa Quỷ Vương qua cổng,” tôi buộc tội. “Làm sao giờ hẳn lại là kẻ thù của người chứ?”

Grimalin mỉm cười, nhe ra hàm răng nhọn hoắt. “Cậu không nhớ là để đoàn kết các phe phái lại với nhau khó khăn đến chừng nào ư?” Mục nhắc nhở. “Malkin, Deane và Moudheel rất hiếm khi ngồi lại cùng nhau. Thậm chí trong mỗi phe cánh cũng có bất đồng quan điểm. Một số kẻ e sợ rằng, một khi qua được cổng để vào thế giới này, Quỷ Vương sẽ rất khó kiểm

soát. Và điều này đã được chứng minh là đúng. Hãn đã yêu cầu lòng trung thành của chúng ta. Ra lệnh cho bọn ta phục tùng ý nguyện của hãn.

“Vào kỳ lễ Hội Ma, Quý Vương xuất hiện trong dáng vẻ uy nghi đáng sợ với những ai dâng cho hãn lòng tôn kính. Nhưng cũng có những người không tham dự. Ta là một trong số những kẻ không chịu cúi mình. Giờ đây các phe phái đang bị chia rẽ chưa từng thấy. Không chỉ là một phe cánh đối đầu với kẻ thù của mình không đâu. Malkin chống lại Malkin và Deane chống lại Deane. Thế giới bóng tối đang ôm trong mình cuộc nội chiến.

“Trong khi chúng ta nói chuyện tại đây thì đám phù thủy đang tiến vào đường hầm đây. Chúng biết cậu đang ở trong này. Ta sẽ quay lại để đối phó với chúng. Còn cậu, hãy đi nhanh đi – có lẽ ta không chặn hết chúng được...”

Dứt lời, Grimalkin lại chìm vào trong nước và đi vào đường hầm dẫn ra hồ.

Dù mục ta có nói thật hay không, tôi cũng sẽ rời khỏi đây ngay lúc này! Tôi nhặt tảng đá lên, ôm chặt trước ngực, hít một hơi sâu rồi nhảy tùm xuống nước. Nước bắn tung tóe khắp nơi và tôi nhanh chóng chìm xuống. Ngay cả khi tôi thả đá ra mà đạp mạnh chân lao vào vùng tối, tôi vẫn nhác thấy thứ gì đó từ đường hầm kia trôi lên. Một mục thủy phù thủy chăng? Hay là Grimalkin?

Lần này, việc bơi qua cái lối đen ngòm kia dường như dễ hơn nhiều. Ít ra giờ thì tôi đã biết lối này dẫn sang tòa tháp bên cạnh và tôi sẽ không đâm đầu vào ngõ cụt rồi bị mắc kẹt trong bóng tối. Nước bắt đầu nhẹ hẫng. Tôi đã gần đến được cuối đường hầm. Một cú đạp nữa thôi sẽ mang tôi băng qua trót lọt. Nhưng rồi có thứ gì đấy tóm lấy cổ chân tôi.

Tôi lại đạp, cố vùng thoát. Năm tay ấy siết chặt hơn và tôi thấy mình bị kéo lùi. Hai phổi tôi đang muốn nổ tung. Có phải Grimalkin chuẩn bị trả thù tôi đấy chăng? Còn nếu là thủy phù thủy, hãn tôi sẽ chết đuối trong lúc mục hút sạch máu tôi. Đây là cách các nạn nhân của thủy phù thủy đã chết. Bị

đuối sức. Không còn khả năng chống trả. Nước ùa vào phổi. Grimalkin chắc sẽ chỉ cắt cổ tôi mà thôi.

Tôi rút dao trên thắt lưng ra và cố thả lỏng. Đừng cưỡng lại. Cứ để mụ ta kéo lùi. Chờ cơ hội...

Liếc qua vai, tôi nhác thấy hai hàm răng há ra, những răng nanh to cộ sẵn sàng cắn ngập vào. Là một thủy phù thủy! Thế là tôi thọc dao vào bản mặt hung ác ấy. Nước làm mọi chuyện khó khăn, làm tay tôi chậm lại, nhưng lưỡi dao chạm đến đích và tôi ấn mạnh dao bằng hết sức của mình. Trong tích tắc, chưa có gì xảy ra. Hai cổ chân tôi được nối lỏng. Ngay sát sau lưng, tôi nhìn thấy hai hình thù đang quần đảo. Tôi thoáng thấy thắt lưng bằng da, bao gươm cùng lưỡi dao bao bọc lấy một trong hai hình thù và biết ngay đấy là Grimalkin. Thật mau lẹ, tôi quay đi, đạp chân phóng ra khỏi đường hầm, nhanh chóng trôi lên.

Ló ra khỏi mặt nước, tôi cố gọi lớn để cảnh báo về phù thủy nhưng lại bắt đầu ho sặc và phun nước phì phì. Thầy Trừ Tà, Alice cùng ông Arkwright lo ngại nhìn chăm chăm xuống tôi. Vuốt đang gặm gù khăn khăn trong họng. Thầy tôi đã giương trượng sẵn sàng, lưỡi dao chìa thẳng xuống nước. Alice lội xuống mấy bậc cấp mà tóm lấy tay phải tôi, giúp kéo tôi lên bờ. Vài giây sau, tôi đã trở lên sàn đá, tay vẫn khư khư con dao. Tôi nhìn ra sau. Dưới nước, từ đường hầm, máu nổi lên thành từng dải đen ngòm.

“Phù thủy!” Cuối cùng tôi cũng gào lên được. “Trong đường hầm có một mụ phù thủy! Có một lối đi khác dưới nước để vào trong tháp! Từ ngoài hồ!”

Chúng tôi nhìn chăm chú xuống nước nhưng mụ ta không trôi lên.

“Con có bị thương không?” Thầy Trừ Tà hỏi, hai mắt thầy bồn chồn đảo qua đảo lại giữa mặt nước và tôi.

“Không phải máu của con đâu ạ,” tôi đáp. “Là máu của mụ ta. Nhưng có thể còn có nhiều mụ hơn nữa...”

Tôi nhanh chóng mặc lại quần áo và mang ủng vào. Rồi chúng tôi rời khỏi tòa tháp, Thầy Trừ Tà khóa cửa sau lưng.

“Như thế sẽ làm chậm chân chúng,” thầy vừa nói vừa cật chìa khóa vào túi. “Ta không tin là bọn chúng có chìa cho ổ khóa này. Rõ ràng các tù nhân được đưa vào trong tháp bởi những kẻ tòng phạm là con người, sau đấy được chuyển qua đường hầm liên kế. Lối vào từ hồ sẽ không ích gì. Con người sẽ không sống sót nổi dưới nước lâu như thế.”

“Thầy nói chí phải,” ông Arkwright đồng tình. “Nhưng tôi bất tỉnh nhân sự cho đến khi thức dậy trong ngôi tháp bên kia.”

Chúng tôi vội vã đi đến chỗ con thuyền nhưng lại bị ông Arkwright làm vướng víu, ông vẫn còn khá yếu, cứ dừng lại để thở lấy hơi mãi. Chúng tôi biết sẽ có một cuộc tấn công khác vào bất cứ lúc nào nên con Vuốt liên tục đi vòng quanh, cảnh giác với nguy hiểm. Cuối cùng chúng tôi cũng đến được bờ hồ, nơi Deana Beck đang chờ. Thoạt đầu, có vẻ như chúng tôi phải đi hai chuyến, nhưng Thầy Trừ Tà nhất mực không chịu. Con thuyền ngập khá sâu xuống nước, đến mức nguy hiểm, may thay là chúng tôi cũng băng qua hồ an toàn.

“Mọi người tự nhiên nghỉ qua đêm tại chòi của tôi nhé,” bà Deana mời.

“Cảm ơn lời mời của bà, nhưng bà đã giúp chúng tôi quá nhiều rồi,” Thầy Trừ Tà đáp. “Chúng tôi sẽ lên đường càng nhanh càng tốt.”

Gã đưa đồ đã gọi bà Deana Beck là ”Deana Gàn”, nhưng dường như bà thông minh tài trí không kém người phụ nữ nào mà tôi từng gặp. Khi nói là ”gàn”, chắc ý ông ta muốn bảo là ”vô cùng gan dạ”. Không còn nghi ngờ gì nữa, bà đã mạo hiểm cả mạng sống của mình để đưa chúng tôi đến Hòn Belle. Nếu lũ phù thủy phát hiện ra bà đã giúp đỡ chúng tôi, ngày tháng sống còn của bà sẽ chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Chuyến đi về phương nam tương đối chậm chạp, tuy nhiên, vụ tấn công mà chúng tôi lo sợ không bao giờ xảy đến. Tôi không biết đã có bao nhiêu phù thủy đi vào đường hầm từ ngoài hồ, nhưng chắc là tôi đã giết chết hoặc làm bị thương nghiêm trọng mục phù thủy tóm lấy cổ chân tôi. Có lẽ Grimalkin đã tiêu diệt hết đám còn lại – hay ít nhất là trì hoãn bọn chúng, tạo cơ hội cho chúng tôi trốn thoát.

Ngay trước khi trời tối, chúng tôi dừng lại giữa rừng cây. Đến lúc này chúng tôi đã rời xa khỏi hồ và nguy cơ bị thủy phù thủy tấn công đã không còn.

Sau khi nhâm nhi chút phô mai do Thầy Trừ Tà đưa đến, ông Arkwright ngay lập tức lăn ra ngủ say. Thử thách gian nan vừa rồi đã khiến ông kiệt sức, đã vậy còn phải cuốc bộ bằng chân trần nữa. Dầu vậy, ngoài hai má xanh lét và gương mặt hốc hác, ông vẫn đang hít thở đều đều thật sâu.

Alice chạm mấy đầu ngón tay vào trán ông Arkwright. “Căn cứ vào những gì ông ấy đã phải chịu thì cũng không đến nỗi lạnh lắm. Riêng vùng cổ, chắc có thể sẽ bị nhiễm trùng đấy.” Cô nhìn lên Thầy Trừ Tà. “Có muốn cháu xem xem cháu giúp gì được không nào?”

“Nếu cô nghĩ cô có thể giúp anh ta thì cứ việc ra tay bằng mọi giá,” thầy tôi đáp, nhưng tôi thấy là thầy quan sát Alice rất chặt. Alice chìa tay muốn lấy bình nước và thầy tôi đưa sang cho cô. Cô rút từ bìch da ra một mảnh lá nhỏ – một loại thảo dược mà tôi không nhận ra – nhúng lá cho ẩm rồi ấn vào cổ ông Arkwright để che lấy mấy vết thương.

“Lizzie đã dạy cô thứ này à?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Một số thôi,” Alice đáp. “Nhưng khi cháu sống tại nông trại, mẹ của Tom cũng dạy cháu nhiều thứ lắm.”

Thầy Trừ Tà gật gù chấp thuận khi nghe câu trả lời của Alice.

Im lặng bao trùm, thế là tôi quyết định kể cho thầy nghe về Grimalkin. Tôi biết thầy sẽ không thích chuyện mẹ ta có liên quan đến, dù là theo cách nào, nên tôi bần khoản không biết thầy sẽ nghĩ sao nữa.

“Thầy Gregory à,” tôi nói. “Có chuyện này con phải nói với thầy. Grimalkin đã dùng gương cảnh báo cho con biết về lũ phù thủy. Thế rồi mẹ ta trồi lên khỏi mặt hồ nói chuyện với con. Thậm chí mẹ ta còn đánh trả vài mẹ phù thủy để giúp con trốn thoát...”

Thầy Trừ Tà ngạc nhiên nhìn tôi. “Lại là gương nữa à? Khi nào vậy anh bạn?”

“Lúc còn bên tòa tháp thứ hai đấy ạ. Con nhìn thấy ảnh mẹ ta trong nước. Mẹ ta nói chuyện gì đó lạ lắm – rằng thủy phù thủy là kẻ thù ‘của chúng ta’.”

“Ta sẽ không bao giờ muốn thừa nhận là mình có thứ gì đó chung với thế lực bóng tối,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa gãi gãi râu, “nhưng vì dường như các phe phái ở Pendle đang có chiến tranh, có lẽ là mâu thuẫn đã lan đến việc chiến đấu chống lại thủy phù thủy trên phương bắc. Còn tại sao Grimalkin lại cố giúp con thì ta không hiểu thật. Sau những gì con đã làm trong lần cuối con và mẹ ta gặp nhau, ta cứ tưởng mẹ ấy muốn con chết!”

“Nhưng nếu Grimalkin thật sự đứng về phía chúng ta, như vậy có ích lắm chứ. Và lại chúng ta cần đến mọi sự giúp đỡ có thể có kia mà!” Tôi nói.

Thầy Trừ Tà cương quyết lắc đầu. “Không hề nghi ngờ rằng nếu thủy phù thủy đấu đá với nhau thì chỉ có chúng suy yếu và cho chúng ta có thêm lý do. Nhưng ta vẫn luôn nói với con – chúng ta không thể về bất cứ phe nào. Quý Vương có thể cố thỏa hiệp với con rồi từ từ lôi kéo con về bên thế lực bóng tối. Thật chậm rãi đến mức con cũng không nhận biết là chuyện đang diễn ra đâu!”

“Con sẽ không bao giờ phụng sự bóng tối!” Tôi giận dữ đáp.

“Đừng quá quyết thể anh bạn,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Ngay cả mẹ con cũng từng có thời phụng sự cho bóng tối đấy thôi! Hãy nhớ lấy điều ấy. Có thể xảy đến với cả con mà.”

Tôi phải cắn môi ngăn cho mình không thốt ra lời trả miếng tức tối nào. Sự im lặng kéo dài. Thầy Trừ Tà nhìn tôi trừng trừng. “Mèo tha mất lưỡi con rồi sao anh bạn? Hay là con đang dối? Con không chịu được khi phải nghe những chuyện có thật trong gia đình sao?”

Tôi nhún vai. “Con không thể tin là thầy lại nghĩ sau này con sẽ nghiêng về phe bóng tối. Con tưởng thầy hiểu con rõ hơn thế chứ!”

“Ta chỉ lo đến điều đấy thôi, anh bạn à. Chỉ có vậy. Một khả năng mà chúng ta đang đối mặt. Rằng con có thể bị băng hoại. Giờ ta nói vậy với con, và ta không muốn con quên mất. Đừng bao giờ giữ bí mật với ta. Phải nói

cho ta biết mọi chuyện, bất kể con có nghĩ là ta sẽ cáo khi nghe thấy. Rõ chưa nào? *Mọi chuyện!* Đây là thời điểm nguy khốn và ta là người duy nhất con tin cậy được,” thầy vừa nói đầy chủ ý vừa nhìn ra hướng Alice. “Con có hiểu không hử?”

Tôi có thể trông thấy Alice đang chăm chú quan sát sắc mặt tôi. Tôi cảm giác chần chẫn rằng cô đang băn khoăn liệu tôi có nói cho thầy là Alice đã chuẩn bị một huyết bình nhằm giữ cho Quý Vương tránh xa không. Nếu Thầy Trừ Tà mà biết, thầy sẽ đuổi Alice đi ngay. Hoặc còn tệ hơn nữa. Biết đâu thầy còn coi Alice như kẻ thù. Thầy chôn phù thủy xuống hố và Alice từng sém chút phải chịu chung số phận.

Tôi biết rất nhiều chuyện phụ thuộc vào lời đáp của mình. Thầy Trừ Tà là thầy tôi nhưng Alice lại là bạn tôi, đồng thời cũng là một đồng minh đang ngày một mạnh hơn để chống lại thế lực bóng tối.

“Thế nào đây anh bạn?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Con hiểu ạ,” tôi nói với thầy.

“VẬY THÌ TỐT.”

Thầy gật đầu, không bình luận gì và cuộc nói chuyện đến đây là kết thúc. Chúng tôi chia phiên đứng gác, canh chừng nguy hiểm. Ông Arkwright ngủ vùi nên chúng tôi quyết định trú qua đêm tại chỗ.

Ấy vậy mà giấc ngủ của tôi cứ chập chờn. Những gì tôi vừa làm dấy lên trong tôi đầy những băn khoăn và hãi sợ. Bố tôi đã nuôi dạy tôi làm người thật thà thành thực, nhưng còn mẹ, mặc dù bà là kẻ thù của bóng tối, mẹ lại bảo Alice sử dụng bất cứ thứ gì để cho tôi được an toàn khỏi Quý Vương. *Bất cứ thứ gì...*

CHƯƠNG 26: ĐIỀU KHÔNG THỂ NGỜ

Bất chấp những hiểm nguy từ thế lực bóng tối, chúng tôi cần tăng cường thế lực, thế nên khi bình minh lên, trước khi tiếp bước về nam, chúng tôi dùng điểm tâm với món thịt thỏ do Alice bắt và nấu lấy. Mặc dù ông Arkwright đã đỡ hơn phần nào, hành trình của chúng tôi vẫn chậm rì và lại còn trì trệ hơn khi phải đi vòng qua Cartmel để mua cho ông đôi ủng mới.

Đến được bờ biển rồi, chúng tôi phải chờ cho nước triều rút hẳn. Thầy Trừ Tà giữ lời hứa với vị ẩn sĩ, nên ngoài việc trả công cho người dẫn đường, thầy còn đóng góp ba đồng tiền bạc gây quỹ ủng hộ gia đình những người bị chết trôi.

Chúng tôi tiến về cối xay khi hoàng hôn buông xuống. Tuy nhiên, lúc đến mép mương thì con Vuốt lại cảnh báo cho chúng tôi biết có nguy hiểm. Lông cổ của nó dựng ngược lên và nó bắt đầu tru. Alice hít hít ba lần rồi quay sang tôi, vẻ mặt cảnh giác.

“Có thứ gì ghê gớm đang trước. Tớ chẳng thích đâu Tom!”

Arkwright nhìn con mương mà cau mày. Đoạn ông quỳ xuống, nhúng ngón trỏ vào dòng nước đục ngầu rồi loáng đưa lên chạm vào môi.

“Nồng độ muối còn cao lắm. Chẳng thứ gì của bóng tối có thể băng qua đây. Có lẽ là có gì đó thoát ra ngoài thôi.”

Tôi nhớ đến mụ thủy phù thủy cùng con tôm ác quỷ, cả hai đều đang bị giam giữ trong những cái hố dưới sàn nhà. Bọn chúng đã thoát ra rồi sao?

“Cháu đã đổ năm thùng muối xuống mương rồi ạ,” tôi bảo ông Arkwright. “Nhưng cháu không bỏ tí nào vào mấy cái hố.”

“Dù là thế đi nữa, cậu Ward à, vẫn phải còn đủ muối trong ấy để giữ cho chúng lờ đờ. Nếu có thứ gì thoát ra, hẳn nó được trợ giúp nhiều lắm!” Ông Arkwright nói.

“Phải đấy,” Thầy Trừ Tà đồng tình, “và con mương kia sẽ chẳng là rào cản đối với sinh vật quyền uy nhất của bóng tối – chính là Quỷ Vương ấy!”

Arkwright gật gù và cả ba người chúng tôi đi theo ông khi ông sai bước băng qua mương. Ông Arkwright dẫn chúng tôi xuống bên hông ngôi nhà đằng bánh xe nước, con Vuốt đi bên cạnh ông. Đột nhiên Arkwright dừng phắt lại. Trên nền đất là một xác người nằm sấp. Ông Arkwright dùng ủng mới của mình lật cái xác lên.

Cổ họng gã đàn ông bị xé toạc, ấy vậy mà chỉ thấy có một chút máu. Xác của gã đã bị hút cạn máu, chắc hẳn là do một thủy phù thủy. Tôi nhìn vào gương mặt đã đông cứng vì kinh khiếp và đau đớn của xác chết. Mồm há to, mấy chiếc răng cửa chỉ còn trơ gốc gãy. Là một trong mấy tên bắt lính – gã trung sĩ, kẻ đầu tiên bỏ chạy khỏi ngôi nhà và lao vào tôi trước khi nhìn thấy hai con chó ròi đối ý.

“Đây là một tên trong đám đào ngũ tôi đã đụng độ trên vùng bắc vịnh,” ông Arkwright nói với Thầy Trừ Tà. “Chúng đã đưa ra lời đe dọa mà tôi nghĩ là đe dọa suông. Chúng bảo sẽ tìm ra và xử lý tôi. À há, tên này được xử lý thích đáng rồi đây. Tóm lại là sai nơi sai chỗ.”

Ông Arkwright bước tiếp, dừng lại ngoài hàng hiên, và tôi nghe thấy ông buột miệng chửi thề. Khi chúng tôi đến nơi, tôi hiểu ra là tại sao. Cửa trước đã bị giật phăng khỏi bản lề. Lại là trò của mục thủy phù thủy.

“Trước tiên, chúng ta cần rà soát xem liệu còn có thứ gì lẫn khuất trong nhà không đã. Ta không cần lo về đám đào ngũ đâu, mà là lo đến thứ đã giết chết bọn chúng kia,” ông Arkwright bảo.

Ông châm hai ngọn nến rồi đưa một cây cho Alice. Thầy tôi bỏ túi đồ lại ngay trong cửa và thận trọng di chuyển vào căn phòng đầu tiên, trượng bên tay phải, xích bạc nơi tay trái. Ông Arkwright mang theo ngọn nến còn lại, tay không vũ khí, cả Alice cũng thế, nhưng tôi thì đã giương trượng sẵn sàng.

Con Vuốt tru lên khi chúng tôi băng qua sàn nhà ván gỗ trống trơn và tôi cứ ngỡ sẽ có thứ gì từ trong tối nhào ra bất cứ lúc nào. Chuyện ấy đã không

xảy ra, nhưng chúng tôi lại trông thấy một điều khiến mọi người dừng phất lại.

Cháy sém và in hằn trên sàn nhà là một loạt dấu chân, có cả thảy chín dấu, mỗi dấu mang hình móng guốc chẻ. Dấu chân bắt đầu từ giữa phòng rồi chấm dứt ngay ngoài cửa bếp. Điều này cho thấy Quý Vương đã hiện hình ở nơi này, bước chín bước kia rồi lại biến mất. Thế giờ hấn ở đâu? Một cơn ớn lạnh xuyên thấu tim tôi. Có thể hấn sẽ xuất hiện ngay cho xem.

Dẫu vậy, chẳng thể làm gì khác hơn là phải tiếp tục, không ai nói năng lời nào, chúng tôi bôn chồn bước vào bếp. Vào trong này, ông Arkwright đi thẳng đến bồn rửa dưới lẽ cửa sổ và vợ lấy con dao to tương ông từng khoe với tôi trong buổi học đầu tiên. Cánh cửa dẫn lên mấy cầu thang mở toang. Liệu có thứ gì trên mấy phòng ngủ không nhỉ?

Sau khi ra lệnh cho Vuốt ở lại trong bếp canh chừng, ông Arkwright dẫn đường đi lên, sánh bước cùng Thầy Trừ Tà. Tôi đứng cùng Alice nơi đầu cầu thang, trong khi hai người kia lòng sục, chúng tôi căng thẳng đứng chờ, lắng nghe tiếng ủng lộp cộp khua qua từng phòng ngủ. Lại cũng chẳng có gì. Sau đấy thì chỉ còn lại căn phòng lớn trên tầng trên cùng của ngôi nhà, nơi đặt phòng làm việc của ông Arkwright. Hai người họ vừa bước vào phòng thì ông Arkwright kêu lên một tiếng thống thiết. Nghĩ là ông ấy bị thương hay tấn công, tôi vội vã lao lên ứng cứu.

Ngay khi bước vào phòng thì tôi đã rõ vì sao ông lại la lên như vậy. Hai cỗ quan tài của bố mẹ ông Arkwright đã bị xô khỏi giá đỡ và đập nát. Đất cùng xương cốt chất thành đống trên sàn nhà. Rồi còn có thêm nhiều dấu móng guốc chẻ cháy in lên ván sàn nữa.

Ông Arkwright phát rồ vì đau thương và phẫn nộ, toàn thân lập cập run rẩy. Chỉ Thầy Trừ Tà mới có thể khiến Arkwright bình tĩnh trở lại.

“Quý Vương đã gây ra chuyện này,” thầy tôi nói với ông. “Hấn làm thế để chọc giận anh. Hấn muốn cơn giận dữ ngút trời che mờ phán đoán của anh. Hãy bình tĩnh vì lợi ích của tất cả chúng ta. Khi chuyện này xong xuôi,

chúng ta sẽ lại đưa bố mẹ anh về đúng chỗ, tuy nhiên, giờ chúng ta cần kiểm tra qua mấy cái hố đã.”

Ông Arkwright hít vào một hơi sâu và gật đầu. Chúng tôi để Vuốt lại trong bếp, và thay vì đi qua cửa lùa, chúng tôi đi ra ngoài nhà và tiến về cánh cửa bên cạnh bánh xe nước.

“Con ở lại bên ngoài đi,” Thầy Trừ Tà thì thào. “Bill và ta sẽ lo liệu chuyện này!”

Tôi làm theo, Alice khẽ vẫy tay chào tôi và đi theo hai thầy vào trong. Nhưng mọi người đi chưa tới một phút thì tôi đã nhác thấy thứ gì sáng lấp lòe trong bóng tối phía bên phải mình. Một tiếng rít giận dữ thật lớn và hai con mắt đầy vẻ đe dọa nhìn trừng trừng vào tôi. Tôi lo ngại quan sát khi thứ giống như cẳng chân của một loài côn trùng to tướng từ trong tối thò ra.

Cẳng chân này xám đen, nhiều mắt khúc và quả là rất dài. Cẳng chân của thứ gì đấy ốm nhom nhưng gớm guốc. Cẳng chân thứ hai xuất hiện và tiếp đến là cái đầu. Mà thật là một cái đầu kinh dị! Thứ tôi chưa từng thấy bao giờ trong những cơn ác mộng dẫu có đáng sợ nhất: mồm mỏng dính, mũi tẹt, hai tai ép sát cái đầu xương xẩu dài ngoẵng, hai con mắt nằm gần nhau đang nhìn vào mắt tôi. Là con tôm ác quỷ.

Tôi cố la lớn nhưng không sao mở được mồm. Khi con quái vật mỗi lúc một đến gần, hai mắt nó không hề rời khỏi mắt tôi, làm tôi cảm thấy bao sức lực trong người mình rút chạy đi hết. Giống như một con thỏ chết đứng trước ánh nhìn của một con chồn độc ác. Trí não tôi dường như không còn hoạt động bình thường, toàn thân tôi tê liệt.

Nếu đứng thẳng lên, hẳn con vật này sẽ cao hơn tôi. Ngoài cái đầu dẹp kia ra, thân mình dài ngoẵng hình ống của nó có hai phần vừa cứng vừa lờm chờm răng cưa, giống như con cua hay tôm hùm, và lớp vỏ ngoài có đầy hào bám như đáy một con thuyền. Tuy vậy, tám cẳng chân lại giống chân nhện, cử động của từng chân đều thanh thoát và chính xác, các khớp chân kêu kễ kệt răng rắc khi nó di chuyển.

Thình lình con tôm ác quỷ phóng đến chỗ tôi, cả tám chân hoa lên chớp lóa mờ ảo, rồi nó chọc thẳng vào người tôi, xô tôi ngã ngửa xuống đất. Cứ ngã khiến tôi hộc cả hơi và giờ đây tôm ác quỷ đang đè lên mình tôi: mấy cẳng chân quơ quào giữ lấy hai tay hai chân tôi, đè nghiêng tôi xuống làm tôi không nhúc nhích nổi. Tôi trôn trối nhìn lên cái mồm không răng đang há cách mặt mình có vài phân, con quái vật phả lên tôi mùi hôi thối của rác rưởi bùn sình ẩm ướt mốc meo từ ao nước tù. Và từ cái mồm há to ấy, một ống xương rỗng trong suốt dài xọc thò về phía tôi. Tôi nhớ ông Arkwright đã kể cho tôi nghe là tôm ác quỷ không có lưỡi; thay vào đấy, nó dùng ống xương này chọc vào nạn nhân mà hút máu của họ.

Có thứ gì đấy đè đầu tôi ra sau và đột nhiên một cơn đau điếng chọc vào ngay cổ. Cái ống nhọn thò ra từ mồm con tôm ác quỷ bỗng đổi màu, hóa thành màu đỏ. Nó đang hút máu tôi, còn tôi thì bất lực. Cơn đau tăng dần. Nó sẽ hút bao nhiêu máu đây? Tôi bắt đầu phát hoảng. Nó có thể tiếp tục hút máu cho đến khi tim tôi ngừng đập lắm chứ.

Đúng lúc ấy, tôi nghe thấy tiếng bước chân chạy rầm rập và tiếng Alice hét lên thảng thốt. Một tiếng *thịch* vang lên, theo sau đấy là âm thanh răng rắc. Con tôm ác quỷ đột ngột rút ống xương khỏi cổ tôi và ngã lăn xuống.

Cơn tê liệt biến mất và tôi chật vật quỳ dậy, vừa lúc trông thấy hai tay ông Arkwright đang cầm một tảng đá vấy máu, rồi ông nhấc cao tảng đá trước khi giáng cật lực xuống đầu con tôm ác quỷ. Lại thêm âm thanh răng rắc vụn vỡ, kết thúc là tiếng nhóp nhép đến ghê người: thân mình con tôm ác quỷ vụn vẹo, mấy cẳng chân của nó co giật trước lúc chết. Rồi nó nằm im, một vũng máu cùng chất lỏng trên đầu tràn ra, cái đầu nứt toác như trứng vỡ. Tôi nhồm dậy, định mở miệng cảm ơn ông Arkwright nhưng ông đã nói trước.

“Một sinh vật thú vị đấy, cậu Ward à,” ông ấy lạnh lùng nhận xét trong khi Alice và Thầy Trừ Tà đỡ tôi đứng lên. Thở hồng hộc sau vụ gắng sức vừa rồi, ông Arkwright bỏ tảng đá xuống cạnh con tôm ác quỷ đã chết. “Rất hiếm, như đã có lần tôi bảo cậu. Không nhiều người may mắn trông thấy một con ở cự ly gần thế này đâu.”

“Ôi Tom, lẽ ra tớ không nên bỏ cậu lại một mình,” Alice vừa khóc vừa siết lấy tay tôi. “Tớ cứ tưởng nó vẫn còn nằm dưới cối xay chứ.”

“Thôi, cũng không có tổn hại thật sự nào,” ông Arkwright quan sát. “Phải cảm ơn Alice về việc này nhé cậu Ward. Cô ấy đã cảm nhận được ngoài này có gì không ổn. Giờ ta hãy cùng vào bên trong kiểm tra cái hố còn lại nào.”

Đúng như chúng tôi tiên liệu, mù thủy phù thủy đã trốn thoát – hay, khả năng cao hơn là, đã được thả tự do. Những song sắt bị bẻ cong và những dấu chân có màng trên nền đất mềm dẫn đi ra xa, nhỏ hơn dấu chân của con tôm ác quỷ.

“Chắc chắn đây là trò của Quỷ Vương,” Thầy Trừ Tà bảo. “Hắn muốn phô trương sức mạnh lắm.”

“Nhưng mù phù thủy giờ đang ở đâu?” Ông Arkwright hỏi.

Con Vuốt được kêu đến và nó lùng sục cặn kẽ từng góc ngách trong khu vườn; hai thầy trừ tà đi sát theo nó, vũ khí lăm lăm sẵn sàng.

“Mụ ta không có ở đây đâu Tom, chuyện này thì rõ rồi,” Alice bảo tôi. “Bằng không thì tớ đã đánh hơi được mụ ấy.”

“Nhưng nếu Quỷ Vương đang ở gần đây thì cậu không đánh hơi ra đâu,” tôi rùng mình đáp. “Chẳng ai trong chúng ta nghi ngờ mù Morwena trên thuyền đấy thôi.”

Alice gật gù và trông vô cùng khiếp đảm.

“Nhưng mù ta đang trốn vào đâu mới được nhỉ?” Tôi hỏi.

“Chắc đã băng qua mương và tẩu thoát vào đầm lầy rồi,” Alice nói. “Có thể là Satan vác mù ta băng qua. Muối sẽ không làm hắn chùn bước đâu, đúng không? Hắn quá mạnh so với những chiêu trò cũ rích như thế!”

Khi cuộc lùng sục tỏ ra không mang lại kết quả, chúng tôi lui vào bếp, tôi nhóm lửa trong bếp lò. Bị thế lực bóng tối đe dọa, chúng tôi không ăn uống gì nhưng ít ra còn được ấm áp và thay phiên nhau thức canh chừng. Vuốt được lệnh đứng canh bên ngoài để cảnh báo cho chúng tôi nếu có thứ gì từ đầm lầy tiến vào.

“Tốt nhất ta nên để yên cái xác cho đến sáng mai,” ông Arkwright đề nghị.

“Ừ, khi ấy chúng ta sẽ chôn cất gã đàn ông, nếu có dịp,” Thầy Trừ Tà đồng tình. “Có bao nhiêu tên đào ngũ vậy?”

“Tổng cộng có năm ạ,” tôi đáp.

“Tôi đoán là mụ phù thủy đã được phóng thích trước khi bọn chúng băng qua mương tiến vào vườn,” ông Arkwright nói thêm. “Có thể là khi mụ ta tấn công và vít con mồi xuống, những gã còn lại bỏ chạy.”

Không ai nói gì trong một hồi. Alice có vẻ như đắm chìm trong suy nghĩ. Tôi bắt đầu thấy hết sức bất an. Con gái của Quý Vương đang ở đâu đó ngoài kia, chờ cơ hội ra tay. Và giờ còn có thêm một mụ phù thủy phù thủy sống chuồng nữa chứ. Nếu mụ ta tẩu thoát bằng cách băng qua con mương với sự giúp sức của Quý Vương, thì còn gì có thể ngăn chặn điều ngược lại sẽ không xảy đến? Chắc chắn Quý Vương sẽ không mấy khó khăn khi mang lũ phù thủy đến tận chỗ chúng tôi đâu nhỉ? Đây là còn chưa kể đến việc bản thân Quý Vương cũng có thể ghé vào thăm chúng tôi lắm chứ.

Những người khác mang ghế đến gần bếp lò an tọa cho thoải mái. Tôi ngồi trên sàn bếp, tựa lưng và đầu vào tường. Không được dễ chịu cho lắm, nhưng bất chấp là thế cũng như mỗi lo sợ bị tấn công, sau cùng rồi tôi cũng chìm vào một giấc ngủ chập chờn không no giấc. Bỗng nhiên tôi tỉnh dậy. Ai đó đang lay lay vai tôi và một bàn tay chèn cứng miệng tôi.

Tôi ngược nhìn vào mắt Thầy Trừ Tà, thầy thô bạo kéo tôi đứng dậy, khoa tay chỉ về đâu kia góc phòng. Mấy ngọn nến đang cháy lụi và căn bếp âm u tối mờ. Alice và ông Arkwright đã thức giấc; cả hai đang ngồi cạnh tôi, nhìn chăm chăm vào cùng một góc nhà tối om, nơi chuyện gì đấy kỳ quái rùng rợn đang diễn ra. Một hình thù đang bắt đầu hiện ra, biến chuyển từ đám tro xám nhạt thành ánh bạc lấp lánh. Hình thù ấy trở nên rõ nét hơn, cho đến khi không còn nghi ngờ gì nữa rằng tôi đang nhìn vào con gái của Quý Vương – bản mặt mụ ta hốc hác tái nhợt, cái mũi góc cạnh không da thịt thò ra giữa

hai con mắt độc ác; mi mắt trái bị mảnh xương ghim chặt; con mắt phải tàn nhẫn thâm hiểm.

“Ta khát,” mẹ ta gào lên, để lộ ra những răng nanh to tướng. “Ta khát thứ máu ngọt ngào của bọn mi. Nhưng ta sẽ để mi sống. Tất cả, chỉ chừa một tên. Hãy giao thằng nhãi cho ta rồi cả đám còn lại có thể tự do.”

Đây là một hình ảnh chứ không phải là sự hiện diện bằng xương bằng thịt của mẹ phù thủy trong phòng này. Mặc dù có vẻ như mẹ ta đang đứng cách đây chưa tới bảy bước, nhưng như thể mẹ ta đang réo gọi chúng tôi từ một khoảng cách xa lắc và tôi có thể nghe thấy tiếng gió rền rĩ trên nền âm thanh.

“Cha ta sẽ trả công hậu hĩnh cho những gì ta vừa đòi hỏi,” mẹ ta the thé cất lời, giọng mẹ như tiếng rít kèn kẹt của bãi biển đầy đá cuội khi nước triều đang rút. “Hãy giao thằng nhãi ra và Amelia có thể được thanh thản. Là cha ta đã trói buộc linh hồn ả ta, ngăn không cho ả siêu thoát. Hãy giao nộp thằng bé và cha ta sẽ phóng thích ả, cả ả lẫn Abraham sẽ được tự do chọn lấy miền ánh sáng. Hãy giao thằng bé cho ta rồi mọi chuyện sẽ được giải quyết. Hãy đưa một mình nó ra ngoài đầm lầy. Đưa nó đến cho ta ngay lập tức.”

“Cút về nơi mi đã đến đi, đồ phù thủy ác độc!” Thầy Trừ Tà quát lên. “Bọn ta sẽ không giao gì cho mi cả. Không giao gì ngoài cái chết. Mi nghe rõ lời ta rồi chứ? Đây là điều duy nhất đang chờ đợi mi tại đây!”

Ông Arkwright giữ im lặng nhưng tôi nghĩ những lời nhẩn tâm của Morwena ắt như là một mũi dao xoáy vào tận tâm can ông ấy. Điều ông ấy mong mỏi nhất là sự thanh thản cho bố mẹ mình. Dầu vậy, mặc cho cách ông ấy từng đối xử với tôi, tôi vẫn có lòng tin vào ông. Tôi tin rằng ông Arkwright phục vụ cho thế giới ánh sáng và sẽ đủ dũng khí để cưỡng lại bất cứ sự cám dỗ nào mà con gái Quý Vương có thể đưa ra dụ dỗ.

Hình ảnh của Morwena trông như mờ đi rồi nhòe dần; mẹ chạm ngón tay vào mi mắt trái và con mắt ấy mở lớn. Nhưng may thay con mắt đáng sợ ấy

chẳng có chút uy lực nào, vì màu đỏ như máu trong mắt biến thành màu ánh bạc.

Giờ thì mục ta bắt đầu lâm râm, giọng cao chót vót đến mức ma quái. Có cả phách nhịp, ngữ âm lên xuống cùng vần điệu, tất cả tràn ngập sức mạnh đến kinh hoàng. Nhưng chính xác là ngôn ngữ gì đang được lâm râm tụng niệm kia vậy nhỉ? Nó có nghĩa gì? Nghe như là "Cổ Ngữ" – thứ ngôn ngữ được những người đầu tiên sinh sống trên Hạt này sử dụng.

Tay chân tôi dường như trở nặng, tôi cảm thấy vừa vô cùng nóng vừa vô cùng lạnh. Tôi cố đứng lên nhưng lực bất tòng tâm. Khi tôi hiểu ra con gái của Quý Vương đang làm gì thì đã muộn mất rồi. Những lời lẽ cổ ngữ ấy là lời nguyện, một thứ tà thuật vô biên đang rút dần ý chí và sức mạnh của chúng tôi.

Qua khoeo mắt, tôi nhìn thấy Thầy Trừ Tà bằng cách nào đó đã gượng đứng dậy được. Thầy lật vạt áo choàng và cho tay vào túi quần. Rồi thầy vung thứ gì đấy thẳng vào sự hiện hình ma quỷ kia – một thứ màu trắng từ tay phải, màu đen từ tay trái: hỗn hợp muối và bột sắt, thường rất có tác dụng chống lại các sinh vật bóng tối. Liệu lần này nó có hữu dụng không – khi mà thân xác kẻ thù của chúng tôi thậm chí còn không hiện diện trong căn phòng này ấy?

Ngay lập tức lời lâm râm tụng niệm ngưng bật và hình ảnh kia biến mất đột ngột như ngọn nến phụt tắt. Toàn thân tôi thấy nhẹ nhõm, vội lão đảo đứng lên. Thầy Trừ Tà mệt mỏi lắc đầu.

“Sém chút thì toi thật,” ông Arkwright bảo. “Có lúc tôi tưởng mọi chuyện với chúng ta thế là xong rồi chứ.”

“Phải, ta chẳng phủ nhận đâu,” Thầy Trừ Tà đáp. “Ta chưa bao giờ chống lại một phù thủy với quyền năng mạnh đến thế. Ta cho là điều này bắt nguồn từ dòng máu ác quỷ hắc ám đang chảy trong huyết quản mục. Hạt này sẽ là một nơi an bình hơn nhiều nếu chúng ta có thể kết liễu mục ấy. Giờ thì ta nghĩ tất cả chúng ta nên cố mà thức cho đến hết đêm. Nếu mục ta lặp lại trò vừa rồi trong khi chúng ta chỉ có một người canh gác, thì bằng cách nào đó,

ngay cả từ khoảng cách xa như vậy, mẹ ta cũng có thể giết sạch chúng ta trong giấc ngủ.”

Chúng tôi làm theo lời Thầy Trừ Tà, nhưng trước tiên tôi lại thổi lửa lên và để mở cửa bếp lò cho bếp tỏa nhiệt thẳng vào trong phòng. Chúng tôi cũng châm thêm hai ngọn nến để ánh nến soi rõ đến tận sáng. Tôi cũng đổ đầy hai túi với muối và bột sắt lấy từ trong túi đồ để có thêm vũ khí chống lại thế lực bóng tối. Nhưng khi đã an vị, chẳng ai nói lời nào. Tôi liếc sang Alice, cô đang nhìn trần trối xuống sàn nhà và trông rất hoảng loạn. Cả Thầy Trừ Tà lẫn ông Arkwright đều trông rất dữ tợn và cương quyết nhưng tôi tự hỏi trong lòng họ đang cảm thấy thế nào. Dẫu sao thì, ai mà có thể làm gì để chống lại một thứ quyền năng hùng mạnh như quyền năng của Quỷ Vương cơ chứ? Còn về ông Arkwright, chắc là ông đang suy nghĩ những gì mẹ phù thủy vừa nói – rằng quyền năng hắc ám của cha mẹ đã ngăn không cho người mẹ tội nghiệp của ông Arkwright bước đến vùng ánh sáng.

Ông Arkwright có thể hy vọng làm gì bây giờ? Chẳng gì cả. Hoàn toàn không. Nếu điều ấy là thật, linh hồn bố mẹ ông sẽ bị mắc kẹt nơi cối xay cho đến khi thế giới này tận diệt.

Điều đầu tiên cảnh báo sự nguy hiểm cho tôi là sự im lặng. Im lặng đến căng thẳng. Tôi chẳng nghe thấy gì. Không một tiếng động dù là nhỏ nhất. Điều thứ hai là tôi không thể nhúc nhích. Tôi đang ngồi trên sàn nhà như lúc này, đầu tựa vào tường. Tôi thử quay đầu nhìn về phía Alice, nhưng thân thể tôi không chịu nghe lời. Tôi cố thốt lên để cảnh báo những người còn lại về mối lo sợ của mình nhưng đến mở mồm tôi cũng không làm được.

Tôi có thể nhìn thấy ngọn nến trên sàn đối diện, đặt trong tầm với của Thầy Trừ Tà. Mới lúc này nến hãy còn nhấp nháy, giờ thì chẳng hề lay động. Trông như thể nó được tạc từ kim loại; dường như nó phản chiếu thay vì tỏa ra ánh sáng. Bên tay trái tôi là bếp lò với cửa để mở; tôi có thể nhìn thấy ngọn lửa bên trong nhưng lửa đứng im. Rồi tôi nhận ra mình đang không hít thở. Hoảng hốt, tôi cố hít vào nhưng chẳng có gì xảy ra. Ấy vậy mà tôi không thấy đau đớn gì. Cơ thể tôi không kêu gào đòi không khí. Bên trong

tôi dường như cũng im lìm tĩnh lặng. Có phải tim tôi đã ngưng đập rồi chẳng? Tôi chết rồi à?

Nhưng rồi tôi nhớ ra là trước đây mình đã từng cảm thấy như thế này – trên sà lan khi chúng tôi xuôi về Caster cùng Quý Vương giả dạng làm người chở sà lan. Khi ấy Ác Quý đã làm xáo trộn thời gian; thời gian trôi đi rất nhanh. Nhưng tôi biết lần này thì khác. Tôi biết chính xác chuyện gì đang xảy ra – đích thân Quý Vương đã làm thời gian ngưng đọng.

Tôi nghe thấy tiếng động từ vùng bóng tối trong đầu kia góc phòng: một tiếng bịch, tiếp ngay sau đấy là âm thanh xì xuyt, lèo xèo. Âm thanh này còn lặp lại thêm hai lần nữa.

Thốt nhiên tôi ngừng thấy mùi khét. Khói gỗ. Ván lót sàn. Và rồi tôi thấy mặc dù thời gian đã ngừng lại và mọi vật trong phòng dường như cứng đông bất động, có một thứ lại đang di chuyển. Và thứ gì khác lại có thể di chuyển được ngoài Quý Vương cơ chứ?

Tôi vẫn chưa nhìn ra hắc tà – hắc tà hình – nhưng tôi thấy dấu chân đang tiến về phía mình. Cứ mỗi lần một bàn chân vô hình của hắc tà chạm xuống ván sàn, bàn chân ấy in cháy thành hình một móng guốc chẻ lên mặt gỗ, đỏ rực rồi tắt đen thui theo tiếng phì phụt lèo xèo. Liệu hắc tà có hiện thành hình không nhỉ? Ý nghĩ này kinh khiếp quá. Grimalkin đã bảo với tôi, để dấy lên lòng khiếp sợ cũng như ép buộc sự phục tùng, hắc tà xuất hiện trong hình dáng uy nghi thật sự của mình vào Lễ Hội Ma. Theo lời Thầy Trừ Tà, có người tin hình thù thật sự của hắc tà kinh khủng đến mức bất cứ kẻ nào nhìn thấy đều sẽ lăn quay ra chết tại chỗ. Đấy có phải chỉ là truyện kể đầu giường đáng sợ hay là thật vậy? Liệu hắc tà sẽ làm thế với tôi ngay lúc này chứ?

Thứ gì đấy bắt đầu tụ hình – không phải là ảo ảnh xám tro hay xám bạc nữa mà là một hình dáng trông như thật. Tuy nhiên, hình dáng này không phải là sự hiện hình kinh hoàng mà tôi đã e sợ. Một lần nữa, Quý Vương khoác lột của ông Matthew Gilbert, người chở sà lan, và đang đứng trước mặt tôi đây với giày ủng cùng áo chên, giống hệt như lúc tôi nhìn thấy ông ấy lần đầu; mỉm cười cùng một nụ cười tự tin, thân thiện.

“À Tom,” hấn lên tiếng, “như ta đã nói với mi vào lần cuối gặp mặt, sự khác nhau giữa *fiend* và *friend* chỉ là một chữ cái mà thôi. Ta nên làm loại nào với mi nhi? Đây là sự lựa chọn mà mi phải đưa ra trong vài phút tới đây. Và mạng sống của chính mi lẫn số phận của ba kẻ đồng hành với mi sẽ phụ thuộc vào quyết định ấy đấy.”

CHƯƠNG 27: CUỘC NGÃ GIÁ KHÓ KHĂN

“Cứ xoay đầu đi, nếu mi muốn,” Quý Vương mỉm cười. “Như vậy mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn. Mi sẽ nhìn được rõ hơn và ta không muốn mi bỏ sót gì cả. Thế sẽ là gì nào? Bạn hay thù?”

Tôi thấy chao đảo khi tim mình bắt đầu đập mạnh trong lồng ngực và tôi hít vào một ngụm tương không khí. Tôi khẽ quay đầu, theo quán tính kiểm tra xem Alice có ổn không. Cô đang ngồi im phăng phắc nhưng hai mắt lại trợn to vì khiếp hãi. Alice nhìn thấy Quý Vương à? Nếu là thế thì cô vẫn bị đông cứng như Thầy Trừ Tà và ông Arkwright. Dường như chỉ có Quý Vương và tôi là cử động được, nhưng tôi thì yếu ớt và tôi biết mình chẳng còn đủ sức để đứng dậy nữa. Vậy mà tôi mở miệng ra và phát hiện mình có thể nói. Tôi đưa mắt nhìn kẻ thù và cho hắn câu trả lời.

“Người là thế lực bóng tối hiện hữu bằng da bằng thịt. Người không bao giờ có khả năng là bạn của ta.”

“Đừng đoán chắc thế chứ Tom. Chúng ta gần gũi nhau hơn là mi tưởng đấy. Gần hơn nhiều lắm. Dù mi có tin hay không, chúng ta đều biết rất rõ về nhau. Ta hãy hỏi một câu mà mỗi con người tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời ngẩn ngui của hắn đều phải nghĩ đến nào. Một số sẽ trả lời rất nhanh và chẳng buồn suy đi nghĩ lại làm gì. Một số là kẻ có đức tin. Một số hoài nghi. Một số khác lại khổ sở cân nhắc trong suốt cả cuộc đời. Là một câu hỏi đơn giản thôi, Tom à, như thế này này. Mi có tin vào Chúa trời không?”

Tôi tin vào ánh sáng. Còn về Chúa thì tôi không rõ. Nhưng bố tôi thì đã tin và có lẽ, tận trong sâu thẳm, cả Thầy Trừ Tà cũng tin nữa, dẫu thầy hiếm khi bàn luận về những chuyện như thế. Chắc chắn là thầy không tin vào một ông già râu tóc bạc phơ có quyền uy rồi, là đức chúa trời của Giáo Hội ấy.

“Ta không rõ,” tôi thành thật đáp.

“Không rõ hả Tom? Tại sao chứ, chuyện này đã rõ như ban ngày rồi mà! Liệu Chúa trời có để cho quá nhiều tệ đoan tồn tại trong thế giới này không?” Quý Vương nói tiếp. “Bệnh tật, đói kém, bần cùng, chiến tranh và chết chóc – đây là tất cả những thứ mà đám con người đáng thương bọn mi phải trông chừng. Liệu một vị Chúa trời như thế có để chiến tranh tiếp diễn? Tất nhiên là không rồi – vì thế đơn giản là Chúa trời không tồn tại. Lũ nhà thờ kia, mọi sự tôn thờ từ những cộng đoàn mộ đạo nhưng lầm đường. Và tất cả vì gì chứ? Chẳng vì gì cả! Không một chút gì! Những lời khẩn nguyện của chúng rơi vào hư vô và không được ai nghe thấy.

“Nhưng nếu bọn ta thống trị, chúng ta có thể cùng nhau thay đổi mọi chuyện và biến thế giới này thành nơi tốt đẹp hơn cho hết thảy mọi người. Thế người thấy sao nào? Mi sẽ giúp một tay chứ Tom? Mi sẽ đứng về phía ta chứ? Chúng ta có thể gạt hái lắm thành quả đấy!”

“*Người* là kẻ thù của ta,” tôi nói. “*Người* và ta không bao giờ có thể sát cánh bên nhau.”

Đột nhiên tôi run bắn vì sợ. Tôi nhớ đến lời nguyện chẳng buộc Thầy Trừ Tà từng kể với tôi – lời nguyện hạn chế trói buộc quyền năng của Quý Vương mà thầy đã đọc trong mấy cuốn sách của mẹ. Quý Vương muốn tôi làm việc cùng hắn để hắn thống trị nơi này đến muôn kiếp. Nếu chính tay hắn hạ sát tôi, hắn chỉ có thể trị vì trong một thế kỷ. Vậy liệu giờ đây hắn sẽ làm thế chứ – giết chết tôi cho rồi vì tôi đã từ chối ấy?

“Đôi khi để trị vì cũng khó khăn lắm Tom à,” Quý Vương vừa nói vừa tiến đến gần hơn. “Nhiều lúc cần đưa ra những quyết định đau đớn, khó khăn. Vì mi từ chối lời đề nghị của ta, mi không cho ta lựa chọn nào khác. Mi phải chết để ta mang lại một thế giới tươi đẹp hơn cho nhân loại. Con gái ta đang chờ mi ngoài đầm lầy. Tại đây, mi phải giết chết nó hoặc là bị giết.”

Thế là hắn đã quyết định để mẹ ta kết liễu tôi thay vì đích thân hắn. Như vậy thì lời nguyện chẳng buộc sẽ vô hiệu hóa và hắn sẽ gia tăng sức mạnh cho đến khi kết cục là hắn thống trị cả thế giới.

“Mụ ta và ta ư?” Tôi phản kháng. “Không! Ta sẽ không đi ra ngoài gặp mụ ấy đâu. Hãy để mụ đến đây tìm ta vậy.”

Tôi nghĩ đến mụ Morwena đương thời sung mãn nhất ngoài đầm lầy kia; nghĩ đến con mắt đầy máu nọ. Tôi sẽ vô vọng thôi – sẽ bị chôn chân tại chỗ chỉ trong vài giây. Rồi sau đấy là bị kết liễu, cổ họng bị xé toang hoác như họng người chở sà lan.

“Mi chẳng có tư cách gì mà đưa ra quy tắc đâu, thằng nhãi ạ. Hãy đi ra ngoài kia đối mặt với con ta nếu mi muốn dám đồng hành với mi được sống,” Quý Vương bảo. “Ta có thể tiêu diệt bọn này trong một giây thôi, khi bọn chúng bất khả kháng trước mặt ta đây...”

Quý Vương chồm tới, khê đặt tay lên đầu Alice. Rồi hấn duỗi mấy ngón tay ra. Bàn tay hấn to vật và dường như càng lúc càng to thêm trong khi tôi quan sát. Giờ thì cả cái đầu của Alice nằm gọn trong lòng bàn tay khổng lồ.

“Ta chỉ cần siết tay lại thôi Tom à, chỉ có thế – thì đầu con bé này sẽ bể nát như vỏ trứng. Ta ra tay liền nhé? Mi có cần phải nhìn thấy việc này dễ dàng thế nào với ta không?”

“Không! Xin đừng!” Tôi gào lên. “Đừng làm đau cô ấy. Đừng hại bất cứ ai. Ta sẽ đi ra đầm lầy. Ta đi ngay bây giờ đây!”

Tôi nhồm dậy, chộp lấy thanh trượng và đi ra cửa. Tại đấy, tôi dừng lại và ngoái nhìn kẻ thù của mình. Nếu tôi bấm lưỡi dao trong trượng ra và tấn công hấn thì sẽ sao nhỉ? Tôi có cơ may nào không? Sẽ vô ích thôi và tôi biết là thế. Ngay khi tôi di chuyển đến chỗ hấn, tôi sẽ bị đông cứng tức thì, sẽ vô dụng như Thầy Trừ Tà, như Alice và ông Arkwright.

Tôi hất đầu về phía ba người họ. “Nếu ta sống sót, hay chiến thắng...? Mi sẽ để họ sống chứ?”

Quý Vương mỉm cười. “Nếu mi thắng, bọn chúng sẽ sống – ít nhất là trong một thời gian. Nếu mi chết, ta cũng sẽ giết sạch chúng. Cho nên mi sẽ chiến đấu vì mạng sống của ba tên này cũng như của mi nữa.”

Tôi biết cơ may đánh thắng con gái của Quý Vương ngoài đầm lầy là rất mong manh. Làm sao trượng cùng xích bạc của tôi đủ mạnh để chống lại

những quyền năng của mẹ ta chứ? Alice, Thầy Trừ Tà cùng ông Arkwright sẽ chết chung với tôi thôi. Nhưng có một điều tôi có thể đạt được trước khi việc ấy xảy đến. Điều cuối cùng tôi phải mang theo cùng cái chết của mình. Chắc chắn là đáng để thử rồi...

“Còn chuyện nữa,” tôi nói. “Hứa với ta và ta sẽ ra đầm lầy ngay. Cuộc đời rất ngắn ngủi và con người ta rồi lúc nào đó cũng phải chết, nhưng sau khi chết mà bị hành hạ thì thật kinh khủng. Bố mẹ ông Arkwright đã phải chịu đủ đau khổ – dù ta thắng hay thua, người sẽ giải thoát cho linh hồn của bà Amelia để hai người họ đi về miền ánh sáng chứ?”

“Dù thắng hay thua ư? Mi ngã giá cao quá đấy Tom.”

“Cũng không cao hơn gì nhiệm vụ mà người đã trao cho ta. Người mong ta chết. Đây là điều người muốn. Thế có công bằng chưa? Ít nhất người phải trả cho ta thứ ta yêu cầu để mọi chuyện không công cốc.”

Quý Vương trừng trừng nhìn tôi một chập, sau đó mặt hắn giãn ra. Hắn đã quyết. “Thế cũng được. Ta sẽ chấp thuận mong muốn của mi.”

Không liếc nhìn gì nữa, tôi rời khỏi gian bếp, băng qua căn phòng còn lại và hướng thẳng ra màn đêm phía ngoài. Chạy đến gần khu vườn thì tôi cảm nhận được sự thay đổi. Bên ngoài căn nhà, thời gian đang trôi đi bình thường. Nhưng đây không phải là đêm đẹp trời để lang thang ra vùng đầm lầy.

Một lớp sương mù dày đặc đã sà xuống: tầm nhìn chỉ còn chừng mười sải chân. Trên cao kia, mặt trăng hình cầu lơ mờ hư ảo, nghĩa là sương mù không dày lắm; nhưng như thế cũng không giúp được gì nhiều cho tôi ngoài đầm lầy, nơi đất đai vừa thấp vừa phẳng. Tôi ước gì mình có con Vuốt bên cạnh, nhưng tôi cho là Vuốt cũng đã bị đông cứng như những người còn lại.

Tôi dừng bước cạnh mép mương, hít vào thật sâu. Băng qua con mương này thì tôi sẽ đối mặt với con gái của Quý Vương. Chắc mẹ ta đang chờ tôi ngoài kia; bóng tối lẫn sương mù sẽ là lợi thế cho mẹ. Tôi thận trọng tiến ra vùng đầm lầy. Tiếc sao tôi chỉ mới thực hành bị chó săn đuổi có một lần, băng không thì giờ tôi đã rành rẽ những lối mòn quanh co hơn nhiều.

Lần nước sâu, tĩnh lặng hay những vũng lầy nguy hiểm nằm dọc hai bên các lối mòn. Tôi đã từng chứng kiến cách mục Morwena phóng ra khỏi nước như cá hồi. Giờ thì tôi phải chuẩn bị cho một cuộc tấn công tương tự. Mỗi đe dọa có thể đến từ bất cứ bên nào trên từng lối mòn tôi bước qua. Còn về vũ khí ấy à, tôi có trượng, lúc này tôi đang thò tay vào túi áo choàng, tay nắm chặt sợi xích bạc. Cảm nhận được sợi xích ở đây làm tôi thấy an tâm. Sau rốt là tôi có muối và bột sắt, nhưng thứ này chỉ được dùng như cứu cánh cuối cùng, khi trượng và xích không còn là lựa chọn nữa và cả hai tay được rảnh rang.

Bất thành linh, một âm thanh rùng rợn vang lên trên đầm lầy. Không lẫn vào đâu cả, đây là tiếng kêu của con chim rĩa xác, vật hiệp thần của mục phù thủy. Mục ta có thêm một đôi mắt tự do bay lượn trên bầu trời; chắc lúc này con chim đang tìm kiếm tôi. Rõ ràng Quý Vương đã báo cho con gái mình biết là tôi đang trên đường đến điểm hẹn. Tiếng kêu kia vang đến từ hướng tây, đâu đây gần hồ nước tôi từng chạm trán với Morwena và bị móc vào tai. Thế là tôi men theo hướng cực nam trên những lối đi được. Tôi không muốn chạm trán với mục ta ở đây, nơi gần với vùng nước sâu.

Bất chấp nền đất trơn trượt, tôi bắt đầu bước nhanh hơn, với mỗi bước chân thì lòng mỗi lúc một thêm nôn nao. Thế rồi, bỗng nhiên tôi nhìn thấy thứ gì đó trước mặt. Một xác người nằm dài trên lối đi. Tôi không muốn vòng ngược lại nên thận trọng tiến tới chỗ cái xác: có thể là một loại bẫy nào đó. Hóa ra lại là một người đàn ông nằm sấp với cái đầu bị vặn sang trái. Gã đã chết ngắc. Cổ họng bị xé toạc giống như gã chết gần cối xay. Gã này đang mặc quân phục – một kẻ khác trong đám bắt lính.

Lúc này chắc con gái của Quý Vương đang ở gần đây, sẵn sàng tấn công, nên tôi di chuyển thật nhanh. Đang bước đi trên lối mòn chưa đầy hai ba phút thì tôi nghe thấy một tiếng động khác ngay trên đầu. Gì thế nhỉ? Lần này không phải là tiếng chim rĩa xác. Tôi dừng lại, nhìn xuyên vào màn sương. Tất cả những gì tôi có thể trông thấy là những cụm lau sậy to lù lù và lối đi mờ mờ ảo ảo vòng vèo uốn quanh đám lau sậy ấy. Lần này tôi bước tiếp, nhưng chậm rãi hơn.

Lại nghe thấy tiếng động ấy, tôi dừng phắt lại – giống như tiếng kêu ai oán, theo sau đấy là tiếng ùng ục. Nghe như có kẻ đang đau đớn. Như thể chúng đang bị sặc. Tôi bước tới từng bước một, trượng lăm lăm trên tay, cho đến khi tôi nhìn ra một hình thù nằm ngang trên lối đi trước mặt. Kẻ nào đó đang bò về phía tôi chẳng? Thêm hai bước nữa, tôi nhận ra hình thù ấy không phải đang di chuyển. Trông như một đồng giẻ rách dài thòng. Là một tên lính khác nữa à? Thế rồi tôi nhìn được rõ hơn.

Trên lối đi kia là một mù phù thủy đang nằm ngửa, một tay thông xuống nước. Hai mắt cùng mồm mù ta mở lớn: mắt thì đứng tròn trợn trừng nhưng là nhìn lên trời chứ không phải nhìn vào tôi; mồm phô ra bốn chiếc răng nanh dài sắc của một thủy phù thủy. Có phải là mù đã trốn khỏi hố dưới cối xay không nhỉ? Mù ta bị đau à – hay là đã chết rồi?

Tôi do dự. Lúc này tôi đã ở gần mù ta lắm. Lỡ mù ta đang giả vờ thì sao? Chỉ nằm chờ đó cho đến khi tôi đến đủ gần rồi mù chộp lấy tôi ấy? Sau đó, từ bóng đêm, một giọng nói cất lên với tôi; giọng nói mà tôi thừa sức nhận ra.

“A nhóc con, chúng ta lại gặp nhau!”

Hai đầu gối tôi xoay về hướng mặt nước. Đằng sau cái xác ấy, đang đối diện với tôi, là mù Grimalkin.

Giờ thì mù ta sẽ trả thù đây. Có lẽ mù cứu mạng tôi trong tòa tháp phí của chỉ để mù ta có thể tận hưởng giây phút này. Tôi ước gì mặt đất nuốt chửng mình. Tôi khiếp sợ tiếng lạch xạch của cây kéo kinh khủng kia. Tôi từ từ rút sợi xích bạc ra khỏi túi áo choàng và chuẩn bị. Lần trước tôi đã hụt mất mù nhưng là vì tôi quá mệt và vì tôi vừa tung xích vừa bỏ chạy. Tay trái run rẩy vì bồn chồn, tôi ép mình phải hít thở đều nhịp. Tôi sẽ can đảm như thầy tôi, Thầy Trừ Tà. Cho dù mất mạng, tôi vẫn có thể can đảm. Tôi làm được mà. Tôi đã thực tập rất lâu và dốc sức cho thời khắc này rồi.

Tôi nhìn thẳng vào mắt mù Grimalkin và chuẩn bị vung xích. Mù ta không phải như Morwena nên ít ra tôi có thể nhìn vào mặt mù. Khuôn mặt ấy xinh đẹp nhưng tàn nhẫn khắc nghiệt và miệng mù ta hơi hé mở, môi tô

đen. Tôi cũng nhìn thấy những chiếc răng độc ác được mạ mài nhọn hoắt, sắc lẹm, nanh ác.

“Cắt xích đi nhóc,” mẹ ta dịu dàng bảo. “Ta không đến đây vì cậu. Đêm nay chúng ta cùng nhau chiến đấu chống lại kẻ thù của chúng ta.”

Chỉ đến lúc này tôi mới để ý thấy Grimalkin chẳng hề khua khoắng vũ khí gì cả – mọi lưỡi dao của mẹ đều đang nằm trong bao.

Tôi hạ xích xuống. Tôi tin mẹ. Dẫu sao thì chính mẹ đã cảnh báo cho tôi về những thủy phù thủy trong đường hầm, lại còn giúp tôi đuổi đánh chúng. Mẹ tôi luôn dặn phải tin tưởng vào trực giác của mình và tôi cảm thấy Grimalkin đang nói thật. Tôi thấy có vẻ như việc này có lợi cho chúng tôi. Dù Thầy Trừ Tà có nói gì đi nữa, nếu thể lực bóng tối đấu với bóng tối, chắc chắn bọn chúng sẽ bị suy yếu.

Grimalkin chỉ tay xuống xác mẹ phù thủy đã chết. “Đừng lo cậu bé,” mẹ khẽ bảo. “Mẹ ta sẽ không cắn đâu. Cứ bước qua xác mẹ ta. Nhanh lên nào. Ta còn ít thời gian lắm!”

Tôi bước qua xác mẹ phù thủy và thêm mười bước nữa là tôi đối diện với mẹ phù thủy sát thủ. Cũng như lúc trước, mẹ mang vũ khí tua tủa đầy mình, các bao gươm chứa đủ loại đủ cỡ dao, dấy còn chưa kể đến cái kéo. Nhưng có hai sự đổi khác: tóc mẹ được tóm sát ra sau và cột ngay gáy bằng một khăn quàng lụa màu đen; thứ nữa là, mẹ trông rất bẩn, cả mặt lẫn hai tay trần và hai chân vẫn vện những bùn, người tanh rình mùi bùn nhão của đầm lầy.

“Cậu đang tìm gì ở đây thế, cậu nhóc? Tìm chết chạng?” Grimalkin hé mở đôi môi tô đen, phô ra những chiếc răng nhọn hoắt. “Con gái của Quý Vương đang ở gần lắm. Vài phút nữa mẹ ta sẽ đến đây.”

Tôi lắc đầu. “Tôi không có sự lựa chọn nào. Quý Vương buộc tôi phải ra ngoài này, bằng không hẳn sẽ giết chết thầy tôi, Alice lẫn ông Arkwright. Nếu tôi giết được con gái hẳn, hẳn sẽ tha mạng cho những người ấy.”

Grimalkin cười nhẹ. “Cậu can đảm nhưng ngốc quá. Tại sao lại cố chiến đấu với mẹ ta ở đây chứ? Nước là sở trường của mẹ. Nếu cậu thắng thế, mẹ

sẽ chạy sâu hơn vào trong đầm lầy, nơi cậu không thể mò tới. Còn mà chừa cho mụ ta nửa cơ hội thôi thì mụ ta sẽ lôi đầu cậu xuống nước ngay. Không được đâu! Đây không phải là cách. Chúng ta phải lừa mụ lên vùng đất cao, khô ráo hơn. Ta đã nhìn thấy cậu chạy và cậu nhanh chân lắm, nhanh gần bằng cả ta. Nhưng cậu vững bước đến đâu trong vùng đất này thế? Giờ nhé, nếu muốn sống sót, cậu phải chạy cho kịp với ta đã.”

Không nói thêm lời nào, Grimalkin quay đi, bắt đầu chạy xuống lối mòn dẫn chúng tôi đi sâu hơn vào đầm lầy. Tôi theo sát gót mụ, mỗi lúc chạy một nhanh hơn, băng qua vùng đất nguy hiểm. Có lúc tôi hụt chân, gần chút nữa là lọt xuống vũng lầy; có hai lần Grimalkin bỏ xa tôi khuất dạng vào màn sương, và phải nhờ đến nỗ lực hết mình tôi mới giữ được khoảng cách với mụ trong tầm mắt.

Rốt cuộc chúng tôi cũng dần ra khỏi đầm lầy. Phía trước mặt là ngọn đồi tròn tròn nho nhỏ với tàn tích của một tu viện be bé trên đỉnh. Đây là đồi Tu Sĩ. Ba cây ngô đồng còi cọc trơ trọi mọc lên từ đồng cỏ nát. Có nơi hai viên đá còn không chông được lên nhau. Grimalkin dẫn đường đến một bức tường thấp và chúng tôi ngồi áp sát lưng vào tường để có thể nhìn xuống toàn cảnh vùng đầm lầy. Trên cao, bầu trời không gợn chút mây, mặt trăng đang tỏa sáng, ánh trăng bàng bạc soi xuống đồng tàn tích cùng mạn sườn đồi.

Chúng tôi đang ở bên trên màn sương mù. Sương mù dập dềnh bên dưới che mờ đầm lầy cùng lối đi. Chúng tôi đang ngồi trên một hòn đảo nhô lên từ mặt biển yên bình do mây trắng tạo thành. Một đời thật lâu chúng tôi chẳng nói gì. Sau nỗ lực vừa rồi, tôi mừng vì nhịp thở của mình được trở lại bình thường và chính mụ phù thủy mới là người lên tiếng trước.

“Cậu nên cảm ơn Alice Deane vì đã không để cậu phải đối mặt với kẻ thù một mình ngoài này.”

Tôi quay sang, sững sờ nhìn Grimalkin. “Alice ư?”

“Phải, cô bạn Alice của cậu đấy. Sợ là Quý Vương cùng con gái hẳn sắp sửa lấy mạng cậu, cô bé đã gọi ta lên phương bắc trợ giúp cậu. Bọn ta đã

liên lạc với nhau nhiều lần trong một tháng qua. Chủ yếu là bằng gương.”

“Alice dùng gương để liên lạc với bà ư?”

“Dĩ nhiên rồi cậu nhỏ. Chứ phù thủy còn liên lạc với nhau từ khoảng cách đường dài bằng cách nào khác nữa? Thoạt tiên ta ngạc nhiên lắm, nhưng con bé cứ nài nỉ và dần dà thuyết phục được ta. Làm sao ta có thể từ chối một kẻ có mẹ là người tộc Malkin cơ chứ? Nhất là khi bọn ta có cùng lý do.”

“Vậy ra bà đã đến tìm tôi trên đảo đấy à?”

“Cậu, hoặc con gái của Quỷ Vương. Nhưng ta chưa bao giờ đặt chân lên đảo cho đến khi chúng ta nói chuyện với nhau. Ta quan sát cậu từ bờ đất liền, trông thấy đám phù thủy chuẩn bị chui xuống nước nên ta đã cảnh báo cho cậu. John Gregory sẽ không hoan nghênh sự có mặt của ta nên ta phải giữ khoảng cách.”

“Quỷ Vương nghĩ là tôi sẽ một mình đối đầu với con gái hẳn. Liệu hẳn có biết bà đang ở đây không?”

Grimalkin nhún vai. “Có thể có. Hẳn không thể nhìn thấy hết mọi chuyện, nhưng khi con gái hẳn nhìn thấy ta, hẳn sẽ biết thôi.”

“Vậy hẳn sẽ không can thiệp vào à? Hẳn có thể xuất hiện tại đây, ngay trên ngọn đồi này ấy chứ.”

“Cậu không cần e sợ chuyện đấy. Hẳn sẽ giữ khoảng cách thôi. Ta ở đâu thì cậu sẽ không thấy hẳn ở đó.”

“Bà có khả năng khiến hẳn phải tránh xa à?”

“Phải – vì những gì ta đã làm nhiều năm trước đây.”

“Là gì thế? Lâu nay Alice đang tìm cách để khiến hẳn tránh xa. Làm cách nào thế ạ? Bà có dùng huyết lọ không? Hay là bằng cách nào đó đưa ra lời nguyền chẳng buộc?”

“Có lẽ là có nhiều phương cách lắm, nhưng ta đã chọn cách thông thường mà phù thủy hay chọn. Ta sinh cho hẳn một đứa con...”

“Bà có con với Quỷ Vương à?” Tôi thảng thốt hỏi dồn.

“Sao lại không chứ? Đây là điều một vài phù thủy đã làm – nếu họ có gan làm thế. Và nếu họ quá sức tuyệt vọng, chỉ muốn thoát khỏi quyền năng của hắc. Sinh cho hắc đứa con, rồi sau khi hắc ghé qua thăm con lần đầu, hắc phải để cho cậu yên. Đa số các đứa con giữa Quý Vương và phù thủy đều là quái vật, hoặc là phù thủy khác. Mẹ của mẹ mà chúng ta đối mặt đây là phù thủy Grismalde. Người ta bảo mẹ ấy rất xinh đẹp nhưng lại trú ngụ trong những hang động đầy bùn và chỉ lang thang trong những lòng đất tối tăm nhất, vì thế nên mẹ cũng hơi háms không kém. Tuy nhiên, sở thích của Ác Quỷ nhiều khi cũng lạ đời lắm.

“Tình cờ sao đây cơ thể của ta lại gặt được hắc. Con của ta không phải quái vật, cũng chẳng phải phù thủy. Nó là người hoàn toàn, một bé trai xinh xắn. Có điều khi Quý Vương nhìn thấy nó, hắc lồng lên giận dữ. Hắc nhặt con ta lên, con trai của chính hắc, đập nát óc thẳng bé vào hòn đá. Máu của đứa trẻ vô tội đã đem lại cho ta sự tự do, nhưng đây là một cái giá rất đắt.

“Sau khi con ta chết, ta hơi cuồng lên vì đau khổ. May thay, nghề nghiệp ta chọn khi ấy đã cứu lấy ta. Qua sự tàn nhẫn mà một phù thủy sát thủy đòi hỏi phải có, ta lại tìm được chính mình. Thời gian đã trôi đi và ký ức có phai nhạt, nhưng những gì Quý Vương đã làm thì không bao giờ có thể quên đi. Có hai lý do vì sao đêm nay ta chiến đấu bên cạnh cậu. Lý do thứ nhất là vì ta cần trả thù. Lý do thứ hai là Alice Deane đã nhờ ta bảo vệ cho cậu khỏi Morwena. Đêm nay chúng ta sẽ bắt đầu với việc kết liễu con gái của Quý Vương.”

Tôi nghĩ tới nghĩ lui những gì Grimalkin vừa kể cho mình nghe một hồi. Thành linh mẹ đặt tay lên môi, ra hiệu im lặng, rồi mẹ đứng lên.

Gần như ngay lập tức, tiếng kêu rùng rợn của chim rĩa xác vang vọng trên khắp đầm lầy. Vài giây sau, âm thanh ai oán ấy lại vang lên, lớn hơn và gần hơn gấp bội. Tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh khi một con chim to lớn từ giữa màn sương bay vút lên, mỗi lúc một cao hơn khi nó tiến đến gần. Nó đã trông thấy chúng tôi: giờ thì con gái của Quý Vương sẽ biết chính xác chúng tôi đang ở đâu.

Grimalkin cho tay vào trong bao gươm bằng da rút ra một con dao lưỡi ngắn. Bằng một động tác dũng mãnh nhịp nhàng, mụ ta phóng dao vào con chim. Lưỡi dao xoay vun vút. Chim rìa xác né tránh nhưng đã quá muộn. Lưỡi dao cắm sâu vào ngực nó. Một tiếng rít rền vang, con chim rìa xác rơi tọt xuống biển sương mù, mất dạng.

“Ta hiểm khi hụt lắm,” Grimalkin mỉm cười dữ tợn rồi lại ngồi xuống bên trái tôi. “Thế mà ta đã hụt khi phóng dao về phía cậu. Hay nói đúng hơn, dao bay tới mục tiêu đấy nhưng cậu đã thò tay chộp lấy. Quý Vương đã can thiệp vào thời gian, làm thời gian chậm đi, ngưng đọng hay nhanh hơn tùy theo nhu cầu của hắn. Hơn nữa, ta nghĩ đêm đó cậu cũng có góp sức. Chỉ một chút thôi, nhưng cũng đủ để tạo ra khác biệt.”

Grimalkin đang nói đến lần chúng tôi chạm mặt mùa hè rồi, khi mụ truy đuổi và bắt kịp tôi tại ven rìa khu rừng Treo Cổ. Lúc ấy tôi đang tháo chạy về nơi trú thân trong căn phòng của mẹ. Sau khi ghim vai mụ vào thân cây bằng thanh trượng của Thầy Trừ Tà, tôi quay lưng bỏ chạy nhưng Grimalkin đã phóng dao vào sau đầu tôi. Tôi quay lại, nhìn thấy con dao phóng vun vút trong không trung về phía mình, thế là tôi giơ tay bắt lấy, cứu mạng mình. Đúng là khi ấy thời gian dường như chậm lại, nhưng chưa bao giờ, dù chỉ trong chốc lát, tôi nghĩ mình là người gây ra chuyện đó.

“Đứng lên nào,” Grimalkin ra lệnh, giọng đanh thép. “Gần đến lúc rồi. Thời khắc nguy hiểm đang đến gần. Lũ kẻ thù của chúng ta sẽ sớm đến đây thôi.”

“Lũ ư? Có nhiều hơn một tên à?”

“Tất nhiên rồi cậu bé. Con gái của Quý Vương sẽ không đi một mình. Mụ ta đã kêu gọi những tên khác đến trợ giúp. Thủy phù thủy từ mọi vùng xa xôi đang ùn ùn kéo lên ngọn đồi này. Bọn chúng đã tiến về đây từ khi trời tối. Trận chiến sắp xảy ra.”

Đã đến lúc đối mặt với lũ phù thủy. Sẽ chóng thôi, bằng cách này hay cách khác, mọi chuyện rồi sẽ chấm dứt.

CHƯƠNG 28: TRẬN CHIẾN TRÊN ĐẦM LẦY

Chúng tôi đứng dậy đi xuống sườn đồi một quãng ngắn. “Đêm hôm ấy cậu cũng ra tay huyệt,” Grimalkin bảo. “Cậu bắt huyệt ta bằng sợi xích. Liệu tối nay cậu có lỡ mất mục tiêu của mình nữa không nhỉ?”

Hồi mùa hè tôi đã tung xích vào Grimalkin nhưng vượt mất. Đây là một cú ra đòn khó khăn và tôi vừa sợ vừa mệt nhoài. Đêm nay, khi đương đầu với con gái của Quỷ Vương, tôi sẽ thành công hơn chứ?

“Tôi sẽ làm hết sức,” tôi bảo với Grimalkin.

“Thế thì ta hãy hy vọng sự hết sức của cậu hiệu quả nhé. Giờ thì lắng nghe cho kỹ khi ta giải thích chuyện gì sắp xảy ra đây. Thủy phù thủy sẽ tấn công, từ đầm lầy bên dưới kéo lên đây. Cậu hãy dùng trượng – nhưng để dành sợi xích đây. Có lẽ như thế sẽ tạo ra điều khác biệt. Chúng ta phải đối mặt với con mắt đầy máu của Morwena, nhưng con mắt này chỉ đối phó được mỗi lần một kẻ thù. Nếu mục tấn công ta, cậu hãy dùng xích tấn công mục ấy. Còn cho đến lúc đó, phải để dành xích. Đánh lại những tên khác bằng trượng thôi. Có hiểu chưa nào?”

Tôi gật đầu.

“Tốt. Lợi thế thứ hai cho chúng ta là mục Morwena sẽ không dám đi lên đồi, nơi nền đất dưới chân tương đối khô ráo và chắc chắn. Nên hy vọng mục ta sẽ lần khần.”

Một lần nữa tôi lại gật, nỗi lo lắng bắt đầu chế ngự lấy tôi. Tôi có thể cảm thấy hai đầu gối và bàn tay run rẩy, dạ dày thì nhộn nhạo. Tôi hít một hơi sâu, cố gắng giữ bình tĩnh. Tôi cần tay trái mình vững vàng để tung xích bạc.

Lượt tấn công đầu tiên làm tôi hoàn toàn bất ngờ. Ngoại trừ âm thanh lạch bạch do những bàn chân có vuốt có màng giẫm lên cỏ thì cuộc tấn công rất

lặng lẽ và nhanh kinh khủng. Một thủy phù thủy từ trong sương mù lao thẳng vào Grimalkin, vượt giương lên nghênh tiếp, mớ tóc ướt lướt thướt chảy rờn rờn sau lưng, bản mặt méo mó tạo thành vẻ mặt căm hận.

Nhưng Grimalkin còn nhanh hơn. Mụ rút một con dao trên thắt lưng phi thẳng vào kẻ tấn công. Tôi nghe được một tiếng thịch khe khẽ khi con dao cắm vào ngực mụ phù thủy. Mụ ta ngã ngửa ra, rên rỉ rồi trượt xuống sườn đồi, đám sương mù bao bọc lấy mụ.

Giờ thì bọn chúng ồ ạt tấn công. Đối phó với mỗi một mụ hăn tôi cũng đã chật vật lắm rồi, chúng nhanh nhẹn và đã man đến thế cơ mà. Chúng từ đám sương mù ủa ra – có sáu bảy mụ cả thảy – vừa lao đến vừa rít lên như cá óc, móng vuốt vươn ra, mặt méo mó vì điên cuồng giận dữ, một số còn vung những con dao ngắn. Chỉ đến khi mụ gần nhất còn cách tôi chưa tới năm bước thì tôi mới sực nhớ đến lưỡi dao bấm trong thanh trượng gỗ thanh hương trà. Tôi lần tay đến hốc lõm và ấn vào, nghe thấy tiếng đánh cách hời lòng hời dạ khi lưỡi dao bật ra đúng vị trí.

Tôi đâm, tôi gạt, bên này rồi bên kia, tôi xoay vòng vòng để ngăn không cho chúng đến gần, mồ hôi túa ra rờn rờn trên mặt, chảy cả vào mắt khi tôi vận dụng mọi kỹ năng mà ông Arkwright đã dạy. Dù tôi đã nỗ lực hết mình là thế, nhưng nếu không nhờ Grimalkin thì hăn tôi đã bị trấn áp. Bấy giờ tôi đã hiểu vì sao trong trận đánh xáp lá cà, phù thủy sát thủ là kẻ đáng sợ nhất trong tất cả những phù thủy vùng Pendle.

Mỗi chuyển động tinh giản nhưng chết người của mụ Grimalkin là một đòn chí tử. Mỗi lưỡi dao trượt ra khỏi bao da đều tìm được đến chỗ găm mới vào da thịt kẻ thù. Móng vuốt đối chọi móng vuốt, dao đấu với dao, Grimalkin là vô đối. Mụ xoay tít người, như một bánh xe tử thần, cắt ngọt kẻ địch cho đến khi bảy xác chết nằm chất đống trên sườn đồi trước mặt chúng tôi.

Đoạn mụ hít thật sâu rồi đứng im phăng phắc, như thể đang lắng nghe, sau đó mụ khẽ đặt tay trái lên vai tôi mà thì người về phía tôi.

“Hiện đang có thêm nhiều thủy phù thủy từ đầm lầy tiến lên đây,” Grimalkin thì thào, miệng mụ ghé sát vào tai tôi. “Và con gái của Quý Vương đang đi cùng bọn chúng. Hãy nhớ những gì ta đã bảo. Dùng xích để giải quyết mụ ta. Việc thành hay bại đều phụ thuộc vào đấy. Cậu mà hụt là hai chúng ta tiêu đời!”

Một mụ phù thủy đơn độc từ màn sương xông đến. Grimalkin phóng hai lần dao găm trúng đích trước khi cả hai xáp vào nhau, phùng phùng phần nộ, tay chân đan chặt, ngón tay chọc móc cùng răng sắc nhọn. Không mụ nào thốt ra tiếng khi chúng ôm nhau lăn tròn ra xa trong trận xáp lá cà điên cuồng câm lặng, cứ thế trượt xuống đồi rồi biến mất vào màn sương.

Bỗng chỉ còn mỗi mình tôi đứng trên mạn đồi, lắng nghe tiếng tim mình đập thình thịch. Tôi có nên đi giúp Grimalkin không nhỉ? Lỡ những mụ phù thủy khác đang đánh úp mụ thì sao? Tuy nhiên, trước khi tôi kịp đưa ra quyết định thì đến phiên tôi bị tấn công. Một thủy phù thủy khác từ màn sương bước ra. Mụ ta không phóng vút vào tôi như những mụ khác mà lại nhẹ nhàng lạch bạch leo lên đồi, từng bước từng bước thận trọng. Mồm mụ ta ngoác rộng, để lộ bốn chiếc nanh vàng vàng xanh xanh to tướng. Nhìn bề ngoài mụ trông rất giống Morwena: khung xương hình tam giác tạo thành mũi, khiến tôi thấy như thể mình đang đối mặt với thứ gì đấy đã chết hơn là còn sống. Mặc dù mụ tiến đến chậm chạp, dè dặt là thế, tôi vẫn ý thức cao độ về tốc độ mụ ta có thể đạt tới. Tôi biết mụ sẽ cố chọc một trong những móng vuốt của mụ vào da thịt mình, và hơn cả là tôi sợ cú móc ngược chọc thủng vòm họng trên rồi quấn mấy ngón tay quanh răng tôi, cú ấy sẽ khó mà thoát ra được.

Mụ phù thủy thành linh tấn công; mụ nhanh thật nhưng tôi cũng nhanh không kém. Tôi khua trượng vòng qua thành một hình vòng cung ngăn ngăn và hụt má mụ chừng chưa tới một phân. Mụ ta gầm gừ, một tiếng rống trầm trầm giận dữ thoát ra khỏi họng mụ. Tôi lại đâm tới và mụ phải thụt lui một bước. Giờ thì tôi đang ở thế chủ động và từng cú đâm được tính toán cẩn thận lại đẩy mụ lùi thêm xuống đồi, mỗi lúc một gần với mép màn sương mù dày đặc.

Thế rồi, ôi thôi đã muộn, tôi đoán ra mục ta đang định làm gì – lôi kéo tôi đi vào màn sương và vùng đầm lầy, nơi mục ta có lợi thế.

Nãy giờ mục ta giỡn mặt với tôi. Tay phải mục vung ra như con rắn. Hai ngón tay móc về phía họng tôi, vuốt duỗi dài. Cố vận người tránh đi, tôi cảm nhận được một cú đâm sượt qua và sau đó tôi bị kéo tới trước. Tôi mất thăng bằng, ngã lăn cù cù xuống đồi, trượng rơi khỏi tay. Mục phù thủy lăn theo tôi rồi chúng tôi tách nhau ra. Tôi chẳng thấy cổ hay hàm mình đau gì cả. Mục ta đã ra đòn hụt, thay vào họng là móc vuốt vào cổ áo khoác da cừu của tôi, cú ngã đã làm cổ áo bị rách.

Tôi quỳ dậy, liếc mắt nhìn quanh. Tôi chưa ngã đến chân sườn dốc, còn mục phù thủy đã lăn xuống thật xa. Màn sương lúc này đã mỏng hơn, giúp tôi nhìn ra thanh trượng của mình. Trượng nằm ngoài tầm với, nhưng bước thêm bốn bước thì tôi sẽ lấy lại được vũ khí thôi mà. Rồi tôi liếc sang bên phải và trông thấy một chuyện làm máu tôi lạnh ngắt. Grimalkin đang đứng bên xác một mục phù thủy vừa bị giết, nhưng mục đứng như chôn chân tại chỗ, hoàn toàn bất động, nhìn trừng trừng vào Morwena, lúc này đang di chuyển lên sườn đồi về phía Grimalkin, móng vuốt giương hết cả ra. Tôi đứng dậy cho tay vào túi lấy xích, quấn xích quanh cổ tay trái.

Rõ là Grimalkin đang bị con mắt máu kia thôi miên. Loáng nữa thôi mục ấy sẽ chết. Nếu tôi hụt, Morwena sẽ giết Grimalkin rồi chuyển sự chú ý sang tôi.

Đây là thời khắc quyết định. Liệu bao tháng rònng thực hành trong vườn nhà Thầy Trừ Tà có kết quả hay không? Lăn ra tay này còn khó khăn hơn việc tung xích vào cây cột gấp bội lần. Nỗi sợ và sự lo lắng dự phần rất lớn. Có những lúc tôi từng sử dụng xích thành công để đấu lại phù thủy; nhưng tôi cũng hay thất bại lắm. Tầm quan trọng của những việc phụ thuộc vào hành động lần này đã ám mờ trí óc tôi với bao hoài nghi. Nếu tôi hụt, hết chuyện. Và tôi sẽ có một cơ hội duy nhất mà thôi!

Trước hết, phải *tin* rằng mình làm được. Phải suy nghĩ tích cực! Thầy Trừ Tà đã dạy tôi bí quyết đầu tiên trong việc kiểm soát cơ thể mình là làm chủ tâm trí. Thế là tôi làm theo. Tôi giơ tay trái lên, hít sâu rồi nín thở.

Tôi tập trung, nhìn chăm chú vào Morwena, mục tiêu của mình, lúc này đang cách Grimalkin hầu như chỉ một gang tay. Thời gian dường như chậm lại. Vạn vật trở nên im lặng đáng sợ. Morwena không còn di chuyển nữa. Tôi không thở. Ngay cả tim tôi hình như cũng ngừng đập.

Tôi tung sợi xích đánh vút vào Morwena. Sợi xích tạo thành một hình xoắn ốc hoàn hảo trên không trung, lấp lánh dưới ánh trăng; dường như nó là thứ duy nhất đang dịch chuyển. Xích rơi trùm xuống người Morwena, siết chặt quanh hàm răng và hai tay khiến mục ta loạng choạng sụm gối xuống. Âm thanh rần rật ủa về tai tôi. Tôi thở hắt ra và nghe thấy Grimalkin thở ra nhẹ nhõm trước khi nhét lưỡi dao dài vào thắt lưng và thận trọng tiến đến chỗ kẻ thù của mình.

Vì quá tập trung vào việc tung xích bạc vào Morwena, tôi đã quên bẵng mối nguy của riêng mình. Đột nhiên một mục thủy phù thủy xuất hiện bên cạnh tôi, ngón tay cùng vuốt dài móc ngược về phía hàm tôi. Và còn nhanh hơn là tôi tin nổi, cánh tay trái của tôi gạt phăng cú tấn công, có điều mục phù thủy và tôi vướng vào nhau, sau đó ngã sòng soài rồi lăn đến cuối chân đồi.

Ngay lập tức, tôi lại phải chiến đấu giành mạng sống cho mình. Phù thủy nói chung có thể lực rất khỏe, và trong những trận giáp đấu thì ngay cả một người đàn ông trưởng thành cũng có thể gặp nguy. Tôi đánh trả, đấm đá vật lộn nhưng mục ta đã tóm chặt lấy tôi và bắt đầu kéo tôi về hướng mép nước. Tôi đã giữ lời hứa với Grimalkin là dùng xích bạc đánh lại Morwena. Nhưng vì làm thế nên tôi đã mất đi cơ hội thu lại trượng, thứ duy nhất giúp tôi có cơ may đánh trả lại một mục phù thủy như thế này. Thứ vũ khí khác tôi còn có thể dùng đến là muối và bột sắt, xui thay, hai cánh tay tôi đang bị ép dọc vào thân mình mất rồi.

Tiếp sau đấy chúng tôi lăn tùm xuống nước. Tôi chỉ kịp ngậm miệng nín thở là đầu tôi ngập sâu xuống nước. Tôi giãy giụa điên cuồng hơn và chúng tôi lại xoay vòng, mặt tôi nổi lên chừng một giây, cho phép tôi hít vào thêm một hơi. Rồi nước lại ngập đầu và tôi thấy mình đang bị kéo xuống. Kỹ năng bơi mới học của tôi thật vô dụng. Mục thủy phù thủy tóm tôi thật chặt

và mù lại còn mạnh vô cùng. Tôi mỗi lúc một chìm xuống đáy. Tôi cố cầm cự nín thở, tuy nhiên, hai phổi tôi như muốn nổ tung và mắt mũi tôi tối sầm.

Tôi đã vật lộn trong bao lâu để thoát ra thì tôi không rõ, nhưng sức tôi yếu dần, rồi nước tràn vào miệng vào mũi làm tôi bắt đầu ngạt. Điều cuối cùng tôi nhớ là cảm giác buông xuôi. Tôi đã cố gắng hết sức, nhưng mọi chuyện giờ đã chấm dứt và kết cục là tôi đang hấp hối. Rồi mọi thứ tối đen và tôi thôi không vật lộn nữa.

Ấy vậy mà cuộc chiến của tôi trên thế gian này vẫn chưa chấm dứt. Tôi tỉnh lại, nhận thấy mình lại nằm trên sườn đồi, ho sặc ho sụa khi có ai đó đang ép và vỗ thùm thụp lên lưng tôi. Tôi tưởng mình đang nôn ói, nhưng đây là nước chứ không phải bã nôn mửa, đang tràn ra khỏi mũi và mồm tôi.

Tình hình ấy dường như kéo dài thật lâu, cho đến khi dần dà mấy cái vỗ lưng dừng hẳn và tôi thấy mình đang hít thở mà không ho sặc gì, mặc dù tim tôi vẫn đập rất nhanh, làm tôi lo nó sẽ nổ tung mất. Rồi ai đó lăn tôi ngửa ra và tôi nhìn lên, trông thấy gương mặt của Grimalkin.

“Cậu sẽ sống thôi, cậu nhỏ à,” Grimalkin lời tôi ngồi dậy. “Cũng sém thì tiêu đời rồi đấy. Ta chỉ kịp với lấy cậu trước khi phù thủy lôi cậu xuống vùng nước sâu hơn.”

Tôi nhận ra mình vừa nợ ơn cứu mạng của một phù thủy độc. Dù Thầy Trừ Tà có nghĩ gì đi nữa, thì tôi và mù cũng đã về một phe. Thế là tôi nói lời cảm ơn mù ấy. Đây là chuyện mà bố tôi hẳn sẽ muốn tôi làm.

Rồi tôi nhìn thấy một dãy xác chết nằm trên mép đầm lầy, bao gồm cả con gái của Quý Vương. Mù ta vẫn còn bị sợi xích bạc trói chặt.

“Xin lỗi vì tôi đã không giúp được gì hơn,” tôi nói. Tôi chỉ kịp nói ra mấy lời đó thì một cơn ho sặc sụa lại ủa đến.

Grimalkin kiên nhẫn chờ cho đến khi cơn ho chấm dứt rồi mới thốt lên. “Cậu đã ra tay quá đủ rồi, cậu bé ạ. Khi tung xích vào Morwena, cậu đã bảo đảm cho phần thắng. Vậy nên giờ hãy đi mà thu xích về. Ta không chạm vào bạc được.”

Grimalkin đỡ tôi đứng lên. Tôi thấy lả đi và bắt đầu run dữ dội. Quần áo tôi sưng nước, cả người lạnh thấu đến xương. Khi bước về phía dãy xác chết đang nằm ngửa kia, tôi trông thấy những gì Grimalkin đã làm và tôi sém nôn thốc. Grimalkin đã cắt phăng quả tim của từng mục phù thủy rồi đặt gần đầu mỗi mục. Trông thấy vẻ ghê tởm trên mặt tôi, Grimalkin đặt tay lên vai tôi.

“Phải làm thế thôi, cậu bé à, để bảo đảm là không một mống nào trong số chúng có thể sống lại. Thầy cậu không dạy cho cậu điều này sao?”

Tôi gật đầu. Khi đã chết, những phù thủy quyền năng như thế này có khả năng tái sinh hoặc đủ lực để đi lại trên dương gian và gieo rắc những nguy hại khôn lường. Để ngăn ngừa việc này, ta phải cắt lìa tim chúng; rồi quả tim ấy phải bị ăn mất.

Grimalkin túm tóc con gái Quý Vương mà lôi dậy, trong khi tôi gỡ xích của mình ra. Xích đâm những máu. Xa xa vọng lại tiếng động khe khẽ khiến Grimalkin nhìn lên. Âm thanh ấy lại vang đến – là tiếng sủa của con chó săn. Con Vuốt đang trên đường đến đây. Nếu Quý Vương giữ lời, thì thời gian trong cõi xay giờ đây đã trôi đi bình thường rồi.

“Ta chẳng còn bụng dạ đâu cho mấy thứ này, nên cậu đảm bảo là con chó sẽ ăn mấy quả tim nhé – ăn sạch đấy,” Grimalkin bảo. “Giờ ta phải đi trước khi những người kia đến. Nhưng còn việc cuối cùng này – cậu bao nhiêu tuổi vậy, cậu bé?”

“Mười bốn ạ. Tôi sẽ được mười lăm vào tháng Tám tới. Vào ngày mồng ba ấy.”

Grimalkin mỉm cười. “Cuộc sống ở Pendle rất khó khăn và vì thế mà đám trẻ con phải nhanh chóng trưởng thành. Vào đêm lễ Đêm Phù Thủy theo sau sinh nhật thứ mười bốn, đứa con trai của một tộc phù thủy được xem như đã trở thành đàn ông. Sau kỳ lễ ấy, hãy đến Pendle tìm ta. Ta bảo đảm cậu được an toàn và ta sẽ trao cho cậu một món quà. Món quà đáng phải có lắm đấy.”

Mục Grimalkin đã nói ra một điều thật lạ lùng. Lễ Đêm Phù Thủy là ngày cuối cùng trong tháng Tư. Tôi không thể tưởng tượng ra cảnh mình đi đến

Pendle để nhận quà từ Grimalkin. Tôi biết Thầy Trừ Tà sẽ nghĩ gì về chuyện này!

Nói xong, mũ phù thủy nhanh nhẹn quay gót chạy ngược lên đồi, phóng qua bức tường thấp và mất dạng.

Năm phút sau, Vuốt chạy đến. Tôi quan sát nó bắt đầu ngấu nghiến mấy quả tim của lũ phù thủy. Nó đang đói rã ruột, nên khi Thầy Trừ Tà, ông Arkwright và Alice đến nơi thì nó đã ăn gần hết quả cuối cùng.

Tôi nhớ là Alice đề nghị để cô rửa máu trên sợi xích giúp tôi. Rồi thành linh mọi vật tối sầm và Thầy Trừ Tà đỡ cho tôi đứng vững. Người tôi run bắn, tôi được mang về cối xay và đặt vào giường. Do nuốt phải nước đọng đầm lầy hoặc do mấy vết cào trên cổ, chắc là do móng vuốt mũ phù thủy phù nên, tôi mau chóng lên cơn sốt nguy hiểm.

CHƯƠNG 29: NƠI TỚ THUỘC VỀ

Sau này tôi mới biết Alice từng cố giúp tôi bằng một trong những phương thuốc của mình, nhưng Thầy Trừ Tà đã cấm cô. Thay vào đấy, vị thầy thuốc trong vùng lại ghé qua nhà kê cho tôi thuốc uống, khiến tôi nôn mửa cho đến khi tôi tưởng dạ dày mình chắc rách mất thôi. Mất gần đến năm ngày tôi mới có thể rời giường. Nếu khi ấy tôi biết Alice không được phép chữa trị cho tôi, hẳn tôi đã phản đối rồi.

Thầy Trừ Tà công nhận tài sử dụng thảo dược của Alice, nhưng chỉ sau khi hồi phục tôi mới biết lý do vì sao thầy bắt Alice tránh xa giường bệnh của mình. Quả là một đòn giáng mạnh xuống tim tôi. Là tin xấu nhất có thể.

Ngay khi đi lại được, chúng tôi đã có cuộc trao đổi thật lâu trong phòng khách ở lầu trên. Hai cỗ quan tài của bố mẹ ông Arkwright không còn trong đấy nữa – họ đã được chôn cất ngay rìa sân nhà thờ trong vùng, nơi ông Arkwright có thể đến viếng. Quý Vương đã giữ lời và linh hồn bố mẹ ông Arkwright đã đi đến miền ánh sáng. Giờ đây, khi những kẻ chết không thanh thản thôi không ám lấy cối xay, nơi đây mang một bầu không khí yên bình mới lạ.

Ông Arkwright vô cùng biết ơn những gì tôi đã làm. Ông bắt đầu cuộc nói chuyện với việc cảm ơn tôi thật nhiều cho đến khi bầu không khí trở nên ngưng ngập. Tiếp đến là tới phiên tôi, nhưng tôi chẳng có gì nhiều để kể cho những người ngồi tại đấy, ngoài việc mô tả lại trận chiến trên đầm lầy diễn ra như thế nào. Phần còn lại thì ai cũng biết cả rồi. Còn Thầy Trừ Tà thì đã biết nhiều lắm. Quá nhiều.

Gương mặt thầy lạnh lùng và thoáng giập dữ, thầy giải thích rằng, mặc dù lúc đó thân thể mọi người đông cứng, đầu óc họ vẫn tự do và bằng cách nào đó mà họ vẫn có thể quan sát được tình huống giống như tôi và nghe thấy cuộc nói chuyện giữa tôi và Quý Vương. Họ biết nhiệm vụ tôi bị giao, thỏa thuận tôi đã giao kèo về mạng sống của họ lẫn việc phóng thích bố mẹ ông Arkwright. Chuyện thật quá kinh khủng, họ lo sợ về kết cục trên đầm lầy

cũng như ý thức được cái chết của mình sẽ đến ngay sau đây. Nhưng mà, do thua kèo, sau đây Quỷ Vương đã nói với mọi người những chuyện khác – những điều nhằm làm tôi với Thầy Trừ Tà phải mâu thuẫn với nhau, hay thậm chí còn tồi tệ hơn, nhằm tạo ra một khoảng cách lớn không thể nào vượt qua giữa thầy trò tôi và Alice.

“Ta đã quá buồn phiền lẫn lo lắng với việc con dùng gương để nói chuyện với con bé. Điều đó cho ta thấy những tác động xấu của con bé tới con. Còn tệ hơn ta hằng tưởng nhiều...” Thầy Trừ Tà than vãn.

Tôi mở miệng định phản đối nhưng thầy đã giận dữ phẩy tay ra hiệu im lặng. “Giờ thì còn có nhiều chuyện hơn nữa. Con bé lơ lửng quỷ quyết này đã liên lạc với Grimalkin trong gần một tháng trời.”

Tôi nhìn qua Alice. Nước mắt chảy ròng trên gương mặt cô. Tôi cho rằng Thầy Trừ Tà đã nói với Alice chuyện gì sắp xảy ra, như là hậu quả của việc ấy.

“Và đừng cố thanh minh với ta làm thế có lợi gì nhé,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Ta biết Grimalkin đã cứu mạng con – mạng của tất cả chúng ta – bằng việc cùng con chiến đấu ngoài đầm lầy, nhưng mục ta vẫn là kẻ xấu, anh bạn à. Mục ta thuộc về thế giới bóng tối mà chúng ta thì không thể thỏa hiệp, bằng không bản thân chúng ta cũng sẽ có kết cục chẳng tốt đẹp hơn và cũng nên chết đi cho rồi thay vì phải hứng chịu điều ấy. Alice nên bị nhốt vào hố thối, và ngay khi chúng ta quay về Chipenden, con bé sẽ chịu hình phạt ấy!”

“Alice không đáng bị như thế!” Tôi phản đối. “Thầy hãy nghĩ về tất cả những lần cô ấy giúp chúng ta trong quá khứ – Alice đã cứu mạng thầy khi thầy bị thương nghiêm trọng vì ông kẻ gần Anglezarke. Nếu không nhờ Alice hẳn thầy đã chết.”

Tôi trừng mắt nhìn thầy nhưng vẻ mặt của thầy vẫn cương quyết, thế là câu chữ ồ ạt tuôn trào khỏi mồm tôi trước khi tôi kịp ngăn lại.

“Nếu thầy làm thế, nếu thầy nhốt Alice xuống hố, con sẽ bỏ đi. Con sẽ không làm chân học việc cho thầy nữa! Con không thể làm việc cùng thầy sau chuyện này!”

Một phần trong tôi có ý định nhất quyết là thế; nhưng phần còn lại thì khiếp hãi cả lên. Mẹ tôi sẽ nghĩ gì về lời đe dọa tôi vừa đưa ra đây?

“Là lựa chọn của con thôi, anh bạn ạ,” Thầy Trừ Tà buồn bã bảo. “Chẳng có chân học việc nào của ta buộc phải hoàn tất kỳ huấn luyện. Con sẽ không phải là cậu đầu tiên bỏ đi. Nhưng chắc chắn con sẽ là người cuối cùng. Ta sẽ không nhận thêm cậu học việc nào nữa nếu con ra đi.”

Tôi thử một lần nữa. “Thầy có nhận thấy Quý Vương kể cho thầy những chuyện này về Alice là có chủ ý không? Rằng hẳn *muốn* thầy giam Alice xuống hố ấy? Chuyện này có lợi cho mục đích của hắn, vì nếu không có Alice thì chúng ta sẽ bị suy yếu ấy?”

“Con tưởng là ta không suy đi nghĩ lại chuyện này rồi sao cậu nhỏ? Đây không phải chuyện dễ dàng gì và ta không đưa ra quyết định này một cách hời hợt. Và ta nhớ là mẹ con cũng tin tưởng con bé này nữa, nên con không cần nhắc ta đâu. Hầy, ai cũng có thể sai lầm. Nhưng lương tâm ta mách bảo ta phải làm gì. Ta biết chuyện gì là đúng.”

“Biết đâu thầy sẽ phạm sai lầm lớn đấy,” tôi chua chát bảo, cảm thấy rằng dù mình có nói gì cũng sẽ không lay chuyển được ý ông, “một sai lầm nghiêm trọng nhất mà thầy từng phạm phải.”

Rồi một hồi im lặng kéo dài, trong phòng chỉ vang lên tiếng nước nở của Alice. Sau đấy ông Arkwright lên tiếng.

“Tôi thấy hình như còn cách khác,” ông lặng lẽ. “Rõ ràng đã có một mối liên hệ khăng khít giữa cậu Ward đây và cô gái này. Và tôi sẽ thừa điều này với thầy đấy, thầy Gregory ạ: nếu thầy thực hiện lời đe dọa của mình, thầy sẽ mất đi một cậu học việc. Có lẽ là cậu học việc giỏi nhất mà thầy từng có. Tất cả chúng ta sẽ mất đi một người có khả năng là kẻ thù nguy hiểm của Quý Vương. Vì nếu không có sự huấn luyện và bảo vệ của chúng ta thì Tom sẽ rất yếu ớt và có thể chẳng bao giờ phát triển hết mọi tiềm năng.”

“Với lại, còn có một chuyện khác rất có ý nghĩa với tôi. Cậu bé đã thỏa thuận với Quý Vương nhằm giải thoát cho linh hồn bố mẹ tôi khỏi mười lăm năm thống khổ. Tuy nhiên, nếu không có sự giúp đỡ của Grimalkin thì cậu

ấy sẽ không thể thắng. Mà nếu không nhờ Alice triệu gọi mẹ ta, mẹ phù thủy sát thủ kia sẽ không đứng cùng phe với cậu Ward. Vậy nên ngay cả tôi cũng mắc nợ cô bé.”

Tôi sững sờ trước lời biện hộ của ông Arkwright dành cho Alice. Tôi chưa khi nào nghe thấy ông ấy nói năng hùng hồn và nhiệt tình đến vậy. Thốt nhiên tôi thấy hy vọng tràn trề.

“Từ những gì tôi nghe qua thì cô bé được nuôi lớn trong điều kiện không tốt, một kiểu huấn luyện thuật phù thủy mà có rất ít kẻ, dù là có cá tính mạnh mẽ nhất đi chăng nữa cũng không thể quay đầu lại được. Việc cô bé tìm lại được chính mình và đóng góp rất nhiều cho thầy thầy dũng khí của cô bé. Tôi không nghĩ chúng ta đang đối phó với một phù thủy ở đây. Và chắc chắn không phải là phù thủy độc. Nhưng có lẽ, như mọi kẻ trong chúng ta, cô bé sở hữu cả mặt tốt và mặt xấu trong người, mà thầy thì đã quá rõ ràng trong mỗi tâm hồn của chúng ta đều có ánh sáng và bóng tối tranh đấu với nhau. Tôi thì tôi biết thế này: đôi lúc những suy nghĩ của tôi còn đen tối hơn suy nghĩ của đa số kẻ khác. Và tôi đã phải đấu tranh thật dai dẳng và gian nan để kiềm chế thói rượu chè của mình. Vậy nên thầy hãy để Alice tự do ra đi. Không phải là thầy thả một phù thủy vào thế giới này đâu. Mà là thầy đang phóng thích cho một cô gái mà tôi tin sẽ chứng tỏ mình là một phụ nữ ý chí kiên cường; cô bé vẫn thuộc về phe chúng ta, mặc cho cô có chọn sử dụng phương pháp nào đi nữa. Như tôi đã nói, có một biện pháp dung hòa hai bên,” ông nói tiếp. “Đừng bỏ cô bé vào hố. Thay vào đấy, sao thầy không để cô bé ra đi và tự tìm lấy con đường cho riêng mình trong thế giới này? Chỉ đuổi cô bé đi thôi. Hãy làm thế vì tất cả chúng ta. Đây là lối thoát cho tình huống phức tạp này.”

Một hồi im lặng thật lâu, rồi Thầy Trừ Tà nhìn sang tôi. “Như thế đã đủ nhân từ với con chưa, anh bạn? Con có thể chấp nhận quyết định ấy không? Nếu ta làm vậy, liệu con sẽ tiếp tục học việc với ta chứ?”

Ý nghĩ không được gặp lại Alice thật khó có thể chịu đựng, nhưng như vậy còn đỡ hơn là cô ấy bị kết tội rồi sống hết quãng đời còn lại dưới hố. Tôi

cũng muốn học việc tiếp với Thầy Trừ Tà. Bốn phận của tôi là chiến đấu chống lại bóng tối. Tôi biết mẹ tôi sẽ muốn tôi tiếp tục.

“Vâng ạ,” tôi khẽ nói, và ngay khi tôi dứt lời thì Alice thối nước nỡ. Tôi thấy tệ quá, thậm chí còn không thể nhìn sang cô.

“Thôi được rồi, con bé kia,” Thầy Trừ Tà bảo. “Hãy thu gom đồ đạc rồi biến đi. Hãy tránh xa cậu bạn này và đừng bao giờ đến gần Chipenden trong vòng năm dặm! Cô mà quay lại thì sẽ biết chính xác chuyện gì đang chờ đón cô rồi đấy.”

Alice không đáp lại và tôi bỗng nhận ra rằng cô đã im lặng suốt buổi nói chuyện mà không hề thốt ra dù chỉ một lời biện hộ. Thật không giống Alice chút nào! Giờ đây, lặng lẽ âm thầm, gương mặt đăm đăm, Alice rời khỏi phòng.

Tôi nhìn Thầy Trừ Tà. “Con đi chào tạm biệt Alice,” tôi bảo thầy. “Đấy là việc con phải làm!”

Thầy gật đầu. “Muốn thì cứ đi. Nhưng nhanh gọn thôi nhé anh bạn. Đừng có dưng dăng...”

Tôi đứng chờ Alice ngoài rìa khu vườn. Khi tiến qua hàng liễu rủ, cô buồn bã mỉm cười, tay mang theo ít tư trang gói thành một bọc. Trời bắt đầu mưa; cơn mưa phùn lạnh lẽo, thứ mưa có thể thấm buốt vào tận xương tủy.

“Cảm ơn cậu đã đến chào tạm biệt nhé Tom,” Alice vừa nói vừa lội qua con mương. Băng qua mương rồi, cô nắm tay tôi thật chặt, tay trái của Alice siết chặt tay trái tôi mạnh đến mức tôi tưởng tay mình sẽ vỡ tan như trái tim mình vậy.

“Tớ không biết phải nói gì,” tôi mở lời.

Alice bắt tôi im tiếng. “Cậu không nói gì được đâu. Cả hai chúng ta đều đã làm chuyện mà bọn mình cho là tốt nhất – và tớ luôn biết Lão Gregory nghĩ gì về việc tớ sử dụng pháp thuật bóng tối. Đấy là một rủi ro đáng chấp nhận để bảo vệ cho cậu. Tớ chẳng hối tiếc về việc này một phút nào – mặc dù tim tớ đau đớn khi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ được gặp cậu nữa.”

Chúng tôi bước đi trong im lặng. Tới bên bờ kênh, Alice thả tay tôi rồi lấy trong túi áo choàng ra một vật đưa cho tôi. Là một lọ máu.

“Cầm lấy đi Tom. Quỷ Vương sẽ không chạm được vào cậu nếu cậu giữ sát vật này bên mình. Trong này có máu của Morwena đấy. Nó sẽ giúp cậu an toàn!”

“Làm cách nào cậu lấy được máu mụ ta? Tớ không hiểu...”

“Cậu không nhớ sao? Tớ đã rửa xích cho cậu. Trước đó tớ đã bỏ ít máu vào lọ. Không nhiều đâu. Chỉ cần thêm vài giọt máu của cậu vào là sẽ có tác dụng ngay!”

Tôi lắc đầu. “Không được đâu Alice. Tớ không thể nhận nó...”

“Làm ơn đi Tom, làm ơn mà. Hãy nhận đi. Xem như nhận vì tớ vậy. Không phải tớ cố làm cho cậu sợ đâu. Nhưng cậu sẽ chóng mất mạng khi không có thứ này đấy. Ai sẽ giúp cậu được an toàn khi tớ không có ở đây? Lão Gregory thì không thể rồi, điều này tớ bảo đảm. Vậy nên cậu hãy cầm lấy lọ máu để đêm tớ còn có thể ngủ yên khi biết cậu vẫn an toàn.”

“Tớ không thể nhận, Alice ạ. Tớ không thể sử dụng tà thuật. Làm ơn đừng yêu cầu tớ nữa. Tớ biết cậu có ý tốt, tớ chỉ không chấp nhận được thôi. Bây giờ thì không. Không bao giờ cả.”

Alice nhìn xuống lối xe kéo, cất chiếc lọ vào lại trong túi và bắt đầu lặng lẽ khóc. Những giọt nước mắt lăn dài trên má cô rồi từ cằm nhỏ xuống. Một phần trong tôi những muốn quàng tay ôm cô nhưng tôi lại không dám. Nếu làm thế, tôi sẽ chẳng bao giờ để Alice đi được. Tôi phải cứng rắn và giữ khoảng cách với Alice.

“Cậu sẽ đi đâu vậy Alice? Cậu sẽ sống ở đâu?”

Alice ngược khuôn mặt đầm đìa nước mắt lên nhìn tôi, vẻ mặt bần thần. “Tớ sẽ quay về nhà. Trở lại Pendle. Đến nơi mà tớ thuộc về. Tớ được sinh ra là để làm phù thủy và tớ sẽ chấp nhận số phận. Giờ đây, đây là cuộc đời duy nhất mà tớ được lựa chọn rồi...”

Đoạn Alice vòng tay kéo tôi đứng sát lại, sém chút ép hết không khí ra khỏi phổi tôi. Và trước khi tôi kịp nhúc nhích, môi cô đã áp lên môi tôi, hôn

tôi nòng nàn. Nụ hôn chỉ kéo dài trong vài giây, rồi Alice quay lưng bỏ chạy về phía lối xe kéo, xuôi về hướng nam. Tôi đau lòng nhìn Alice rời đi. Hai mắt tôi cũng đong đầy nước mắt và tôi nấc lên trong họng.

Các phe phái phù thủy giờ đang bị chia rẽ và đối địch nhau, một số ủng hộ Quý Vương, số khác thì chống đối. Nhưng vì những gì trước đây Alice đã làm – cũng như vì dòng máu đang chảy trong huyết quản của cô, nửa Deane và nửa Malkin – nên Alice có rất nhiều kẻ thù ở Pendle. Cuộc sống của Alice sẽ đầy hiểm nguy ngay khi cô đặt chân về đây.

Điều làm tôi đau lòng nhất là tôi biết Alice không muốn đi. Cô thật sự không muốn trở thành phù thủy – điều này thì tôi chắc chắn. Alice nói thế chỉ là vì cô đang tức giận. Trước lần ghé qua Pendle vừa rồi của chúng tôi, Alice đã rất sợ phải quay về. Tôi biết, đến tận bây giờ, cảm nhận của Alice cũng chẳng thay đổi gì cả.

Alice từng nói cô thuộc về Pendle. Chuyện này không đúng, nhưng điều nguy hiểm hiện giờ là, dưới sự ảnh hưởng của những lực lượng bóng tối ở Pendle, Alice sẽ dần trở thành một phù thủy độc đầy bản lĩnh. Đến lúc nào đấy, bất chấp sự lạc quan của ông Arkwright, Alice có thể thuộc về thế giới bóng tối lắm chứ.

CHƯƠNG 30: CHIẾC SÀ LAN MÀU ĐEN

Sau khi ở lại cối xay thêm một tuần thì Thầy Trừ Tà trở về Chipenden mà không có tôi. Dường như tôi không còn lựa chọn nào khác là phải cùng ông Arkwright hoàn tất sáu tháng huấn luyện.

Khó khăn gian khổ vô cùng, rồi cộng thêm vào nỗi đau trong tim tôi là cơn đau thể xác. Còn lâu thì thời hạn ở đây của tôi mới kết thúc mà người tôi đã đầy những vết bầm dập từ đầu đến chân. Những bài thực hành với trượng giữa chúng tôi thật khắc nghiệt, không chút nương tay. Nhưng rồi tôi đã mài sắc được các kỹ năng của mình, và bất chấp sự khác biệt về vóc dáng lẫn thể lực giữa tôi và ông Arkwright, dần dà tôi bắt đầu đánh trả cũng giỏi như khi chịu đòn. Ít nhất có hai lần tốc độ của tôi sém chút cho phép tôi chiếm thế thượng phong, và khi thầy thuốc ghé qua cối xay, ông ấy không chỉ chăm sóc các vết thương cho riêng mình tôi.

Ông Arkwright đã thay đổi. Bây giờ, khi bố mẹ ông đã đi đến miền ánh sáng, rất nhiều nỗi đau và sự phẫn nộ của ông cũng tiêu tan. Ông hiếm khi uống và tính khí ông cũng đỡ hơn nhiều. Tôi vẫn thích Thầy Trừ Tà làm thầy tôi hơn, có điều ông Arkwright đã dạy dỗ tôi chu đáo, và dù là phương pháp của ông tàn nhẫn thật đấy, nhưng tôi vẫn học để tôn trọng ông. Ngoài những bài huấn luyện mà tôi được chỉ dạy, đôi khi chúng tôi cũng cùng nhau đi xử lý thể lực bóng tối – có lần còn đi mãi lên phương bắc, ra khỏi biên giới Hạt.

Thời gian trôi đi: mùa đông lạnh giá dần nhường chỗ cho mùa xuân, và cuối cùng cũng đến lúc tôi quay về Chipenden. Bây giờ con Vuốt đã sinh hai chú chó con, một con cái một con đực, được ông Arkwright đặt tên là Máu và Xương. Vào buổi sáng tôi lên đường thì bọn chúng đang chơi trò đánh nhau trong vườn, còn Vuốt thì thềm thường ngồi canh gác.

“Cậu Ward này, có thời điểm tôi tưởng cậu sẽ mang theo con chó cái về Chipenden chứ, nhưng dù là nó có thích cậu đấy, tôi vẫn nghĩ nó yêu quý hai con chó con nhiều hơn!”

Tôi mỉm cười gật đầu. “Cháu không nghĩ thầy Gregory sẽ vui vẻ mấy nếu cháu dẫn Vuốt về. Ấy là còn chưa nói đến chuyện chó với ông kẹ chắc chắn là không chơi được với nhau rồi!”

“Vậy thì tốt hơn là để nó lại đây mà tiết kiệm cho cậu chút thịt muối!” Ông Arkwright đùa. Rồi ông đổi vẻ mặt nghiêm nghị. “À, chắc là chúng ta đã có những giây phút cả vui lẫn buồn, nhưng dường như tất cả hóa ra đều tốt đẹp hết. Cối xay này trở thành một nơi vui vẻ hơn sau khi cậu ghé qua và tôi hy vọng cậu đã học được những điều bổ ích.”

“Cháu đã học được ạ,” tôi nhất trí. “Và cháu còn có mấy cục u chứng minh cho điều này mà!”

“Vậy nếu khi nào cần gì, cứ nhớ rằng ở đây luôn có chỗ cho cậu. Cậu có thể hoàn tất kỳ học việc với tôi nếu như thế là cần thiết.”

Tôi hiểu ý ông Arkwright. Mọi chuyện giữa tôi và Thầy Trừ Tà có thể không bao giờ được như xưa nữa. Mặc cho thầy hành động vì lợi ích tốt nhất, tôi vẫn nghĩ thầy đã sai lầm trong việc đối xử với Alice. Việc thầy đuổi Alice đi sẽ luôn là rào cản vô hình giữa hai thầy trò tôi.

Thế là tôi cảm ơn ông Arkwright lần cuối và chẳng mấy chốc, sau khi đã băng qua cây cầu gần nhất để sang bờ kênh bên kia, tôi thong dong sải bước về hướng Caster, tay xách túi và trượng. Đã có lúc tôi từng mong ngóng đến ngày này biết bao. Nhưng mọi chuyện đã thay đổi. Sẽ chẳng còn Alice đón chào tôi tại Chipenden, và mặc dù hôm ấy là một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp, với ánh mặt trời chói chang và chim chóc hót vang lừng, tim tôi vẫn còn trĩu nặng.

Dự định của tôi là rời khỏi bờ kênh thật sớm trước khi đến được Caster, sau đó băng qua mạn đông thành phố trước khi tiến thẳng lên rặng đồi đá. Chắc là do tôi mãi suy nghĩ. Hẳn là lo lắng cho tương lai. Dù lý do là gì đi

nữa, tôi cũng không chú ý đến việc đang xảy ra cho đến khi đã quá muộn. Mà có để ý thì tôi cũng làm được gì cơ chứ?

Một cơn rùng mình bỗng chạy dọc sống lưng tôi, tôi nhìn quanh, thấy trời chiều chạng vạng và mỗi phút lại càng tối đi. Không chỉ có thế, trong không khí còn có luồng hơi lạnh, và khi tôi ngoái nhìn qua vai, một đám sương mù xám xịt đang cuộn cuồn cuộn về phía tôi dọc theo con kênh.

Và rồi, từ trong màn sương ấy, một chiếc sà lan đen ngòm chậm chậm tiến ra. Chẳng có con ngựa nào kéo, vậy mà sà lan lại di chuyển trên mặt nước không chút tiếng động. Khi sà lan đến gần hơn, tôi nhận ra đó chẳng phải là con thuyền bình thường. Tôi đã thấy những sà lan chở than từ Horshaw và chúng thường đen thui vì bụi bặm; chiếc sà lan này lại bóng loáng, trước mũi thuyền còn có những cây nến sáp đen, cháy phừng phừng mà ngọn lửa không hề nhấp nháy. Số lượng nến còn nhiều hơn số nến trên bệ thờ trong nhà thờ vào một ngày thánh lễ.

Sà lan không có boong, cũng chẳng có cửa sập, nhưng bậc thang dẫn thẳng xuống khoang thuyền tối đen trũng sâu hoắm hoắm. Chỉ liếc qua một cái là tôi biết độ sâu như thế thật vô lý, vì đa số các sà lan trên kênh đều là loại đáy phẳng, bản thân mấy con kênh cũng không sâu gì cho lắm. Ấy vậy mà cách con thuyền lướt trên mặt nước thật không bình thường. Một lần nữa, tôi lại có cảm giác mình đang ở trong một giấc mơ, tại nơi ấy, những quy luật thường ngày của cuộc sống không còn được áp dụng nữa.

Sà lan dừng bên cạnh tôi, tôi nhìn xuống độ sâu của khoang thuyền khó có thể tin đó và trông thấy một hình thù đang ngồi, bao quanh đấy là nhiều cụm nến nữa. Mặc dù không mệnh lệnh nào được đưa ra, tôi vẫn biết mình phải làm gì. Thế là, bỏ túi cùng trượng lại trên lối xe kéo, tôi bước lên thuyền và chậm chậm đi xuống những bậc cấp như thể mình đang bị cơn ác mộng khổng lồ chế, nỗi sợ hãi lạnh lẽo cuộn lên trong dạ dày, toàn thân tôi bắt đầu run rẩy.

Yên vị sâu dưới khoang thuyền ấy là Quý Vương, trong bộ dạng của người chèo sà lan. Hắn đang ngồi trên một chiếc ngai cùng làm từ loại gỗ đen nhánh như con thuyền này. Chiếc ngai được chạm khắc tinh xảo, trang

hoàng băng hình thù những sinh vật quý quái như cuốn *Ngũ ngôn về thú vật* trong thư viện của Thầy Trừ Tà tại Chipenden. Tay trái hấn đặt trên huy hiệu hình rồng cuộn hung tợn; tay phải tựa trên hình con rắn lưỡi chẻ thân mình uốn éo ngoằn ngoèo chạy dọc một bên gai rồi cuộn ba vòng quanh chân ghế đẹo hình móng vuốt.

Hấn mỉm cười, nụ cười của ông Matthew Gilbert, nhưng hai mắt hấn lạnh lùng thâm hiểm. Tôi đã giúp Grimalkin hạ sát con gái hấn. Có phải hấn gọi tôi đến đây để báo thù không?

“Ngồi xuống đi Tom. Ngồi dưới chân ta ấy,” hấn khoa tay chỉ vào khoảng trống trước gai, và tôi chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài việc tuân theo, ngồi xếp bằng trên mấy tấm ván thuyền đối diện với hấn. Tôi nhìn lên mặt hấn, lúc này không còn mỉm cười nữa, và tôi thấy mình bất lực cùng cực khi đang ở trong lòng bàn tay hấn. Còn có một thứ khác khiến tôi bất an nữa. Tôi không có cảm giác như mình đang ở trên một sà lan di chuyển dọc con kênh, mà là như thể tôi đang rơi, rớt xuống như một hòn đá, mặt đất lặn mạnh về phía tôi.

“Ta cảm nhận được nỗi sợ của mi,” Quý Vương nói. “Bình tĩnh lại nào. Ta ở đây là để dạy mi, chứ không phải hủy diệt mi. Và nếu ta muốn mi chết, có rất nhiều kẻ sẵn lòng làm việc ấy cho ta. Ta còn có nhiều đứa con khác. Rồi thêm nhiều kẻ thề nguyện làm đồng minh với ta. Mi không thể tránh hết bọn họ đâu.

“Ta đã giữ lời,” hấn nói tiếp. “Ta đã để những kẻ đi cùng mi được sống – một chuyện đúng ra ta không cần tuân thủ vì đâu phải mi một mình đánh thắng con gái ta, mà còn có sự trợ giúp của phù thủy sát thủ, Grimalkin. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, ta cũng đã làm vậy, như một món quà tặng mi, Tom ạ, vì một ngày nào đó chúng ta sẽ làm việc cùng nhau, bất chấp hiện tại mi còn lưỡng lự. Thật ra hai ta đã khăng khít hơn là mi tưởng nhiều. Nhưng để cho mi biết chính xác mi đang phải đối mặt với điều gì, ta sẽ vén bức màn bí mật vậy.

“Mi biết không, trong số con cái của ta, chỉ có một đứa mà danh tính của nó độc một người trên thế gian này được biết. Đứa con đặc biệt ngày nào đó

sẽ đạt được những thành tựu vĩ đại khi phục vụ cho ta. Ta đang nói đến con gái yêu dấu của ta, Alice Deane ấy...”

Trong một đổi, tôi không sao hiểu những gì hãn vừa nói. Tôi choáng váng. Lời lẽ của hãn xoay mòng mòng trong trí óc tôi như những con quạ đen trong cơn giông gió và rồi chúng lao xuống cắn những chiếc mỏ sắc bén vào tim tôi. *Alice* là con gái hãn ư? Hãn đang nói *Alice* là con gái hãn phải không? Rằng *Alice* cũng chẳng hơn gì *Morwena* ấy?

Quái vật hoặc phù thủy – đấy là những đứa con đẻ của Quý Vương. Và nếu có đứa nào sinh ra là người bình thường không bị ảnh hưởng gì, hãn sẽ giết đứa bé ngay tại chỗ, như hãn đã làm với con của *Grimalkin*. Nhưng hãn đã để *Alice* được sống! Có thể nào là thế không?

Không đâu, tôi tự nhủ, cố gắng giữ bình tĩnh. Hãn chỉ đang cố chia rẽ chúng tôi mà thôi. Tôi nhớ đến lời mẹ mình từng nói về Thầy Trừ Tà, về Alice và tôi:

Ngôi sao của John Gregory đang bắt đầu lịm đi. Hai con là tương lai và niềm hy vọng của Hạt này. Thầy ấy cần cả hai đứa bên cạnh.

Làm sao mẹ tôi có thể đoán sai đến thế? Hay có lẽ mẹ *chẳng hề sai* chút nào. Một trong những cái tên của Quý Vương là ”Cha đẻ của dối trá” kia mà. Nên có khả năng là hãn đang nói dối!

“Người nói dối!” Cuối cùng tôi cũng quát lên, nỗi sợ hãn trong tôi vụt mất, thế chỗ vào đấy là sự phẫn nộ và tức giận.

Quý Vương chậm chậm lắc đầu. “Ngay cả những phe phái ở *Pendle* cũng không biết chuyện này, dù vậy, đấy vẫn là sự thật. Mẹ ruột của *Alice* đang bị chôn trong vườn nhà *John Gregory* tại *Chipenden*. Ta đang nói đến *Lizzie Xương Xấu*. Khi đứa trẻ ra đời, nó được mang ngay cho hai vợ chồng hiếm con bảo hộ, bố là người nhà *Deane*, mẹ là nhà *Malkin*. Nhưng khi *Alice* lớn hơn và đã thích hợp để được dạy về pháp thuật bóng tối, cặp đôi ấy hết hữu dụng. Vào đêm chúng chết, *Lizzie* đến đòi lại con mình. Sự huấn luyện đáng ra vẫn còn tiếp tục nếu không có sự chen ngang của người và thầy người.”

Lizzie Xương Xấu – mẹ của Alice! Có thể nào không chứ? Tôi nhớ đến lần đầu mình trông thấy Lizzie. Lý ra mẹ ta là dì của Alice, nhưng tôi ngay lập tức để ý đến sự giống nhau kỳ lạ của người một nhà. Cả hai có cùng nét mặt, tóc đen nhánh, mắt nâu, và dù là lớn tuổi hơn, Lizzie xinh đẹp như Alice vậy. Có điều mẹ ta cũng khác xa nữa. Miệng mẹ ta méo mó, hay nhếch lên chế nhạo khi mẹ nói và mẹ thường chẳng bao giờ nhìn thẳng vào mắt bạn.

“Không đúng. Không đời nào...”

“Ồ, có đấy Tom. Trực giác của thầy mi đã đúng như thường lệ. Hẳn luôn nghi ngờ Alice, và lần này, nếu không có tình cảm của mi cùng sự can thiệp của Arkwright, hẳn hẳn đã chôn con bé xuống hố cạnh mẹ nó. Tiếc là, không việc gì ta làm mà không suy nghĩ tính toán cẩn thận cả. Đây là lý do vì sao ta đồng ý yêu cầu phóng thích linh hồn Amelia của mi. William Arkwright biết ơn chuyện này biết bao! Hẳn đã tỏ ra hữu ích đến nhường nào! Thật là hùng hồn! Và giờ đây, cuối cùng Alice cũng được tự do, vượt khỏi tầm ảnh hưởng lẫn con mắt dè chừng của John Gregory, đã có thể quay về Pendle, nơi mà nó dần sẽ lấy lại vị trí phải có của mình, trở thành thủ lĩnh và thống nhất các phe phái với nhau, một lần và vĩnh viễn.”

Tôi im lặng thật lâu và cảm giác buồn nôn gợn lên trong tôi, ý thức mình đang rơi tăng tiến. Rồi một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu làm tinh thần tôi phấn chấn hơn. “Nếu Alice là con gái người,” tôi nói, “vậy thì tại sao cô ấy hết lòng chiến đấu chống lại thế lực bóng tối như thế? Tại sao cô ấy phải chật vật đối phó với các phe phái phù thủy ở Pendle, phải mạo hiểm mạng sống của mình để ngăn chúng đưa người qua cánh cổng vào thế giới này?”

“Dễ hiểu mà Tom. Nó làm tất cả vì mi. Mi là điều quan trọng nhất với nó nên nó trở thành thứ mi muốn và gác qua phần lớn phép phù thủy được huấn luyện. Tất nhiên, nó không bao giờ bỏ hết được. Đây là thứ ăn vào máu nó, đúng không nào? Gia đình tạo ra con người chúng ta. Gia đình cho ta máu thịt, nhào nặn tâm hồn ta theo đức tin của họ. Chắc hẳn trước đây mi đã nghe qua điều này rồi chứ? Giờ mọi chuyện đã khác. Hy vọng của Alice đã tan tành. Mi thấy không, cho đến trước cái đêm John Gregory đuổi nó đi,

Alice vẫn chưa biết mình thật sự là ai. Bọn ta đã giữ bí mật với nó cho đến khi thời điểm chín muồi.”

“Đêm hôm đó, nó cố liên lạc với Grimalkin. Cố cảm ơn bà ta vì những gì bà ta làm để cứu mi. Nó đã dùng một vũng nước vào giữa đêm. Nhưng gương mặt nhìn lại nó là mặt của ta kìa. Và rồi ta xuất hiện ngay bên cạnh, gọi nó là con gái ta. Nó không chấp nhận sự thật đâu, ít ra là vậy. Hoảng loạn, tuyệt vọng, rồi buông xuôi – đấy là chuỗi hồi đáp. Ta đã biết mọi chuyện sẽ thế này rồi. Làm thân như nó, Alice không còn hy vọng tiếp tục là bạn của mi. Cuộc sống ở Chipenden đã chấm dứt và nó biết rõ là vậy. Nó không thể nào ở cạnh mi nữa. Nghĩa là, trừ khi ta quyết định can thiệp vào và khiến chuyện ấy có thể. Cuối cùng thì mọi chuyện cũng thay đổi, có điều nhiều khi vạn vật biến chuyển khó lường và biết đâu chúng ta lại trở về cùng một điểm nhưng ở tầm khác thì sao.”

Tôi nhìn Quỷ Vương, mắt đối mắt. Đoạn tôi trả lời, lời lẽ tuôn ra không suy nghĩ. “Cùng một điểm nhưng ở tầm khác ư? Với người thì chỉ có nước sụt xuống mà thôi. Đi về phía bóng tối ấy.”

“Thế thì tệ lắm sao? Ta là chúa tể thế giới. Thế giới này thuộc về ta. Mi có thể đi cùng ta và khiến nó tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Alice cũng có thể ở cùng chúng ta nữa. Ba người chúng ta bên nhau ấy.”

“Đừng hòng,” tôi chật vật đứng lên, quay lưng đi về phía các bậc thang. “Ta phụng sự cho ánh sáng.”

“Ở lại đây!” Quỷ Vương ra lệnh, giọng đầy quyền uy lẫn tức tối. “Chúng ta chưa nói xong đâu!”

Ấy vậy mà, dù hai chân nặng như chì và cảm giác đang rơi khiến tôi khó khăn lắm mới giữ nổi thăng bằng, tôi vẫn cố sức bước một bước, rồi bước nữa. Khi bắt đầu leo lên, tôi nhận thấy một lực vô hình kéo mình xuống, nhưng tôi vẫn tiếp tục tranh đấu để tiến lên. Khi mắt đã có thể nhìn ra ngoài rìa sà lan thì tôi khiếp đảm. Bởi lẽ thay vì là bờ kênh, bên ngoài sà lan chẳng có gì. Tôi đang nhìn vào màn tối đen ngòm; vào hư vô. Nhưng tôi bước

thêm một bước, rồi một bước nữa, cho đến khi thế giới như tôi vẫn biết đột nhiên mờ mờ ảo ảo hiện ra và tôi nhảy xuống lối xe kéo.

Tôi nhặt túi cùng trượng lên, đi tiếp theo hướng như lúc nãy. Tôi không ngoái lại nhưng vẫn cảm nhận được chiếc sà lan đen không còn ở đây. Sương mù đã tan và trên đầu tôi, bầu trời sáng rực những sao. Tôi cứ bước đi, bước mãi mà không hề suy nghĩ, quá tê dại để mà nghĩ gì nữa.

CHƯƠNG 31: MÁU CỦA AI?

Sáng sớm tinh mơ và tôi đang vượt qua Caster, xuôi theo hướng nam đi về Chipenden. Về đến nhà Thầy Trừ Tà thì đã là tối khuya. Tôi thấy thầy mình ngồi ngoài băng ghế trong khu vườn phía tây, trầm ngâm suy nghĩ, mắt nhìn chăm chăm về rặng đồi đá xa xa.

Tôi ngồi xuống cạnh thầy mà không nói một lời, không dám nhìn vào mắt thầy. Thầy vỗ vai tôi hai lần trước khi đứng dậy.

“Con quay về thật tốt quá,” thầy nhẹ nhàng. “Nhưng ta có thể thấy việc gì đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến con. Giờ thì hãy nhìn ta và kể hết đi nào. Dù có là chuyện gì, con sẽ thấy nhẹ lòng hơn khi thổ lộ đấy anh bạn à. Kể ngay từ đầu và cứ thế mà kể đi...”

Vậy là, ngoại trừ lời hứa tặng quà của Grimalkin, tôi kể cho thầy nghe tất tần tật: sự xuất hiện bất ngờ của chiếc sà lan màu đen mang điềm gở; chuyện Quý Vương nói Alice là con gái của hắn; nỗ lực đấu tranh thoát ra của tôi. Thậm chí tôi còn kể với thầy việc Alice đã sẵn sàng sử dụng pháp thuật bóng tối để bảo vệ tôi bằng huyết bình như thế nào. Làm cách nào cô có máu mẹ Morwena và ý định trộn máu tôi để giữ Quý Vương tránh xa tôi. Rằng mẹ tôi đã dùng đến gương, bảo Alice phải làm *bất cứ việc gì* để tôi được an toàn.

Cuối cùng, tôi giải thích cảm xúc của mình. Rằng tôi thật lòng hy vọng Quý Vương đã nói dối và Alice không phải là con gái của hắn.

Khi tôi kể xong, Thầy Trừ Tà thở dài sườn sượt; phải một lúc lâu sau thầy mới lên tiếng.

“Anh bạn à, đầu ta xoay mòng mòng với những chuyện con vừa kể đây. Ta thấy khó mà tin vào những lời con nói về mẹ con quá: dù trong quá khứ bà ấy có là gì, thì theo nhận định của ta, giờ đây bà ấy đã là một kẻ phục vụ đắc lực cho ánh sáng. Có lẽ Alice nói dối chuyện đó chẳng? Con bé sẽ làm bất cứ chuyện gì vì con, và rõ ràng nó muốn cứu con bằng mọi giá. Nó biết

con sẽ không thích phương pháp của nó nên nó kể cho con nghe về mẹ con để con chấp nhận. Như thế hợp lý không nhỉ?”

Tôi nhún vai. “Cũng có thể ạ,” tôi đáp.

“Vậy chúng ta hãy tiến thêm một bước nào. Giờ ta hỏi con đây: làm sao con đoán chắc hả anh bạn? Làm sao con chắc chắn Alice không hẳn là kẻ như Quỷ Vương đã nói?”

“Con chắc chứ,” tôi cố ra giọng đầy vẻ tự tin. “Không thể nào như thế được...”

“Hãy nhìn thẳng vào tâm can mình đi, anh bạn. Trong đấy không có chút nghi ngờ nào à? Không có gì khiến con lo lắng dù chỉ chút xíu thôi sao?”

Đúng là có một chuyện làm tôi lo nghĩ bấy lâu nay, và tôi đã nghĩ đến chuyện này suốt cả ngày, khi tôi trên đường trở về Chipenden. Thầy Trừ Tà đang trừng trừng nhìn tôi, nên tôi hít vào thật sâu rồi kể cho thầy.

“Có một chuyện con chưa nói với thầy. Khi Alice dọa cho đám lính kia sợ chạy để giải cứu con, cô ấy đã dùng đến một thuật gọi là thuật *Vãi Hồn*. Đầu của Alice lúc đó phủ đầy những rãnh và con thấy lạnh khi cô ấy đến gần. Alice trông như loại phù thủy kinh dị nhất mà con từng trông thấy. Có phải con đã nhìn ra chân tướng sự việc dưới ánh trăng đêm ấy không ạ? Có phải con đã trông thấy con người thật của Alice không?”

Thầy Trừ Tà không trả lời.

“Và còn một chuyện khác nữa,” tôi nói tiếp. “Cái cách Alice phản ứng khi thầy đuổi cô ấy đi. Alice không nói lấy nửa lời bào chữa. Như thế không giống cô ấy chút nào. Quỷ Vương bảo đêm hôm trước đó hẳn đã kể Alice biết và hẳn còn nói Alice đã buông xuôi chấp nhận. Đúng là với con Alice trông như thế thật. Như thế là cô ấy đã chịu thua và mọi ý chí tranh đấu đã rời bỏ cô ấy hết. Alice đã biết mình là ai và cô ấy chẳng thể làm gì với sự thật cả.”

“Có thể là con đã đúng,” Thầy Trừ Tà bảo. “Nhưng chắc chắn Quỷ Vương sẽ nói dối để phục vụ cho mục đích của hắn. Thật ra, có một chuyện

khác làm ta lo lắng đấy anh bạn. Con kể Alice đã lấy ít máu của Morwena. Chuyện này hẳn là khó khăn lắm. Con bé lấy được khi nào vậy?”

“Sau khi Morwena chết ạ. Khi Alice rửa sợi xích của con...”

“Ta có thấy con bé rửa sợi xích hộ con, nhưng nó không bỏ tí máu nào vào lọ. Có thể là ta lầm, mặc dù nó chỉ ở cách ta vài mét khi làm việc đó. Nhưng Alice tin tưởng vào chiếc lọ làm ta có ý nghĩ không hay ho này. Có lẽ Alice đã dùng máu *của chính mình!* Con bé muốn giữ cho con được an toàn đến tuyệt vọng, và nếu nó biết mình là con gái của Quý Vương, nó sẽ tin máu của chính nó cũng có tác dụng...”

Tôi vùi mặt vào hai tay nhưng Thầy Trừ Tà đã đặt tay lên vai tôi. “Này con, nhìn ta đây này.”

Tôi nhìn vào mắt thầy và trông thấy nỗi buồn rười rượi. “Những điều vừa rồi chẳng có bằng chứng. Ta có thể đoán sai. Biết đâu Alice có giữ lại chút máu từ sợi xích. Vậy nên ta sẽ nói với con điều này – bản thân ta cũng không quả quyết đâu. Còn có kẻ khác biết sự thật và đấy là Lizzie Xương Xấu – nhưng lũ phù thủy cũng nói dối mà! Nếu Bill Arkwright đang trong tình thế của ta, anh ta sẽ lôi Lizzie ra khỏi hố mà buộc cho ả khai. Nhưng ta thì không chấp nhận chuyện này. Với lại, người ta sẽ nói bất cứ chuyện gì để tránh bị đau mà thôi.

“Không được, chúng ta chỉ còn biết kiên nhẫn. Thời gian sẽ cho ta biết sự thật, còn trong lúc này, con phải hứa với ta là không liên lạc gì với con bé. Nếu nó là con gái của Quý Vương, thì ta đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng nhất trong cả cuộc đời mình. Ta chẳng những đã tha không nhốt nó xuống hố vì con van xin cho nó, mà ta còn cho nó một mái nhà và để nó sống chung với chúng ta quá lâu. Nó đã có lắm thời gian để làm con băng hoại. Có quá nhiều cơ hội để phá hủy mọi thứ mà ta cố dạy cho con. Hơn nữa, dù Alice là con của Quý Vương hay không, ta vẫn nghĩ nó có sức ảnh hưởng nguy hiểm. Có lẽ nó sẽ cố liên lạc với con trực tiếp hoặc qua gương. Con phải cưỡng lại chuyện đó nhé anh bạn. Con không được liên lạc chút nào với nó. Con sẽ làm thế vì ta chứ? Con có hứa không?”

Tôi gật đầu. “Sẽ khó khăn lắm,” tôi đáp, “nhưng con sẽ nghe theo ạ.”

“Giỏi lắm! Ta biết là sẽ khó khăn vì hai đứa đã trở nên thân thiết. Quá thân thiết hơn mức ta thích. Nhưng điều nguy hiểm lớn nhất là Quý Vương sẽ cố làm con thỏa hiệp rồi lôi kéo con về phía bóng tối. Việc này có thể diễn ra từ từ, từng chút từng chút một, khiến con không thể nhận ra. Và rất có khả năng hẳn sẽ lợi dụng con bé để đạt được điều này.”

“À mà này, mọi chuyện không phải là xấu cả đâu. Ta có vài tin tốt đây. Có một lá thư gửi đến cho con từ hai ngày trước.”

“Thư ạ? Từ ai chứ? Phải của Jack không thầy?”

“Sao con không vào nhà mà tìm hiểu đi?” Thầy Trừ Tà bảo với vẻ bí ẩn.

Trở về nơi này thật dễ chịu. Tôi nhận ra mình nhớ cuộc sống tại Chipenden đến mức nào, Thầy Trừ Tà bảo tôi ngồi xuống bàn bếp. Đoạn thầy đi lên lầu rồi trở xuống, tay mang theo một phong thư, tươi cười trao cho tôi. Liếc qua một cái là nụ cười của tôi còn rạng rỡ hơn của thầy.

Gửi con út của ta, Thomas J. Ward

Là thư của mẹ! Rốt cuộc cũng có tin tức của bà! Tôi hăm hờ xé toạc bì thư ra rồi bắt đầu đọc.

Tom thương mến,

Cuộc chiến chống lại thế lực bóng tối tại quê hương mẹ rất gian nan dai dẳng và đang lâm vào giai đoạn khủng hoảng. Tuy nhiên, hai mẹ con ta có quá nhiều chuyện phải trao đổi và quả là mẹ cần tiết lộ thêm nhiều chuyện, đồng thời đưa ra một yêu cầu. Mẹ cần một vật ở chỗ con. Và cả sự giúp đỡ của con nữa. Nếu có cách nào tránh được chuyện này thì mẹ đã không yêu cầu con rồi. Nhưng đây là những điều cần nói trực tiếp với nhau chứ không phải qua thư, thế nên ngay trước giữa hè, mẹ dự định quay về thăm nhà một thời gian ngắn.

Mẹ đã viết thư báo cho Jack biết ngày mẹ đến nên mẹ rất mong được gặp con tại nông trại vào thời điểm đã định. Con phải học thật chăm nhé con trai, và hãy lạc quan lên, dù tương lai có vẻ đen tối đến mức nào đi nữa. Sức mạnh của con lớn lao hơn con nhận thấy đấy.

Thương con nhiều,

Mẹ

“Mẹ con sẽ về thăm nhà vào giữa hè đấy ạ,” tôi thông báo với Thầy Trừ Tà, hào hứng đưa cho thầy lá thư. Hôm nay là ngày mười tháng Tư. Hơn hai tháng nữa thôi tôi sẽ lại gặp mẹ. Tôi thắc mắc không biết mẹ muốn nói gì với mình đây.

Thầy Trừ Tà với lấy lá thư, rồi thầy nhìn lên tôi, sắc mặt nghiêm trọng. Sau đó thầy bắt đầu gãi gãi râu, trầm ngâm suy nghĩ.

“Mẹ nói mẹ muốn sự giúp đỡ của con. Và thứ gì đó từ con nữa. Ý mẹ là sao vậy thầy?” Tôi hỏi, đầu óc vẫn còn lâng lâng quay cuồng.

“Chúng ta chỉ cần chờ xem thôi, anh bạn à. Có thể là bất cứ chuyện gì – cây cầu chỉ có thể băng qua khi chúng ta đi đến đấy. Nhưng khi con về nông trại, ta sẽ đi cùng. Ta có chuyện cần nói với mẹ con, và đảm bảo bà ấy cũng có lời muốn nói với ta. Tuy nhiên, từ giờ tới khi ấy chúng ta có việc phải làm. Con học việc với ta bao lâu rồi anh bạn?”

Tôi ngẫm nghĩ trong giây lát. “Khoảng hai năm...”

“Phải, hai năm, thêm bớt khoảng một tuần. Năm đầu tiên ta đã dạy con về ông kẹ. Năm thứ hai chúng ta nghiên cứu phù thủy, bao gồm sáu tháng huấn luyện tích cực từ Bill Arkwright về những thứ ẩn mình trong nước đọng. Bây giờ chúng ta bước qua năm học tập thứ ba của con, và chúng ta sẽ bắt đầu một chủ đề mới, chủ đề ‘Lịch sử của Thế giới bóng tối’.”

“Con biết đấy, những ai không chịu học các bài lịch sử đều chịu chung số phận phạm phải sai lầm như những kẻ đi trước. Chúng ta sẽ nghiên cứu những cách khác nhau mà thế giới bóng tối hiện ra với con người trong bao thế kỷ cho đến thời của chúng ta. Và chúng ta sẽ không gói gọn trong lịch sử của Hạt không đâu. Chúng ta sẽ mở rộng phạm vi kiến thức và xem xét những câu chuyện từ các vùng đất khác. Con cũng sẽ bắt đầu học ‘Cổ Ngữ’ - tiếng nói của những người đầu tiên đặt chân lên Hạt. Sẽ khó hơn tiếng La Tinh, tiếng Hy Lạp nhiều lắm nên con sẽ được giảm việc!”

Tất cả nghe mới thú vị làm sao. Tôi không thể tin trong sáu tháng nữa mình sẽ qua được nửa chặng đường học việc. Có rất nhiều chuyện đã xảy ra – chuyện tốt, chuyện xấu, chuyện đáng sợ và chuyện buồn. Và dù có hay không có Alice, kỳ huấn luyện của tôi vẫn tiếp tục.

Sau đấy thầy trò tôi dùng bữa tối – một trong những bữa ăn ngon miệng nhất mà ông kẹ từng nấu cho. Ngày mai sẽ là ngày bận rộn. Ngày đầu tiên trong bao ngày sau đấy nữa.

Một lần nữa, tôi đã viết ra gần hết chuyện này nhờ ký ức, chỉ sử dụng số ghi chép khi cần thiết.

Chỉ mới ba tuần trôi qua kể từ ngày tôi quay về Chipenden và thời tiết đang bắt đầu ấm dần; sương mù và thời tiết lạnh giá tại cối xay nhà ông Arkwright giờ đây chỉ là ký ức.

Hôm qua tôi nhận được thư từ anh Jack. Anh ấy cũng phấn khích với tin mẹ về thăm như tôi. Mọi chuyện ở nông trại đều tốt và anh trai khác của tôi, anh James, đang làm nghề thợ rèn rất khăm khá và rất đông khách.

Lẽ ra tôi phải vui, nhưng tôi cứ nghĩ mãi về Alice, băn khoăn không biết cô ấy giờ đang thế nào và không rõ Quý Vương có nói thật về Alice không. Tính đến nay Alice đã cố liên lạc với tôi hai lần, sử dụng gương trong phòng ngủ của tôi. Mỗi lần đều là ngay khi tôi chuẩn bị leo lên giường và tôi để ý thấy mặt gương bắt đầu sáng lên, sau đó nhác thấy gương mặt Alice.

Khó khăn vô cùng. Tôi rất muốn hà hơi vào gương, viết rằng tôi lo lắng cho Alice và hỏi xem cô có được an toàn hay không. Nhưng thay vì thế, tôi chỉ thả mình lên giường, quay mặt vào tường và giữ lời hứa của mình.

Thầy là Thầy Trừ Tà, còn tôi chỉ là chân học việc của thầy. Thầy vẫn là thầy tôi và mọi chuyện thầy làm đều vì lợi ích cao cả nhất. Nhưng tôi sẽ vui vẻ thôi, khi mẹ quay về. Tôi đang rất mong được gặp lại bà. Tôi tò mò về việc mẹ yêu cầu mình và tôi cũng muốn tìm hiểu bà nghĩ gì về Alice. Tôi muốn biết sự thật.

Thomas J. Ward

GHI CHÉP CỦA THOMAS J. WARD

TÔM ÁC QUỶ

Tôm Ác Quỷ trông như một loài côn trùng khổng lồ. Có cẳng chân tong teo, dài ngoẵng, nhiều đốt, và mặc cho kích cỡ của mình, chúng có thể nép mình vào những khoảng không gian rất hẹp. Cơ thể phân đoạn của chúng cứng chắc gồ ghề như loài giáp xác, thường có râu bám quanh. Chúng sống trong vùng nước hoặc gần đấy, thường là trong các hang động. Trồi ra ngoài để uống máu những loài động vật có vú. Mồm chúng dài và không có răng, nhưng nét đáng chú ý nhất là ống xương sắc, hẹp và dài, được chúng chọc vào con mồi để hút máu.

Tôm ác quỷ được thủy phù thủy trả giá cao, lũ phù thủy sử dụng loài sinh vật này trong các nghi thức tế lễ. Chúng để tôm ác quỷ uống máu nạn nhân tế phẩm trong vài ngày. Một khi các nạn nhân chết đi, lũ phù thủy sẽ chẻ tôm ác quỷ ra ăn sống. Làm thế sẽ gia tăng quyền năng huyết thuật thu được đến ba lần.

Tôm ác quỷ tương đối hiếm. **Cần phải nghiên cứu thêm.** Chúng phải bị giam trong hồ nước có nồng độ muối đậm.

THỦY ÁC VONG

Thủy ác vong cũng là những sinh vật được phù thủy sử dụng, thường như là kẻ canh gác một nơi bí mật nào đó. Thủy ác vong được tạo thành từ những thủy thủ chết đuối, sử dụng tà thuật. Khi một thủy thủ chết đuối, linh hồn hắn bị trói buộc vào thể xác, thân xác đó không thối rữa nhưng lại trương phình và trở nên mạnh vô cùng. Dù bị mù (hai mắt đã bị cá ría), thủy ác vong có thính giác nhạy và định vị được nạn nhân khi vẫn ẩn chìm dưới nước. Một khi bị tóm, con mồi bị kéo xuống làn nước sâu và chết chìm trong khi xác bị xé từ từ.

TRÙNG

GHI CHÚ: Từ ”trùng” được viết với chữ “g” để đánh dấu thứ này khác với các loại trùn đất thông thường – Frederich Harper.

Trùng là những sinh vật nguy hiểm và có kích cỡ khác nhau: một số chỉ to bằng con chó nhỏ; số khác có kích thước bằng ngôi nhà. Một số có chân, đa số có đuôi, và tất cả đều hoang dại, hung dữ. Hàm dài và mồm đầy răng nanh có thể cắn đứt đầu hay cánh tay chỉ trong nháy mắt. Cũng có khả năng phun nọc độc chết chóc nhanh chóng thấm thấu qua da nạn nhân, với hậu quả chết người. Vài loại trùng thậm chí còn có cánh ngắn mập mạp; vì hàm chúng thường phun ra hơi nước, đôi khi người ta tin lầm chúng là loài rồng phun lửa.

Chủ yếu sống dưới nước, và mặc dù chuộng những hồ nước sâu, thỉnh thoảng chúng sống tạm trong đầm lầy hay sông ngòi.

Trùng hiếm thấy trong Hạt nhưng lại được tìm thấy trên vùng cực bắc của Hạt, từ những hồ nước xuôi về gần đến Caster.

Table of Contents

1. [CHƯƠNG 1: ĐỒNG SHI-LING CỦA NHÀ VUA](#)
2. [CHƯƠNG 2: CHÂN TƯỚNG SỰ THẬT](#)
3. [CHƯƠNG 3: BỨC HỒI ÂM ĐẾN MUỘN](#)
4. [CHƯƠNG 4: CỐI XAY](#)
5. [CHƯƠNG 5: TIẾNG THÉT CHÓI TẠI](#)
6. [CHƯƠNG 6: CHUYỆN VỀ VÙNG NƯỚC](#)
7. [CHƯƠNG 7: ĐẠP CHÂN ẾCH](#)
8. [CHƯƠNG 8: VỢ NGƯỜI ĐÁNH CÁ](#)
9. [CHƯƠNG 9: LẤN VÀ U!](#)
10. [CHƯƠNG 10: THƯ CỦA THẦY TRỪ TÀ](#)
11. [CHƯƠNG 11: NGÓN TAY MỤ PHÙ THỦY](#)
12. [CHƯƠNG 12: MORWENA](#)
13. [CHƯƠNG 13: VỊ ẨN SĨ XỨ CARTMEL](#)
14. [CHƯƠNG 14: KẼ TIÊU ĐỜI!](#)
15. [CHƯƠNG 15: NGÓN TAY NHẢY MÚA](#)
16. [CHƯƠNG 16: THEO DẤU MÁU](#)
17. [CHƯƠNG 17: ĐUỐI BẮT](#)
18. [CHƯƠNG 18: HAI TIN NHẮN](#)
19. [CHƯƠNG 19: CON GÁI NGƯỜI CHỜ SÀ LAN](#)
20. [CHƯƠNG 20: KHÔNG LỰA CHỌN](#)
21. [CHƯƠNG 21: LỜI NGUYỄN CHẶNG BUỘC](#)
22. [CHƯƠNG 22: NGƯỢC CHIỀU KIM ĐỒNG HỒ](#)
23. [CHƯƠNG 23: LỘ PHÙ THỦY](#)
24. [CHƯƠNG 24: CÔNG TRÌNH PHÍ CỦA](#)
25. [CHƯƠNG 25: GRIMALKIN](#)
26. [CHƯƠNG 26: ĐIỀU KHÔNG THỂ NGỜ](#)
27. [CHƯƠNG 27: CUỘC NGÃ GIÁ KHÓ KHĂN](#)
28. [CHƯƠNG 28: TRẬN CHIẾN TRÊN ĐÀM LẦY](#)

29. [CHƯƠNG 29: NƠI TỚ THUỘC VỀ](#)
30. [CHƯƠNG 30: CHIẾC SÀ LAN MÀU ĐEN](#)
31. [CHƯƠNG 31: MÁU CỦA AI?](#)
32. [GHI CHÉP CỦA THOMAS J. WARD](#)

